

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

□ □ □

NGUYỄN TẤN VINH

**HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU
LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM
ĐỒNG**

Chuyên ngành: *Quản lý Kinh tế*

Mã số: 62.34.01.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS. TS. PHAN KIM CHIẾN**
- 2. GS. TS. ĐÀM VĂN NHỤỆ**

Hà Nội - 2008

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
□ □ □**

NGUYỄN TẤN VINH

**HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU
LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM
ĐỒNG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - 2008

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình làm NCS K25 tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của Khoa Khoa học quản lý, Viện Sau đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Lâm Đồng, quý thầy, cô giáo, đồng nghiệp, bạn bè và gia đình đã tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, hướng dẫn nội dung và cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết. Mà đặc biệt là sự quan tâm của Thầy PGS.TS Phan Kim Chiến và Thầy GS.TS Đàm Văn Nhuệ đã tận tình hướng dẫn để giúp cho tôi hoàn thành được Luận án Tiến sĩ kinh tế này.

Cho phép tôi được gửi đến quý Trường, Khoa, Viện, quý Cơ quan, quý Thầy - Cô, các đồng nghiệp, bạn bè cùng gia đình lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất.

Kính

Nguyễn Tấn Vinh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là tác phẩm nghiên cứu độc lập của tôi, mọi tài liệu sử dụng đều có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng.

Người cam đoan

Nguyễn Tấn Vinh

MỤC LỤC

Phụ bìa	
Lời cảm ơn	2
Lời cam đoan	3
Mục lục	4
Danh mục các chữ viết tắt	5
Danh mục các bảng, sơ đồ, hình vẽ	6
<i>trên ®'i hũc kinh tŔ quèc d©n</i>	2
<i>trên ®'i hũc kinh tŔ quèc d©n</i>	3
2.2. thực trạng Quản Lý Nhà Nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001 - 2007.....	77
2.2.1. Thực trạng quản lý nhà nước về định hướng phát triển du lịch.....	77
2.2.1.1. Những nội dung chủ yếu của chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 1996 - 2010.....	77
2.2.1.2. Những nhận xét đánh giá qua 10 năm thực hiện chiến lược phát triển du lịch.....	81
Bảng 2.3. Giá trị GDP các ngành kinh tế của Lâm Đồng.....	81
Bảng 2.4. Số lượng khách du lịch đến Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007.....	81
82	
Hình 2.1: Thực tế phát triển khách du lịch giai đoạn 2001-2007.....	82
Bảng 2.5. Chênh lệch giữa dự báo và thực tế khách du lịch đến Lâm Đồng ...	82
thời kỳ 2000 - 2007.....	82
Bảng 2.6. Doanh thu ngành du lịch Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007.....	84
Bảng 2.7. So sánh doanh thu thực tế phát triển với dự báo quy hoạch.....	84
2.2.2.1. Chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Lâm Đồng.....	89
Bảng 2.8. Cơ cấu đầu tư vào các ngành kinh tế.....	91
2.2.2.2. Chính sách đất đai cho phát triển du lịch.....	93
2.2.2.3. Chính sách tài chính, tín dụng, giá cả đối với phát triển du lịch.....	94
Bảng 2.9. Thu ngân sách nhà nước và đóng góp ngân sách của ngành du lịch.	95
2.2.2.4. Chính sách quản lý tài nguyên và chất lượng du lịch.....	96
2.2.3. Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch.....	99
Theo điều 10 và điểm 4 điều 11 của Luật Du lịch năm 2005 quy định nội dung QLNN về du lịch và trách nhiệm QLNN về du lịch của UBND cấp tỉnh. Trên cơ sở 9 nội dung QLNN, trách nhiệm QLNN về du lịch của UBND cấp tỉnh và những nội dung nghiên cứu ở chương 1 của luận án này; tác giả tập trung đi sâu phân tích 7 nội dung chủ yếu đó là: Điều hành về đầu tư du lịch; Điều hành về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch; Điều hành phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có;	

Điều hành xúc tiến, mở rộng thị trường, liên kết phát triển du lịch; Điều hành sắp xếp các DNNN và hệ thống doanh nghiệp du lịch; Điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; Phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát.....	99
2.2.3.1. Điều hành về đầu tư du lịch.....	99
2.2.3.2. Điều hành về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch.....	103
2.2.3.3. Điều hành phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có.....	104
2.2.3.4. Điều hành xúc tiến, mở rộng thị trường, liên kết phát triển du lịch....	106
2.2.3.5. Điều hành sắp xếp các DNNN và hệ thống doanh nghiệp du lịch.....	109
2.2.3.6. Điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực....	113
Bảng 2.10. Nguồn lao động du lịch tỉnh Lâm Đồng.....	114
2.2.3.7. Phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát	117
2.3. Đánh giá chung thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	120
2.3.1. Về những kết quả đạt được trong công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.....	121
2.3.2. Những tồn tại, hạn chế của QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua.....	122
2.3.2.1. Những tồn tại, hạn chế trong công tác định hướng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua.....	122
2.3.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong nhiệm vụ tạo lập môi trường, khuôn khổ pháp lý cho phát triển du lịch ở địa phương.....	122
2.3.2.3. Những tồn tại hạn chế trong công tác tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.....	124
2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua.....	124
CHƯƠNG 3.....	128
HOÀN THIÊN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH	128
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG.....	128
3.1. Dự báo phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.....	128
Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nằm trong định hướng phát triển KT-XH của tỉnh; do đó định hướng phát triển du lịch phải gắn liền với mục tiêu phát triển KT-XH, có như vậy thì phát triển du lịch mới đáp ứng được nhu cầu phát triển các ngành kinh tế khác của tỉnh. Việc đưa ra các chỉ tiêu dự báo phát triển du lịch đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 nhằm mục đích đạt được mục tiêu phát triển KT-XH và để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng.	128

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020...	128
3.1.1.1. Bối cảnh tác động đến QLNN về kinh tế tỉnh Lâm Đồng	128
a) Chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước	128
b) Xu thế phát triển các vùng trong nước tác động đến Lâm Đồng.....	129
Bảng 3.1. Dự báo tăng trưởng và cơ cấu kinh tế cả nước.....	130
và vùng Tây Nguyên đến năm 2020.....	130
3.1.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.....	130
a) Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội.....	130
b) Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	132
3.1.2. Dự báo phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020.....	133
3.1.2.1. Quan điểm, phương hướng phát triển du lịch.....	133
3.1.2.2. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch.....	135
a) Những yếu tố thuận lợi cơ bản tác động đến phát triển du lịch	135
b) Những khó khăn thách thức cơ bản	137
Bảng 3.2. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	138
3.2. Phương hướng hoàn thiện Quản lý Nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới.....	141
3.2.2. Hướng hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển du lịch.....	158
3.2.2.1. Về chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư.....	159
3.2.2.2. Về chính sách tài chính - tín dụng, giá cả.....	161
3.2.2.3. Về chính sách đất đai.....	163
3.2.2.4. Chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường và yếu tố xã hội trong du lịch	165
3.2.3. Tổ chức điều hành và kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch.....	166
3.2.3.1. Tổ chức bộ máy và nhân sự cho phát triển du lịch.....	166
a) Tổ chức bộ máy và nhân sự của các cơ quan quản lý nhà nước	166
b) Tổ chức quản lý hệ thống doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch.....	168
3.2.3.2. Điều hành thực hiện quy hoạch.....	170
3.2.3.3. Thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng du lịch.....	172
3.2.3.4. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch.....	173
3.2.3.5. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch.....	175
3.3. Biện pháp bảo đảm thực hiện phương hướng hoàn thiện Quản lý nhà nước về du lịch tỉnh Lâm Đồng.....	175
3.3.1. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch.....	176
3.3.1.1. Về đào tạo cán bộ, công chức QLNN, cán bộ quản lý doanh nghiệp.	177
3.3.1.2. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch.....	178
3.3.2. Khai thác nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch.....	180
3.3.3. Cải cách thủ tục hành chính để phát triển du lịch	184

3.3.4. Xã hội hóa một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch.....	184
3.4. Kiến nghị với chính phủ và các bộ, ngành.....	185
KẾT LUẬN	188
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ.....	192
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	193
DANH MỤC PHỤ LỤC.....	2

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AFTA	Khu vực mậu dịch tự do Asean (ASEAN Free Trade Area)
APEC	Tổ chức Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (Asia Pacific Economic Cooperation)
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (Association of Southeast Asian Nations)
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐBĐTTS	Đông bào dân tộc thiểu số
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
HĐND	Hội đồng nhân dân
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MICE	Du lịch sự kiện (Meetings Incentives Conventions Exhibitions)
PATA	Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương (Pacific Asia Travel Association)
QLNN	Quản lý nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
UNWTO	Tổ chức Du lịch thế giới (World Tourism Organization)
WTO	Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization)

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ - HÌNH

<i>Bảng 2.1</i>	Dân số-Lao động tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2001 - 2007	68
<i>Bảng 2.2</i>	Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế thời kỳ 2001 - 2007	69
<i>Bảng 2.3</i>	Giá trị GDP các ngành kinh tế của tỉnh Lâm Đồng	76
<i>Bảng 2.4</i>	Số lượng khách du lịch đến Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007	77
<i>Bảng 2.5</i>	Chênh lệch giữa dự báo và thực tế khách du lịch đến Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007	77
<i>Bảng 2.6</i>	Doanh thu ngành du lịch Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007	79
<i>Bảng 2.7</i>	So sánh doanh thu thực tế phát triển với dự báo quy hoạch	79
<i>Bảng 2.8</i>	Cơ cấu đầu tư vào các ngành kinh tế	87
<i>Bảng 2.9</i>	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và đóng góp ngân sách của ngành du lịch	90
<i>Bảng</i>	Nguồn lao động du lịch tỉnh Lâm Đồng	108
<i>2.10</i>		
<i>Bảng 3.1</i>	Dự báo tăng trưởng và cơ cấu kinh tế cả nước và vùng Tây Nguyên đến năm 2020	124
<i>Bảng 3.2</i>	Dự báo một số chỉ tiêu phát triển du lịch đến 2020	132
<i>Hình 1.1</i>	Sơ đồ khái quát các hoạt động phát triển kinh tế địa phương	34
<i>Hình 2.1</i>	Thực tế phát triển khách du lịch giai đoạn 2001 - 2007	77
<i>Hình 2.2</i>	Dự báo khách du lịch theo quy hoạch tổng thể 1996 - 2010	78
<i>Hình 3.1</i>	Sơ đồ ma trận BCG	141
<i>Hình 3.2</i>	Sơ đồ các hướng chiến lược có thể lựa chọn cho danh mục sản phẩm du lịch	142

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trong những năm qua, ngành du lịch Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đang ngày càng khẳng định vị trí, vai trò của mình trong nền kinh tế quốc dân. Đồng thời trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế; ngành du lịch cũng đứng trước những thách thức to lớn, đòi hỏi phải có sự đổi mới, hoàn thiện quản lý nhà nước (QLNN) đối với ngành này để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế “mũi nhọn”.

Lâm Đồng là một tỉnh cao nguyên miền núi thuộc khu vực Tây Nguyên và giáp với tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước thuộc vùng kinh tế miền Đông Nam Bộ có lợi thế về khí hậu, tài nguyên và có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, nhất là các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng núi và tham quan thắng cảnh. Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh năm 1996 đến nay, tỉnh Lâm Đồng luôn xác định ngành du lịch là ngành kinh tế động lực của tỉnh và thực tiễn trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng đạt được nhịp độ tăng trưởng khá, góp phần làm cho tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ngày càng tăng và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh ngày càng rõ nét. Song cũng như các ngành kinh tế khác, ngành du lịch Lâm Đồng vẫn là một ngành chậm phát triển; chưa thực sự khai thác tiềm năng lợi thế so sánh vốn có của địa phương; bởi một mặt chưa đủ điều kiện để khai thác, mặt khác quan trọng hơn là QLNN đối với ngành du lịch còn có những bất cập, chưa thực sự tạo được môi trường kinh tế, pháp luật, xã hội thuận lợi để phát triển du lịch. Sự hạn chế, kém năng động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh, là hệ quả hay là sản phẩm tất yếu của quá trình QLNN về quy hoạch và thực hiện quy hoạch ngành, về quan điểm định hướng phát triển, về tư duy và cơ chế, chính sách phát triển ngành, về đầu tư và thu hút đầu tư của tỉnh. Từ nhiều năm trước đây, Nhà nước đã xác định Đà Lạt là một trong những trung tâm du lịch lớn của quốc gia; với điều kiện đặc thù của mình về khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và những

ưu đãi khác do thiên nhiên ban tặng cho Đà Lạt nói riêng và Lâm Đồng nói chung, nhưng hiện nay ngành du lịch vẫn chưa thực sự phát huy được lợi thế này, thể hiện trên một số mặt chủ yếu như: lượng du khách đến với Đà Lạt chưa nhiều, số ngày lưu trú bình quân và công suất buồng phòng còn thấp, mức tiêu dùng của khách khi đến Đà Lạt còn ở mức rất khiêm tốn, đóng góp của ngành du lịch cho ngân sách địa phương chưa nhiều, chưa giải quyết được nhiều việc làm cho nhân dân, cơ cấu của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế của tỉnh còn thấp. Nếu tình hình này kéo dài thì ngành du lịch khó có thể trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh. Do vậy, việc nghiên cứu một cách khoa học và có hệ thống để tìm ra những giải pháp QLNN nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng, để ngành này thực sự trở thành ngành kinh tế động lực trong tương lai gần, đồng thời góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh là yêu cầu và nhiệm vụ cấp thiết. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, tác giả chọn đề tài: "***Hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng***" để nghiên cứu là cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Để thực hiện đề tài luận án này, tác giả đã nghiên cứu một số nội dung về quản lý nhà nước về kinh tế nói chung, quản lý và kinh doanh du lịch, các tài liệu có liên quan đến ngành du lịch của các tác giả đã nghiên cứu về vấn đề này. Những tài liệu chủ yếu mà tác giả đã nghiên cứu đó là:

- Các công trình chủ yếu: Giáo trình Kinh tế Du lịch của tác giả Nguyễn Văn Đính - Trần Thị Minh Hòa, năm 2004, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội; Kinh tế Du lịch của tác giả Nguyễn Hồng Giáp, năm 2002, Nhà xuất bản Trẻ; Du lịch và Kinh doanh du lịch của tác giả Trần Nhật, năm 1996, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin Hà Nội; Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, năm 2001 của tác giả Đỗ Hoàn Toàn - Mai Văn Bru, Nhà xuất bản Giáo dục; Kinh tế học du lịch, năm 1993 của tác giả Robert Lanque, do Phạm Ngọc Uyển và Bùi Ngọc Chương dịch, Nhà xuất bản Thế giới; Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch, năm 2001 của tác giả Trần Văn Mậu, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; Kinh tế du lịch và Du lịch học, năm

2000 của tác giả Đổng Ngọc Minh - Vương Đình Lôi, do Nguyễn Xuân Quý dịch, Nhà xuất bản Trẻ; Nghiên cứu đề xuất đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch Việt Nam tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm, đề tài cấp Bộ năm 2006, của Đỗ Thanh Hoa chủ nhiệm đề tài; Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, năm 2006 của tác giả Lương Xuân Quý, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; Pháp lệnh Du lịch năm 1999 và Luật Du lịch năm 2005; các bài tham luận của Tổng giám đốc Sàigontourist - Nguyễn Hữu Thọ tại các hội nghị của ngành du lịch về nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để tăng sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế, về công tác đào tạo tại chỗ; v.v.

- Một số luận án tiến sĩ đã bảo vệ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có liên quan đến đề tài du lịch, như: Một số vấn đề về tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam của tác giả Trịnh Xuân Dũng, năm 1989; Những giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch trên địa bàn Hà Nội của tác giả Bùi Thị Nga, năm 1996; Những giải pháp cơ bản phát triển ngành du lịch Quảng Trị của tác giả Nguyễn Văn Dũng, năm 1997; Những điều kiện và giải pháp chủ yếu để phát triển Du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế mũi nhọn của tác giả Vũ Đình Thụy, năm 1997; Những giải pháp tổ chức và quản lý hệ thống khách sạn trên địa bàn Hà Nội của tác giả Võ Quế, năm 2001; Hoàn thiện quản lý nhà nước về lao động trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam của tác giả Hoàng Văn Hoan, năm 2002; Những giải pháp nhằm phát triển kinh doanh du lịch lữ hành trên địa bàn Hà Nội của tác giả Nguyễn Văn Mạnh, năm 2002; Phương hướng và một số giải pháp để đa dạng hoá loại hình và sản phẩm du lịch ở Quảng Nam- Đà Nẵng của tác giả Trương Sỹ Quý, năm 2003; Khai thác và mở rộng thị trường du lịch quốc tế của các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn Hà Nội của tác giả Phạm Hồng Chương, năm 2003. Điều kiện và các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch Campuchia thành ngành kinh tế mũi nhọn của Ouk Vanna, năm 2004; Một số giải pháp nâng cao chất lượng chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế đến Hà Nội của các công ty lữ hành trên

địa bàn Hà Nội của tác giả Lê Thị Lan Hương, năm 2004. Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng của tác giả Trần Tiến Dũng, năm 2006.

Qua nghiên cứu một số tài liệu liên quan, tác giả rút ra 2 vấn đề cơ bản đặt ra làm cơ sở cho nghiên cứu đề tài của mình:

Thứ nhất, việc nghiên cứu của các tác giả về du lịch có rất nhiều nội dung và đi vào từng lĩnh vực cụ thể của ngành du lịch, nhưng chủ yếu là tập trung vào các ngành nghề kinh doanh du lịch và phát triển ngành du lịch để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia hoặc địa phương. Các đề tài nghiên cứu QLNN về du lịch chỉ dừng lại ở phạm vi từng lĩnh vực trong ngành du lịch, chứ chưa nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện của ngành mà đặc biệt là QLNN về du lịch của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ví dụ như: phát triển du lịch lữ hành của một doanh nghiệp hoặc một địa phương, tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm trong các dịch vụ du lịch, quản lý nhà nước về lao động trong kinh doanh du lịch, ...

Thứ hai, tác giả của luận án này chọn đề tài QLNN về du lịch của một địa phương mà cụ thể là của tỉnh Lâm Đồng để nghiên cứu tìm ra giải pháp hoàn thiện QLNN đối với ngành du lịch địa phương là mở ra hướng nghiên cứu mới. Tác giả luận án này kế thừa và vận dụng những luận điểm các công trình của các tác giả nghiên cứu trước đây về từng lĩnh vực quản lý và kinh doanh của từng loại hình du lịch, dịch vụ du lịch từ đó đưa ra hướng nghiên cứu cho mình, đồng thời nghiên cứu này có ý nghĩa thiết thực cho công tác QLNN về du lịch của tỉnh Lâm Đồng nói riêng và cho địa phương cấp tỉnh nói chung nhằm phát triển ngành du lịch theo đúng hướng và đạt được mục tiêu đề ra. Chủ đề xuyên suốt của luận án là: QLNN đối với sự phát triển ngành du lịch trên địa bàn một tỉnh cụ thể. Theo logic thông thường luận án phải đề cập đến nội hàm của các khái niệm, nội dung cốt lõi của các lý thuyết. Điểm nổi bật của luận án là đã xử lý thành công sự giao thoa của các mảng lý luận về phát triển ngành du lịch, lý luận phát triển tăng trưởng kinh tế địa phương; lý luận quản lý ngành, kết hợp quản lý theo lãnh thổ, lý luận QLNN trong nền kinh tế thị trường định hướng

XHCN để xây dựng được cơ sở lý luận, phương pháp luận vững vàng cho toàn bộ luận án. Đích đến của luận án là vận dụng tổng hợp quan điểm, lý luận, kinh nghiệm quản lý, những cơ chế, chính sách hiện hành áp dụng vào điều kiện cụ thể của tỉnh Lâm Đồng để hoạch định chiến lược, kế hoạch, định hướng, loại hình du lịch, cơ chế, chính sách phù hợp, tính khả thi cao nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về du lịch để thực sự chiến lược phát triển du lịch của tỉnh với chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch cùng gặp nhau theo định hướng.

3. Mục đích và ý nghĩa nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở lý luận chung của QLNN về kinh tế nói chung, QLNN đối với ngành du lịch nói riêng. Đề tài sẽ đi sâu vào phân tích, đánh giá thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển và đưa ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về không gian: Toàn bộ các hoạt động QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
 - + Về thời gian: Đánh giá thực trạng QLNN đối với ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001-2007, trong đó có sử dụng tình hình và số liệu của giai đoạn trước để so sánh. Phương hướng, giải pháp hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

5. Các phương pháp nghiên cứu

Vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp hệ thống, phương pháp thống kê và so sánh. Đặc biệt là nghiên cứu thực tiễn tình hình của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch; thực tiễn tình hình QLNN về du lịch của một số cơ quan chức năng có liên quan đến QLNN về du lịch để có thể phân tích đúng thực trạng làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp.

6. Đóng góp của luận án

- Về lý luận: Hệ thống hoá QLNN về kinh tế và du lịch, trong đó tập trung vào QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt

là địa bàn cấp tỉnh); kinh nghiệm QLNN về du lịch của một số địa phương trong nước (từng lĩnh vực theo chức năng QLNN); các văn bản có liên quan đến QLNN về kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Trên cơ sở đó đề ra những vấn đề nghiên cứu để hoàn thiện QLNN về du lịch.

- Về thực tiễn: Đánh giá thực trạng tình hình QLNN về du lịch thông qua kết quả phát triển du lịch, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, đề ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN về du lịch để đưa ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng.

Kinh tế tỉnh Lâm Đồng trong nhiều năm qua đã đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân cao so với cả nước và một số địa phương khác trong cùng khu vực. Tuy nhiên, đến nay Lâm Đồng vẫn là một tỉnh thuộc nhóm kinh tế ít năng động, quy mô nền kinh tế nhỏ, không tự cân đối được ngân sách do xuất phát điểm của nền kinh tế thấp. Trong khi đó Lâm Đồng có lợi thế rất lớn về khí hậu, cảnh quan, môi trường... là tiềm năng cho phát triển du lịch; nhưng trong nhiều năm qua cũng như hiện nay Lâm Đồng vẫn chưa khai thác có hiệu quả lợi thế này nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thực trạng đó có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động nhưng nguyên nhân chính vẫn do định hướng chưa sát với thực tế và lộ trình chưa phù hợp. Xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn đó, đề tài nghiên cứu này có thể đạt được các kết quả sau:

- Trên cơ sở khẳng định QLNN địa phương về kinh tế nói chung, về du lịch nói riêng là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường, luận án làm rõ nội dung QLNN về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh.

- Luận án mô tả, phân tích thực trạng ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng và thực trạng QLNN của tỉnh Lâm Đồng đối với ngành du lịch trong thời gian qua. Từ đó đánh giá được kết quả, những hạn chế tồn tại, tìm ra được nguyên nhân của hạn chế về QLNN đối với ngành du lịch.

- Luận án xác định những cơ hội cũng như những thách thức mới trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện QLNN về du lịch trong thời gian tới để đạt được những mục tiêu phát triển du lịch như mong đợi.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề tài được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm
Đồng giai đoạn 2001-2007.

Chương 3: Hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

1.1. Du lịch, thị trường du lịch và phát triển du lịch

1.1.1. Du lịch và các đặc trưng của hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch đã có từ lâu trong lịch sử phát triển của loài người. Những năm gần đây du lịch phát triển nhanh ở nhiều nước trên thế giới. Đối với nhiều quốc gia, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, nguồn thu ngoại tệ lớn.

Tuy nhiên, khái niệm "Du lịch" được hiểu rất khác nhau bởi nhiều lẽ như:

- Xuất phát từ ngữ nghĩa của từ "Du lịch" được dùng ở mỗi nước. Trong ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga sử dụng các từ Tourism, Le Toursime, Typuzm. Do đó "du lịch" có nghĩa là: khởi hành, đi lại, chinh phục không gian. Ở Đức sử dụng từ Derfremdenverkehrs có nghĩa là lạ, đi lại và mối quan hệ. Do đó, ở Đức nhìn nhận du lịch là mối quan hệ, vận động đi tới các vùng, địa danh khác lạ của người đi du lịch.

- Xuất phát từ các đối tượng và nhiệm vụ khác nhau của các đối tượng đó khi tham gia vào "Hoạt động du lịch". Đối với người đi du lịch thì đó là cuộc hành trình và lưu trú ở một địa danh ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm thoả mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của mình. Đối với các chủ sở hữu kinh doanh du lịch thì đó là quá trình tổ chức các điều kiện sản xuất, dịch vụ phục vụ người đi du lịch nhằm đạt lợi nhuận tối đa. Đối với chính quyền địa phương có địa danh du lịch, thì đó là việc tổ chức các điều kiện về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật để phục vụ du khách; tổ chức các hoạt động kinh doanh đa dạng giúp đỡ việc lưu trú, việc hành trình của du khách; tổ chức tiêu thụ sản phẩm sản xuất tại địa phương, tăng nguồn thu cho dân cư, cho ngân sách, nâng cao mức sống của dân cư; tổ chức các hoạt động quản lý hành chính nhà nước bảo vệ môi trường tự nhiên, xã hội của vùng v.v..

- Xuất phát từ quan niệm và giác độ quan tâm của những người đưa ra định nghĩa:

Quan tâm đến cung du lịch, GS.TS Hunziker cho rằng: "Du lịch là tập hợp các mối quan hệ, hiện tượng phát sinh trong các cuộc hành trình và lưu trú của những người ngoài địa phương, nếu việc lưu trú đó không thành cư trú thường xuyên và

không liên quan đến hoạt động kiếm lời" quan niệm này đã bao quát nội dung du lịch nhưng lại thiếu phân loại cụ thể các mối quan hệ và chưa quan tâm đầy đủ đến các hoạt động tổ chức du lịch và sản xuất hàng hoá và dịch vụ đáp ứng cầu của du khách.

Như một sự bổ sung cho quan niệm trên, trường Tổng hợp Kinh tế thành phố Varna (Bungari) đưa ra định nghĩa: "Du lịch là một hiện tượng kinh tế, xã hội được lặp đi lặp lại đều đặn: chính là sản xuất và trao đổi dịch vụ, hàng hoá của các đơn vị kinh tế riêng biệt, độc lập; đó là tổ chức các xí nghiệp với cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên môn nhằm bảo đảm sự đi lại, lưu trú, ăn uống, nghỉ ngơi với mục đích thoả mãn các nhu cầu cá thể về vật chất, tinh thần của những người lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên (mà không có mục đích kiếm lời)".

Ở Mỹ, ông Michael Coltman quan niệm "Du lịch là sự kết hợp của 4 nhóm nhân tố trong quá trình phục vụ du khách bao gồm: Du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cư dân sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch".

Tổng hợp các quan niệm trước nay trên quan điểm toàn diện và thực tiễn phát triển của ngành kinh tế du lịch trên trường quốc tế và trong nước. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) đã nêu định nghĩa về du lịch như sau:

"Du lịch là một ngành kinh doanh bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và các nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải đem lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước (địa phương) làm du lịch và bản thân doanh nghiệp" [23, tr20].

Qua nghiên cứu các khái niệm, định nghĩa về du lịch từ trước đến nay. Tác giả xét thấy định nghĩa về du lịch của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là phù hợp với xu thế phát triển ngành du lịch hiện nay và phù hợp với đề tài nghiên cứu.

Theo định nghĩa trên, có thể thấy "Du lịch" có những đặc trưng nổi bật sau:

- Du lịch là tổng hợp thể của nhiều hoạt động: Du khách trong một chuyến du lịch, bên cạnh các nhu cầu đặc trưng (xuất phát từ mục đích chủ yếu của chuyến đi) là: tham quan, giải trí, nghỉ ngơi dưỡng sức, chữa bệnh v.v.. còn có nhiều nhu cầu như ăn, ngủ, đi lại, mua sắm hàng hoá, đồ lưu niệm, đổi tiền, gọi điện, gửi thư, tham

gia các dịch vụ vui chơi giải trí v.v.. Các nhu cầu trên do nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thông, bưu chính viễn thông v.v. đem lại. Do đó, hoạt động du lịch muốn có hiệu quả cao phải rất coi trọng, phối hợp, đồng bộ các hoạt động đa dạng, phong phú, liên tục xử lý các quan hệ nảy sinh giữa các bên: cung cấp dịch vụ, hàng hoá, khách du lịch và người tổ chức hoạt động du lịch một cách thông suốt, kịp thời trong không gian và thời gian.

Tính chất của các hoạt động phục vụ cho một chuyến du lịch lại rất khác nhau. Trước hết du lịch là một ngành kinh tế đang phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch ngày càng nhiều. Các sản phẩm du lịch ngày thêm phong phú và có chất lượng cao hơn.

Trong một chuyến du lịch có bao nhiêu mối quan hệ nảy sinh, ít nhất cũng là quan hệ qua lại của 4 nhóm nhân tố: du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cư dân sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch. Do đó, du lịch là một hoạt động mang tính xã hội, phát sinh, phát triển các tình cảm đẹp giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên.

Du lịch là một hoạt động có nội dung văn hóa, một cách mở rộng không gian văn hoá của du khách trên nhiều mặt: thiên nhiên, lịch sử, văn hóa qua các thời đại, của từng dân tộc v.v.

- Sản phẩm du lịch gồm cả yếu tố hữu hình (là hàng hoá) và yếu tố vô hình (là dịch vụ du lịch). Yếu tố vô hình thường chiếm 90%. Theo ISO 9004: 1991 "Dịch vụ là kết quả mang lại nhờ các hoạt động tương tác giữa người cung cấp và khách hàng, cũng nhờ các hoạt động của người cung cấp để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng". Dịch vụ là kết quả hoạt động không thể hiện bằng sản phẩm vật chất, nhưng bằng tính hữu ích của chúng và có giá trị kinh tế.

Du lịch là một ngành kinh tế dịch vụ - sản phẩm của ngành du lịch chủ yếu là dịch vụ, không tồn tại dưới dạng vật thể, không lưu kho lưu bãi, không chuyển quyền sở hữu khi sử dụng, tính không thể di chuyển, tính thời vụ, tính trọn gói, tính không đồng nhất... [24], [32], [40].

Chất lượng dịch vụ du lịch chính là sự phù hợp với nhu cầu của khách hàng, được xác định bằng việc so sánh giữa dịch vụ cảm nhận và dịch vụ trông đợi. Các

chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ là: sự tin cậy; tinh thần trách nhiệm; sự bảo đảm; sự đồng cảm và tính hữu hình. Trong 5 chỉ tiêu trên có 4 chỉ tiêu mang tính vô hình, 1 chỉ tiêu mang tính hữu hình (cụ thể biểu hiện ở điều kiện làm việc, trang thiết bị, con người, phương tiện thông tin), chỉ tiêu hữu hình là thông điệp gửi tới khách hàng về chất lượng của dịch vụ du lịch.

- Sản phẩm du lịch thường gắn bó với yếu tố tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp của cảnh quan thiên nhiên và thành quả lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho các hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch có thể trực tiếp hay gián tiếp tạo ra các sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch đang khai thác, tài nguyên du lịch chưa khai thác. Do đó, sản phẩm du lịch thường không dịch chuyển được, mà khách du lịch phải đến địa điểm có các sản phẩm du lịch tiêu dùng các sản phẩm đó, thoả mãn nhu cầu của mình. Có thể nói, quá trình tạo sản phẩm và tiêu dùng sản phẩm du lịch trùng nhau về thời gian và không gian. Điều đó cho thấy việc "thu hút khách" đến nơi có sản phẩm du lịch là nhiệm vụ quan trọng của các nhà kinh doanh du lịch, đó cũng là nhiệm vụ của chính quyền địa phương và nhân dân cư trú quanh vùng có sản phẩm du lịch, đặc biệt trong điều kiện tiêu dùng các sản phẩm du lịch có tính thời vụ (do tính đa dạng và trải rộng trên nhiều vùng của các sản phẩm đó).

- Có 3 yếu tố tham gia vào quá trình cung ứng và tiêu dùng sản phẩm du lịch, đó là: khách du lịch, nhà cung ứng du lịch và phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật.

Theo điểm 2, điều 10, chương I của Pháp lệnh Du lịch Việt Nam (ban hành năm 1999) "Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến", khách du lịch bao gồm: "Khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế", "Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, đi du lịch trong lãnh thổ Việt Nam", "Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch và công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch" [56].

Trong 3 yếu tố trên thì dường như những quy định về khách hàng là có những hạn chế, nó bỏ qua nhiều khía cạnh phức tạp, đặc biệt là khía cạnh tâm lý của khách hàng. Theo Luật Du lịch được Quốc hội thông qua năm 2005 thì khái niệm khách du lịch về cơ bản cũng giống như khái niệm của Pháp lệnh Du lịch. Nhưng quyền của khách du lịch đã được xác định rõ hơn, tại điều 35 quy định quyền của khách du lịch: “Lựa chọn hình thức du lịch lẻ hoặc du lịch theo đoàn; lựa chọn một phần hay toàn bộ chương trình du lịch, dịch vụ du lịch của tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch”, “Hưởng đầy đủ các dịch vụ du lịch theo hợp đồng giữa khách du lịch và tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch; được hưởng bảo hiểm du lịch và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật” [37].

Quyền của khách du lịch (theo Luật Du lịch) đã giải quyết được cơ bản quyền lợi của khách hàng khi tham gia du lịch; trên cơ sở đó các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch phải đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch phải có trách nhiệm tìm hiểu nhu cầu của khách du lịch (nhu cầu sinh lý, an toàn, giao tiếp xã hội, nhu cầu được tôn trọng, tự hoàn thiện) để cung ứng dịch vụ thoả mãn sự trông đợi của họ (sự tao nhã, sự sẵn sàng, sự chú ý cá nhân, sự đồng cảm, kiến thức, tính kiên định, tính đồng đội...).

Các nhà cung ứng du lịch bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho du khách. Thường được tổ chức theo mục tiêu tài chính hay theo quá trình.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch: trước hết, là toàn bộ cơ sở hạ tầng xã hội bảo đảm các điều kiện phát triển cho du lịch; tiếp đến, là phương tiện vật chất kỹ thuật do các tổ chức du lịch tạo ra để khai thác các tiềm năng du lịch, tạo ra các sản phẩm dịch vụ và hàng hoá cung cấp thoả mãn nhu cầu của du khách. Các yếu tố đặc trưng trong hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch là: hệ thống khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển, các công trình kiến trúc hỗ trợ. Đó là những yếu tố chính, trực tiếp để tạo ra các dịch vụ du lịch.

1.1.2. Thị trường du lịch

Sau khi đã nghiên cứu bản chất, đặc trưng của hoạt động du lịch chúng ta cần nghiên cứu tiếp những điểm cốt lõi về bản chất, đặc điểm, chức năng, các loại thị trường, cơ chế vận động của thị trường du lịch. Đối với các nhà kinh doanh thì

ngiên cứu thị trường du lịch giúp họ lựa chọn thị trường và thông qua nhu cầu thị trường mà quyết định tổ chức cung cấp các sản phẩm du lịch phục vụ du khách. Đối với các cơ quan QLNN, thị trường du lịch là công cụ để hoạch định chính sách quản lý phát triển du lịch. Thông qua định hướng, điều tiết cung, cầu du lịch nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên du lịch, thiết lập môi trường pháp lý thuận lợi, nhưng chặt chẽ bảo đảm cho các hoạt động du lịch đạt hiệu quả KT-XH cao, bảo vệ môi trường thiên nhiên, cảnh quan du lịch.

- Có thể hiểu thị trường du lịch là bộ phận của thị trường chung, một phạm trù của sản xuất và lưu thông hàng hoá, dịch vụ du lịch, phản ánh toàn bộ quan hệ trao đổi giữa người mua và người bán, giữa cung và cầu và toàn bộ các mối quan hệ, thông tin kinh tế, kỹ thuật gắn với mỗi quan hệ đó trong lĩnh vực du lịch.

Thị trường du lịch là bộ phận của thị trường hàng hoá nói chung nếu nó có đầy đủ các đặc điểm của thị trường. Tuy nhiên, do đặc thù của du lịch, nên thị trường du lịch có những đặc thù riêng, thể hiện tính độc lập tương đối của nó như: thị trường du lịch xuất hiện muộn; hàng hoá du lịch không thể vận chuyển đến nơi có nhu cầu du lịch; đối tượng mua bán không có dạng vật chất hiện hữu trước người mua (chủ yếu thông qua xúc tiến, quảng cáo); đối tượng mua bán rất đa dạng; quan hệ thị trường giữa người mua, người bán bắt đầu từ khi mua cho đến khi khách về nơi thường trú của họ. Sản phẩm du lịch không thể lưu kho, việc mua bán gắn với không gian và thời gian cụ thể, có tính thời vụ rõ rệt v.v..

Những đặc thù trên cần được nghiên cứu khi tiến hành quản lý.

- Thị trường du lịch có các chức năng sau:

Một là, chức năng thực hiện và công nhận:

Thị trường du lịch thực hiện giá trị hàng hoá thông qua giá cả. Chi phí sản xuất sản phẩm du lịch của từng doanh nghiệp chỉ được công nhận là chi phí xã hội cần thiết khi hành vi mua bán được thực hiện và kết thúc trên thị trường du lịch. Sản phẩm du lịch không bán được, hoặc không có người mua doanh nghiệp sẽ thua lỗ, phá sản. Nhiều doanh nghiệp thua lỗ thì ngành du lịch đi xuống.

Hai là, chức năng thông tin:

Thị trường du lịch sẽ cung cấp hàng loạt thông tin về cung, cầu, quan hệ cung cầu, số lượng cơ cấu, chất lượng, giá cả của sản phẩm du lịch. Đối với người bán các thông tin về cầu, cung của các đối thủ cạnh tranh là những thông tin giúp cho họ

quyết định chủng loại và quy mô tổ chức các hoạt động kinh doanh. Đối với người mua, các thông tin thị trường cũng giúp họ quyết định lựa chọn các chuyến đi.

Ba là, chức năng điều tiết, kích thích:

Chức năng này được thực hiện thông qua hệ thống đòn bẩy kinh tế như: giá cả, tỉ giá, lợi nhuận, lãi suất. Điều tiết kích thích cung, tạo nên những mặt hàng cung, cầu mới ngày càng cao hơn. Thị trường tác động đến người sản xuất, buộc sản xuất phải liên tục đổi mới để đáp ứng nhu cầu thị trường. Cạnh tranh trên thị trường làm cho sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, chất lượng cao hơn, giá cả hợp lý hơn. Kinh doanh du lịch có lợi nhuận cao thúc đẩy mở rộng đầu tư vào du lịch. Ngược lại, khi vòng đời sản phẩm du lịch kết thúc, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm giảm thì nhà đầu tư lại chuyển hướng đầu tư vào phát triển các sản phẩm khác. Thị trường du lịch gợi ý người tiêu dùng các sản phẩm du lịch mới, kích thích họ tạo nguồn kinh phí để đi du lịch. Hiệu ứng dây chuyền sẽ tạo nên sự phát triển chung của kinh tế và xã hội.

Việc nghiên cứu chức năng của thị trường trong một chuyên đề nghiên cứu về QLNN về du lịch có mấy vấn đề cần đặt ra: *Một là*, để điều tiết, kích thích nội dung nào Nhà nước làm thì tốt, nội dung nào dành cho thị trường. *Hai là*, Nhà nước thực hiện điều tiết, kích thích nhưng không thể sử dụng mệnh lệnh hành chính thuần túy mà vẫn phải sử dụng các công cụ thị trường.

Nghiên cứu thị trường du lịch không thể bỏ qua không nghiên cứu cung, cầu và quan hệ cung - cầu du lịch.

- Cầu trong du lịch là một bộ phận nhu cầu của xã hội có khả năng thanh toán về hàng hoá vật chất và dịch vụ du lịch đảm bảo sự đi lại, lưu trú tạm thời của con người ngoài nơi ở thường xuyên của họ, nhằm mục đích nghỉ ngơi, giải trí, tìm hiểu văn hoá, chữa bệnh, tham gia các chương trình đặc biệt và các mục đích khác. Cầu trong thị trường du lịch có những nét khác biệt so với cầu trong thị trường chung:

+ Về phạm vi thoả mãn nhu cầu: nhu cầu du lịch có thể được thoả mãn trên phạm vi quốc gia và quốc tế trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá.

+ Phải có sự tương xứng giữa khối lượng hàng hoá, dịch vụ du lịch với nhu cầu có khả năng thanh toán. Đó là những dịch vụ, hàng hoá bảo đảm cho sự đi lại, lưu trú, ăn uống, giải trí của khách du lịch và những dịch vụ, hàng hoá bổ sung khác.

+ Dịch vụ của các cơ sở phục vụ lưu trú, ăn uống không phải là mục đích của cầu trong du lịch nhưng nó là thành phần đáng kể trong khối lượng của cầu du lịch và quyết định chất lượng của chuyến đi du lịch.

Cầu du lịch được cấu thành bởi hai nhóm: cầu về dịch vụ du lịch và cầu về hàng hoá vật chất. Cầu về dịch vụ du lịch lại bao gồm: cầu về các loại dịch vụ chính; dịch vụ đặc trưng và dịch vụ bổ sung. Dịch vụ chính là: dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống. Dịch vụ đặc trưng là: dịch vụ thoả mãn nhu cầu cảm thụ, thưởng thức, đó là nhu cầu hình thành nên mục đích của chuyến đi. Thí dụ như nhu cầu: tâm lý, chữa bệnh, tìm hiểu thiên nhiên, xã hội.

Cầu về dịch vụ du lịch bổ sung là cầu về những dịch vụ phục vụ yêu cầu đòi hỏi rất đa dạng phát sinh trong chuyến đi của du khách, bao gồm, các dịch vụ thông tin, liên lạc, mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn, giặt là, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí... các dịch vụ này cần được đáp ứng kịp thời tại điểm du lịch.

Cầu về hàng hoá, gồm 2 nhóm: Hàng lưu niệm và hàng có giá trị kinh tế đối với khách du lịch.

Cầu trên thị trường du lịch có các đặc trưng chủ yếu sau: Cầu du lịch chủ yếu là cầu dịch vụ (70-80% chi phí du lịch là chi phí cho dịch vụ); cầu trong du lịch rất đa dạng, phong phú (tùy thuộc ý thích của từng cá nhân, từng nhóm dân cư...); cầu trong du lịch có tính linh hoạt cao (cơ cấu hàng hoá, dịch vụ biến động); cầu du lịch thì phân tán, cung lại cố định nên giữa cung, cầu có khoảng cách; cầu du lịch có tính chu kỳ.

Cầu du lịch chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: yếu tố tự nhiên; yếu tố văn hoá xã hội (tâm sinh lý cá nhân du khách, tuổi tác, giới tính, thời gian nhàn rỗi, dân cư, bản sắc văn hoá và tài nguyên nhân văn, trình độ văn hoá, nghề nghiệp...); các yếu tố liên quan đến kinh tế (thu nhập của dân cư, giá cả, tỉ giá); cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật; quá trình đô thị hoá; yếu tố chính trị; giao thông vận tải; các hoạt động xúc tiến, quảng cáo, môi trường...

- Cung trong du lịch là khả năng cung cấp dịch vụ và hàng hoá du lịch khác, nhằm đáp ứng các nhu cầu du lịch. Nó bao gồm toàn bộ hàng hoá du lịch (cả hàng hoá và dịch vụ du lịch) đưa ra thị trường. Ở đây cần phân biệt cung và sản phẩm du

lịch. Cung du lịch bao gồm toàn bộ số lượng hàng hoá (hàng hoá hiện vật và hàng hoá dịch vụ du lịch) mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời gian và không gian xác định. Sản phẩm du lịch bao gồm toàn bộ giá trị sử dụng thoả mãn nhu cầu du lịch nhất định. Như vậy sự khác nhau là ở chỗ có những giá trị tiêu dùng được tạo ra những tiêu dùng không qua thị trường thì chỉ là sản phẩm du lịch mà chúng không phải là cung du lịch.

Cung du lịch gồm 2 yếu tố cơ bản là khả năng và ý muốn sẵn sàng bán hàng hoá vật chất và dịch vụ du lịch của người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời gian và không gian xác định. Sản phẩm du lịch bao gồm toàn bộ giá trị sử dụng thoả mãn nhu cầu du lịch nhất định. Như vậy sự khác nhau là ở chỗ có những giá trị tiêu dùng được tạo ra những tiêu dùng không qua thị trường thì chỉ là sản phẩm du lịch mà chúng không phải là cung du lịch.

Cung du lịch gồm 2 yếu tố cơ bản là khả năng và ý muốn sẵn sàng bán hàng hoá vật chất và dịch vụ du lịch của người bán. Người bán có hàng hoá du lịch có thể bán nếu được giá, có thể chưa bán vì chưa thoả thuận được giá cả phù hợp. Như vậy cung du lịch là toàn bộ mối quan hệ giữa lượng cung và giá cả trong khoảng thời gian và không gian nhất định. Cung du lịch là đại lượng có thể xác định số lượng và chất lượng. Cung du lịch được tạo ra từ: tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch, các dịch vụ phục vụ du khách, hàng hoá cung cấp cho du khách.

Cung du lịch có các đặc trưng cần phân biệt với các dạng hàng hoá thông thường khác nhau: cung du lịch chủ yếu không tồn tại ở dạng hiện vật (chủ yếu là dịch vụ), cung du lịch rất khó thay đổi tương ứng với biến động của thị trường; cung du lịch thường có hạn trong một thời điểm nhất định, muốn giảm thiểu ảnh hưởng của sự hạn chế đó cần có sự phối hợp giữa các doanh nghiệp trong toàn ngành, doanh nghiệp du lịch có tính chuyên môn hoá cao.

Nói đến cung du lịch là số tổng cộng của cung cá nhân, tham gia bán trên thị trường. Tuy nhiên khi định lượng tổng mức cung du lịch, cần quan tâm đến các mức cung của thành phần trung gian (vì các đại lý du lịch thường chỉ làm nhiệm vụ chuyển bán, ít khi trực tiếp sản xuất). Luật cung xác định quan hệ hàm số giữa lượng cung với biến số giá cả và yếu tố khác như: sự phát triển của lực lượng sản

xuất, sự tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sự phát triển quan hệ sản xuất, các yếu tố của sản xuất, số lượng người sản xuất, các kỳ vọng của họ, mức độ tập trung hoá của cung, các tác động của hệ thống QLNN (như các chính sách, luật lệ...) và đặc biệt ảnh hưởng của cầu du lịch đến sự gia tăng số lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm du lịch.

- Cân bằng cung - cầu và giá cả thị trường:

Cung, cầu, giá cả thị trường của hàng hoá du lịch có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá du lịch trên thị trường. Trên thị trường du lịch người mua đại diện cho cầu du lịch, người bán đại diện cho cung du lịch. Trên thị trường người mua, người bán thoả thuận với nhau số lượng, cơ cấu, chất lượng hàng hoá du lịch và giá cả của các hàng hoá đó. Tại điểm lượng cung, lượng cầu bằng nhau được gọi là điểm cân bằng. Giá cả tương ứng tại đó gọi là giá cân bằng: Trạng thái có lượng cung, lượng cầu bằng nhau, giá cả là giá cân bằng gọi là trạng thái cân bằng thị trường. Khi giá cả tăng, cung tăng vượt cầu. Sự dư thừa cung sẽ đưa giá cả trở lại giá cân bằng. Ngược lại, khi giá cả giảm, cầu vượt cung giá cả có xu hướng tăng, trở lại giá cân bằng. Cứ như vậy, trạng thái cân bằng được xác định với giá cả cân bằng và sản lượng cân bằng. Cung, cầu luôn vận động, biến đổi trên thị trường. Mối quan hệ tác động qua lại giữa cung, cầu về số lượng hàng hoá với giá cả thị trường hình thành nên quy luật cung, cầu. Quy luật cung cầu có tác dụng điều tiết sản xuất và tiêu dùng, biến đổi dung lượng, cơ cấu thị trường du lịch và quyết định giá cả thị trường du lịch.

1.1.3. Phát triển du lịch, các xu hướng phát triển du lịch

1.1.3.1. Quan niệm về phát triển du lịch

Phát triển du lịch có thể được nhận thức đầy đủ khi nghiên cứu 5 nội dung sau:

Thứ nhất, là sự tăng trưởng. Những chỉ tiêu quan trọng nhất thể hiện sự tăng trưởng là: Mức gia tăng lượng khách du lịch; Mức tăng thu nhập từ du lịch; Mức tăng quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật; số lượng việc làm tăng thêm từ phát triển du lịch.

Thứ hai, mức độ thay đổi phương thức tiến hành các hoạt động du lịch theo hướng ngày càng hiện đại và hiệu quả đem lại từ các hoạt động du lịch đó. Cụ thể là những sản phẩm du lịch, những hướng phát triển hiệu quả có tốc độ phát triển

nhanh, những công nghệ, phương thức phục vụ hiện đại có năng suất cao được chú trọng phát triển; cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch được đầu tư có hiệu quả bảo đảm sự phát triển có tính bền vững cao.

Thứ ba, mức độ và chất lượng tham gia của du khách, dân cư và chính quyền địa phương cũng như các nhà kinh doanh du lịch và quá trình phát triển ngày càng tự giác, tích cực trên cơ sở tinh thần cộng đồng và sự hài hòa về lợi ích.

Thứ tư, phát triển du lịch hiện tại không làm tổn hại đến khả năng hưởng thụ du lịch của các thế hệ tương lai.

Thứ năm, phát triển du lịch phải bảo đảm sự hài hoà giữa 3 mục tiêu: kinh tế - xã hội và môi trường. Về kinh tế phải bảo đảm duy trì nhịp tăng trưởng theo thời gian và sự tăng trưởng phải dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả cao chứ không phải chỉ dựa trên sự gia tăng của các yếu tố đầu vào. Về mặt xã hội, ít nhất phải được hiểu trên cơ sở quan điểm toàn diện và bình đẳng giữa những người, giữa các bên tham gia vào quá trình hoạt động du lịch không phải chỉ là thu nhập và trên tất cả các phương diện khác. Tiếp đến phải quan tâm đến sự bình đẳng giữa các thế hệ. Mở rộng cơ hội lựa chọn hưởng thụ các sản phẩm du lịch của thế hệ hôm nay, nhưng không làm tổn hại đến cơ hội lựa chọn của thế hệ mai sau. Về mặt môi trường, chứa đựng tư tưởng cơ bản sau: các quyết định khai thác tài nguyên du lịch đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên phải bảo tồn, tái sinh các hệ sinh thái, bảo đảm chất lượng môi trường cho hiện tại và cho tương lai; bảo đảm sự phối hợp giữa các hoạt động kinh doanh du lịch với các hoạt động kinh tế, xã hội khác v.v..

1.1.3.2. Các điều kiện phát triển du lịch

Sự phát triển của du lịch đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. QLNN sự phát triển du lịch có nhiệm vụ quan trọng là tạo ra và bảo đảm các điều kiện đó.

- Trước hết là các điều kiện chung, bao gồm: các điều kiện chung đối với sự phát triển của hoạt động đi du lịch (như: thời gian rỗi của dân cư; mức sống vật chất và trình độ văn hoá chung của người dân cao; điều kiện giao thông phát triển; điều kiện chính trị ổn định, hoà bình); các điều kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh du lịch (như: tình hình phát triển kinh tế của đất nước; điều kiện chính trị ổn định, sự an toàn của du khách).

- Tiếp đến, là các điều kiện đặc trưng - các điều kiện cần thiết đối với từng nơi, từng vùng. Đầu tiên phải kể đến là điều kiện về tài nguyên du lịch. Đây là điều kiện cần thiết, bởi vì không có tài nguyên du lịch thì khó có thể phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch có thể do thiên nhiên ban tặng, cũng có thể do con người tạo ra. Các tài nguyên thiên nhiên thường do: địa hình đa dạng, phong phú; khí hậu ôn hoà, mát mẻ, thuận lợi cho nghỉ dưỡng; động thực vật phong phú, đặc sắc; tài nguyên nước; vị trí địa lý mang lại. Tài nguyên nhân văn là các giá trị văn hoá, lịch sử, các thành tựu chính trị, kinh tế có ý nghĩa đặc trưng cho phát triển du lịch ở một vùng, một địa danh nào đó có sức hấp dẫn khách du lịch đến với các mục đích khác nhau.

- Các điều kiện phục vụ khách du lịch vô cùng quan trọng gồm: các điều kiện về tổ chức chung như: sự sẵn sàng chuyên nghiệp của bộ máy tổ chức Nhà nước chung và chuyên ngành với hệ thống thể chế quản lý đầy đủ, hợp lý và đội ngũ cán bộ với số lượng, cơ cấu, trình độ cao v.v..). Hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh như khách sạn, lữ hành, vận chuyển và các dịch vụ khác. Các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm cơ sở vật chất thuộc hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật thuộc ngành du lịch.

- Các điều kiện về kinh tế bao gồm các điều kiện bảo đảm các nguồn lực, việc thiết lập và mở rộng các quan hệ kinh tế v.v..

- Các điều kiện, sự kiện đặc biệt gắn liền với sự năng động sáng tạo của chính quyền và ngành du lịch tạo nên.

1.1.3.3. Các xu thế cơ bản trong phát triển du lịch

Du lịch phát sinh từ khi ngành thủ công tách ra khỏi nông nghiệp. Ngày nay, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế lớn nhất thế giới, ở nhiều quốc gia du lịch là ngành kinh tế hàng đầu. Trong những năm tới dự đoán du lịch sẽ phát triển theo các xu hướng sau:

a) Xu hướng phát triển của cầu du lịch

Sự phát triển của cầu du lịch dự đoán theo 6 xu hướng sau:

- Nhu cầu du lịch ngày càng tăng, du lịch trở thành một tiêu chuẩn đánh giá mức sống của dân cư.

- Du lịch quốc tế phát triển, phân bố các luồng khách, hướng du lịch thay đổi. Châu Á ngày càng thu hút nhiều khách du lịch, trong khi lượng khách đến châu Âu, châu Mỹ có xu hướng giảm tương đối.

- Cơ cấu chi tiêu của du khách thay đổi theo hướng tỷ trọng chi tiêu cho các dịch vụ cơ bản giảm tương đối, trong lúc tỷ trọng chi tiêu cho các dịch vụ bổ sung tăng lên.

- Du khách có nhu cầu thay đổi hình thức tổ chức chuyến đi theo hướng tự do hơn, đa dạng hơn.

- Sự hình thành các nhóm du khách theo độ tuổi với các mục đích và nhu cầu khác nhau.

- Du khách có nhu cầu đi du lịch nhiều địa điểm trong một chuyến du lịch [23]. Những xu thế phát triển cầu du lịch cần phải được nghiên cứu để kịp thời đáp ứng.

b) Các xu thế phát triển của cung du lịch

Có nhiều nhân tố chi phối sự phát triển của cung du lịch, trong đó, đặc biệt là sự chi phối của cầu du lịch và sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành. Những năm tới đây dự đoán các xu hướng phát triển cung du lịch như sau:

- Danh mục sản phẩm du lịch được mở rộng, phong phú, có nhiều sản phẩm độc đáo.

- Hệ thống tổ chức bán sản phẩm du lịch cũng phát triển, có nhiều hình thức tổ chức du lịch phù hợp với nhu cầu du lịch đa dạng.

- Vai trò của tuyên truyền quảng cáo trong du lịch ngày càng được nâng cao.

- Ngành du lịch ngày càng được hiện đại hoá trên tất cả các khâu.

- Xu hướng quốc tế hoá trong phát triển du lịch là tất yếu khách quan. Các quốc gia, các địa phương có xu hướng giảm thiểu các thủ tục hành chính tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

- Tính thời vụ trong du lịch ngày càng được khắc phục [23].

1.2. Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh

1.2.1. Khái quát về cơ sở lý thuyết của quản lý nhà nước về kinh tế

Kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó quan hệ thị trường quyết định sự phân bổ các nguồn lực, thông qua hệ thống giá cả. Câu hỏi đặt ra là: thị trường phân bổ nguồn lực có hiệu quả thì tại sao Nhà nước lại phải can thiệp vào các hoạt động kinh tế. Có thể khẳng định rằng: tuy không thể thay thế thị trường, nhưng Nhà nước có hoàn thiện các hoạt động thị trường. Bởi khi thực hiện QLNN tác động vào nền

kinh tế thị trường để hướng sự vận hành của nền kinh tế đó theo các mục tiêu đề ra. Hơn nữa, bản thân "bàn tay vô hình" cần được Nhà nước bảo vệ (thị trường chỉ vận hành tốt nếu như quyền sở hữu được tôn trọng). Đặc biệt trong một số trường hợp bản thân thị trường cũng gặp những "thất bại". Thí dụ như vấn đề môi trường sống, giải quyết các mục tiêu xã hội có những hạn chế.v.v.. Những phân tích kể trên không phải đến J.M. Keynes vai trò Nhà nước mới được quan tâm, mà ngay Adam Smith cũng khẳng định vai trò của Nhà nước ít nhất ở 3 loại chức năng: xây dựng và bảo đảm môi trường hòa bình; thực hiện vai trò là trọng tài, đem lại tự do, bình đẳng cho các thành viên; cung cấp, duy trì, phát triển hàng hoá công cộng.

Từ 1936-1970 vai trò "sửa chữa" các khiếm khuyết của thị trường được công nhận. Tuy nhiên, sau những năm 1970 "vai trò Nhà nước" mất dần tính hấp dẫn, sự thất bại của vai trò can thiệp của Nhà nước ngày càng được nhìn nhận rõ nét hơn. Dựa trên các bằng chứng thực nghiệm ở các nước đang phát triển đã có nhiều ý kiến phê phán sự can thiệp quá mức của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế. Có thể nêu lên các nguyên nhân thất bại của sự can thiệp quá sâu của Nhà nước là: Nhà nước gắn quyền lực với bộ máy tư pháp, hành pháp đồ sộ, khuynh hướng quan liêu là có thật; các nhà chính trị và các tác nhân khác chạy bôn và tư lợi kiểm soát việc phân bổ nguồn lực theo lợi ích của họ; hiện tượng tham nhũng của các quan chức; đội ngũ cán bộ hiểu biết và có năng lực quản lý còn thiếu; thiếu kiến thức thực tiễn quản lý khu vực kinh tế tư nhân. Từ đó, các nhà lý thuyết tân cổ điển kiến nghị nêu "Tối thiểu hoá vai trò kinh tế của Nhà nước". Nhà nước nên để cho cơ chế giá cả trong các thị trường cạnh tranh xác định sản xuất cái gì? và sản xuất bao nhiêu? vấn đề là định giá đúng.

Đến cuối những năm 1980, các nhà tân cổ điển buộc phải xem lại lý thuyết của mình về vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước. Khi đặt vấn đề Nhà nước hay thị trường? Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hay doanh nghiệp tư nhân? Các nhà tân cổ điển đã thấy là ngày nay ranh giới giữa chúng không rõ ràng, thực tế là chế độ sở hữu hỗn hợp đang tồn tại và phát triển. Hơn thế dù là thị trường cũng cần có một khuôn khổ pháp luật do Nhà nước đặt ra. Có thể nói các quyền và trách nhiệm pháp

lý cũng quan trọng như hệ thống trao đổi hàng hoá của thị trường vậy. Như vậy vấn đề không chỉ là sự lựa chọn giữa Nhà nước hay thị trường; mà quan trọng là Nhà nước phải tự xác định hợp lý chức năng, nhiệm vụ của mình, xác định rõ mức độ và hình thức can thiệp vào nền kinh tế nhằm khai thác triệt để các lợi thế, đồng thời khắc phục những thất bại của cả Nhà nước lẫn thị trường. Ở các nước đang chuyển sang cơ chế thị trường, có được những thành tựu kinh tế. Nhưng ở những nước này không hề giảm nhẹ nhu cầu về chính sách và thể chế công. Các vấn đề được quan tâm là: cách thức hoạt động của Nhà nước; các quan hệ Nhà nước với khu vực tư nhân; và sự điều chỉnh liên tục của Nhà nước về chính sách và thể chế công cho phù hợp với môi trường thường xuyên thay đổi.

1.2.2. Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh

1.2.2.1. Quản lý nhà nước về kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trước khi đi sâu nghiên cứu nội dung, phương pháp, công cụ QLNN đối với các hoạt động du lịch cần nghiên cứu khái quát QLNN về kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN).

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCHN là nền kinh tế hướng tới mục tiêu tổng quát là thực hiện "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đó là nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần. Doanh nghiệp dù ở thành phần kinh tế nào cũng được bình đẳng trong quá trình tiếp cận các nguồn lực phát triển cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quản lý kinh tế thực hiện sự kết hợp giữa phát huy tác dụng của cơ chế thị trường trong việc phân bổ các nguồn lực; điều tiết sản xuất và kích thích phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động với tăng cường vai trò định hướng quản lý của Nhà nước XHCHN; đặc biệt sử dụng tốt công cụ kế hoạch hoá và quản lý vĩ mô thông qua các chương trình mục tiêu chiến lược dài hạn, trung hạn, cũng như kế hoạch hàng năm theo phương thức: thị trường điều tiết trực tiếp sản xuất và doanh nghiệp thông qua quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh; kết hợp phân phối theo lao động với mức độ góp vốn và nguồn lực khác.

QLNN về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm các mục tiêu cụ thể sau: Thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hiện công bằng xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô.

Chức năng QLNN về kinh tế là việc Nhà nước sử dụng quyền lực của mình để thực hiện quản lý nền kinh tế, đó là: 1. Định hướng phát triển kinh tế đất nước (hoặc địa phương); 2. Tạo lập môi trường kinh doanh; 3. Điều tiết nền kinh tế, xã hội; 4. Kiểm tra, giám sát. Để thực hiện các chức năng của mình, Nhà nước thể hiện đặc trưng riêng có của quyền lực Nhà nước trong việc tác động (có lựa chọn) vào nền kinh tế theo các mục tiêu trong từng giai đoạn cụ thể bằng những nhiệm vụ. Trong giai đoạn hiện nay vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước rất quan trọng bởi: Nhà nước phải tạo điều kiện, thúc đẩy hình thành thị trường, thể chế kinh tế thị trường; Nhà nước bảo đảm các điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả; Nhà nước còn phải sử dụng kinh tế thị trường phục vụ cho các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Các nhiệm vụ mà Nhà nước phải thực hiện theo chức năng QLNN về kinh tế gồm:

- Trong chức năng thứ 1, thông qua các công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển KT-XH (chương trình mục tiêu).

- Trong chức năng thứ 2, là phải ban hành luật, chính sách tức là cung cấp một khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, nhất quán, minh bạch; đồng thời tổ chức thực thi có hiệu quả những luật lệ đó, điều đó bao hàm cả việc bảo đảm có một định chế, cưỡng ép, áp đặt thi hành luật pháp. Tạo điều kiện phát triển thị trường (tạo thị trường). Phát triển hạ tầng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội (ở đây Nhà nước cần khai thông tiềm năng của khu vực tư nhân với tư cách là nguồn bổ sung cho Nhà nước trong nhiệm vụ cung ứng kết cấu hạ tầng và các dịch vụ xã hội). Đào tạo nguồn nhân lực. Tổ chức, cung cấp thông tin.v.v..

- Trong chức năng thứ 3, Nhà nước thực hiện các chính sách cung cấp dịch vụ công, tức là cung ứng hàng hoá công cộng (những hàng hoá mà thị trường không cung ứng hoặc cung ứng không đầy đủ); cung ứng các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, các dịch vụ xã hội khác. Thực hiện chính sách phân phối và tái phân phối. Chính sách phát triển vùng, miền, lãnh thổ. Thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, hạn chế sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền, bảo đảm công bằng xã hội.v.v..

- Trong chức năng thứ 4, Nhà nước thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế, chế tài, khen thưởng, kỷ luật.v.v..; trong đó nội dung chủ yếu là việc thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước, , bảo vệ tài nguyên môi trường và cân bằng sinh thái; bảo đảm môi trường kinh tế vĩ mô ổn định. Đặc biệt quan tâm đến những rào cản làm chậm quá trình hình thành thể chế thị trường, làm méo mó các quan hệ kinh tế thị trường, cản trở sự phát triển.

Sau khi xác định chuẩn xác mục tiêu quản lý thì việc lựa chọn phương pháp và công cụ quản lý thích hợp là nhiệm vụ quan trọng bảo đảm việc điều hành nền kinh tế thông suốt và hiệu quả.

Phương pháp QLNN về kinh tế là tổng thể những tác động có chủ đích của Nhà nước lên nền kinh tế quốc dân và các bộ phận hợp thành của nó để thực hiện các mục tiêu nhất định. Phương pháp quản lý có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành bại trong các hoạt động quản lý của Nhà nước về kinh tế. Các phương pháp quản lý chủ yếu là: phương pháp hành chính, phương pháp kinh tế, phương pháp giáo dục [6].

- Phương pháp hành chính là phương pháp mà Nhà nước tác động trực tiếp (thông qua các quyết định có tính bắt buộc) lên đối tượng quản lý. Nói một cách khác là sử dụng quyền lực của Nhà nước để tạo ra sự phục tùng của các cá nhân và tổ chức trong hoạt động quản lý kinh tế. Phương pháp hành chính cực kỳ quan trọng bởi lẽ nó xác lập trật tự, kỷ cương làm việc của hệ thống, là khâu kết nối các phương pháp khác và có khả năng giải quyết vấn đề nhanh chóng.

- Phương pháp kinh tế trong QLNN về kinh tế là phương pháp mà Nhà nước tác động gián tiếp vào các đối tượng quản lý (qua việc tác động vào lợi ích của họ). Nói một cách khác là: Nhà nước thông qua các cơ chế, chính sách, công cụ, biện pháp kinh tế tác động đến lợi ích của các thành viên tham gia vào nền kinh tế từ đó họ tự lựa chọn phương án hoạt động vừa bảo đảm lợi ích riêng, vừa bảo đảm lợi ích chung. Phương pháp kinh tế tạo ra sự quan tâm vật chất thiết thân, tạo ra động lực kích thích thúc đẩy con người tích cực, chủ động, sáng tạo trong hoạt động.

- Phương pháp giáo dục là phương pháp mà Nhà nước tác động vào đối tượng quản lý (thông qua tác động vào nhận thức, tình cảm của con người) qua đó mà thúc đẩy tính tự giác, tích cực nhiệt tình của con người trong các hoạt động kinh tế. Nói

một cách khác là, Nhà nước thông qua việc vận dụng các quy luật tâm lý, sử dụng các công cụ tuyên truyền giáo dục nâng cao trình độ hiểu biết về chuyên môn, khoa học và xã hội... từ đó, nâng cao tính tự giác, tích cực làm việc của con người. Phương pháp này quan trọng, vì thực chất quản lý là quản lý con người, mà con người là một thực thể năng động, tổng hoà của các quan hệ xã hội. Do đó các tác động tâm lý tinh thần có tác động mạnh mẽ.

Công cụ quản lý của Nhà nước là tất cả các phương tiện mà Nhà nước sử dụng để tác động lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý. Các công cụ chủ yếu mà Nhà nước sử dụng để quản lý nền kinh tế thị trường là: hệ thống pháp luật; kế hoạch hoá; và các chính sách kinh tế...

- Pháp luật chính là hệ thống các quy tắc ứng xử có tính chất bắt buộc do Nhà nước đặt ra, thực thi và bảo vệ, nhằm bảo toàn và phát triển xã hội theo các định hướng đã định. Thực tế có hai loại văn bản điều chỉnh các hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động kinh tế: văn bản quy phạm pháp luật (gồm: Luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, nghị quyết, thông tư, chỉ thị được các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương ban hành), văn bản áp dụng quy phạm pháp luật.

- Kế hoạch hoá vẫn là một công cụ quan trọng của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên cần khắc phục tính mệnh lệnh, áp đặt, kế hoạch chủ yếu có tính định hướng. Kế hoạch hoá bao gồm các nội dung đang hoạt động sau: chiến lược phát triển KT-XH; quy hoạch phát triển KT-XH; kế hoạch trung hạn; kế hoạch hàng năm, chương trình, dự án.

- Chính sách phát triển KT-XH là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng tác động lên các chủ thể KT-XH nhằm thực hiện các mục tiêu nhất định theo hướng các mục tiêu tổng quát của đất nước. Hệ thống chính sách phát triển kinh tế bao gồm: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, tín dụng; chính sách phân phối; chính sách kinh tế đối ngoại; chính sách cơ cấu kinh tế; chính sách phát triển các ngành; chính sách cạnh tranh; chính sách phát triển thị trường v.v.. Chính sách xã hội gồm: chính sách lao động, việc làm; xoá đói giảm nghèo; chính sách dân số v.v.. Chính sách có thể do Quốc hội quyết định, cũng có thể do Chính phủ và các địa phương quyết định.

1.2.2.2. Quản lý nhà nước về phát triển kinh tế địa phương

QLNN về kinh tế bao gồm quản lý theo ngành kinh tế kỹ thuật và quản lý theo vùng lãnh thổ (vùng lãnh thổ ở đây được giới hạn trong phạm vi là một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc các địa phương trong cùng một tỉnh). Vùng là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, nơi cư trú của cộng đồng dân cư và là nơi diễn ra các hoạt động KT-XH khác nhau. Để nghiên cứu sự phát triển KT-XH của cả nước không thể không nghiên cứu sự phát triển đặc thù của mỗi vùng. Ngày nay nghiên cứu vùng là một lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, là đối tượng nghiên cứu của tất cả các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội. Vùng là một đối tượng phát triển kinh tế tổng hợp gồm nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Trong đó, có những ngành nghề mũi nhọn, phát huy ưu thế, thể hiện sắc thái riêng có của vùng; đồng thời vùng phải có cơ cấu kinh tế hợp lý để đáp ứng kịp thời, có hiệu quả hướng tới việc nâng cao phúc lợi của dân cư địa phương. Quản lý kinh tế trên một vùng là quản lý sự phát triển của từng ngành trong phạm vi địa phương, gắn sự phát triển đó với sự phát triển chung của từng ngành xuyên suốt cả nước. Đồng thời bảo đảm sự phát triển hài hoà của tổng thể kinh tế vùng, bằng cách phối hợp sự phát triển cân đối, nhịp nhàng giữa các ngành, các lĩnh vực, giải quyết việc làm, thu nhập và nâng cao phúc lợi dân cư, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm an toàn xã hội.

Quản lý sự phát triển KT-XH vùng có hiệu quả đòi hỏi phải có chủ thể trực tiếp thực thi các hoạt động quản lý. Thực tiễn ở nước ta, cũng như ở nhiều nước khác: các vùng hành chính - kinh tế cấp bang (ở một số nước), cấp tỉnh, thành phố (ở Việt Nam cũng như ở một số nước) là vùng kinh tế cấp chiến lược, đủ điều kiện thể hiện sự khác biệt. Ở các vùng hành chính - kinh tế cấp tỉnh lại có cấp chính quyền tương ứng trực tiếp là chủ thể thực thi các hoạt động quản lý, đặc biệt ở cấp này đã có một hệ thống tư liệu, tài liệu, số liệu thống kê phục vụ cho công tác nghiên cứu, quản lý. Những vùng hành chính - kinh tế cấp bang, tỉnh như trên có tên là địa phương để phân biệt với các vùng được phân loại các tiêu thức khác.

Luận án này, tác giả nghiên cứu QLNN đối với ngành du lịch tại một địa phương, cụ thể là tỉnh Lâm Đồng. Sự phát triển ngành du lịch phải đặt trong sự phát triển của địa phương. Vì vậy cần thiết phải nghiên cứu thực chất của khái niệm phát

triển địa phương và quản lý sự phát triển kinh tế địa phương.

Nghiên cứu thực chất của phát triển địa phương cần lưu ý: phát triển địa phương là sự phát triển của tổng thể kinh tế, chính trị, xã hội (trong đó, kinh tế địa phương là tổng thể nhiều lĩnh vực, ngành nghề); ý tưởng phát triển chung của địa phương là tổng hợp các tiểu ý tưởng phát triển của từng lĩnh vực, ngành nghề, doanh nghiệp... phát triển địa phương phải gắn với nguồn lực địa phương, đặc biệt là nguồn nhân lực và nguồn tài nguyên có lợi thế so sánh; phát triển địa phương gắn liền với việc phát huy các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương; phát triển địa phương gắn liền với phát huy tính năng động của địa phương (dân cư, khu vực tư nhân, DNNN, chính quyền; các hiệp hội nghề nghiệp...); việc nghiên cứu phát triển địa phương phải tiếp cận từ nhiều hướng, nhiều cách... Các biện pháp phát triển địa phương phải đa dạng, phong phú, nhưng phải có hệ thống đồng bộ.

Có thể hiểu "phát triển kinh tế địa phương" trên các nội dung sau:

- Phát triển kinh tế địa phương trước hết bao hàm nội dung tăng trưởng kinh tế địa phương. Nghĩa là phát triển thể hiện ở mức tăng lượng của cải (tài sản) tính bằng hiện vật, hay giá trị trong một thời kỳ nhất định. Những chỉ tiêu quan trọng nhất để đo sự tăng trưởng có thể là: GDP, tốc độ tăng GDP; GDP/người; tốc độ tăng GDP/người... Nhịp tăng trưởng này phải được duy trì theo thời gian; sự tăng trưởng phải dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả cao, chứ không phải chỉ dựa trên cơ sở gia tăng các yếu tố đầu vào thuần túy. Thu nhập ở đây cũng được quan niệm rộng hơn: không phải chỉ là các yếu tố vật chất bình thường mà mở rộng hơn bao gồm cả nước sạch, sự tiện lợi trong dịch vụ y tế, giáo dục, ăn ở, đi lại, đặc biệt là có chỗ làm việc tốt, nghề nghiệp có trình độ cao. Các lợi ích phi vật chất cũng được đánh giá cao.

- Phát triển kinh tế địa phương bao hàm sự thay đổi cơ cấu nền kinh tế địa phương. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế phản ánh mức độ thay đổi của phương thức sản xuất theo hướng ngày càng hiện đại và tính hiệu quả của nền kinh tế ấy. Cụ thể là, những ngành nghề có hiệu quả; khu vực kinh tế có năng suất lao động cao; có giá trị gia tăng cao sẽ có tốc độ phát triển nhanh hơn các ngành khác.

- Phát triển kinh tế địa phương nhằm mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống

của dân cư. Cái đích của phát triển kinh tế là phục vụ con người. Mức sống chung của dân cư địa phương cần được quan tâm theo hướng gắn với nội dung của cuộc chiến chống đói nghèo. Mức sống cũng được hiểu theo nghĩa rộng không chỉ là thu nhập cao hay thiếu đói mà còn bao hàm hàng loạt vấn đề như nước sạch, quyền lợi học tập, các vấn đề bảo vệ bà mẹ trẻ em, chữa bệnh, nhà ở...

Cùng với mức sống còn vấn đề bình đẳng; vấn đề xã hội văn minh (con người sống tin cậy, hài hoà, xã hội an toàn...). Đặc biệt là gia tăng sự tham gia ngày càng nhiều, càng hiệu quả của cộng đồng dân cư vào quá trình phát triển.

- Phát triển kinh tế phải đi liền với bảo tồn tái sinh các hệ sinh thái; bảo đảm chất lượng môi trường cho hiện tại và cho tương lai; bảo đảm các nguồn lực, cơ sở vật chất hiện tại và tương lai. Những yêu cầu này phải được quán triệt trong xây dựng và thực thi các kế hoạch, dự án cụ thể, cũng như trong tất cả các quyết định kinh tế.

Sau khi làm rõ thực chất của khái niệm phát triển địa phương, cần quan tâm đến các hoạt động phát triển kinh tế địa phương và các bên tham gia các hoạt động đó. Có những quan niệm khác nhau về vấn đề này.

- Hoạt động phát triển kinh tế địa phương bao gồm các hoạt động xây dựng lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trong vùng, nhằm tạo việc làm và mở rộng thu nhập. Các hoạt động này có sự tham gia của chính quyền địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp, các đối tượng khác nhằm khắc phục các cản trở và giảm chi phí cho doanh nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, khai thác có hiệu quả các lợi thế đang có và tạo lập các lợi thế mới cho địa phương và doanh nghiệp vùng đó.

- Hoạt động phát triển kinh tế địa phương bao gồm các hoạt động nhằm khuyến khích đầu tư tại vùng. Thực chất của các hoạt động là thu hút các chủ đầu tư ngoài vùng vào đầu tư (quan niệm này có lẽ không đầy đủ bởi chưa tính đến hoạt động đầu tư của các chủ đầu tư đang sống hoặc đang là chủ các doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương).

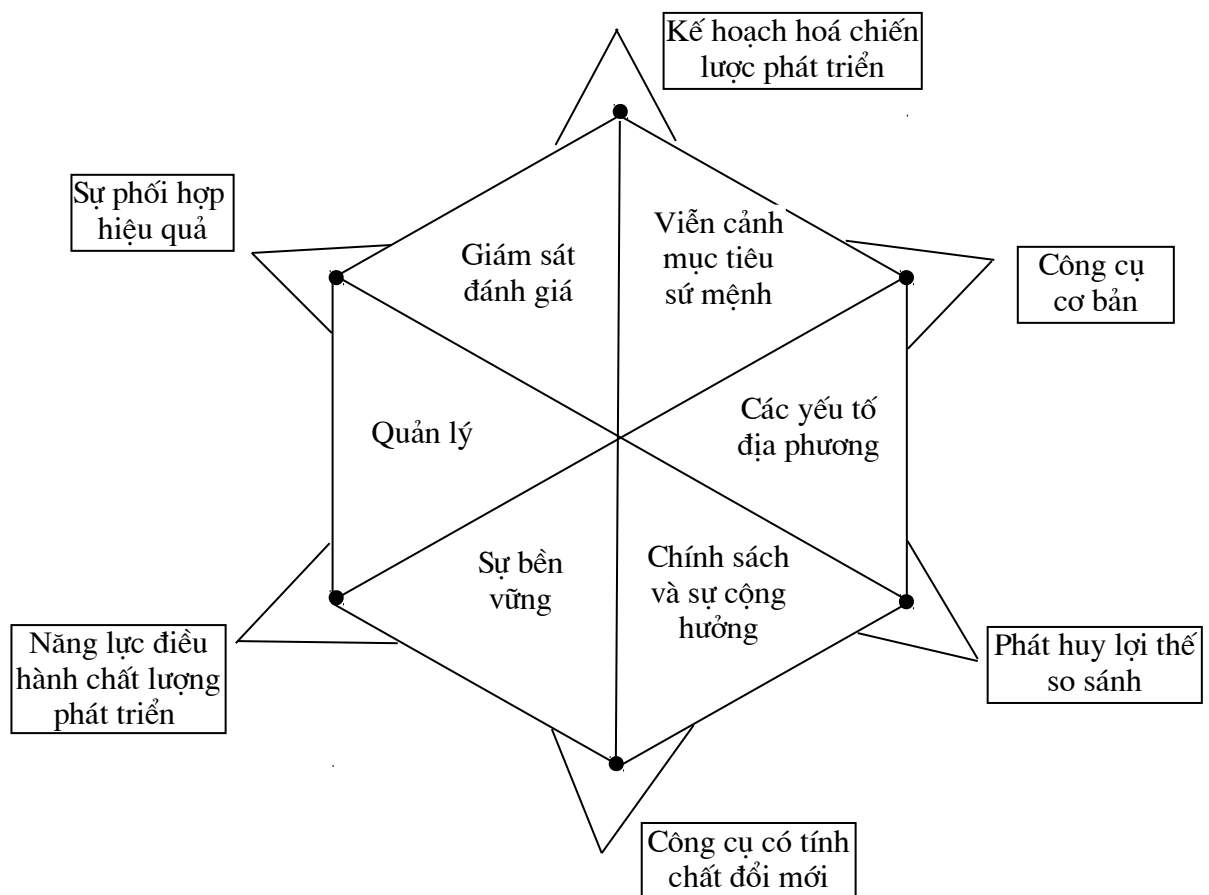
- Hoạt động phát triển kinh tế địa phương bao gồm tất cả các hoạt động nhằm cải thiện phúc lợi của dân cư địa phương. Đúng là phát triển kinh tế bao hàm ý nghĩa cải thiện phúc lợi của nhân dân. Tuy nhiên, để cải thiện phúc lợi dân cư có thể còn do nhiều loại hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau tác động, trong đó kinh tế chỉ là một loại hoạt động.

- Hoạt động phát triển kinh tế địa phương bao gồm: không chỉ hoạt động thu

hút doanh nghiệp đầu tư, mà còn bao hàm các hoạt động thúc đẩy khai thác các tiềm năng lợi thế sẵn có, tạo lập các lợi thế mới, tạo lập môi trường cạnh tranh, thúc đẩy các doanh nghiệp chủ động, sáng tạo trong kinh doanh.

- Nghiên cứu quan niệm trên, tác giả thấy các hoạt động phát triển kinh tế địa phương phải bao gồm các hoạt động sau: hoạt động điều tra, nghiên cứu thị trường để có phương án phát triển sản xuất kinh doanh đáp ứng có hiệu quả; các hoạt động khai thác có hiệu quả các lợi thế hiện có, tạo lập các lợi thế cạnh tranh mới; các hoạt động tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích đầu tư (từ tất cả các nguồn) phát triển doanh nghiệp tại địa phương; các hoạt động phối hợp hài hoà trong xây dựng kế hoạch, cung cấp thị trường tổ chức phối hợp thực thi kế hoạch. Các tác nhân tham gia các hoạt động trên là: chính quyền, các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp, khu vực tư nhân và đối tác khác.

Có thể khái quát các hoạt động và tác nhân tham gia các hoạt động phát triển kinh tế địa phương trong mô hình sau (còn gọi là mô hình lục giác).



Hình 1.1. Sơ đồ khái quát các hoạt động phát triển kinh tế địa phương

1.2.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch ở cấp tỉnh

Theo điều 10 của Luật Du lịch thì QLNN về du lịch có 9 nội dung, cụ thể đó là: 1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch; 2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động du lịch; 3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch; 4. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; 5. Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; 6. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài; 7. Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhà nước về du lịch; 8. Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch; 9. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch [37]. Cũng theo mục 4 điều 11 của Luật Du lịch thì trách nhiệm QLNN về du lịch thì: UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và theo sự phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương và có biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch [37].

Trên cơ sở quy định của Luật du lịch, các quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình thực tiễn trong QLNN về du lịch của cấp tỉnh, tác giả sắp xếp và tập trung đi sâu nghiên cứu một số nội dung chủ yếu như sau:

a) Các yêu cầu đối với QLNN về du lịch ở cấp tỉnh

QLNN về du lịch ở một tỉnh là thực hiện QLNN đối với một ngành phát triển trong phạm vi địa phương. Do đó, đòi hỏi phải hướng tới các yêu cầu sau:

- Mục đích của QLNN đối với du lịch ở một tỉnh là nhằm cho ngành du lịch ở đây phát triển mạnh mẽ, bền vững. Thị trường du lịch được mở rộng, thể chế thị trường du lịch được mở rộng, thể chế thị trường được xác lập, sự vận động của các yếu tố thị trường thông suốt. Sự phát triển du lịch ở địa phương góp phần đắc lực và sự phát triển của ngành du lịch cả nước.

- Du lịch là một ngành tổng hợp trong tổng thể các lĩnh vực ngành nghề phát triển tại

địa phương sự phát triển của ngành du lịch (với tư cách là một ngành có lợi thế phát triển ở địa phương) phải là động lực để phát triển kinh tế chung của tỉnh, tạo nên sắc thái riêng của kinh tế địa phương (cơ cấu kinh tế hợp lý với nhân lõi là ngành du lịch phát triển).

- QLNN đối với ngành du lịch trên địa bàn địa phương là nhằm phát triển ngành, phát triển địa phương, nâng cao phúc lợi địa phương (mức sống, sự văn minh, công bằng, an ninh, môi trường sinh thái được cải thiện).

b) Các nội dung chủ yếu của QLNN về du lịch ở cấp tỉnh

Có 3 cách phân loại:

- Theo các giai đoạn của quá trình quản lý mà QLNN phải: định hướng phát triển, điều hành, tổ chức hệ thống, kiểm tra và điều chỉnh.

- Theo phương hướng tác động, nội dung QLNN gồm: tạo môi trường và điều kiện cho sản xuất kinh doanh: hỗ trợ sự phát triển, bảo đảm sự thống nhất KT-XH, quản lý các định hướng.

- Theo yếu tố và lĩnh vực mới, QLNN về kinh tế gồm: Quản lý trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, QLNN trong lĩnh vực đối ngoại, QLNN về tài nguyên môi trường; QLNN về nhân lực.

Trong phần này luận án phân tích sâu QLNN về du lịch ở một địa phương với 3 nội dung chủ yếu sau:

b1) Định hướng phát triển ngành du lịch ở địa phương

Định hướng phát triển ngành là xác định trước: hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển của ngành ở địa phương trong khoảng thời gian nhất định (thường là dài từ 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn nữa).

Định hướng phát triển là một chức năng QLNN về kinh tế cơ bản, chất lượng của định hướng sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện các chức năng khác và quyết định sự thành công của QLNN về kinh tế.

Để thực hiện chức năng định hướng phải thông qua các công tác: Xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch ở địa phương; xây dựng các quy hoạch phát triển; xây dựng các kế hoạch và chương trình phát triển; xây dựng các chính sách phát triển.

Các công tác trên liên quan chặt chẽ với nhau, mỗi công tác có vị trí nhất định

trong nhiệm vụ định hướng phát triển của ngành. Trong đó, việc xây dựng chiến lược và chính sách là những bộ phận quan trọng nhất và năng động nhất.

Chiến lược phát triển ngành du lịch trên địa bàn một địa phương quyết định những phương hướng phát triển lâu dài, nội dung cơ bản của nó là: Hệ thống các quan điểm phát triển; các hướng phát triển, các mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ và chính sách lớn cần thực hiện.

Các quan điểm phát triển là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt từ việc xác định hướng và mục tiêu, đến việc xác định các nhiệm vụ và chính sách.

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển du lịch trên địa bàn một địa phương cần quan tâm quán triệt các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau:

Một là, quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Quan điểm này đòi hỏi: Các chủ thể kinh tế được tự do trong lựa chọn và ra các quyết định kinh tế có lợi cho mình (không trái với quy định của pháp luật); quan hệ thị trường quyết định sự phân bổ các nguồn lực thông qua giá cả; cạnh tranh là nguyên tắc nền tảng.

Quan điểm này xác định mô hình kinh tế tổng quát cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như cho từng ngành, trong đó có ngành du lịch xuyên suốt cả nước, cũng như trên từng địa phương. Quán triệt quan điểm này trong xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch cần lưu ý mấy vấn đề:

- Phải xây dựng mục tiêu phát triển ngành trên cơ sở cụ thể hoá mục tiêu tổng quát: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”.

- Cùng với các nhiệm vụ phát triển phải khẩn trương hình thành đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất, kinh doanh, xây dựng và hoàn thiện các thể chế thị trường: Tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh, giá cả thực sự là tín hiệu khách quan, đáng tin cậy của thị trường; tự do cạnh tranh lành mạnh; mọi thành viên trong xã hội bình đẳng, công bằng trong hưởng thụ thành quả của sự phát triển.

- Kết hợp phát huy tác dụng của cơ chế thị trường, đồng thời sử dụng tốt công cụ kế hoạch hoá. Cụ thể là: Tăng cường vai trò định hướng quản lý của Nhà nước đi đôi với phát huy vai trò của thị trường trong phân bổ các nguồn lực, điều tiết sản xuất, kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động. Nghĩa

là Nhà nước định hướng thông qua các chiến lược quy hoạch, kế hoạch, chính sách, thị trường trực tiếp điều tiết doanh nghiệp thông qua quy luật giá trị, cung cầu, giá cả.

Hai là, quan điểm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần: Quan điểm này đòi hỏi về mặt sở hữu và thành phần kinh tế phải đa dạng bao gồm:

- Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế được bình đẳng trước pháp luật, bình đẳng trong việc tận dụng các cơ hội kinh tế, trong quá trình kinh doanh; trong lựa chọn, sử dụng các nguồn lực phát triển; được đối xử công bằng về quyền lợi, nghĩa vụ đối với sự phát triển quan điểm này có tính chất chiến lược nó giải phóng được lực lượng sản xuất và nâng cao hiệu quả KT-XH.

- Vận dụng quan điểm này, trong quá trình xác định chiến lược phát triển du lịch toàn ngành xuyên suốt cả nước hay trên địa bàn từng địa phương cần quan tâm tới việc tận dụng mọi khả năng không kể thành phần kinh tế nào cho phát triển; cần bố trí một cơ cấu thành phần kinh tế hợp lý trong phát triển du lịch từng địa phương, tổ chức phối hợp giữa các thành phần để đạt hiệu quả phục vụ cao nhất.

Ba là, quan điểm đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như trong từng ngành, trong đó có du lịch. Quan điểm này đòi hỏi phải đẩy mạnh cơ khí hoá, điện khí hoá, hoá học hoá, tự động hoá, sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ hiện đại khác; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật (cơ sở hạ tầng KT-XH, cơ sở vật chất đặc trưng của từng ngành, vùng) hiện đại bảo đảm phục vụ và tạo điều kiện cho phát triển; chuyển dịch cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề, cơ cấu công nghệ, cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng hiện đại và hiệu quả cao...

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển ngành du lịch vận dụng quan điểm này cần lưu ý đến các vấn đề:

- Du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch là hiệu quả nhằm đổi mới cơ cấu kinh tế nước ta theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hoá.

- Nghiên cứu xu hướng phát triển của cầu du lịch, đặc biệt cầu du lịch của du khách quốc tế làm căn cứ đầu tư khai thác các tài nguyên du lịch tạo nên những sản phẩm du lịch phong phú, chất lượng cao để thỏa mãn cầu du lịch thời hiện đại.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của du lịch (mức độ tiện nghi, mức độ thẩm mỹ, mức độ vệ sinh; mức độ an toàn).

- Đào tạo một đội ngũ lao động ngành du lịch có cơ cấu hợp lý, có trình độ chuyên môn cao, có trình độ ngoại ngữ; có thái độ phục vụ và đạo đức nghề nghiệp tốt.

Bốn là, chiến lược phát triển du lịch ở một địa phương phải gắn với chiến lược phát triển chung của ngành du lịch xuyên suốt cả nước, trước hết là quan điểm phát triển ngành. Mục tiêu phát triển của ngành du lịch là: phát triển nhanh và bền vững để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn (Văn kiện Đại hội Đảng IX) và nước ta trở thành trung tâm du lịch có tầm cỡ ở khu vực.

Nhưng muốn phát triển nhanh và bền vững thì phải biết tranh thủ mọi nguồn lực trong nước, ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu phát triển. Phải nhận thức rõ du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Phát triển cả du lịch quốc tế và trong nước, bảo đảm hiệu quả cao trên các mặt KT-XH, lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược. Phát triển nhanh nhưng phải vững chắc, bảo vệ tài nguyên du lịch, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các bên trong hưởng thụ sự phát triển du lịch.

Quá trình xây dựng chiến lược gồm các bước: phân tích bối cảnh, môi trường phát triển (xác định các cơ hội và thách thức); xác định mục tiêu chiến lược; quan điểm phát triển, xây dựng chiến lược phát triển của một lĩnh vực chủ yếu, và vùng điểm du lịch, các chính sách, biện pháp chủ yếu để thực thi chiến lược.

Tổ chức xây dựng chiến lược phải bảo đảm theo đúng các bước; từng bước phải tuân thủ các phương pháp khoa học; phải huy động được trí tuệ của toàn dân.

Trong chức năng định hướng, cùng với việc xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển cũng là một nội dung rất quan trọng. Quy hoạch phát triển là một bước cụ thể hoá chiến lược phát triển, nhưng quan trọng là luận chứng cả về mặt tổ chức không gian lãnh thổ quy hoạch tổng thể phát triển du lịch là loại hình quy hoạch tổng thể phát triển ngành. Nó được thực hiện ở cấp cả nước và từng vùng lãnh thổ (theo tỉnh, vùng lớn) gồm: quy hoạch các yếu tố tổ chức; quy hoạch cơ cấu; các tiện nghi tiêu chuẩn... Các bước tiến hành quy hoạch là: kiểm kê, điều tra, bổ sung, đánh giá các yếu tố, điều kiện, bối cảnh của phát triển (đánh giá các điều kiện phát triển, thực trạng phát triển, điểm xuất phát, những vấn đề mâu thuẫn cần giải

quyết; dự báo thị trường và phân tích yêu cầu cạnh tranh đối với những sản phẩm chính; đánh giá, dự báo khả năng thu hút vốn và công nghệ từ nước ngoài, từ các địa phương khác, từ các nguồn nội sinh); dự báo định hướng phát triển; luận chứng mục tiêu, phương hướng phát triển (hướng sản phẩm chủ lực, cơ cấu sản phẩm; hướng mở rộng thị trường; hướng chiến lược, hướng chủ yếu, hướng kết hợp... hướng phát triển cung du lịch, hướng đầu tư, hướng thu hút lao động và đào tạo; hướng khai thác tài nguyên du lịch, phát triển loại hình du lịch...); lựa chọn phương án phân bổ (tổ chức) ngành theo không gian lãnh thổ; xác định các chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch (các chương trình, dự án được ưu tiên, nhu cầu và biện pháp bảo đảm các nguồn lực, các biện pháp tổ chức quản lý).

b2) Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở địa phương

Theo chức năng này, để quản lý sự phát triển ngành du lịch tại địa phương, Nhà nước địa phương cần chỉ đạo thực hiện các luật lệ, chính sách của trung ương ban hành có hiệu quả ở địa phương mình (nghiên cứu đặc điểm, hoàn cảnh địa phương, ra văn bản hướng dẫn, tổ chức thực thi, kiểm tra, uốn nắn lệch lạc, đánh giá kết quả thực thi chính sách...) ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương xuất phát từ yêu cầu quản lý phát triển ngành ở địa phương, nhưng không trái với luật pháp của Nhà nước. Mục đích là thiết lập môi trường luật pháp đưa các hoạt động du lịch vào khuôn khổ, và tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển. Sở hữu và lợi ích là các mối quan tâm hàng đầu của các chủ thể tham gia thị trường du lịch. Pháp luật thể hiện thái độ của Nhà nước đối với các vấn đề đó. Cho nên môi trường pháp lý ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường du lịch. Luật pháp tác động đến các chủ thể thông qua các vấn đề sau: pháp luật xác định vị trí pháp lý của các chủ thể kinh tế trong ngành (tổ chức hoặc cá nhân). Thí dụ đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, điều đó được thể hiện ở nhiều chủ trương, chính sách đã được thể chế hoá. Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã... đều thừa nhận sự phát triển lâu dài, sự bình đẳng và lợi ích của các thành phần trên trước pháp luật. Luật pháp tạo ra luật chơi bình đẳng cho các chủ thể kinh tế trên thị trường du lịch. Thông qua các chính sách đã luật hoá, Nhà nước khuyến khích các chủ thể kinh tế trong

ngành phát triển kinh doanh theo đúng hướng chiến lược, quy hoạch đã xác định; hạn chế các mặt tiêu cực có hại cho sự phát triển (các hiện tượng xâm hại đến tài nguyên du lịch, môi trường sinh thái, các tệ nạn xã hội...).

Luật pháp là công cụ quyền lực, có tính cưỡng chế rất sắc bén, có hiệu quả trong quản lý.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm:

- Hiến pháp, luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành;
- Pháp lệnh, nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;
- Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;
- Nghị quyết, nghị định của Chính phủ;
- Quyết định, chỉ thị do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Thông tư, quyết định, chỉ thị của Bộ trưởng và cơ quan ngang bộ ban hành;
- Nghị quyết của Toà án nhân dân tối cao; quyết định, chỉ thị, thông tư của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Thông tư liên tịch giữa các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với các tổ chức KT-XH;
- Văn bản của HĐND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh ban hành để thi hành các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên ban hành; văn bản của UBND để thi hành nghị quyết của HĐND cùng cấp gồm có: quyết định, chỉ thị.

Các chủ trương, chính sách của Nhà nước trung ương, và địa phương được luật hoá dưới dạng các văn bản trên.

Việc tổ chức nghiên cứu ban hành các văn bản luật hoá các chính sách, chủ trương là một khoa học, cần được thực hiện theo các quy trình khoa học, nghiêm túc, với những phương pháp nghiên cứu khoa học thích hợp. Trong quy trình ban hành các văn bản chính sách kinh tế có một số khâu cần có sự chú ý đặc biệt:

- Trước hết, là việc đánh giá chính sách hiện hành, đánh giá tình hình và phát hiện vấn đề cần bổ sung hoàn thiện hay đổi mới. Để phân tích và phát hiện vấn đề chuẩn xác cần có những cuộc điều tra, khảo sát với các mẫu, số lượng mẫu và các hướng tiếp cận nghiên cứu đúng. Sử dụng tổng hợp các phương pháp, đặc biệt phương pháp so sánh để

phát hiện các khoảng chênh, các "lỗ hổng" của tình hình so với yêu cầu.

- Việc xây dựng chính sách cần có nhiều phương án, việc lựa chọn phương án tối ưu phải dựa trên các tiêu thức: có tạo ra được động lực cho sự phát triển không? có thúc đẩy sự hình thành thị trường du lịch không? có phù hợp với mục tiêu phát triển của tổng thể kinh tế địa phương không? có khả thi không? có được xã hội chấp nhận không? tài liệu các rủi ro sẽ xảy ra và hướng khắc phục nếu nó xảy ra...

- Chính sách cần được các bên có liên quan, và các nhóm dân cư không có cùng lợi ích thảo luận, xin ý kiến để xem xét hoàn thiện.

- Cần có kế hoạch tổ chức thực thi chính sách chi tiết cụ thể trên lượng các phản ứng và phương án xử lý.

- Trong quá trình thực thi chính sách cần có các cuộc "đánh giá" nghiêm túc, khoa học để hoàn thiện, bổ sung hay sửa đổi chính sách. Đối với sự phát triển của ngành du lịch ở một địa phương các văn bản và chính sách sau đây có tác động trực tiếp: Luật Du lịch, Luật Đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư; chính sách tài chính - tín dụng, chính sách hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng ngành du lịch; chính sách hỗ trợ xúc tiến du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch và đào tạo nguồn nhân lực du lịch; chính sách đất đai; chính sách giá cả các dịch vụ cấu thành sản phẩm du lịch, chính sách cạnh tranh.

b3) Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch ở địa phương

**** Tổ chức, điều hành các hoạt động du lịch trên địa bàn địa phương***

Chức năng tổ chức và điều hành nền kinh tế của Nhà nước có 3 nội dung chủ yếu:

- Tổ chức hệ thống đối tượng quản lý.
- Tổ chức và điều hành hệ thống chủ thể quản lý.
- Vận hành chủ thể và đối tượng quản lý.

Chức năng tổ chức và điều hành nền kinh tế của Nhà nước là chức năng quan trọng, then chốt trong tiến trình QLNN. Nếu thực hiện được tốt chức năng này sẽ huy động mọi nguồn lực cho phát triển; tạo ra sự thống nhất, kỷ cương do đó tạo nên sức mạnh tổng hợp; tạo ra động lực phát triển...

Tổ chức, điều hành các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh là thực hiện chức năng tổ chức điều hành sự phát triển của một ngành trong phạm vi một địa phương.

Do đó cần chú ý đến một số vấn đề sau:

- Ở nội dung thứ nhất: Tổ chức hệ thống đối tượng quản lý. Sản phẩm du lịch được tạo ra do sự kết hợp những dịch vụ và phương tiện vật chất trên cơ sở khai thác các tài nguyên du lịch. Do đó, để có hoạt động du lịch phải khai thác các tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch không chỉ là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố văn hoá lịch sử mà nó là kết hợp của cảnh quan thiên nhiên yếu tố văn hoá lịch sử với thành quả lao động sáng tạo của con người. Vì vậy, để có du lịch phải tạo ra tài nguyên du lịch.

Nếu không có cơ sở hạ tầng chung và cơ sở vật chất - kỹ thuật đặc trưng của ngành du lịch cũng không có được hoạt động du lịch.

Do vậy, việc đầu tiên là phải quy hoạch tốt hệ thống các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch. Trong quá trình quy hoạch việc đầu tiên phải có là "ý tưởng".

Ý tưởng bắt đầu là lòng mong muốn đến "khát khao" địa phương mình phải có các điểm, các khu du lịch có thể thu hút nhiều du khách. Tiếp đến, là khảo sát lựa chọn các cảnh quan thiên nhiên, các di tích văn hoá, lịch sử v.v.. kết hợp với lao động sáng tạo của con người, hình thành các tài nguyên du lịch. Sản phẩm thể hiện ý tưởng là những phác thảo quy hoạch hệ thống các điểm du lịch, khu du lịch của địa phương.

Trên cơ sở ý tưởng đó mà các nhà quy hoạch bố trí trong thời gian, theo thời gian, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật đặc trưng của các hoạt động du lịch tương lai.

Một nhiệm vụ quan trọng khác là tổ chức hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp nên có nhiều loại doanh nghiệp của các ngành khác nhau tham gia vào. Có thể phân thành 4 nhóm chính: các cơ sở mà hầu như toàn bộ các hoạt động của nó phục vụ cho du lịch, đáp ứng trực tiếp các nhu cầu của khách du lịch như các doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch, cơ sở lưu trú, nhà hàng du lịch, các cơ sở vận chuyển du lịch, điểm cung cấp thông tin du lịch; các quầy kiosque tại các điểm và khu du lịch; các cơ sở mà một phần hoạt động của nó phục vụ cho du lịch, nhưng đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách du lịch như: giao thông, bưu điện, quán ăn, các cơ sở dịch vụ khác, các quầy đổi tiền, cơ sở bảo hiểm v.v..

Các cơ sở mà hầu như toàn bộ hoạt động của nó phục vụ du lịch, nhưng đáp

ứng gián tiếp nhu cầu của du khách như cơ sở sản xuất đồ lưu niệm, biểu tượng, sách, ấn phẩm liên quan đến du lịch, các thiết bị lều trại, trang bị leo núi...

Cuối cùng là các cơ sở chỉ dành một phần hoạt động của mình cho du lịch và đáp ứng gián tiếp các nhu cầu của du khách như cơ sở cung cấp nước, lương thực, thực phẩm v.v..

Do tính chất tổng hợp của ngành du lịch như vậy, nên tổ chức hệ thống doanh nghiệp phục vụ trong ngành không đơn giản, cần có một cách nhìn tổng thể trong việc cấp giấy phép để bảo đảm hiệu quả phục vụ và lợi ích của các doanh nghiệp. Ở đây cần có cách nhìn nhận mới đối với khu vực tư nhân. Sự tham gia của khu vực tư nhân không chỉ có ý nghĩa huy động nguồn lực mà còn có ý nghĩa về mặt quản lý, khu vực tư nhân là lô đối chứng, kiểm định tính khách quan của các quyết định và chính sách kinh tế.

- Ở nội dung thứ hai, tổ chức và điều hành hệ thống chủ thể quản lý. Đối với ngành du lịch ở một địa phương có các vấn đề sau cần quan tâm: Đầu tiên là bộ máy quản lý phải tương xứng với nhiệm vụ; thứ đến, là chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành du lịch.

Ngành du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, lại có tính chất văn hoá rõ nét. Chất lượng dịch vụ du lịch là sự phù hợp của sản phẩm dịch vụ thoả mãn yêu cầu đề ra, hoặc định trước của du khách. Cũng có thể xác định sự phù hợp hay thoả mãn của du khách khi so sánh giữa dịch vụ cảm nhận và dịch vụ trông đợi. Như vậy rõ ràng dịch vụ cảm nhận là vô cùng quan trọng. Sự cảm nhận nảy sinh trong quá trình tiếp cận giữa du khách và nhân viên, cán bộ trong ngành du lịch. Nói vậy, có nghĩa là chất lượng cán bộ viên chức, cách làm việc của các cơ quan quản lý có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng hoạt động du lịch.

- Về nội dung thứ ba: vận hành sự hoạt động của đối tượng và chủ thể quản lý.

Mục đích của việc quản lý vận hành là: một, bảo đảm các hoạt động ăn khớp, thông suốt từ đầu đến cuối; hai, tốc độ hoạt động ở mức tích cực nhất; ba, hoạt động đúng hướng (không chệch khỏi quỹ đạo đã định).

Muốn ăn khớp, thông suốt phải tận dụng cơ chế "tự động". Các cơ quan QLNN

phải phát huy cao độ ưu thế của cơ chế thị trường trong việc khuyến khích và điều tiết sự phát triển của ngành du lịch. Phải có những chính sách bảo đảm sự thông thoáng, tự do của môi trường kinh doanh, phá bỏ các rào cản, để các chủ đầu tư tự do tham gia, hoặc rút khỏi thị trường, bảo đảm pháp lý cho tự do cạnh tranh lành mạnh.

Để hỗ trợ thị trường Nhà nước ngoài việc bảo đảm môi trường pháp lý, cần có cơ chế và tổ chức bảo đảm thông tin thị trường (xu hướng vận động của cầu, cung, giá cả...). Nhà nước với vị trí bao quát có thể nhìn rõ những điểm mạnh, điểm yếu, những mất cân đối trong phát triển do đó có khả năng chứng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp. Cần duy trì cầu nối giữa doanh nghiệp và các cơ quan Nhà nước thường xuyên.

Muốn cho các hoạt động sôi nổi, tốc độ vận động khẩn trương, Nhà nước cần có những chính sách tạo động lực để phát triển ngành du lịch. Trước hết, phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về lợi ích KT-XH của phát triển du lịch; tiếp đến là các chính sách nhằm thu hút, khai thác có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Các địa phương có những đặc điểm, điều kiện khác nhau, có những địa phương có lợi thế hơn trong phát triển du lịch, nhận thức được điều đó, biến lợi thế thành năng lực cạnh tranh của địa phương trong phát triển là nhiệm vụ của Nhà nước.

Động lực là lực thúc đẩy (thu hút, lôi kéo) hay là sự "kích thích" được nhận thức. Động lực được các chủ thể (ở đây tập trung nói về Nhà nước) chủ động tạo ra để phá bỏ các cản trở, thúc đẩy khai thác tốt nhất các nguồn lực và sử dụng có hiệu quả nhất tổng thể các nguồn lực để hình thành các đầu tàu kinh tế lôi kéo ngành du lịch phát triển với tốc độ cao, bền vững.

Có 3 dạng động lực: động lực vật chất, động lực tinh thần, động lực trên cơ sở sự đa dạng tổng hợp các yếu tố vật chất, tinh thần.

Việc tạo ra các yếu tố "kích thích" được tính toán cân nhắc về liều lượng, hướng tác động, dự kiến trước ảnh hưởng và kết quả của các tác động đó. Đối tượng "kích thích", "thúc đẩy" là con người cá nhân; hoặc tập thể con người được tổ chức lại theo mô hình nào đó. Mục đích của các "kích thích" là nhằm thúc đẩy con người (tổ chức) hành động phá bỏ các cản trở để khai thác và sử

dụng tốt nhất các nguồn lực.

Vậy "tạo động lực" cho phát triển ngành du lịch địa phương thì phải làm gì: (i) phải phá bỏ các cản trở phi lý, giải phóng con người, lực lượng sản xuất quan trọng nhất, cho con người được tự do sáng tạo; (ii) tạo môi trường thuận lợi cho con người, các yếu tố khác của sản xuất, được kết hợp với nhau theo những công nghệ có hiệu quả nhất; (iii) kích thích những năng lực tiềm ẩn trời dậy, đó có thể là tiềm năng trí tuệ, tiềm năng tổ chức của con người, tiềm năng của các nguồn lực khác mà con người có thể khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn; (iiii) hình thành các "đầu tàu", các đột phá kinh tế mở đường lôi kéo toàn ngành đi lên.

Muốn tạo được động lực cần có:

(i) Có cơ chế chính sách tác động vào "lợi ích" của cá nhân, tập thể, địa phương để thúc đẩy tính tích cực hành động của họ phần đầu vì nhu cầu, lợi ích cá nhân và qua đó đóng góp cho sự phát triển của ngành du lịch. Có điều đáng quan tâm là: kết quả hoạt động của mỗi cá nhân (hay một tổ chức) phụ thuộc vào 2 yếu tố: một là, khả năng của con người; và hai là, tính tích cực của họ. Khả năng do học tập, rèn luyện mà có. Còn tính tích cực gia tăng được hay không là nhờ tác động "kích thích" vào lợi ích của con người. Lợi ích là mức độ thoả mãn một nhu cầu nào đó của con người. Do đó có kết luận: "Nguồn gốc của tính tích cực cá nhân là sự thoả mãn các nhu cầu nhiều về của cá nhân và xã hội" (Từ điển Triết học, trang 57). Nhu cầu là khát vọng của con người vươn tới để thoả mãn các yêu cầu (như: ăn, ở, an toàn; các quan hệ xã hội, tự do; phát triển nhân cách, được tôn trọng...) bằng cách khắc phục mọi trở ngại, sự không phù hợp với điều kiện để tồn tại. Khi nói đến nhu cầu là nói đến một hệ thống (chuỗi) các nhu cầu. Nhu cầu cá nhân lại phải gắn bó với yêu cầu chung của cộng đồng người cùng làm trong một ngành, nghề. Một chính sách, biện pháp tác động tới lợi ích cá nhân, không chỉ dừng lại ở đó, mà đó cũng là tác động đến cả một cộng đồng người có cùng lợi ích. Đó là lợi ích của những người làm nghề du lịch.

(ii) Cơ chế chính sách phải khuyến khích khả năng sáng tạo của con người. Sáng tạo đi liền với tư duy và khả năng phê phán, tìm tòi, phải chống lại suy nghĩ, hành động theo "lối mòn", vô cảm trước sự biến động của tình hình. Phải có chính

sách sử dụng những người có năng lực.

(iii) Phải có chính sách, cơ chế tập trung các nguồn lực, trong từng thời kỳ, vào những khâu quan trọng để tạo bước đột phá của ngành trong phát triển. Hướng tập trung là: khai thác các lợi thế phát triển du lịch của địa phương; đầu tư tập trung vào những địa điểm thuận lợi nhất; khơi thông các ách tắc trong chu trình vận động và phát triển của ngành.

Ngoài các nội dung trong tổ chức, điều hành đã nêu, thì việc bảo đảm cơ sở hạ tầng cho sự phát triển du lịch là một nội dung mà công tác tổ chức, điều hành cần đặc biệt quan tâm. Cơ sở vật chất kỹ thuật là một nhân tố quan trọng, tác động trực tiếp đến sự phát triển nhanh hay chậm của một ngành kinh tế hoặc tổng thể của nền kinh tế và xã hội.

Cơ sở hạ tầng là tổng thể các cơ sở vật chất kỹ thuật, các công trình, các phương tiện tồn tại trên một lãnh thổ nhất định được dùng làm điều kiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt nói chung, bảo đảm sự vận hành liên tục, thông suốt của các luồng của cải vật chất, các luồng thông tin và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Theo quan niệm trên, thì cơ sở hạ tầng của một địa phương (tỉnh, thành phố) có những bộ phận sau: phần cơ sở hạ tầng mang tính kỹ thuật (còn gọi là phần cứng), phần cơ sở hạ tầng dịch vụ mang tính chất phục vụ chung (còn gọi là phần mềm); cũng có thể chia thành cơ sở hạ tầng kỹ thuật (như hệ thống điện, hệ thống giao thông - vận tải; hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông...).

Cơ sở hạ tầng xã hội (bao gồm: các cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở vui chơi, giải trí, nghỉ ngơi, bệnh viện...).

Tổng thể cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch tại một địa phương cũng có hai cách nhìn nhận: Theo nghĩa rộng thì cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch là toàn bộ cơ sở vật chất, phương tiện được huy động tham gia vào việc khai thác các tài nguyên du lịch nhằm bảo đảm hàng hoá và dịch vụ phục vụ du khách. Nếu vậy thì nó bao gồm cơ sở vật chất, phương tiện do ngành du lịch, và các ngành khác quản lý có phục vụ cho các tour du lịch như hệ thống đường sá, cầu phà, viễn thông,

điện, nước... Nó bảo đảm các điều kiện chung và các điều kiện đặc trưng của ngành du lịch; theo nghĩa hẹp, cơ sở vật chất - kỹ thuật của du lịch chỉ là các yếu tố đặc trưng của ngành du lịch như: khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi, giải trí, các phương tiện vận chuyển, các công trình kiến trúc hỗ trợ... Đây là những yếu tố trực tiếp tác động đến các dịch vụ, hàng hoá cung ứng cho du khách.

Do đặc điểm hoạt động du lịch mà cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch có các yêu cầu đặc biệt về: mức độ tiện nghi, mức độ thẩm mỹ, mức độ vệ sinh và mức độ an toàn.

Xu hướng phát triển của cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch cũng có nét đặc sắc như: xu hướng đa dạng hoá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch (xu hướng này nhằm phục vụ cho nhu cầu du lịch vốn rất đa dạng); xu hướng hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch (xu hướng này nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ du lịch chất lượng cao, tiện nghi hơn); xu hướng phát triển kết hợp hiện đại với truyền thống trong xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của du lịch; xu hướng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch hài hoà trong môi trường thiên nhiên (tất nhiên vẫn phải bảo đảm yêu cầu mức tiện nghi cao, mức độ thẩm mỹ cao...).

Trước những yêu cầu và xu thế như vậy nhiệm vụ của QLNN về du lịch ở địa phương phải thực hiện các nội dung chủ yếu:

- Trực tiếp cung cấp cơ sở hạ tầng cho du lịch bao gồm cả cơ sở hạ tầng chung và cơ sở hạ tầng đặc trưng của ngành du lịch.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực để dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật chung, cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật đặc trưng của du lịch. Trong đó Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các địa phương, các dự án thuộc chương trình mục tiêu ưu tiên, các địa phương vùng sâu, vùng xa có khả năng khai thác các tài nguyên du lịch đặc sắc.

- Nhà nước có chính sách huy động khu vực tư nhân, các doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc đầu tư phát triển du lịch.

Nhiệm vụ của tổ chức điều hành là phải lái sự phát triển du lịch địa phương đi đúng hướng. Ở đây có nghĩa là đi đúng theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được vạch ra; cũng có nghĩa là phải phát triển theo đúng quy định của luật pháp

hiện hành. Nhiệm vụ này gắn bó với nội dung QLNN về kiểm tra, kiểm soát và điều chỉnh (sẽ được trình bày tiếp theo đây).

*** Kiểm soát và điều chỉnh sự phát triển của hoạt động du lịch ở địa phương**

Nội dung này bao gồm tổng thể các hoạt động của Nhà nước nhằm phát hiện và xử lý những sai sót, ách tắc đổ vỡ những khó khăn, cũng như tài chính, những cơ hội để thúc đẩy ngành du lịch ở địa phương phát triển mạnh mẽ và đúng hướng. Thực chất là thực hiện nhiệm vụ phản hồi, và dự báo. Hệ thống kiểm soát phản hồi chủ yếu kiểm soát những kết quả đầu ra để phát hiện sai lệch so với chuẩn mực đã được xác định (như chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành du lịch đã được các cơ quan có trách nhiệm thông qua; các chính sách phát triển ngành của trung ương, của địa phương hiện hành; các quy định luật pháp...) để khắc phục phát huy ở chu kỳ sau. Hệ thống kiểm soát, dự báo kiểm soát các yếu tố đầu vào, đánh giá khả năng, dự báo xu hướng phát triển, lường trước kết quả đầu ra nhằm có những can thiệp trước, kịp thời.

Các hình thức kiểm soát, điều chỉnh có thể vận dụng:

- Giám sát là nhiệm vụ của các cơ quan quyền lực Nhà nước như Quốc hội, Hội đồng nhân dân (HĐND) địa phương và toà án các cấp (qua chức năng hoạt động tài phán) ở địa phương, HĐND giám sát các hoạt động của Ủy ban nhân dân (UBND), các cơ quan QLNN theo ngành, lĩnh vực... thông qua báo cáo của UBND, các ngành ở các kỳ họp thông qua chất vấn, các đoàn giám sát, qua tiếp xúc cử tri.

- Kiểm tra có thể hiểu là hoạt động thường xuyên của cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới, hoặc kiểm tra cụ thể một vấn đề nào đó.

Hoạt động kiểm tra Nhà nước về kinh tế bao gồm: kiểm tra của cơ quan Nhà nước thẩm quyền chung, kiểm tra chức năng và kiểm tra nội bộ.

Kiểm tra của các cơ quan thẩm quyền chung tiến hành qua các hình thức: nghe báo cáo và đánh giá báo cáo của đối tượng bị kiểm tra, tự tổ chức các đoàn kiểm tra về từng vấn đề.

Kiểm tra chức năng do cơ quan quản lý ngành thực hiện.

Kiểm tra nội bộ ngành. Thủ trưởng ngành có thể trực tiếp kiểm tra hay lập các đoàn kiểm tra giúp việc.

- Thanh tra: chỉ các hoạt động của hệ thống cơ quan chuyên môn về công tác

thanh tra thực hiện (như thanh tra nhà nước, thanh tra bộ, thanh tra sở).

- Kiểm soát: là hoạt động bảo đảm pháp chế của Viện kiểm sát nhân dân các cấp với nhiệm vụ bảo đảm tính hợp pháp trong hoạt động, và ban hành văn bản của cơ quan hành chính, sự tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật của công chức và công dân.

- Kiểm toán: là hoạt động kiểm tra để xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của các tài liệu và số liệu kế toán, báo cáo quyết toán của cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế nhà nước, các đoàn thể, tổ chức xã hội sử dụng ngân sách nhà nước. Kiểm toán bao gồm: kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ.

Thông qua các hình thức kể trên có thể đánh giá chuẩn xác và xác định những can thiệp cần thiết của Nhà nước vào sự phát triển của hoạt động du lịch ở địa phương.

1.3. kinh nghiệm quản lý Nhà nước về du lịch của một số địa phương trong nước

Trong phần 1.3 này, tác giả nghiên cứu kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực của một số địa phương trong nước có ngành du lịch phát triển hoặc đang phát triển. Các lĩnh vực chủ yếu được nghiên cứu đó là: Định hướng phát triển ngành du lịch; Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch; Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch. Trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm nhằm hoàn thiện công tác QLNN về du lịch đối với tỉnh Lâm Đồng.

1.3.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về du lịch trên một số lĩnh vực của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1.3.1.1. Định hướng phát triển ngành du lịch ở địa phương

Tỉnh Bình Thuận được đánh giá là một trong những địa phương có ngành du lịch phát triển mạnh mẽ nhất hiện nay. Từ chỗ 12 năm trước (tức là ngày 24/10/1995, hàng vạn người bao gồm các nhà khoa học, khách du lịch trong nước và quốc tế đổ về Mũi Né - Phan Thiết để chiêm ngưỡng và nghiên cứu hiện tượng nhật thực toàn phần) trong nhận thức của các cấp, các ngành Bình Thuận hầu như chưa có khái niệm phát triển ngành du lịch, nhưng đến nay ngành du lịch đã có một hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng được mọi nhu cầu phục vụ cho nhiều đối tượng khách du lịch. Cụ thể đó là: Năm 1995, du lịch Bình Thuận chỉ đón được 53.200

lượt khách, với doanh thu vồn vẹn hơn 30 tỷ đồng; nhưng đến năm 2006 du khách đến Bình Thuận đạt 1,6 triệu lượt khách (trong đó 10% là khách quốc tế), với tổng doanh thu đạt 800 tỷ đồng. Hiện Bình Thuận có 392 dự án đầu tư du lịch còn hiệu lực, vốn đăng ký đầu tư 10.300 tỷ đồng; trong đó lĩnh vực đầu tư chủ yếu là cơ sở lưu trú du lịch và một số dự án giải trí, thể thao (golf, cáp treo, du lịch lặn biển, khu công viên cá heo...); Bình Thuận đã lấp kín đất ven bờ biển những khu du lịch được quy hoạch. Thực tế trong những năm qua đã đầu tư và đưa vào hoạt động 93 dự án, trong đó phần lớn là các resort ven biển (30 khu resort) đã hoạt động tốt, với số lượng này, Bình Thuận được mệnh danh “Thủ đô resort” của Việt Nam; với vốn đầu tư đạt khoảng 3.500 tỉ đồng.

Đây là kết quả vượt ngoài sự mong đợi của chính quyền tỉnh Bình Thuận; ngay cả nhiều địa phương có lịch sử lâu đời về du lịch cũng chưa thực hiện được như Bình Thuận. Hiện nay ngành du lịch Bình Thuận đang phấn đấu để trở thành điểm du lịch của thế giới. Mục tiêu phấn đấu của họ là làm cho ngành du lịch Bình Thuận phát triển vững mạnh, xứng tầm và bền vững.

Phải nói thành công của Bình Thuận là việc nắm bắt được thời cơ từ đó định hướng phát triển du lịch của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Để khai thác tiềm năng, lợi thế và những cơ hội phát triển du lịch; UBND tỉnh Bình Thuận đã có Quyết định số 60/2002/QĐ-UBBT ngày 27/9/2002 Ban hành Chương trình phát triển du lịch Bình Thuận giai đoạn 2002-2005, trong chương trình này định hướng rõ 5 nội dung trọng tâm đó là: Đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch; phát triển nâng cấp các khu, điểm du lịch; bảo vệ môi trường; đào tạo nguồn nhân lực; tuyên truyền, quảng bá du lịch.

Đối với tỉnh Quảng Nam sau khi tách tỉnh năm 1997, trên cơ sở quy hoạch du lịch Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), tỉnh Quảng Nam đã xây dựng quy hoạch du lịch đến năm 2010. Sau gần 10 năm thực hiện, những chỉ tiêu dự báo, những định hướng lớn về du lịch Quảng Nam đã có những thay đổi bởi những tác động về xu hướng phát triển chung của du lịch Việt Nam, những cơ hội mới nảy sinh trong quá trình phát triển du lịch Quảng Nam như UNESCO công nhận phố cổ Hội An và khu di tích Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới, tài nguyên du lịch biển đã được quy hoạch và thu hút nhiều nhà đầu tư. Trong thời gian tới, tỉnh Quảng Nam chủ trương ưu tiên phát triển du lịch thành

một ngành kinh tế mũi nhọn trong mối quan hệ với các ngành kinh tế kỹ thuật khác cũng như các môi liên kết chặt chẽ với du lịch các vùng, liên vùng và cả nước nhằm khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn lực và đặc biệt là các tài nguyên du lịch đảm bảo phát triển nhanh, bền vững, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào du lịch để vừa tập trung thu hút nguồn khách quốc tế, vừa đẩy mạnh khai thác thị trường khách nội địa. Do vậy, định hướng điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu là:

- Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch là tạo ra một ngành dịch vụ sớm có khả năng hội nhập, khả năng cạnh tranh, đảm bảo được tính bền vững, không làm ảnh hưởng nhiều đến môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

- Về tổ chức không gian lãnh thổ, quy hoạch phụ thuộc vào sự phân bố các nguồn tài nguyên du lịch nổi trội, khả năng về nguồn nhân lực đầu tư cho phát triển du lịch cũng như kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất và nhu cầu của thị trường khách, đảm bảo tính cân đối giữa cung và cầu du lịch.

- Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường du lịch, mang lại hiệu cao nhưng ảnh hưởng không nhiều đến môi trường cũng như an ninh, quốc phòng. Ngoài 54 điểm du lịch đã quy hoạch, thực hiện rà soát, đánh giá và kiểm kê lại tài nguyên du lịch theo tiêu chuẩn mới, thực hiện phân cấp quản lý và đầu tư theo quy định của Luật Du lịch cũng như xác định rõ việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và sản phẩm du lịch một cách khả thi, hợp lý và hiệu quả.

- Đầu tư du lịch hướng vào việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật như: cơ sở lưu trú, phương tiện vận chuyển, vui chơi, giải trí, nhà hàng, cảng, bến xe, bến thuyền, trung tâm mua sắm, trung tâm và trạm thông tin du khách, nhà đón tiếp khách ở các khu và điểm du lịch, bảo tàng, nhà biểu diễn nghệ thuật, công viên.... Đầu tư kết cấu hạ tầng như: giao thông, điện, bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin..., trong đó giao thông mang tính quyết định.

- Về đào tạo nguồn nhân lực: Do yêu cầu cạnh tranh, chất lượng nguồn nhân lực luôn là mối quan tâm của các nhà đầu tư. Hướng trong những năm tới, cần chủ động trong công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm tạo ra những chỗ làm việc mang

tính chuyên nghiệp cao (hiện nay các vị trí này trong các công ty lớn đều do người nước ngoài phụ trách, xu hướng này sẽ tăng cao sau năm 2010 khi có sự dịch chuyển lao động tự do trong ASEAN). Chủ động trong đào tạo, trước hết QLNN phải quản lý chặt chẽ đối với các cơ sở dạy nghề du lịch đã có và sắp có.

Để thực hiện thắng lợi định hướng quy hoạch du lịch Quảng Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, tỉnh Quảng Nam luôn xác định vai trò quan trọng của các ngành, các địa phương và nhân dân đối với sự nghiệp phát triển du lịch của tỉnh, góp phần vào sự thành công của quy hoạch du lịch.

Tỉnh Khánh Hoà, trong đó đặc biệt là thành phố Nha Trang là một trong những địa phương có ngành du lịch phát triển lâu đời. Hiện nay, Khánh Hoà là một tỉnh có ngành du lịch phát triển mạnh trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Về định hướng quy hoạch và phát triển du lịch trước đây của tỉnh Khánh Hoà cũng như nhiều địa phương khác trong nước là chưa bài bản, thiếu tính chiến lược và manh mún. Nhưng hiện nay, việc định hướng và quy hoạch phát triển du lịch mà đặc biệt là đối với các khu du lịch mới, tỉnh Khánh Hoà đã thực hiện một cách toàn diện, có hệ thống, có cơ sở khoa học để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong thời gian tới, Khánh Hoà tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch- công nghiệp - nông nghiệp, phấn đấu xây dựng Khánh Hoà thành trung tâm KT-XH của khu vực Nam Trung Bộ vào năm 2010. Các lĩnh vực công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng phục vụ ngành du lịch, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, các khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, chữa bệnh cao cấp là những ngành đang có ưu thế và cũng là những ngành được tỉnh ưu tiên kêu gọi đầu tư. Khu du lịch Cam Ranh, tỉnh đã có định hướng phát triển và quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết cho từng lĩnh vực, cụ thể là: Thủ Tướng Chính phủ đã có Quyết định số 101/2003/QĐ-TTg ngày 20/5/2003 phê duyệt Đề án Quy tổng thể phát triển khu vực vịnh Cam Ranh đến năm 2010. Trong đó định hướng phát triển khu vực Bắc bán đảo Cam Ranh là khu du lịch chất lượng cao, dịch vụ vận tải hàng không và các trung tâm thương mại, hội nghị cấp quốc gia và quốc tế. Tại đây sẽ có các khu du lịch đa dạng, khu vực sân bay, các khu dân cư và các không gian đặc thù khác. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 16/01/2004 phê duyệt Quy

hoạch chung khu du lịch Cam Ranh. Khu du lịch Cam Ranh có tổng diện tích 4.800 ha, trong đó giai đoạn 1 phát triển Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh có diện tích 2.150 ha. Khu du lịch Cam Ranh là khu du lịch biển, khu du lịch nghỉ mát chất lượng cao, trung tâm dịch vụ văn hóa, thương mại, hội thảo, du lịch vùng, quốc gia và quốc tế. Tổng quy mô phòng nghỉ khách sạn khoảng 5.000 - 10.000 phòng, trong đó 80-85% số buồng phòng khai thác trong các khu du lịch tập trung và khoảng 15-20% là các buồng phòng khai thác kết hợp trong các khu dân cư kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái.

1.3.1.2. Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở địa phương

Về thực hiện các chính sách phát triển du lịch: Để khai thác tốt tiềm năng lợi thế của mình, tỉnh Bình Thuận cũng đặt ra những mục tiêu trong thời gian tới. Giai đoạn từ 2007-2010, ngành du lịch địa phương tiếp tục phấn đấu giữ nhịp tăng trưởng bình quân 20-25%. Như vậy đến năm 2010, khả năng du lịch Bình Thuận thu hút được 3 triệu lượt khách (khách quốc tế chiếm 10-15%) và sẽ vươn lên chiếm 10% GDP của tỉnh. Đến thời điểm đó, tất cả các vùng có tài nguyên và điều kiện cho phép, đều được quy hoạch để phục vụ phát triển du lịch. Song, cho dù du lịch Bình Thuận vươn xa đến đâu, nhiều người vẫn mong muốn giữ lại hình ảnh làng chài năm xưa. Việc định hướng phát triển các làng nghề truyền thống, nhất là các làng chài ven biển phục vụ khách du lịch, chắc chắn sẽ hấp dẫn du khách trong những tour khám phá miền biển. Cùng với ngư dân kéo lưới, cùng thưởng thức “chiến lợi phẩm” từ sức lao động của chính mình, và được nghe kể về con đường màu xanh “làng chài năm xưa - resort bây giờ”. Để tiếp tục phát triển, du lịch Bình Thuận đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó đặc biệt là chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào việc khai thác ngày càng có hiệu quả và bền vững hơn các tiềm năng du lịch của địa phương. Trong đó tập trung vào các vấn đề sau:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng các chính sách cụ thể, tạo môi trường ổn định cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh du lịch. Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh môi trường, bảo đảm kinh tế du lịch phát triển bền vững.

- Tập trung triển khai thực hiện một cách có kế hoạch và đồng bộ về đầu tư cơ

sở hạ tầng du lịch, phát triển nâng cấp các khu, điểm du lịch, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực và tuyên truyền, quảng bá du lịch...

- Tiếp tục triển khai hoàn thành các quy hoạch chi tiết phát triển các khu du lịch để mở rộng địa bàn hoạt động và đa dạng hoá loại hình, sản phẩm du lịch nhất là phát triển lĩnh vực vui chơi, giải trí. Trên cơ sở đó khuyến khích, thu hút đầu tư khu du lịch sinh thái, các vùng hồ, thác, khu căn cứ kháng chiến cũ...; tạo mối liên kết phát triển du lịch giữa các vùng, các tuyến.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển du lịch. Triển khai các chương trình trồng rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo cảnh quan sinh thái phát triển du lịch. Có kế hoạch trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa nghệ thuật truyền thống để thu hút và lưu giữ du khách.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, thu hút du khách và các nguồn đầu tư. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị du lịch trong nước và quốc tế để mở rộng phạm vi kinh doanh du lịch. Tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cán bộ và lao động trong ngành du lịch; có kế hoạch quản lý, sử dụng và phát triển phù hợp yêu cầu của tình hình mới.

- Phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện vấn đề chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, trong đó trọng tâm là việc có kế hoạch chuyển dịch một bộ phận dân cư ở những khu vực phát triển du lịch sang làm nghề dịch vụ.

Về chính sách quản lý, bảo vệ di sản, tài nguyên, môi trường: tỉnh Quảng Nam đã có những chính sách đảm bảo hài hòa giữa đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch với việc bảo tồn giá trị các di sản và cảnh quan môi trường:

- Đối với Di sản Phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam coi việc phát triển du lịch với việc bảo tồn di tích kiến trúc phố cổ là vấn đề chính hết sức quan trọng, nếu như không có các biện pháp điều chỉnh sự phát triển “quá nóng” của du lịch sẽ có nguy cơ gây ảnh hưởng đến các di sản. Do đó, UBND tỉnh có những quy định cụ thể trong đầu tư các dự án du lịch: Ngay trong khu vực phố cổ, việc sửa chữa, xây dựng nhà cửa nhất thiết phải được phép của chính quyền địa phương và buộc phải tuân thủ quy định của tỉnh. Thứ nữa, phát triển cơ sở lưu trú dượt khoát không nằm trong khu phố cổ. Phát triển các loại hình du lịch cao cấp sẽ được quy hoạch dọc biển, dọc các bãi biển để tránh gây ảnh

hưởng đến phố cổ. Việc đầu tư xây dựng ở khu vực này cũng có quy định, những dự án đăng ký đầu tư phải từ 4 sao trở lên, diện tích ít nhất phải 5 ha, trong đó mật độ xây dựng không được quá 20% trong tổng diện tích quy hoạch, độ cao không được quá 3 tầng.

- Đối với đảo Cù Lao Chàm mới được Bộ Văn hoá - Thông tin chính thức công nhận là danh thắng quốc gia, nơi đây có tiềm năng du lịch rất lớn, đồng thời cũng là khu bảo tồn thiên nhiên hết sức quan trọng. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức lớn đối với công tác quản lý, việc bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên đòi hỏi nghiêm ngặt hơn nhằm bảo tồn các giá trị tài nguyên vô giá mà thiên nhiên đã tạo ra. Do vậy, quan điểm của tỉnh Quảng Nam rất thận trọng đối với việc phát triển du lịch trên đảo Cù Lao Chàm, thế mạnh du lịch nơi đây chính là các điều kiện tự nhiên. Vì vậy, tỉnh xác định sẽ không đầu tư xây dựng lớn, và để không ảnh hưởng đến thiên nhiên, môi trường trên đảo, tỉnh chủ trương không khai thác khách du lịch ra thăm Cù Lao Chàm một cách ồ ạt, hạn chế khách lưu trú. Trước đây, tỉnh Quảng Nam đã có thỏa thuận với các nhà đầu tư về một số dự án đầu tư trên đảo; song do các nhà đầu tư không thực hiện được các quy định về bảo vệ môi trường, nên tỉnh đã dừng việc cấp phép đầu tư, cũng như việc cấp đất.

1.3.1.3. Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch ở địa phương

Thành phố Đà Nẵng là cửa ngõ của miền Trung, cửa ngõ Quốc tế thứ 3 của Việt Nam (sau thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), Đà Nẵng có lợi thế về vị trí địa lý, giao thông liên lạc, đặc biệt là cảng biển và sân bay quốc tế; với nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, dải bờ biển dài, môi trường tốt, cảnh quan thiên nhiên đẹp; là trung tâm của con đường di sản văn hóa thế giới, là vùng đất có bề dày về lịch sử, văn hóa... đã tạo cho Đà Nẵng trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách gần xa.

Ngành du lịch thành phố Đà Nẵng phát triển kể từ sau khi tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, mà chủ yếu là từ năm 2000 đến nay. Để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, công tác tổ chức điều hành về du lịch thành phố Đà Nẵng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Trong thời gian qua, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến QLNN về du lịch, trong đó một số văn bản

quan trọng mang tính định hướng, điều hành và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch như: Quyết định số 109/2004/QĐ-UB ngày 22/6/2004 Phê duyệt chương trình “Tập trung phát triển du lịch và các dịch vụ mà thành phố có thế mạnh, xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ lớn của cả nước”; Quyết định số 12/2007/QĐ-UB Ban hành tạm thời xét chọn cơ sở dịch vụ du lịch đạt chuẩn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND ngày 01/3/2007 Ban hành quy định về quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ, bảo vệ cảnh quan môi trường và giữ gìn an ninh trật tự tại các bãi biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Chỉ thị số 02/2007/CT-UBND ngày 11/01/2007 về việc Tăng cường công tác quản lý và chấn chỉnh môi trường du lịch tại các điểm tham quan du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng... Trong số văn bản đã nêu, đặc biệt có 2 văn bản có tác động mạnh mẽ đến nâng cao chất lượng hoạt động và môi trường du lịch, đó là:

- Quyết định số 12/2007/QĐ-UB quy định về điều kiện để công nhận cơ sở đạt chuẩn: Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Thực hiện đúng các quy định của pháp luật lao động về ký kết hợp đồng lao động, khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động; Có chỗ bố trí giữ xe và không lấn chiếm lòng, lề đường gây cản trở giao thông. Về tiêu chuẩn xét chọn cơ sở dịch vụ du lịch đạt chuẩn:

+ Đối với cơ sở dịch vụ ăn uống: Tiêu chuẩn bắt buộc: i) Vị trí, kiến trúc xây dựng của nhà hàng; ii) Trang thiết bị, tiện nghi phục vụ; iii) Dịch vụ và tiện nghi phục vụ; iv) Cán bộ, nhân viên phục vụ; v) Vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiêu chuẩn khuyến khích (được cộng thêm điểm): i) Trang trí nội thất, trang phục nhân viên theo phong cách dân tộc độc đáo; ii) Bàn ghế, các dụng cụ phục vụ ăn uống được trang bị bằng vật liệu cao cấp, sang trọng, đạt trình độ thẩm mỹ cao; iii) Có tranh treo tường, cây xanh, hoa tươi ở khu vực công cộng (tiền sảnh, hành lang, cầu thang...); iv) 100% nhân viên trực tiếp phục vụ trong nhà hàng giao dịch được bằng tiếng Anh hoặc 01 (một) ngoại ngữ thông dụng phù hợp với loại hình phục vụ của nhà hàng; v) Có sân khấu biểu diễn ca nhạc (hoặc có ca sỹ phục vụ hằng đêm).

+ Đối với cơ sở dịch vụ mua sắm: Tiêu chuẩn bắt buộc: i) Sự đa dạng của hàng hoá, chất lượng, phương thức thanh toán; ii) Nhân sự; iii) Vị trí, địa điểm; iv)

Tổ chức tham quan cơ sở. Tiêu chuẩn khuyến khích (được cộng thêm điểm): i) Có khu vực giới thiệu sản phẩm; ii) Có trang thông tin điện tử (Webside) giới thiệu sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu của cơ sở; iii) Có chương trình xây dựng thương hiệu, tri ân khách hàng...

- Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND quy định cụ thể:

+ Tổ chức, cá nhân không được thực hiện các hành vi tại các bãi biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Đổ rác thải chưa được xử lý theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam ra biển; Vứt rác thải không đúng nơi quy định; Ăn xin, bán hàng rong trong khu vực bãi biển; Đánh nhau, gây rối an ninh trật tự; Tiến hành các hoạt động thể thao không được cơ quan có thẩm quyền cho phép; Chăn dắt vật nuôi, thả súc vật, đá bóng, đưa các loại xe vào bãi biển; Tiến hành các hoạt động kinh doanh mà không được cơ quan thẩm quyền cho phép hoặc không đúng với các nội dung đã được cho phép; Mang theo thức ăn, đồ uống để tổ chức ăn uống tại các khu vực không cho phép tổ chức ăn uống theo nội quy của bãi tắm; Khai thác giếng ngầm, giếng khoan tại khu vực bãi biển không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước thẩm quyền.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh tại các bãi biển: Nghiêm cấm sử dụng các vật dụng, thiết bị cũ (lều bạt, dù che nắng và các loại bàn ghế nhựa, dụng cụ...), không đồng bộ, không đảm bảo an toàn sử dụng, mỹ quan, cảnh quan tại nơi kinh doanh được cơ quan nhà nước thẩm quyền cho phép; Có thùng đựng rác, hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, không tổ chức nấu nướng, chế biến thức ăn tại bãi biển, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý của mình; Không được bu bám, chèo kéo khách, không được sử dụng lời nói, hành vi thô tục, thiếu văn hoá đối với khách du lịch; Hướng dẫn, nhắc nhở khách hàng tuân thủ các quy định.

Tỉnh Quảng Nam là một tỉnh nghèo, thuần nông, du lịch Quảng Nam chỉ phát triển sau khi được UNECO công nhận Thánh địa Mỹ Sơn và Phố cổ Hội An là

di sản văn hoá thế giới (tháng 12/1999). Mặc dù trong thời gian gần đây, Quảng Nam xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, cần phải thu hút mạnh đầu tư từ các thành phần kinh tế để phát triển du lịch ngang tầm với di sản thế giới đã được công nhận, “một điểm đến, hai di sản”, nhưng không phải thu hút đầu tư bằng mọi giá, mà phải đầu tư có hiệu quả, đúng quy định và dự án đầu tư phải được đưa vào hoạt động đúng tiến độ. Do vậy trong công tác điều hành và kiểm tra, kiểm soát thực hiện các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn, tỉnh đã chú trọng việc rà soát tiến độ và có những quy định cụ thể để nhà đầu tư thực hiện. Trong năm 2006 và năm 2007, tỉnh Quảng Nam đã rà soát và thu hồi 18 dự án đầu tư du lịch không thực hiện đúng quy định như: nhà đầu tư đăng ký đã quá lâu, nhưng không triển khai thực hiện (do những khó khăn về tài chính, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cũng có thể là do năng lực của nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện dự án) khiến cho các công trình dang dở; hoặc do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư của tỉnh chưa dứt điểm, khiến một số nhà đầu tư không thể chờ quá lâu. Số dự án sau thu hồi được giao cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu đầu tư; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định những chi phí nhà đầu tư cũ đã bỏ ra, nhà đầu tư mới có trách nhiệm hoàn trả các chi phí hợp lý cho nhà đầu tư cũ.

Đồng thời, để khắc phục tình trạng đăng ký đầu tư nhằm mục đích “giữ đất”, UBND tỉnh Quảng Nam đã yêu cầu các nhà đầu tư thực hiện cam kết ký quỹ đảm bảo nghiêm túc khi tiến hành các dự án đầu tư (cụ thể là 10.000 USD/ha), khi dự án đi vào hoạt động tỉnh sẽ trao trả lại số tiền đã ký quỹ. Trong trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng cam kết, sẽ chấp nhận số tiền ký quỹ được sung vào quỹ đầu tư của tỉnh.

1.3.2. Bài học đối với QLNN về du lịch tỉnh Lâm Đồng

Qua nghiên cứu tình hình QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực của một số địa phương trong nước có ngành du lịch phát triển hoặc đang phát triển, tác giả có thể rút ra một số bài học đối với QLNN về du lịch tỉnh Lâm Đồng, như sau:

1.3.2.1. Định hướng phát triển ngành du lịch ở địa phương

Nếu so với Lâm Đồng thì ngành du lịch tỉnh Bình Thuận còn rất non trẻ, nhưng Bình Thuận đã tiến được bước tiến rất dài trong một thời gian ngắn. Từ chỗ hệ thống cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho ngành du lịch hầu như chưa đáng kể, đến nay hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trong đó đặc biệt là hệ thống các khu resort đáp ứng được nhu cầu phục vụ du khách cao cấp. Mục tiêu định hướng của Bình Thuận trong tương lai gần, họ sẽ phấn đấu trở thành điểm du lịch của thế giới, phát triển du lịch xứng tầm và bền vững. Phải nói đây là bước đột phá, tăng tốc phát triển du lịch của Bình Thuận, không những Lâm Đồng mà các địa phương khác cũng khó có thể thực hiện được. Thành công của Bình Thuận có thể được khái quát: (i) Phát hiện cơ hội, nắm bắt thời cơ, tận dụng khai thác cơ hội một cách triệt để; (ii) Cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư thoáng thoáng, cởi mở, lành mạnh; (iii) Tính quyết đoán, tính nhất quán cao của các cơ quan QLNN các cấp, mạnh dạn đổi mới tư duy, nhận thức về chuyên dịch cơ cấu kinh tế mà trong đó cụ thể là khẳng định được tầm quan trọng của ngành du lịch; (iiii) Trong định hướng mục tiêu phát triển thể hiện ý chí “biết nghĩ, dám làm”, “dám chịu trách nhiệm” của tập thể lãnh đạo các cấp, chuyển từ trạng thái “bị động” sang trạng thái “chủ động” trong định hướng phát triển.

Tuy nhiên, trong QLNN về du lịch, Bình Thuận vẫn còn nhiều vấn đề hạn chế mà trong đó chủ yếu là: về quy hoạch còn manh mún, nhiều điểm du lịch, nhiều khu resort còn phát triển một cách tự phát thiếu định hướng quy hoạch một cách hệ thống, chiến lược, nếu không kịp thời chấn chỉnh, điều chỉnh quy hoạch một cách tổng thể thì trong tương lai các khu, điểm du lịch của tỉnh này sẽ trở thành những “chợ du lịch”; về nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, đội ngũ lao động phục vụ hầu như là “chân đất” đi làm du lịch chưa được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ.

Đối với tỉnh Quảng Nam là một tỉnh được tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) hơn 10 năm, nguyên trước đây tỉnh này là một địa phương thuần nông, nhưng kể từ khi được UNECO công nhận hai di sản văn hoá thế giới thì du lịch tỉnh này bắt đầu phát triển. Vấn đề cơ bản là Quảng Nam đã kịp thời điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch phù hợp với xu hướng phát triển du lịch của cả

nước và thế giới, định hướng quy hoạch dựa trên cơ sở các quy luật kinh tế; đồng thời mạnh dạn khẳng định ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn để cùng các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

Tỉnh Khánh Hoà có ngành du lịch phát triển lâu đời, họ đã có bài học về sự quy hoạch và phát triển du lịch mạnh mẽ; nên trong thời gian gần đây, Khánh Hoà đã tổ chức lại quy hoạch không gian lãnh thổ phát triển du lịch để khắc phục những hạn chế về quy hoạch trước đây nhằm phát huy lợi thế du lịch biển của mình.

1.3.2.2. Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở địa phương

Tỉnh Bình Thuận và tỉnh Quảng Nam là hai địa phương đều có ngành du lịch đang phát triển và họ đã dựa vào những tiềm năng, lợi thế so sánh của mình để phát triển du lịch. Để phát triển du lịch, các địa phương này đã có những chính sách để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, tạo cơ sở vật chất cho du lịch. Song vấn đề là phát triển không phải bằng mọi giá, mà họ có chính sách quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường và những giá trị vật thể, phi vật thể mà thiên nhiên cũng như con người đã tạo ra.

1.3.2.3. Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch ở địa phương

Qua nghiên cứu QLNN về du lịch của một số địa phương, phải nói có rất ít địa phương như thành phố Đà Nẵng có những quy định rất cụ thể và rất chặt chẽ trong công tác nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ du lịch và bảo vệ môi trường tại các bãi biển đang khai thác du lịch. Xuất phát từ tình hình thực tiễn, qua kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch, họ đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chấn chỉnh, quản lý chặt chẽ các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đảm bảo tính văn minh, lịch sự, mến khách, môi trường du lịch lành mạnh nhằm đưa ngành du lịch phát triển mạnh hơn.

Những bài học nêu trên, Lâm Đồng có vận dụng để trong công tác định hướng, quy hoạch, hoàn thiện môi trường pháp lý, điều hành, tổ chức thực hiện để phát triển ngành du lịch của mình sớm trở thành ngành kinh tế động lực.

Tóm lại, Chương I của luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh, thành phố. Chương này có 3 nội dung cơ bản mà tác giả tập trung đề cập, đó là:

- Du lịch, thị trường du lịch và phát triển du lịch: Du lịch là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp đa ngành và đã xuất hiện lâu đời ở nhiều nước trên thế giới; nhưng trong thực tế các khái niệm, định nghĩa về du lịch là khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu các khái niệm, định nghĩa về du lịch từ trước đến nay và thực tiễn của du lịch Việt Nam; tác giả luận án cho rằng định nghĩa về du lịch của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) là phù hợp và mang tính tổng quát cao của hoạt động du lịch. Thị trường du lịch là một bộ phận của thị trường chung, do vậy thị trường du lịch cũng thực hiện đầy đủ các quy luật về cung - cầu, giá cả, thị trường... Trong thời đại ngày nay phát triển du lịch là xu hướng tất yếu của một quốc gia, một vùng lãnh thổ (địa phương) hay của doanh nghiệp kinh doanh du lịch nhưng phải đảm bảo được các yêu cầu và điều kiện phát triển của nó; trong đó vấn đề hàng đầu là lợi ích, hiệu quả của du lịch đem lại cho một quốc gia hoặc một địa phương, vùng lãnh thổ.

- QLNN về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh: Đề tài này nghiên cứu QLNN về du lịch của một tỉnh, mà QLNN về du lịch không thoát ly khỏi QLNN về kinh tế nói chung, vì du lịch cũng là một ngành kinh tế như bao ngành kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân. Do đó luận án nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý thuyết của QLNN về kinh tế, QLNN về kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN; từ đó tập trung nghiên cứu QLNN về phát triển kinh tế địa phương để làm cơ sở cho việc nghiên cứu những nội dung QLNN về du lịch ở cấp tỉnh.

- Kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực của một số tỉnh, thành phố như tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hoà, tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Trong khuôn khổ luận án, tác giả nghiên cứu kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực như: Định hướng phát triển ngành du lịch ở địa phương; Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở địa phương; Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch ở địa phương. Đặc biệt đối với tỉnh Bình Thuận là một tỉnh giáp ranh với Lâm Đồng, hơn 10 năm trước người dân ở tỉnh này chưa nhận thức được du lịch là gì, nhưng đến nay ngành du lịch đã phát triển mạnh mẽ và trong tương lai gần sẽ vượt tỉnh Lâm Đồng, nếu Lâm Đồng không kịp đổi mới.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2001 - 2007

2.1. Đặc điểm tự nhiên - kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng có ảnh hưởng đến phát triển du lịch và quản lý nhà nước đối với ngành du lịch

2.1.1. Những yếu tố về môi trường tự nhiên - văn hóa - xã hội tỉnh Lâm Đồng

2.1.1.1. Những yếu tố về tự nhiên

Lâm Đồng là tỉnh miền núi, nằm ở phía nam Tây Nguyên và phía bắc vùng Đông Nam Bộ. Đây là 2 vùng có nhiều tiềm năng phát triển, vùng Đông Nam Bộ là vùng kinh tế năng động nhất của cả nước và vùng Tây Nguyên là vùng giàu tài nguyên thiên nhiên. Phía bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, đông và đông bắc giáp các tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, nam và đông nam giáp tỉnh Bình Thuận, tây nam giáp các tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, tây và tây bắc giáp tỉnh Đắk Nông. Với vị trí địa lý như vậy, Lâm Đồng có nhiều điều kiện để phát triển du lịch: *Thứ nhất*, vùng Đông Nam Bộ là thị trường lớn cung cấp khách du lịch nội địa và là đầu cầu tiếp nhận khách quốc tế cho Lâm Đồng; *Thứ hai*, vùng Tây Nguyên là vùng được Nhà nước có chính sách đặc thù riêng để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển du lịch.

Lâm Đồng không có biển, không có đường biên giới quốc gia, không có đường sắt. Sân bay Liên Khương có quy mô nhỏ, hiện tại chỉ mới khai thác tuyến bay Đà Lạt - thành phố Hồ Chí Minh (02 chuyến/ngày), tuyến bay Đà Lạt - Hà Nội (01 chuyến/ngày). Tuyến đường bộ gồm: các quốc lộ 20, 27, 28, 55 các tỉnh lộ 721, 723 nối liền Lâm Đồng với các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bình Phước, Khánh Hòa. Tuy hệ thống giao thông chưa được thuận lợi so với một số địa phương khác, vận chuyển hàng hoá và hành khách chủ yếu bằng đường bộ, nhưng đã có nhiều tuyến quốc lộ, tỉnh lộ nối với các địa phương trong khu vực và đi cả nước, do đó khoảng cách đường bộ từ Lâm Đồng đi các tỉnh trong khu vực và ngược lại đã được rút ngắn hơn nhiều so với trước đây.

Với diện tích tự nhiên 9.764,78 km² chiếm khoảng 2,9% diện tích cả nước, mật độ dân số 121 người/km²; Lâm Đồng chia làm 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm

có 10 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố với 145 xã, phường, thị trấn. Thành phố Đà Lạt được Nhà nước công nhận đô thị loại II năm 1999, đồng thời là một trong 12 đô thị du lịch của cả nước.

Lâm Đồng nằm trên 3 cao nguyên (cao nguyên Bảo Lộc, Di Linh và Đà Lạt), xen kẽ giữa núi cao, bình nguyên và thung lũng nên địa hình tương đối phức tạp. Địa hình phân bố theo quy luật giảm dần độ cao từ đông bắc xuống tây nam, phân biệt với nhau bởi các sườn dốc có độ chênh lệch khá cao từ 400-500 m. Đặc điểm này đã gây nên những biến đổi về khí hậu, thảm thực vật, thổ nhưỡng... tạo nên những cảnh quan phong phú, đa dạng ở các tiểu vùng; đồng thời phát triển mạnh các loại cây trồng đặc sản địa phương, trong đó đặc biệt là rau, hoa, chè.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng bị chi phối bởi quy luật độ cao và ảnh hưởng của địa hình, nên khí hậu của Lâm Đồng có những điểm đặc biệt so với vùng xung quanh: mát lạnh quanh năm, mưa nhiều, mùa khô ngắn, lượng bốc hơi thấp, không có bão, tạo cho Lâm Đồng có những lợi thế và hạn chế trong phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch nói riêng. Tuy nhiên xét về đặc điểm khí hậu thời tiết có tác dụng tích cực đến sức khỏe con người thì Đà Lạt có khí hậu thuận lợi cho việc phát triển du lịch quanh năm; đồng thời do mùa mưa kéo dài nên hạn chế là tính thời vụ trong du lịch càng thể hiện rõ hơn.

Với lượng mưa bình quân khoảng 1.900 mm/năm, nguồn nước mặt rất lớn, nhưng 80% lượng mưa tập trung vào 4 tháng mùa mưa (tháng 6-9 hàng năm). Hệ thống sông suối Lâm Đồng thường nhỏ hẹp, có nhiều ghềnh, sườn dốc đứng có điều kiện cho đầu tư phát triển thủy điện và những lòng hồ thủy điện là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch; đồng thời tạo nên những thác nước độc đáo tạo cảnh quan cho khai thác du lịch.

Rừng ở Lâm Đồng có mật độ che phủ khoảng 62%, khá phong phú về chủng loại, vừa có giá trị kinh tế và bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, vừa góp phần làm đẹp cảnh quan, nên có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung, du lịch nói riêng. Tính đa dạng của rừng, mà đặc biệt là rừng thông Đà Lạt và vùng phụ cận đã tạo nên nét độc đáo riêng có của Lâm Đồng phục vụ cho phát triển các loại hình du lịch.

Tỉnh Lâm Đồng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có nhiều tiểu vùng có đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng và cảnh quan khác nhau. Lâm Đồng hiện có khoảng 150 khu, điểm (có 17 di tích quốc gia) có tiềm năng đầu tư khai thác du lịch. Hầu hết các khu, điểm có tiềm năng du lịch nổi tiếng được nhiều người trong nước và nước ngoài đều thuộc địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, nằm ở các đô thị, ven trục giao thông chính như quốc lộ 20, 27, tỉnh lộ 723... nên thuận lợi về giao thông và có điều kiện tạo thành cụm, tour du lịch. Một số khu, điểm có vị trí, các điều kiện về tự nhiên - xã hội, cảnh quan thuận lợi cho đầu tư khai thác du lịch quy mô lớn.

2.1.1.2. Những yếu tố về văn hoá

Năm 2007 dân số trung bình tỉnh Lâm Đồng là 1.207.087 người, có hơn 40 dân tộc cùng chung sống, trong đó có 24% dân số là dân tộc thiểu số, riêng đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) gốc Tây Nguyên có khoảng 185.000 người, chủ yếu là các dân tộc K'ho, Chill, Churu, Stiêng, Mạ... Chính từ đặc điểm có nhiều dân tộc cùng chung sống nên đã tạo cho Lâm Đồng có một kho tàng văn hóa dân gian đặc sắc gắn với tập quán sinh hoạt và lao động truyền thống của nhân dân các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng có giá trị đối với phát triển du lịch.

Cũng như đa số các cư dân nông nghiệp khác, do sống trong điều kiện hầu như hòa nhập vào tự nhiên nên nhân dân các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng còn lưu giữ được nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống phản ánh quan niệm về thế giới tự nhiên và tín ngưỡng của họ. Đây là các lễ nghi với tập quán canh tác nông nghiệp còn mang đậm nét sơ khai.

Trong quan niệm người Mạ, K'ho, Mnông hay Churu tự nhiên không phải là vô tri, mà là một thế giới hữu linh cũng có những tình cảm và lối ứng xử như thế giới loài người và hai bên hoàn toàn có thể hiểu được nhau và đối thoại được với nhau. Do vậy trước khi làm việc gì tác động đến thế giới tự nhiên người ta phải cúng lễ theo một nguyên tắc nghiêm ngặt. Tiêu biểu là các lễ cúng cơm mới, lễ hội công chiêng và lễ hội đâm trâu.

- Lễ cúng cơm mới: Lễ cúng cơm mới là một trong những lễ hội truyền thống của người Mạ, K'ho là hình thức cầu xin thần linh cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, ngăn thú rừng không cho chúng phá nương rẫy diễn ra trùng với tết nguyên đán của người Kinh.. Cúng lúa mới, cơm mới cũng là để con cháu biết quý hạt thóc, hạt gạo. Lễ cúng gồm có: gạo thơm mới, chén rượu cần, gà trống giò, heo đực thiến và các loại thú rừng bẫy được. Lễ hội bắt đầu bằng việc khấn Giàng của thầy cúng, kế đến là tục vẩy rượu để chúc mọi người. Cuối cùng là uống rượu, hát tình ca, trường ca và tân pót (dân ca Mạ, K'ho) trong tiếng cồng chiêng rộn rã. Lễ hội kéo dài suốt đêm cho đến sáng hôm sau là cơ hội để du khách tìm hiểu, nghiên cứu.

- Lễ hội đâm trâu: Đây cũng là một Lễ hội phổ biến chung ở Tây Nguyên thường diễn ra sau mùa thu hoạch trùng vào dịp tết đầu xuân (gọi là lễ Sa Rơ Pu) để tạ ơn thần linh. Theo tập quán, mỗi năm một gia đình hiến một con trâu. Nghi lễ được tổ chức ngoài trời, trước cửa gia đình hiến trâu. Lễ nghi thường kéo dài nhiều ngày, được người miền xuôi gọi là tết Thượng. Là một nghi thức được tổ chức công phu từ việc dựng cây nêu, đến việc chọn người thể hiện điệu vũ tế thần, cách thức đâm trâu, xẻ thịt, ... và bao giờ cũng phải có dàn cồng chiêng đi cùng, rất có giá trị tham quan nghiên cứu.

- Lễ hội cồng chiêng: Cồng chiêng là thứ nhạc khí không thể thiếu được trong các lễ hội của đồng bào các dân tộc ít người ở Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng. Đối với người dân tộc Tây Nguyên, cồng chiêng không chỉ đơn thuần là loại nhạc khí, mà chúng còn tượng trưng cho thần linh, theo quan niệm của người Tây Nguyên “cồng chiêng” là biểu tượng của thần đất hay mặt trăng, còn “trống” là biểu tượng của mặt trời. Cho nên lễ hội cồng chiêng ngoài ý nghĩa là một hoạt động văn hóa cộng đồng còn là dịp con người muốn thể hiện nguyện vọng giao tiếp với thần linh. Hiện nay cùng với thời gian, các hình thức sinh hoạt lễ hội như đâm trâu, cồng chiêng đã bị mai một dần. Lâm Đồng chỉ còn vài nơi còn duy trì lễ hội cồng chiêng trong các bản làng dân tộc K'ho, Mạ. Các hình thức lễ hội này cần được duy trì, phát triển hoặc dựng lại trong các chương trình du lịch nhằm thu hút khách.

Ngoài các lễ hội truyền thống dân gian của ĐBDTTS gốc Tây Nguyên, trong những năm gần đây Lâm Đồng tổ chức các lễ hội và dần dần sẽ trở thành lễ hội truyền thống, như:

- Lễ hội Đà Lạt (hội nghệ nhân ngành thêu): Hàng năm cứ vào ngày 12/6 âm lịch, tất cả các nghệ nhân, nghệ sĩ ngành thêu cả nước đều đổ về Đà Lạt để tham gia lễ giỗ tổ của ngành thêu. Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày. Ngày thứ nhất là những nghi thức về “hội làng hương” diễn ra ở XQ - Sử Quán; trong đó có các lễ rước như “buộc chỉ ước nguyện nghề thêu”, “làm nguôi giận các vị thần linh” và các chương trình khác như “thời trang của người thợ thêu”, ... Ngày thứ hai của lễ hội thi “người đẹp ngành thêu”, “đêm ẩm thực”, và chương trình thời trang qua các bộ sưu tập “hành trình chiếc lá rơi”, “nắng thủy tinh”, ... tất cả chương trình này đều được các nghệ sĩ của XQ trình diễn trên phố đi bộ tại thành phố Đà Lạt, qua các con đường Phan Bội Châu, Lê Đại Hành và Nguyễn Thị Minh Khai. Ngoài ra du khách có thể tham gia các chương trình ảo thuật đường phố và “lễ hội đêm yêu đương của người thợ thêu”.

- Festival Hoa Đà Lạt được tổ chức 2 năm một lần, bắt đầu từ cuối năm 2005 và đã tổ chức được 2 lần. Chương trình trọng tâm của Festival gồm hội chợ triển lãm hoa, hội thảo về hoa, hội chợ du lịch thương mại, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp với sự tham gia của nhiều đoàn nghệ thuật trong cả nước, ... Ngoài ra còn có các hoạt động khác như trình diễn xe hoa và nhiều chương trình lễ hội đa dạng khác, như: hội thi leo núi Langbiang, lễ hội tình yêu, đêm hội rượu vang Đà Lạt, ... Một số nghệ nhân về hoa của một số nước một số nước trên thế giới cũng đến tham gia Festival Hoa Đà Lạt. Đây là những hoạt động góp phần thu hút khách du lịch.

- Lễ hội văn hoá Trà lần đầu tiên được tổ chức vào cuối năm 2006 tại thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (sau đó cứ 2 năm tổ chức một lần) cũng đã thu hút được nhiều du khách quốc tế và trong nước; có 50 thương hiệu trà trên cả nước đã hội tụ về đây và đem đến cho du khách một thế giới trà Việt. Các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội đã đem lại cho du khách dấu ấn đậm nét về sản phẩm trà, sản phẩm lâu đời của Lâm Đồng và khám phá mùa đông của thành phố

cao nguyên; thông qua đó đã quảng bá hình ảnh của du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng với bạn bè trong nước và thế giới.

Các nghề thủ công truyền thống: Lâm Đồng cũng là nơi có các nghề thủ công truyền thống có giá trị phục vụ du lịch cao. Tiêu biểu là các nghề dệt vải thổ cẩm từ sợi bông, đan len, chạm khắc gỗ tinh xảo, đặc biệt là nghề thêu, nghề trồng hoa, ... nên đã tạo ra hàng trăm loại sản phẩm lưu niệm có giá trị mà bất cứ ai đến Lâm Đồng đều muốn mua để kỷ niệm cho một chuyến đi đáng nhớ.

Các công trình kiến trúc có giá trị: Đà Lạt là thành phố cao nguyên, mang tính du lịch nghỉ dưỡng ngay từ thời kỳ sơ khai, kiến trúc Đà Lạt có nét độc đáo: nhà ở của Đà Lạt chủ yếu là dạng biệt thự có sân vườn, được xây dựng hài hòa với địa hình và phong cảnh tự nhiên. Kiến trúc Đà Lạt thực sự mang đặc tính riêng. Hiện nay trên thành phố có hơn 2.000 biệt thự lớn nhỏ mà mỗi biệt thự đều có những nét kiến trúc độc đáo riêng, tạo nên một phong cách kiến trúc lấy thiên nhiên thơ mộng của Đà Lạt làm bối cảnh nên đã có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Có thể coi Đà Lạt như một thành phố bảo tàng kiến trúc độc đáo của Việt Nam, một sự kết hợp hài hòa giữa ý tưởng về phong cách và bàn tay tài hoa của người Đà Lạt đã tạo dựng nên một tài nguyên quý giá trên miền đất cao nguyên, một sản phẩm du lịch đặc sắc cần được quan tâm nâng cấp, gìn giữ.

2.1.1.3. Những yếu tố về xã hội

Thời kỳ sau giải phóng đến nay, dân số của Lâm Đồng liên tục tăng với tốc độ cao và nhất là tăng cơ học, dân di cư tự do đến Lâm Đồng từ giai đoạn 1980-2000 là 252.890 người. Tập quán sinh hoạt, trình độ sản xuất, mặt bằng dân trí của ĐBDTTS trong những năm gần đây đã được nâng lên đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn ở tình trạng lạc hậu và thấp hơn rất nhiều so với mặt bằng chung của toàn tỉnh; đời sống thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao. Lao động nông nghiệp cũng liên tục tăng, hiện chiếm khoảng 77% lao động xã hội, gây sức ép rất lớn về mở rộng diện tích đất nông nghiệp. Đây chính là những yếu tố ảnh hưởng đến việc mở rộng các điểm du lịch, trình độ đội ngũ lao động phục vụ cho ngành du lịch, lấn chiếm đất rừng làm tàn phá cảnh quan môi trường du lịch.

Bảng 2.1. Dân số - Lao động tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2001 - 2007

Hạng mục	Đơn vị	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
1. Dân số trung bình	Người	1.068.304	1.095.010	1.120.090	1.138.650	1.160.996	1.183.802	1.207.087
Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%/ năm	1,87	1,86	1,63	1,63	1,73	1,54	1,51
1.1 Dân số thành thị	Người	410.122	413.361	420.030	425.213	436.070	444.791	457.875
- Tỷ lệ so với tổng dân số	%	38,4	37,7	37,5	37,3	37,56	37,57	37,93
1.2 Dân số nông thôn	1000Ng	658.182	681.649	700.060	713.437	724.926	739.011	749.212
- Tỷ lệ so với tổng dân số	%	61,6	62,3	62,5	62,7	62,44	62,43	62,07
2. Lao động xã hội	Người	621.309	645.898	670.738	695.609	710.625	728.391	743.928
- Tỷ lệ so với tổng dân số	%	58,16	58,98	59,88	61,09	61,2	61,53	61,63
- Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	515.661	537.259	560.585	585.107	609.663	633.263	647.546
- Tỷ lệ so với lao động XH	%	83,0	83,2	83,6	84,1	85,8	86,9	87,04
3. Các chỉ số về lao động								
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	14,4	16,0	18,0	19,5	21,5	25,7	26,8
- Tỷ lệ thất nghiệp KVT	%	4,76	5,68	4,72	4,41	4,13	4,10	4,08
- Tỷ lệ sử dụng TGLĐKVNT	%	78,78	78,33	81,86	84,56	85,25	83,00	82,9

Nguồn: Niên giám Thống kê, Sở LĐ - TB & XH tỉnh Lâm Đồng

2.1.2. Khái quát về kinh tế - xã hội của Lâm Đồng giai đoạn 2001 - 2007

2.1.2.1. Phát triển kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 2001-2007, kinh tế Lâm Đồng liên tục phát triển với nhịp độ tăng trung bình hàng năm đạt 12,4%, cao hơn mức trung bình toàn quốc, nhờ vậy mà khoảng chênh lệch về GDP bình quân đầu người của Lâm Đồng so với mức trung bình toàn quốc ngày càng được rút ngắn. Những kết quả đạt được thể hiện trên một số lĩnh vực sau:

Bảng 2.2. Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế thời kỳ 2001 - 2007

TT	Một số chỉ tiêu	ĐVT	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
1	Tăng GDP hàng năm (Giá CĐ 94)	%	9,9	-11,1	24,6	16,0	17,8	18,2	14,2

2	GDP bình quân đầu người (Giá TT)	1000đ	2.930	3.350	3.890	4.830	6.110	7.880	9.646
3	Tốc độ tăng GTSX (Giá TT)	%	6,3	15,8	18,2	28,0	28,4	27,4	23,7
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	1,7	24,3	22,0	32,2	23,5	28,0	22,7
	+ Công nghiệp - Xây dựng	"	8,7	5,1	12,2	25,2	41,9	28,6	23,7
	+ Dịch vụ	"	12,1	14,2	17,9	22,8	23,8	24,9	26,1
4	Cơ cấu kinh tế (Giá thực tế)		100	100	100	100	100	100	100
	+ Ngành nông - lâm - thủy sản	%	44,6	47,8	49,4	50,9	49,7	50,2	49,9
	+ Ngành công nghiệp - Xây dựng	"	20,9	18,6	17,5	17,0	19,5	19,5	19,4
	+ Ngành dịch vụ	"	34,5	33,6	33,1	32,1	30,8	30,3	30,7

Nguồn: Niên giám Thống kê Lâm Đồng

- Từng bước huy động được nhiều tầng lớp nhân dân, nhiều thành phần kinh tế tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh; huy động nhiều nguồn vốn, kể cả nguồn vốn của nước ngoài. Nhờ những bước tiến của công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp mà đời sống, thu nhập của khu vực thành thị, nông thôn được cải thiện và tăng khá nhanh, giải quyết được căn bản việc làm cho người lao động.

- Ngành nông nghiệp phát triển với tốc độ nhanh, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao đóng vai trò tăng trưởng kinh tế chính của tỉnh.

- Các ngành công nghiệp, dịch vụ đã hướng vào khai thác các thế mạnh của tỉnh nên đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá trong giai đoạn 2001-2007, đồng thời sẽ tiếp tục tăng trưởng theo đúng lợi thế và khả năng khai thác của nó.

- Lĩnh vực y tế, chăm lo sức khỏe, văn hóa, giáo dục phát triển không ngừng. Hệ thống trường lớp được Nhà nước đầu tư phát triển xuống từng khu vực dân cư, kể cả vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBDTTS; các chương trình y tế được triển khai thực hiện tốt, trong những năm gần đây không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Người dân ngày càng được hưởng lợi nhiều từ các công trình phúc lợi công cộng như điện, đường, trường, trạm nhờ sự đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực trong dân.

- Tính đến cuối năm 2007, hộ nghèo toàn tỉnh còn 40.249 hộ, chiếm tỉ lệ 15,95%; trong đó ĐBDTTS còn 20.260 hộ, chiếm tỉ lệ 42,75%; là tỉnh có hộ nghèo thấp nhất trong khu vực 5 tỉnh Tây Nguyên.

2.1.2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng

Là tỉnh nghèo, dân di cư tự do không ngừng tăng lên hàng năm và có nhiều vùng kinh tế mới, với địa bàn rộng, mật độ dân số thấp, địa hình chia cắt và có nhiều khu vực khá hiểm trở, nhưng với những cố gắng vượt bậc, đến nay Lâm Đồng đã hình thành được mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng tuy chưa

được như mong đợi, nhưng là yếu tố rất quan trọng cho phát triển KT-XH trong thời gian qua và trong tương lai.

- Giao thông: Đã hình thành được mạng lưới đường với tổng chiều dài 1.800 km (không kể 2.600 km đường giao thông nông thôn), mật độ đường 0,18 km/km² và 3,8 km/1000 dân. Tính đến năm 2007 có 145/145 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó có 109 xã có đường ô tô đến thôn.

- Thủy lợi: Đã xây dựng và nâng cấp 181 công trình thủy lợi, bao gồm 73 hồ chứa, 98 đập dâng, 10 trạm bơm và trên 10.000 máy bơm nhỏ, tổng diện tích tưới bằng các công trình này đạt: 6.300 ha lúa đông xuân, 11.400 ha lúa mùa, 4.000 ha rau màu, 10.000 ha cây công nghiệp. Tuy nhiên, nhiều trong số các công trình này đã xuống cấp, diện tích được tưới còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với diện tích đất canh tác, nhất là đối với vùng cây công nghiệp.

- Mạng lưới trường học: Đến năm học 2007-2008 đã hình thành mạng lưới trường học với tổng số 615 trường với 7.644 phòng học. Đã phổ cập giáo dục trung học cơ sở được 132/145 xã, phường, thị trấn và phấn đấu đến cuối năm 2008 sẽ hoàn thành phổ cập THCS trên địa bàn toàn tỉnh.

- Mạng lưới y tế: Tính đến cuối năm 2007, toàn tỉnh có 12 bệnh viện trên tất cả các huyện, thị, thành phố (trong đó có 3 bệnh viện tuyến tỉnh), 19 phòng khám khu vực (cho các trung tâm tiểu vùng ở xa), 1 viện điều dưỡng, 1 khu điều trị bệnh phong, 2 nhà hộ sinh khu vực, 1 trung tâm phục hồi chức năng trẻ tàn tật; 100% số xã, phường, thị trấn có trạm y tế và có 75% số trạm y tế có bác sĩ. Tổng số giường bệnh 2.402 giường, bình quân 1 vạn người dân đã có 21 giường bệnh và 4,6 bác sĩ.

- Mạng điện: 100% xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia. Tốc độ gia tăng tiêu thụ điện bình quân từ 18-20%/năm, riêng điện cho chiếu sáng và sinh hoạt có tốc độ gia tăng 20-25% và hiện chiếm 50% tổng sản lượng điện tiêu thụ.

- Mạng lưới thông tin và viễn thông: Đã hình thành mạng lưới điện thoại từ tỉnh đến tất cả các xã, điện thoại di động đã phủ sóng đến các vùng sâu, vùng xa đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân và phục vụ cho nhu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tính đến tháng 12/2007 toàn tỉnh có 728.679 máy điện thoại, với mật độ bình quân 61,14 máy/100 dân (cả nước mật độ

bình quân 55,22 máy/100 dân); có 16.777 thuê bao Internet.

2.1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và kinh tế - xã hội

2.1.3.1. Các lợi thế

- Thuận lợi trong việc mở rộng giao lưu với khu vực Đông Nam Bộ, nhất là với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Sự phát triển mạnh mẽ kinh tế của khu vực này là một trong những cơ hội tốt cho phát huy các lợi thế của Lâm Đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch, chế biến nông lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Khí hậu thuận lợi cho phát triển du lịch và nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học và đào tạo. Phát triển tốt các loại cây trồng, vật nuôi có nguồn gốc á nhiệt đới và ôn đới ngay trong vùng có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo. Nhu cầu lượng nước tưới cho cây trồng trong mùa khô thấp hơn nhiều so với các tỉnh khác ở Đông Nam bộ và Tây Nguyên, cũng như cả nước.

- Đất đai có độ phì khá, diện tích bị thoái hóa chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Các loại đất thích hợp cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao về đại thể là tập trung thành các vùng có quy mô khá lớn, thuận lợi cho tổ chức khai thác và bảo vệ.

- Khoáng sản ở Lâm Đồng khá đa dạng về chủng loại, nhiều loại có giá trị khai thác công nghiệp. Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam thuộc Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam đã tổ chức lễ khởi công dự án Tổ hợp bauxite-nhôm (giai đoạn I) tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với công suất 600.000 tấn alumin/năm, vốn đầu tư 493,5 triệu USD.

- Rừng ở Lâm Đồng khá phong phú về chủng loại, vừa có giá trị kinh tế, bảo vệ môi trường và có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch của tỉnh. Có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước của hệ thống sông Đồng Nai là hệ thống sông có nhiều tiềm năng lớn về thủy điện và có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội vùng Đông Nam Bộ.

- Có nhiều cảnh quan ngoạn mục và độc đáo, kết hợp với các lợi thế về vị trí địa lý, khí hậu và tài nguyên nhân văn đa dạng, đã tạo nên ưu thế nổi trội về phát triển du lịch so với các địa phương khác trong cả nước. Cảnh quan và danh lam thắng cảnh phân bố khá tập trung thành các cụm, hầu hết ở ven các quốc lộ và quanh 2 đô thị lớn là thành phố Đà Lạt và thị xã Bảo Lộc, rất thuận lợi cho xây dựng các cụm du lịch với

những nét đặc sắc của mỗi khu vực. Lâm Đồng, đặc biệt là thành phố Đà Lạt là nơi khí hậu mát mẻ quanh năm, nổi tiếng với nhiều loại hoa đẹp, với những cảnh quan thơ mộng. Lâm Đồng có tài nguyên nhân văn khá đa dạng, nơi hội tụ nền văn hóa của nhiều dân tộc, với nhiều di tích lịch sử và công trình kiến trúc có giá trị; có nhiều lễ hội và nhiều ngành nghề thủ công truyền thống; kết hợp với cảnh quan, khí hậu, môi trường đã tạo nên ưu thế nổi trội về phát triển du lịch.

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với cả 3 vùng: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

2.1.3.2. Các hạn chế

- Việc huy động một số tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế phần nào bị hạn chế do yêu cầu về các mối quan hệ và phát triển bền vững với vùng hạ lưu.

- Do chỉ có giao thông đường bộ là chủ yếu với địa hình chia cắt mạnh và ở xa cảng biển nên đã hạn chế không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xuất phát điểm của nền kinh tế Lâm Đồng còn thấp so với nhiều tỉnh, thành phố trong cùng khu vực. Đời sống dân cư còn gặp nhiều khó khăn, tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm không ổn định, cơ cấu kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp chiếm tỉ trọng khoảng 50% trong GDP vì vậy khả năng thu hút nguồn lực từ nội lực là rất hạn chế.

- Nguồn lao động dồi dào song trình độ lao động được đào tạo thấp, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, trình độ dân trí ở vùng ĐBĐTTTS thấp. Tình trạng dân di cư tự do từ các tỉnh đến Lâm Đồng ngày càng tăng, tạo nên gánh nặng lớn cho tỉnh.

- Do đặc điểm mùa mưa kéo dài và tập trung vào tháng 7-8 hàng năm nên đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động du lịch, vào thời gian này là mùa hè là thời điểm tập trung khách du lịch nhiều nhất trong năm. Đây là yếu tố cần phải được tính toán trong khi nghiên cứu đề xuất các loại hình du lịch phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả và tính liên tục của các hoạt động du lịch Đà Lạt.

2.2. thực trạng Quản Lý Nhà Nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001 - 2007

2.2.1. Thực trạng quản lý nhà nước về định hướng phát triển du lịch

2.2.1.1. Những nội dung chủ yếu của chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 1996 - 2010

Lâm Đồng nhận thức được tầm quan trọng của công tác định hướng phát triển

du lịch - tháng 11/1995 dự thảo chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lâm Đồng giai đoạn 1996-2010 hoàn thành. Được thảo luận sâu rộng, ngày 11/7/1996 UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 762/QĐ-UB về phê chuẩn đề án tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1996-2010. Sau 5 năm thực hiện, ngày 20/11/2001 Tỉnh ủy Lâm Đồng lại có Nghị quyết số 03-NQ/TU về phát triển kinh tế du lịch thời kỳ 2001-2005 và định hướng đến năm 2010. Đến 21/9/2006 Tỉnh ủy Lâm Đồng có Nghị quyết số 06-NQ/TU về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ du lịch giai đoạn 2006-2010. Nội dung bao quát của chiến lược, quy hoạch phát triển như sau:

- Về quan điểm phát triển, tỉnh chủ trương:

+ Tăng tốc, tạo sự đột phá trong phát triển du lịch địa phương.

+ Phát triển du lịch theo hướng bền vững trên cơ sở khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ giữ gìn môi trường du lịch và bản sắc văn hóa dân tộc trong tỉnh.

+ Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế; tranh thủ nguồn lực từ bên trong, từ bên ngoài.

+ Phát triển du lịch trên cơ sở bảo đảm phù hợp liên ngành, liên vùng trong đó du lịch là ngành động lực.

+ Phát triển du lịch theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa, du lịch chất lượng cao, văn minh và hiệu quả KT-XH cao.

- Về mục tiêu, xác định các chỉ tiêu chủ yếu (theo điều chỉnh năm 2006) đến năm 2010 như sau:

+ Chỉ tiêu về GDP du lịch chiếm tỉ trọng 28% GDP toàn tỉnh (423 triệu USD/1506 triệu USD)

+ Các chỉ tiêu về khách du lịch: Đón được 3 triệu lượt khách, trong đó có 0,3-0,5 triệu lượt khách quốc tế. Ngày lưu trú bình quân 3,8-4 ngày.

+ Về cơ sở vật chất: Đưa vào khai thác 2 khu du lịch trọng điểm là Khu du lịch hồ Tuyền Lâm và Khu du lịch Đan Kia-Suối Vàng. Có trên 10 khu, điểm du lịch được đầu tư, nâng cấp. Về cơ sở lưu trú đạt 15-17 nghìn phòng, trong đó có 10% số

phòng đạt chuẩn từ 3-5 sao.

- Về định hướng phát triển loại hình du lịch và sản phẩm du lịch:

Định hướng chung là: Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng, gia tăng khả năng thu hút khách.

Các loại hình sản phẩm được chọn, gồm 6 loại hình là: 1. Du lịch nghỉ dưỡng; 2. Du lịch sinh thái; 3. Du lịch tham quan; 4. Du lịch thể thao; 5. Du lịch vui chơi giải trí; 6. Du lịch hội nghị-hội thảo.

Để đảm bảo cho lựa chọn loại hình trên, tỉnh đã đề ra 10 nhóm biện pháp. Đáng lưu ý là các biện pháp: Điều tra đánh giá chính xác hiện trạng về tài nguyên, phân loại hệ thống dịch vụ, khách sạn để phát hiện các tiềm năng chưa khai thác, các yếu kém của hệ thống hiện tại nhằm có kế hoạch khắc phục; Khuyến khích đầu tư phát triển các loại hình vui chơi, giải trí; Quy hoạch làng văn hóa các dân tộc, các điểm khai thác ca múa nhạc, phong tục đặc sắc của các dân tộc Tây Nguyên; Phân loại, hệ thống hóa, tổ chức chu đáo lễ hội truyền thống trên địa bàn, có chính sách xúc tiến quảng bá loại sản phẩm du lịch này; Khuyến khích quy hoạch lại các làng nghề truyền thống; Khuyến khích mở các điểm trưng bày, các cửa hàng kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm; Liên kết với các địa phương phụ cận để phối hợp mở thêm các sản phẩm du lịch nhất là du lịch biển, sinh thái, văn hóa Tây Nguyên, hội nghị-hội thảo.

- Về định hướng tổ chức các loại hình kinh doanh du lịch:

Định hướng chung: Xây dựng một hệ thống loại hình chuyên môn hóa theo quy trình khai thác và kinh doanh hiện đại.

Tỉnh chọn một hệ thống gồm 5 loại hình cụ thể: 1. Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; 2. Doanh nghiệp thông tin, quảng cáo, tư vấn; 3. Doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, nhà hàng; 4. Doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển du lịch; 5. Doanh nghiệp kinh doanh các hoạt động vui chơi, giải trí, thể thao, nghỉ dưỡng, dịch vụ (mua bán hàng hóa, hàng lưu niệm...).

- Định hướng phát triển không gian du lịch trên địa bàn lãnh thổ địa phương (phát triển du lịch theo lãnh thổ):

Định hướng chung: Cơ sở để tổ chức không gian du lịch được xác định là: Sự phân bố nguồn tài nguyên du lịch; kết cấu hạ tầng; nhu cầu của khách du lịch. Tổ chức không gian du lịch phải nhất quán, phù hợp với không gian KT-XH của lãnh thổ nghiên cứu và mối quan hệ về du lịch với các lãnh thổ lân cận, tạo nên sự hài hòa trong không gian phát triển KT-XH trên địa bàn lãnh thổ địa phương, cũng như trên những vùng lãnh thổ rộng lớn hơn.

Tình lựa chọn các hình thức tổ chức không gian du lịch cụ thể: cụm du lịch; tuyến du lịch và các điểm du lịch. Phát triển 3 cụm du lịch chủ yếu là Đà Lạt, Bảo Lộc, cụm Nam Cát Tiên - Trong từng cụm xác định các điểm du lịch quan trọng.

+ Cụm Đà Lạt và vùng phụ cận, có: Rừng cảnh quan gồm 13.300 ha rừng lá kim (thông 2 lá, 3 lá), rừng hồ giao; các hồ nước nổi tiếng như: hồ Xuân Hương, hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng, hồ Đa Thiện, hồ Than Thở, hồ thủy điện Đại Ninh, hồ thủy điện Đa Nhim...; các thác nước như: thác Cam Ly, thác Prenn, thác Đatanla, thác Hang Cọp, thác Đa Sar...; các đỉnh núi như: Langbiang (Núi Bà), Núi Voi...; các công trình kiến trúc cổ; Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà.

+ Cụm Bảo Lộc và vùng phụ cận có: Thác Đamb'ri là thác hùng vĩ nhất ở Lâm Đồng, khu du lịch hồ Lộc Thắng, khu du lịch rừng Madaguôi...

+ Cụm Nam Cát Tiên và vùng phụ cận mà tâm điểm là Vườn quốc gia Cát Tiên có khu rừng cấm Cát Lộc khoảng 35.000 ha có các bàu nước ngập như Bàu Sấu, Bàu Cá, Bàu Chim (quần tụ các loại động thực vật đặc trưng); quần thể di tích lịch sử Bà La Môn Giáo của Vương quốc cổ Phù Nam.

Tuyến du lịch là sự kết nối các điểm du lịch, đa dạng có sức thu hút khách du lịch (bởi tài nguyên thiên nhiên, nhân văn đặc sắc, cơ sở vui chơi giải trí, cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, môi trường trong sạch...). Quy hoạch cũng dự kiến sẽ tổ chức một loạt tuyến du lịch chuyên đề, các tuyến du lịch tổng hợp trong và ngoài tỉnh (kể cả nước ngoài).

- Định hướng đầu tư phát triển du lịch, chọn các hướng chính sau:

+ Phát triển các cơ sở lưu trú - chú trọng về chất lượng.

+ Phát triển các công trình dịch vụ du lịch, công trình thể thao tổng hợp, hội chợ triển lãm, khu hội thảo quốc tế, nhà hàng ăn uống, dịch vụ mang tầm cỡ quốc tế.

+ Phát triển các công trình vui chơi giải trí tổng hợp như làng hoa cây cảnh, công viên văn hóa gắn với các địa danh, các làng văn hóa Tây Nguyên...

+ Tôn tạo các di tích văn hóa - lịch sử, phát triển các lễ hội truyền thống (chú trọng cả vật thể, phi vật thể, đặc biệt là hướng văn hóa truyền thống).

+ Xây dựng trung tâm tư vấn đầu tư phát triển du lịch.

+ Xây dựng hệ thống an ninh, an toàn du lịch.

Trên cơ sở định hướng phát triển du lịch dài hạn 1996-2010, tỉnh Lâm Đồng đã quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết từng cụm, từng dự án đầu tư phát triển cụ thể [48,50,59].

2.2.1.2. Những nhận xét đánh giá qua 10 năm thực hiện chiến lược phát triển du lịch

Trải qua hơn 10 năm thực hiện chiến lược, quy hoạch nhất là những năm gần đây (2001-2007), tình hình thực tế cho phép đánh giá kết quả và qua đó nhìn lại các định hướng đã xác định:

- Về nhịp độ tăng trưởng và tỉ trọng GDP du lịch trong GDP toàn tỉnh: Tỉ trọng GDP du lịch trong GDP toàn tỉnh năm 2005 đạt 9,96%, nhịp độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1996-2005 đạt 14,9%/năm.

Bảng 2.3. Giá trị GDP các ngành kinh tế của Lâm Đồng

Đơn vị: Tỷ đồng (giá so sánh 1994)

Chỉ tiêu	1995	2000	2005	Tốc độ tăng trưởng(%)	
				1996-2000	2001-2005
GDP toàn tỉnh	2.139,7	3.560,5	6.018	10,63	10,7
Chia theo ngành kinh tế					
1. Nông, lâm, thủy sản	1.488,5	2.521,0	3.639,3	11,11	7,62
Tỷ lệ % so với tổng GDP	69,56	70,80	61,47		
2. Công nghiệp, xây dựng	246,8	468,7	1.192	13,08	20,52
Tỷ lệ % so với tổng GDP	11,53	13,16	20,13		
3. Dịch vụ	404,4	570,8	1.088,3	7,06	13,78
Tỷ lệ % so với tổng GDP	18,91	16,04	18,40		
- Trong đó du lịch	149,4	201,0	599,7	6,1	24,4
Tỷ lệ % so với tổng GDP	6,98	5,64	9,96		

Nguồn: Niên giám Thống kê Lâm Đồng

- Về mục tiêu thu hút khách nội địa và quốc tế: Trong 7 năm (2001-2007) khách du lịch đến Lâm Đồng tăng bình quân hàng năm là 18,65%, đến năm 2007 lên tới 2,35 triệu lượt khách. Trong đó khách nội địa tăng bình quân 19,35%, khách quốc tế tăng bình quân 10,5%. Điều đáng quan tâm là năm 2003 khách nội địa tăng đột biến (tăng 32,3% so với năm trước), trong khi đó khách quốc tế lại giảm (giảm 23,5% so với năm trước). Từ 2004-2007 nhịp độ tăng cả khách nội địa và khách quốc tế đều đặn hơn. Năm 2007 khách quốc tế đạt 140 nghìn lượt người, khách nội địa đạt 2.210 nghìn lượt người.

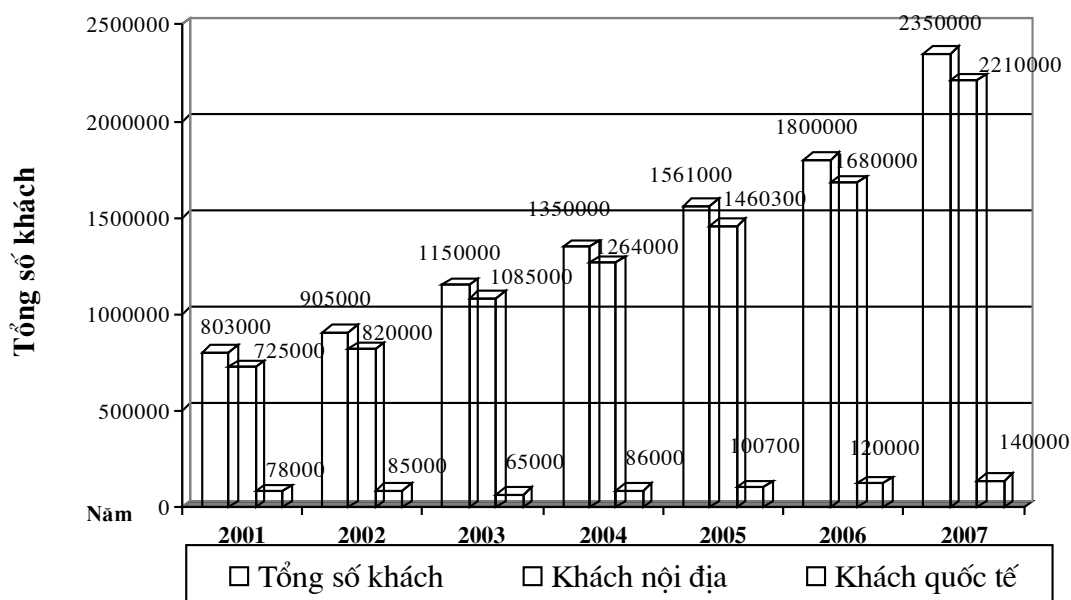
Bảng 2.4. Số lượng khách du lịch đến Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007

ĐVT: Lượt khách

Năm	Tổng lượng khách		Khách nội địa		Khách quốc tế	
	Số lượng	% tăng so với năm trước	Số lượng	% tăng so với năm trước	Số lượng	% tăng so với năm trước
2000	710.000	17,70	640.420	20,20	69.580	-0,60
2001	803.000	13,10	725.000	13,20	78.000	12,10
2002	905.000	12,70	820.000	13,10	85.000	9,00
2003	1.150.000	27,10	1.085.000	32,30	65.000	-23,50
2004	1.350.000	17,40	1.264.000	16,50	86.000	32,30
2005	1.561.000	15,60	1.460.300	15,50	100.700	17,10
2006	1.800.000	15,30	1.680.000	15,00	120.000	19,20
2007	2.350.000	30,50	2.210.000	31,50	140.000	16,70

Nguồn: Sở Du lịch và Thương mại Lâm Đồng

THỰC TẾ PHÁT TRIỂN



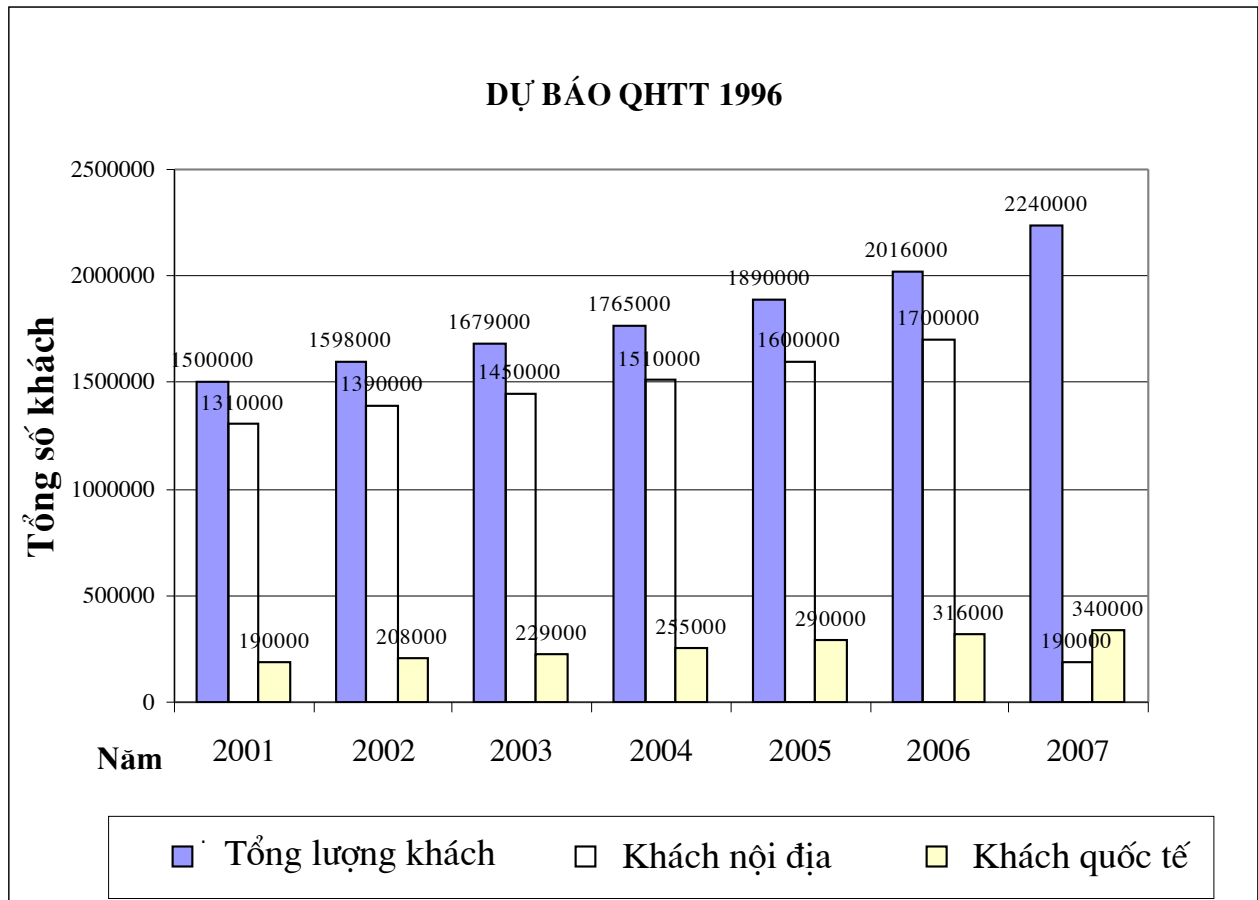
Hình 2.1: Thực tế phát triển khách du lịch giai đoạn 2001-2007

Bảng 2.5. Chênh lệch giữa dự báo và thực tế khách du lịch đến Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007

Hạng mục		2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Dự báo QHTT 1996	Tổng số khách QT (ngàn lượt)	170	190	208	229	255	290	316	340
	Tăng trưởng TB năm (%)	17,2	11,8	9,5	10,0	11,3	13,7	9,0	10,7
	Tổng số khách NĐ (ngàn lượt)	1.200	1.310	1.390	1.450	1.510	1.600	1.700	1.900
	Tăng trưởng TB năm (%)	14,3	10,9	6,1	4,3	4,1	6,0	6,2	11,7
Thực tế phát triển	Tổng số khách QT (ngàn lượt)	69,6	78	85	65	86	100,7	120	140
	Tăng trưởng TB năm (%)	-0,6	12,0	9,0	-13,5	32,3	17,1	19,2	16,7
	Tổng số khách NĐ (ngàn lượt)	640,4	725	820	1.085	1.264	1.460,3	1.680	2.210
	Tăng trưởng TB năm (%)	20,1	13,2	13,1	7,6	16,5	15,5	15,0	31,5
Chênh lệch so với dự báo	Khách QT	-59,1	-59	-59,1	71,6	66,3	-65,3	-62,0	-58,8
	Khách NĐ	-46,6	-44,7	-41,0	-25,2	-16,3	-87	-1,2	11,6

%									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nguồn: Quy hoạch tổng thể PTDL Lâm Đồng và Sở DL&TM



Hình 2.2. Dự báo khách du lịch theo quy hoạch tổng thể 1996-2010

Theo kết quả thống kê năm 2005 khách du lịch quốc tế đến Lâm Đồng có 23,1% là quốc tịch Pháp, 13,8% từ Đài Loan, 11,5% từ Mỹ, 6,8% từ Anh, 6,5% từ Hà Lan, Singapore 1,7%... Khách nội địa 60,5% đến từ thành phố Hồ Chí Minh, 9% từ các tỉnh khác ở miền Đông Nam bộ, 15,5% từ đồng bằng sông Cửu Long, 7,8% từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc...

So với mục tiêu của chiến lược, thực tế thực hiện mới đạt ở mức thấp. Năm 2007 mức quy hoạch dự kiến 340 nghìn lượt khách quốc tế, thực tế mới đạt 140 nghìn lượt; khách nội địa dự kiến 1,9 triệu lượt khách, thực tế đạt 2,21 triệu lượt khách tăng so với dự báo 11,6%. Tuy nhiên, so với mức dự kiến năm 2010 tổng số là 2,85 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế là 450 nghìn lượt thì mức đạt được của 2007 còn quá thấp.

Về thực hiện chỉ tiêu doanh thu gắn liền với chỉ tiêu thu hút khách:

Bảng 2.6. Doanh thu ngành du lịch Lâm Đồng thời kỳ 2000 - 2007

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Doanh thu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Doanh thu du lịch	196,7	240	378	430	552,3	688,4	831,5	1.178,5
Tăng trưởng DTDL so với năm trước (%)	14,5	22,0	57,5	13,8	28,4	24,6	20,8	41,7

Nguồn: Sở Du lịch và Thương mại tỉnh Lâm Đồng

Doanh thu du lịch tăng đều qua các năm, mức tăng trung bình đạt 27,2%/năm. từ năm 2002 doanh thu tăng nhanh, lên một ngưỡng mới. Theo số liệu điều tra năm 2005 thì cơ cấu chi tiêu của khách du lịch quốc tế 44-50% chi lưu trú, 50-56% chi ăn uống và mua sắm hàng hóa (cụ thể là tổng chi 79,1 USD/ngày trong đó 35 USD cho lưu trú, 44,1 USD cho ăn uống, mua sắm). Khách du lịch nội địa chi 496.600 đồng/ngày, trong đó 250.000 đồng cho lưu trú, 246.600 đồng cho ăn uống, mua sắm...; như vậy chi lưu trú chiếm 52,4%, chi ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí chỉ là 47,6%.

Bảng 2.7. So sánh doanh thu thực tế phát triển với dự báo quy hoạch

Đơn vị tính: triệu USD (giá so sánh 94:1USD = 11.000 VND)

Doanh thu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Doanh thu theo dự báo	96,2	115,1	137,6	164,7	197	235,6	265	340
Doanh thu thực tế	17,9	21,8	34,4	39,1	50,2	62,6	75,6	107,1
Chênh lệch so với dự báo	-78,3	-93,3	-103,3	-125,6	-146,7	-173	-189,4	-232,9
% chênh lệch so với dự báo	-81,4	-81,0	-75,0	-76,3	-74,5	-73,4	-71,5	-68,5

Nguồn: Quy hoạch tổng thể PTDL Lâm Đồng và Sở DL&TM

So sánh doanh thu dự báo (trong quy hoạch) với thực tế (bảng 2.7) thì khoảng cách quá xa. Dự báo khách du lịch quốc tế đến Đà Lạt năm 2005 sẽ chi 130 USD/người/ngày, thực chi chỉ có 79,1 USD.

Rõ ràng chỉ tiêu doanh thu đạt thấp là do chỉ tiêu số lượt khách đến, nhất là khách quốc tế chưa đạt và mức chi tiêu bình quân còn thấp, ngày lưu trú mới đạt 2,3 ngày/người.

- Về định hướng đa dạng hóa loại hình du lịch và sản phẩm du lịch:

Cả 6 loại hình du lịch đều được triển khai, nhưng sản phẩm du lịch mới còn chưa tạo được dấu ấn đậm nét trong du khách, thiếu sức cạnh tranh. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chưa có khu, điểm du lịch nào thu hút khách tham quan, vui chơi giải trí quá 3 giờ đồng hồ. Đà Lạt là thành phố du lịch lâu đời, có thương hiệu mà chưa có khu vui

chơi giải trí nào đáng kể, trung tâm thương mại mua sắm nào là lớn, chưa có hàng hóa đặc sắc thu hút khách. Lâm Đồng đã tổ chức được một số lễ hội lớn như kỷ niệm 110 năm Đà Lạt hình thành và phát triển, Lễ hội sắc hoa Đà Lạt, Festival Hoa, Lễ hội Văn hóa Trà... thu hút được một số khách quốc tế và trong nước. Tuy nhiên, sản phẩm du lịch vẫn đơn điệu, chủ yếu là du lịch tham quan và nghỉ dưỡng. Các sản phẩm khác đã được ghi trong quy hoạch, song do nhiều nguyên nhân vẫn chưa khai thác được. Đặc biệt các sản phẩm du lịch gắn với điều kiện rừng rất đặc sắc của Đà Lạt, các sản phẩm gắn với đời sống văn hóa - xã hội, ngành nghề truyền thống Tây Nguyên còn chậm triển khai.

Sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nghề rừng, nông nghiệp (nhất là hoa Đà Lạt) chưa thực sự gắn với “Du lịch Lâm Đồng”, chưa khai thác được “túi tiền” của du khách.

- Về định hướng tổ chức các loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch: Chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Lâm Đồng chọn phát triển 5 loại hình doanh nghiệp. Thực tế hơn 10 năm qua, doanh nghiệp kinh doanh lưu trú là có sự phát triển mạnh mẽ nhất. Đến cuối năm 2007 toàn tỉnh có 770 cơ sở lưu trú có đăng ký kinh doanh du lịch với khoảng 12,5 nghìn phòng (ngoài ra còn một số phòng nghỉ các gia đình cho thuê khi đông khách), trong đó có 78 khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (1 khách sạn 5 sao, 8 khách sạn 4 sao, 2 khách sạn 3 sao, 29 khách sạn 2 sao, 38 khách sạn 1 sao) với 2.756 phòng. Trong khi kinh doanh lưu trú phát triển vượt qua số dự báo quy hoạch thì các loại hình doanh nghiệp khác chậm phát triển, đáng chú ý là kinh doanh lữ hành và kinh doanh vui chơi giải trí, dịch vụ.

Việc thực hiện định hướng này rõ ràng có sự lệch lạc. Do sự lệch lạc đó mà tính chủ động của du lịch Lâm Đồng chưa cao. Lâm Đồng “ngồi chờ” đón khách đến, chứ chưa tự đưa khách đến. Liên kết với thành phố Hồ Chí Minh được triển khai khá thuận lợi đã hỗ trợ cho Lâm Đồng trên hướng này. Ngược lại, liên kết của Lâm Đồng với các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và các tỉnh Tây Nguyên lại rất yếu nên các tour du lịch do các doanh nghiệp Lâm Đồng tổ chức từ Đà Lạt ra tuyến biển, hoặc đi theo tuyến ngược Tây Nguyên hầu như không có (nếu có thì do các doanh nghiệp lữ hành thành phố Hồ Chí Minh tổ chức).

Chất lượng kinh doanh lưu trú chưa cao. Nhìn chung chất lượng buồng phòng,

chất lượng phục vụ còn thấp. Đa số các doanh nghiệp chỉ có phòng nghỉ, không tổ chức các hoạt động giải trí (mặc dù tỉnh có chủ trương khuyến khích các cơ sở lưu trú tổ chức các hoạt động này).

- Về định hướng tổ chức không gian du lịch: quy hoạch dự định tổ chức 3 cụm du lịch, trong mỗi cụm lại có nhiều khu, điểm du lịch; các điểm du lịch trong tỉnh (và có thể kéo dài ra khỏi tỉnh) kết nối lại thành các tuyến du lịch. Các khu, cụm du lịch đều đã được quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng. Nhưng trong tình trạng chung là tiến độ rất chậm, không đưa các cơ sở vào hoạt động được đồng bộ, dẫn tới sự nghèo nàn và chất lượng sản phẩm du lịch không cao.

- Về định hướng đầu tư phát triển: Trong quy hoạch xác định 6 hướng đầu tư chủ yếu, hơn 10 năm qua trên cả 6 hướng đều được triển khai.

+ Đã rất quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch: Trong thời kỳ 2001-2007 đã có 9 dự án đường giao thông hoàn thành đưa vào sử dụng (đường xã Lát - đỉnh Langbian vốn đầu tư 6,162 tỷ, đường Cam Ly-Măng Ling vốn đầu tư 17,5 tỷ, đường Hoàng Văn Thụ - sân bay Cam Ly vốn đầu tư 10,3 tỷ, đường vào ga cáp treo Đà Lạt vốn đầu tư 0,627 tỷ, đường Tùng Lâm - xã Lát vốn đầu tư 12 tỷ, đường xã Lát - Suối Vàng vốn đầu tư 17,5 tỷ, đường vòng hồ Tuyên Lâm nhánh trái vốn đầu tư 32 tỷ, đường Dinh 3 - Tuyên Lâm vốn đầu tư 18 tỷ, đường từ thị xã Bảo Lộc vào Khu du lịch thác Đamb'ri vốn đầu tư 20,65 tỷ đồng).

Đã hoàn thành các quy hoạch trung tâm văn hóa du lịch Langbiang, Khu du lịch Cam Ly - Măng Ling, công viên văn hóa kết hợp vui chơi giải trí đường Bà Huyện Thanh Quan, công viên văn hóa thành phố Đà Lạt... Các dự án mở rộng vườn hoa thành phố, xây dựng quảng trường trung tâm, chỉnh trang thành phố... cũng đang được tiến hành.

+ Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đặc biệt là các khu vui chơi giải trí tổng hợp lớn, các khách sạn lớn chất lượng cao đạt tiêu chuẩn 4-5 sao đang được triển khai.

Các khu du lịch lớn như Khu du lịch chuyên đề hồ Tuyên Lâm có diện tích quy hoạch 4.860 ha và đã có 32 nhà đầu tư đăng ký với tổng vốn đầu tư khoảng 5.542 tỷ đồng; Khu du lịch hồ thủy điện Đại Ninh có diện tích quy hoạch khoảng 5.000 ha, hiện Công ty cổ phần Vạn Phúc hợp tác với các doanh nghiệp Hàn Quốc đăng ký đầu tư với

tổng vốn khoảng 500 triệu USD; Khu du lịch hồ thủy điện Đa Nhim có diện tích quy hoạch khoảng 3.000 ha, hiện Công ty cổ phần Hương Sen đăng ký đầu tư với tổng vốn khoảng 4.800 tỷ đồng; được tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt để các nhà đầu tư hoàn thành nhanh các thủ tục để triển khai đầu tư và sớm đưa dự án vào khai thác.

Các khu biệt thự liên hoàn lớn như Hoàng Anh Đà Lạt, Ana Mandara Villa Đà Lạt và các khách sạn Ngọc Lan, Sammi, Sài Gòn - Đà Lạt đạt tiêu chuẩn 4 sao đã xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động.

+ Về bưu chính viễn thông: Đã có 5 mạng điện thoại di động và cố định, đã mở rộng vùng phủ sóng đến các xã vùng sâu, vùng xa.

Các hướng đầu tư đều đã triển khai, có nhiều kết quả tốt, so với những năm trước thì bộ mặt cơ sở vật chất du lịch đã có nhiều biến đổi lớn. Tuy nhiên, so với tiềm năng, yêu cầu mà cụ thể là quy hoạch thì tiến độ triển khai chậm: Khu du lịch chuyên đề hồ Tuyên Lâm đã triển khai đầu tư hạ tầng, bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng trong 32 dự án chỉ mới có 5 dự án khởi công nhưng tiến độ rất chậm. Các khu, điểm du lịch khác cũng trong tình trạng tương tự.

Trải qua hơn 10 năm thực hiện quy hoạch, đánh giá lại công tác định hướng có thể nêu các nhận xét tổng quát sau:

- Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1996-2010 được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 762/QĐ-UB ngày 11/7/1996. Đây là một văn bản có tính chất tổng thể, toàn cục, cơ bản và dài hạn 15 năm đề cập đến: quan điểm, nhiệm vụ, mục tiêu, các định hướng phát triển (3 cụm du lịch theo lãnh thổ; 6 loại hình sản phẩm, loại hình du lịch; 5 loại hình kinh doanh). Từ đó, xác định 6 hướng đầu tư phát triển. Đặc biệt, Quyết định số 762/QĐ-UB đưa ra 14 dự án đầu tư trước năm 2000, trong đó có 4 dự án đưa vào khai thác đầy đủ ngay sau năm 2000.

Tuy nhiên, trong khi những hướng đầu tư mới được định hướng khá rõ thì việc quy hoạch, sắp xếp bố trí lại những cái đã có lại mờ nhạt.

Ví dụ, quy hoạch xác định 6 hướng sản phẩm mới. Nhưng sau hơn 10 năm thực hiện, du lịch Đà Lạt về cơ bản vẫn là du lịch nghỉ dưỡng và tham quan cảnh quan thiên nhiên. Suốt hơn 10 năm qua sự đầu tư manh mún, sự trùng lặp dẫn tới

hội chứng “na ná” nhau, ở đâu cũng giống ở đâu. Một ngày du khách có thể tham quan cả chục điểm du lịch, mỗi điểm vài ba chục phút là hết chỗ xem, chỗ ngắm. Rất tiếc là từ khi quy hoạch sự chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống nghỉ dưỡng, cảnh quan đã không được quan tâm đúng mức, nên sản phẩm này trở nên nhàm chán, thiếu nét độc đáo khác biệt, tạo sự thu hút.

- Chiến lược, quy hoạch mà quyết định 762/QĐ-UB phê chuẩn được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch rất phong phú của Lâm Đồng, nhưng thiếu cơ sở nghiên cứu phân tích thị trường và cạnh tranh trong ngành du lịch với các nội dung: đối thủ cạnh tranh, khách hàng, sản phẩm... ; cũng như các lợi thế, các chiến lược phát triển lựa chọn. Vì vậy tất cả các hướng sản phẩm đều triển khai dàn “hàng ngang”, thiếu sự lựa chọn ưu tiên; bước đi thích hợp.

- Giữa các mục tiêu chiến lược xác định và kết quả thực hiện hơn 10 năm qua còn có khoảng cách quá xa. Thực tế đó cho chúng ta thấy:

Một là, các dự báo và tiêu chuẩn định mức để tính toán quy hoạch là chưa chuẩn xác đối với Lâm Đồng. Thí dụ dự báo lượng khách quốc tế đến Lâm Đồng năm 2005 là 290 nghìn lượt khách (thực hiện 100,7 nghìn), số ngày lưu trú 3,5 ngày (thực tế 2,3 ngày); mức chi tiêu của khách quốc tế ở Lâm Đồng năm 2005 là 130 USD/ngày (thực tế mới đạt 79,1 USD). Đặc biệt dự báo khả năng xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cao nên bố trí một danh mục khá nhiều các công trình dự án lớn hoàn thành trong kỳ quy hoạch. Trên thực tế việc triển khai một dự án không đơn giản. Thí dụ, Khu du lịch chuyên đề hồ Tuyền Lâm là một dự án thuộc 9 công trình trọng điểm của tỉnh (trong quy hoạch xác định đầu tư trước năm 2000 và khai thác toàn diện sau năm 2000); mặc dù từ năm 2004 đến nay đã thu hút được 32 dự án đầu tư (trong đó có 2 dự án đã hoạt động trước năm 2000 với quy mô nhỏ và nay điều chỉnh tăng quy mô đầu tư) và hầu hết trong số này đã quá hạn theo quy định của tỉnh, đến nay chỉ có 5 dự án được triển khai đầu tư nhưng các chủ đầu tư chỉ đầu tư cầm chừng. Đây là khu du lịch trọng điểm, nên tỉnh đã tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện và áp dụng những cơ chế, chính sách đặc thù riêng nhưng tiến độ vẫn quá chậm.

Hai là, tốc độ xây dựng các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, các dự án cụ thể rất chậm; các khâu tổ chức thực hiện sau quy hoạch chưa tốt.

Ba là, công tác chỉ đạo thực hiện các định hướng chưa tốt, đặc biệt là chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng du lịch.

2.2.2. Tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch địa phương

Để thực hiện định hướng phát triển du lịch và từng bước đưa ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực nhằm tạo điều kiện thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển; trong giai đoạn 2001-2007, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện chính sách về phát triển du lịch trên một số lĩnh vực như sau:

2.2.2.1. Chính sách thu hút đầu tư của tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ các chính sách ưu đãi đầu tư hiện hành của Nhà nước; ngày 16/9/2002, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành các văn bản về thu hút đầu tư như Quyết định số 126/2002/QĐ-UB về việc ban hành một số chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 129/2002/QĐ-UB về việc ban hành một số chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể là:

- Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và nước ngoài tham gia hợp doanh được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời hạn thực hiện dự án; được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo; các doanh nghiệp BOT, BTO, BT, doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, các dự án trồng rừng và các dự án xây dựng - kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng được miễn thuế trong 8 năm. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa tạo tài sản cố định. Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất.

- Ưu đãi về đất đai đối với các doanh nghiệp trong nước: Ngoài ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ, nhà đầu tư được hưởng thêm ưu đãi của tỉnh về chính sách đất đai: Giảm từ 30-50% tiền thuê đất trong thời gian từ 7-10 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời gian miễn giảm tiền thuê đất theo quy định đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề ưu đãi thuộc danh mục A, danh mục dự án gọi vốn đầu tư của tỉnh và thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, có sử dụng số lao động bình quân trong năm đạt từ 50 lao động trở lên. Miễn tiền thuê đất trong suốt thời kỳ thực hiện dự án: đối với các dự án đầu tư không thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi thuộc danh mục A nhưng thuộc danh mục dự án gọi vốn đầu tư của tỉnh và thực hiện tại địa bàn có

điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn (theo danh mục C) hoặc danh mục các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn của tỉnh; các dự án đầu tư có xây dựng các công trình nhà ở, nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống của người lao động trong doanh nghiệp. Giảm từ 50-70% tiền sử dụng đất khi thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất chuyên dùng đối với các dự án đầu tư vào ngành nghề ưu đãi đầu tư của Nhà nước hoặc của tỉnh phù hợp với quy hoạch (ngoài khu công nghiệp, khu du lịch đã quy hoạch), có sử dụng số lao động bình quân trong năm đạt từ 50 lao động trở lên, đầu tư vào địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

- Về hỗ trợ đào tạo nghề cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong và nước ngoài: Nhà đầu tư tự tổ chức đào tạo nghề lần đầu cho lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lâm Đồng được hỗ trợ 30% kinh phí đào tạo đối với lao động phổ thông, hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề từ bậc 2 trở lên theo dự án đào tạo nghề được cơ quan chức năng phê duyệt. Ngoài ra theo Quyết định số 87/2004/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của UBND tỉnh thì doanh nghiệp gửi lao động đi học nghề trong nước với số lượng từ 10 lao động trở lên/năm và thời gian đào tạo từ 1 tháng trở lên được hỗ trợ kinh phí đào tạo với mức từ 90-200 nghìn đồng/người/tháng tùy theo ngành nghề, thời gian đào tạo và tối đa không quá 24 tháng.

Phải nói việc UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành các quyết định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư là phù hợp với xu thế phát triển, tình hình thu hút đầu tư để phát triển KT-XH của tỉnh và phù hợp với chính sách của Nhà nước về thu hút đầu tư lúc bấy giờ. Các chính sách ưu đãi đầu tư theo các quyết định nêu trên thực hiện được 3 năm, sau đó Văn phòng Chính phủ có văn bản yêu cầu tỉnh phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định hiện hành; do đó UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành Quyết định số 209/2005/QĐ-UBND ngày 11/11/2005 Quy định về cơ chế chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, để thay thế các văn bản đã ban hành về chính sách ưu đãi đầu tư trước đây của tỉnh; nội dung quy định này gồm 9 chương, 42 điều trong đó chủ yếu là liệt kê, hướng dẫn, vận dụng cụ thể các quy định hiện hành của Nhà nước về các chính sách ưu đãi đầu tư; tỉnh Lâm Đồng không đề ra thêm chính sách ưu đãi đầu tư nào ngoài chính sách chung của Nhà nước. Ngày 29/12/2005 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1387/2005/QĐ-TTg về xử lý các quy định về ưu đãi, khuyến

- Nông, lâm, thủy sản	%	37,0	27,9	33,1	34,0	32,7	32,0	31,2
- Công nghiệp	%	13,3	13,0	13,5	28,0	29,1	28,3	28,0
- Dịch vụ và hạ tầng	%	49,7	50,1	53,4	38,0	38,2	39,7	40,8

Nguồn: Sở KH&ĐT tỉnh Lâm Đồng

Trong thời gian 5 năm (2003-2007), nhất là từ sau khi tỉnh Lâm Đồng và thành phố Hồ Chí Minh ký kết hợp tác toàn diện về phát triển KT-XH; tỉnh đã thu hút được 399 dự án đầu tư vào các lĩnh vực, trong đó có 151 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch, điều này chứng tỏ các cơ chế chính sách của tỉnh Lâm Đồng được ban hành trong thời gian qua đã thực sự thu hút và được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Các dự án đầu tư đã góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng của tỉnh; phù hợp định hướng phát triển KT-XH và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhiều dự án đã được triển khai đầu tư và đi vào hoạt động, tạo điều kiện tốt cho phát triển hạ tầng KT-XH, bộ mặt KT-XH của tỉnh có nhiều khởi sắc, góp phần giải quyết việc làm và ổn định đời sống cho một bộ phận dân cư, tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Tuy đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện chính sách thu hút đầu tư nhưng trong thực tế môi trường đầu tư ở Lâm Đồng chưa phải là thông thoáng, thuận lợi. Theo báo cáo nghiên cứu chính sách - VNCCI, số 12 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2007 của Việt Nam đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, thì PCI tỉnh Lâm Đồng xếp thứ 52/64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đạt loại trung bình thấp) trong năm 2007. Trong thực tế của tỉnh Lâm Đồng, thì thời gian để hoàn chỉnh các thủ tục của một dự án đầu tư phải mất thời gian từ 1-2 năm, thậm chí có dự án phải đến 3 năm; đây chính là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh không triển khai đúng tiến độ. Nhà đầu tư đã gặp phải không ít khó khăn từ khi xin chủ trương đầu tư đến kiểm kê tài nguyên rừng, thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, đánh giá tác động tài nguyên môi trường, các vấn đề bức xúc khác trong quá trình triển khai đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, có thể nói chưa thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, môi trường đầu tư chưa được cải thiện mạnh; tình trạng cấp trên thì thông thoáng nhưng cấp sở, ngành, địa phương có những quy định không nhất quán và

thiếu tính phối hợp đang làm khó khăn cho các doanh nghiệp triển khai dự án đầu tư tại Lâm Đồng mà đặc biệt là đối với các dự án du lịch.

2.2.2.2. Chính sách đất đai cho phát triển du lịch

Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật không có quy định cụ thể về việc sử dụng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để kinh doanh du lịch. Đối với những tỉnh có tiềm năng về rừng, trong đó có Lâm Đồng thì đây là một hạn chế rất lớn, vì hầu như các danh lam thắng cảnh đều thuộc diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các khu du lịch nghỉ dưỡng có thể đầu tư trong rừng, tận dụng lợi thế về cảnh quan (giống như các tỉnh ven biển, sử dụng các bãi biển để xây dựng các khu nghỉ dưỡng). Để vận dụng, sử dụng tài nguyên rừng, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 804/QĐ-UB về chính sách giao khoán rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để sử dụng vào mục đích kinh doanh du lịch. Trong đó diện tích rừng giao cho các đơn vị, cá nhân để nhận khoán phục vụ vào mục đích du lịch, diện tích xây dựng các công trình trong khu du lịch phải thuê đất của nhà nước để đầu tư.

Vấn đề này đã được tháo gỡ bởi Luật Đất đai năm 2003, tại các điều 75, 76, 77 Luật Đất đai năm 2003 cho phép tổ chức kinh tế thuê đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc khu vực được kết hợp với kinh doanh cảnh quan, du lịch sinh thái - môi trường dưới tán rừng. Quy định mới nhất về nội dung này được quy định tại Thông tư số 99/2006/TT-BNN, ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó quy định rõ về việc xây dựng công trình hạ tầng, tỉ lệ diện tích đất được xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

Trên cơ sở Luật Đất đai năm 2003 và các quy định hiện hành của nhà nước, tỉnh Lâm Đồng đã quy định cụ thể việc sử dụng đất cho kinh doanh du lịch: Các trường hợp được giao đất, cho thuê đất để đầu tư dự án du lịch, dịch vụ dưới tán rừng, đầu tư kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng: cho thuê đất, cho thuê rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ cảnh quan môi trường Đà Lạt, vùng đệm của vườn quốc gia và rừng sản xuất có thời hạn; giao đất, giao rừng sản xuất thu tiền sử dụng đất, tiền sử dụng rừng; cho thuê đất trả tiền hàng năm đối với đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được UBND tỉnh quyết định bảo vệ nghiêm ngặt. Hạn mức thuê đất, giao đất áp dụng đối với các dự án kinh doanh du lịch, dịch vụ trên diện tích đất lâm nghiệp được xem xét cụ thể

trên tổng vốn đầu tư của từng dự án: dưới 20 ha đối với các dự án có vốn đầu tư dưới 50 tỷ đồng; từ 20-50 ha đối với các dự án có vốn đầu tư từ 50 đến 100 tỷ đồng; từ 50 ha trở lên đối với các dự án có vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng.

Khó khăn nhất hiện nay là việc bồi thường, giải tỏa để thực hiện các dự án đầu tư, mới đây nhất Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất. Nhưng quy định về thu hồi đất không được áp dụng cho từng dự án về du lịch riêng lẻ (trừ trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp, khu du lịch có mối liên kết về kết cấu hạ tầng, về loại hình kinh doanh và có nhiều chủ thể cùng kinh doanh); như vậy các dự án phải thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; đây là vấn đề đúng đắn để đảm bảo các quyền của người sử dụng đất. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể các biện pháp can thiệp của nhà nước khi nhà đầu tư không thỏa thuận được hoặc thỏa thuận được một phần, những khó khăn đó là: giá thỏa thuận của người dân đưa lên rất cao, nhà đầu tư không đủ khả năng nhận chuyển nhượng; thời gian thỏa thuận kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư; trong khi đó việc triển khai dự án có quy định thời hạn; có những dự án đã thỏa thuận được gần hết diện tích, nhưng không triển khai được do vướng một ít diện tích chưa thỏa thuận được ở giữa khu đất.

2.2.2.3. Chính sách tài chính, tín dụng, giá cả đối với phát triển du lịch

Trên cơ sở các chính sách hiện hành của Nhà nước, UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức thực hiện, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể và vận dụng ưu đãi thêm cho các dự án đầu tư trong giai đoạn 2002-2005 như: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian từ 3-5 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định đối với các dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn (danh mục B), đặc biệt khó khăn (danh mục C) hoặc danh mục các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn của tỉnh, có sử dụng số lao động bình quân trong năm đạt từ 50 lao động trở lên. Xem xét và bố trí vào kế hoạch cho vay vốn ưu đãi đối với các dự án có tổng vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên; dự án có mức đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên thực hiện ở địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng ngành công nghiệp, dịch vụ.

Về chính sách thuế, để quản lý thu thuế đối với ngành du lịch, UBND tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng và phê duyệt đề án đổi mới quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 (Quyết định số 133/2005/QĐ-UBND ngày 04/7/2005). Đề án tập trung chủ yếu vào các nội dung: đổi mới cơ chế quản lý của các cấp, các ngành; mối quan hệ giữa các cơ quan QLNN và vai trò của Hiệp hội du lịch; phân cấp ủy quyền thu và mục tiêu cần phải đạt được là chống thất thu, thu đúng, thu đủ, đồng thời thu thuế phải trên cơ sở nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

Nhìn chung việc tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước và địa phương đã góp phần cho ngành du lịch của tỉnh không ngừng phát triển, đóng góp cho ngân sách địa phương ngày càng nhiều. Tuy nhiên tốc độ tăng thu từ ngành du lịch không tương xứng với một ngành kinh tế động lực và tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu thu thuế từ dịch vụ du lịch tại bảng 2.9 chỉ thống kê thu các dịch vụ ăn uống, tham quan, ảnh màu, massage-karaoke tại các khách sạn; các dịch vụ khác như vận tải, bưu chính viễn thông, dịch vụ ngân hàng... tính cho các ngành khác.

Bảng 2.9. Thu ngân sách nhà nước và đóng góp ngân sách của ngành du lịch

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
1	Thu NSNN trên địa bàn	415,177	503,75	644,586	941,795	1.167,346	1.453,47	1.849,15
2	Thu thuế ngành du lịch	12,62	15,72	18,6	23,34	35,73	42,29	57,93
	Trong đó:							
	- Thu từ lưu trú	5,3	6,16	6,4	8,94	19,23	23,09	33,7
	- Thu từ dịch vụ du lịch	7,32	9,56	12,2	14,4	16,5	19,2	24,23
	Tỉ lệ so tổng thu NSNN %	3,04	3,12	2,89	2,48	3,06	2,9	3,13

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng

Để quản lý giá cả các dịch vụ du lịch trong những mùa cao điểm du lịch, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành du lịch, ngành thuế, ngành giao thông vận tải, quản lý thị trường và UBND thành phố, thị xã, huyện nơi địa bàn có nhiều khách du lịch tăng cường công tác kiểm tra, thiết lập đường dây nóng, yêu cầu các cơ sở kinh doanh phải niêm yết giá công khai. Do đó đã khắc phục được cơ bản so với những năm trước về tình trạng nâng giá, ép giá bắt chẹt khách của một số cơ sở kinh doanh.

Việc ban hành các văn bản có khi còn trái với quy định hiện hành và không phù hợp với cơ chế thị trường. Thí dụ như UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 442/2007/QĐ-UBND ngày 02/02/2007 quy định mức giá tối thiểu cho thuê buồng, phòng đối với khách sạn - nhà nghỉ năm 2007 trên địa bàn thành phố Đà Lạt; theo đó, mức giá tối thiểu cho thuê buồng phòng năm 2007 là 120.000 đồng/2 người/ngày-đêm và bỏ quy định giảm 20% giá tối thiểu cho thuê buồng phòng để tính thuế đối với khách đoàn có hợp đồng và đơn vị kinh doanh có tư cách pháp nhân kể từ ngày 01/02/2007 theo phương án quản lý khách sạn - nhà nghỉ trên địa bàn thành phố Đà Lạt đến năm 2010. Do có nhiều dư luận về chính quyền thành phố Đà Lạt quy định áp đặt giá, can thiệp vào quyền tự chủ của các doanh nghiệp, gây thiệt hại cho kinh doanh du lịch; nên ngày 21/3/2007, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1492/VPCP-CCHC đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng xem xét, xử lý theo thẩm quyền quy định nêu trên. Theo tinh thần chỉ đạo đó, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có công văn số 2347/UBND yêu cầu UBND thành phố Đà Lạt thu hồi quyết định nêu trên.

Việc thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, ăn uống còn thất thoát nhiều, tuy đã có nhiều giải pháp quản lý thu thuế nhưng vẫn chưa khắc phục được việc các doanh nghiệp trốn thuế. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải tự động nâng giá trong các dịp lễ hội, mùa trọng điểm du lịch như lễ, tết... trong nhiều năm qua tuy đã hạn chế rất nhiều nhưng đây là vấn đề mà các cơ quan chức năng cần có giải pháp hữu hiệu để quản lý tốt hơn nhằm làm lành mạnh môi trường du lịch.

2.2.2.4. Chính sách quản lý tài nguyên và chất lượng du lịch

Các khu điểm du lịch hiện đã được nâng cấp, cải tạo nên đã có chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng. Toàn tỉnh hiện có 150 khu, điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hoá, hồ thác có tiềm năng du lịch để đưa vào đầu tư khai thác. Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư và đưa vào khai thác kinh doanh 47 khu, điểm du lịch; trong đó riêng địa bàn thành phố Đà Lạt đã đầu tư và đưa vào khai

thác kinh doanh phục vụ du lịch 37 khu, điểm du lịch. Chất lượng môi trường tại các khu điểm du lịch ngày nay đã được cải thiện hơn, điều kiện trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chất lượng các dịch vụ phục vụ khách được nâng cao hơn so với các năm trước, trong đó các yếu tố văn hoá đã được chú trọng hơn trong cơ cấu các sản phẩm du lịch.

Hiện tại tỉnh Lâm Đồng có 17 di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng, gồm: 01 di tích khảo cổ học, 02 di tích kiến trúc-nghệ thuật, 14 di tích danh lam thắng cảnh. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế còn khó khăn, khả năng đầu tư còn hạn chế nên một số điểm du lịch được xác định có tiềm năng lớn và đã được tiến hành lập quy hoạch nhưng vẫn chưa được đầu tư đưa vào khai thác.

Công tác bảo tồn, lưu giữ và nghiên cứu phát huy những tư liệu văn hóa có giá trị về phong tục tập quán của ĐBDTTS, ngành văn hóa đã tổ chức ghi tư liệu để lưu giữ các lễ hội: mừng lúa mới (cúng kho lúa dân tộc K'ho, Srê và cúng rẫy dân tộc Mạ), lễ hội bỏ mã của dân tộc Churu. Đặc biệt quan trọng là cùng với các tỉnh Tây Nguyên bổ sung hồ sơ đề nghị UNESCO xếp hạng di sản thế giới công chiêng Tây Nguyên và cuối năm 2005 đã được UNESCO chính thức công nhận “Không gian văn hóa công chiêng kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại”. Sự kiện này, Tây Nguyên thực sự trở thành “Sau nhã nhạc cung đình Huế, công chiêng Tây Nguyên của Việt Nam đã góp phần làm nên sự đa dạng của văn hóa nhân loại”.

Việc quản lý và khai thác các danh lam thắng cảnh ở Lâm Đồng nói chung và Đà Lạt nói riêng đã có sự thống nhất và phối hợp giữa các ngành, các chủ thể quản lý. Mặc dù vậy, trong hầu hết các điểm du lịch hiện nay ở Lâm Đồng vẫn chưa có một quy chế quản lý thống nhất dưới sự chỉ đạo và giám sát của UBND tỉnh. Việc khai thác các tài nguyên du lịch một số nơi chưa gắn liền với quy hoạch, thiếu các định hướng phát triển lâu dài, nên chưa phát huy đúng ý nghĩa, chức năng của từng khu, cụm, điểm du lịch.

Ngoài ra, tình trạng khai thác tài nguyên du lịch thời gian qua đang ở tình

trạng mất cân đối. Tại hầu hết các điểm du lịch, tình trạng mở hàng quán kinh doanh thiếu quy hoạch và khoa học đã làm giảm đi vẻ đẹp thanh lịch của Đà Lạt, ảnh hưởng đến môi trường du lịch. Trong khi một số điểm du lịch bị khai thác quá tải thì tại nhiều nơi, tài nguyên vẫn còn ở dạng tiềm năng, chưa được đầu tư khai thác hoặc khai thác với quy mô quá nhỏ, điều này vừa ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách vừa làm cho tài nguyên và môi trường bị xâm hại.

Các tài nguyên nhân văn ở Lâm Đồng hiện cũng đang ở tình trạng khai thác thiếu cân đối. Nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian truyền thống của các dân tộc ít người bị mai một dần do sự xâm nhập của các sản phẩm văn hoá hiện đại, do không được quy hoạch giữ gìn và phát triển kịp thời, đúng mức.

Mặc dù trong quy hoạch đã có những định hướng phát triển du lịch văn hoá trên cơ sở khai thác hợp lý tài nguyên vốn có; tuy nhiên giống như tình trạng chung của cả nước, Đà Lạt có một hệ thống biệt thự kiến trúc theo kiểu Pháp độc đáo cần phải bảo tồn kiến trúc nhưng phần lớn các công trình kiến trúc của Đà Lạt đang bị xuống cấp do quản lý, do thiếu vốn đầu tư tôn tạo, bảo dưỡng. Thêm vào đó cảnh quan thiên nhiên bị xâm lấn, sự phát triển đô thị hoá làm cho nhiều nơi đã mất đi vẻ đẹp hài hoà giữa các công trình kiến trúc và môi trường tự nhiên.

Lâm Đồng, với những nghề mỹ nghệ thủ công truyền thống, những sản phẩm tinh xảo mang đặc trưng riêng từng có tiếng trên thị trường, như: tranh bút lửa, tranh thêu tay, dệt thổ cẩm, mút các loại, ... Mỗi khi du khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng, có thể đến tham quan một số làng nghề và mua sản phẩm; đặc biệt có một số điểm đã thu hút khách rất lớn như XQ Sứ quán (tranh thêu XQ), làng nghề thổ cẩm Ka Long, dệt thổ cẩm Langbiang, đan len. Những làng nghề này đã thu hút được nhiều lao động, duy trì và phát triển được nghề truyền thống, thu hút được du khách,... Tuy nhiên, du lịch làng nghề của Lâm Đồng đến nay vẫn đang dò dẫm, chưa tìm được một hướng phát triển phù hợp với tiềm năng vốn có. Thực ra làng nghề ở Lâm Đồng chưa thành “làng”, mới chỉ là những cụm sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, mang tính tự phát, không thể thu hút du khách như một làng nghề theo đúng nghĩa. Việc quy hoạch và đầu tư cho làng nghề trong những năm qua chưa thực sự được quan tâm từ chính quyền các cấp; do vậy thực ra các điểm du lịch làng nghề

hiện có mới chỉ là điểm sản xuất và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, là một phần rất nhỏ của làng nghề; người dân tự phát sản xuất và phục vụ du khách, chưa phải là làng nghề du lịch đúng nghĩa.

2.2.3. Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

Theo điều 10 và điểm 4 điều 11 của Luật Du lịch năm 2005 quy định nội dung QLNN về du lịch và trách nhiệm QLNN về du lịch của UBND cấp tỉnh. Trên cơ sở 9 nội dung QLNN, trách nhiệm QLNN về du lịch của UBND cấp tỉnh và những nội dung nghiên cứu ở chương 1 của luận án này; tác giả tập trung đi sâu phân tích 7 nội dung chủ yếu đó là: Điều hành về đầu tư du lịch; Điều hành về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch; Điều hành phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có; Điều hành xúc tiến, mở rộng thị trường, liên kết phát triển du lịch; Điều hành sắp xếp các DNNN và hệ thống doanh nghiệp du lịch; Điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; Phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát.

2.2.3.1. Điều hành về đầu tư du lịch

Để thực hiện được mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh, từ năm 2004 tỉnh Lâm Đồng đã xác định và tập trung chỉ đạo thực hiện 8 chương trình kinh tế trọng tâm và 9 công trình trọng điểm và coi đây là một trong những giải pháp xuyên suốt cho cả giai đoạn 2004-2010. Tám chương trình kinh tế trọng tâm đó là: Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Chương trình phát triển hạ tầng KT-XH; Chương trình phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo; Chương trình phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; Chương trình xóa đói giảm nghèo, gắn với giải quyết những vấn đề bức xúc trong vùng ĐBDTTS; Chương trình phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; Chương trình phát triển đô thị; Chương trình hợp tác toàn diện về KT-XH với thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong khu vực. Chín công trình trọng điểm đó là: Công trình đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt; Công trình nâng cấp sân bay Liên Khương thành sân bay quốc tế; Công trình nâng cấp và mở thêm đường ĐT 723 từ Đà Lạt đi Nha Trang; Công trình xây dựng Khu du lịch chuyên đề hồ Tuyên Lâm; Công trình xây dựng Khu du lịch tổng hợp Đan Kia - Suối Vàng; Công trình Khu công nghiệp Lộc Sơn; Công trình Cụm công nghiệp Phú Hội; Dự án khai thác bauxite, sản xuất alumin và hydroxit nhôm; Công trình thủy điện Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4. Trong 8 chương trình kinh tế trọng tâm và 9 công trình trọng điểm hầu hết đều có liên quan trực tiếp

hoặc gián tiếp đến lĩnh vực phát triển du lịch. Từ khi xác định 8 chương trình kinh tế trọng tâm, 9 công trình trọng điểm đến nay, hàng năm cùng với việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KT-XH của tỉnh đều xác định cụ thể nhiệm vụ, giải pháp, cân đối nguồn lực để thực hiện và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, công trình này. Đồng thời theo chương trình công tác hàng tháng, UBND tỉnh đều bố trí thời gian làm việc với các ngành, đơn vị, địa phương liên quan hoặc trực tiếp kiểm tra các công trình nhằm chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Một trong những khó khăn lớn của Lâm Đồng là không tự cân đối được ngân sách mà vẫn nhờ sự hỗ trợ từ ngân sách của trung ương, nên nguồn vốn để đầu tư cho phát triển là rất hạn chế. Do đó để tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, ngoài việc huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào các dự án, công trình nhằm mục đích đầu tư trực tiếp cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; hàng năm tỉnh tạm ứng nguồn ngân sách nhân rồi và từ năm 2003 đến nay hàng năm vay nguồn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước 100 tỷ đồng để bố trí đầu tư cho các công trình trọng điểm. Năm 2006, tỉnh xây dựng kế hoạch và được HĐND tỉnh thông qua kế hoạch vay vốn từ các ngân hàng thương mại 830 tỷ đồng để đầu tư, trong đó bố trí trực tiếp cho các dự án du lịch (chủ yếu bố trí cho bồi thường, tái định cư và đầu tư hạ tầng): Khu du lịch hồ Tuyên Lâm 150 tỷ, Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng 200 tỷ, đường cao tốc đoạn Liên Khương - Prenn 150 tỷ (thực chất từ năm 2006 đến nay chỉ mới vay khoảng 150 tỷ đồng). Năm 2007, tỉnh làm việc với Bộ Tài chính và được vay từ nguồn vốn nhân rồi trong 3 năm 2007-2009 là 370 tỷ đồng, trong đó năm 2007 đã vay 150 tỷ đồng bố trí cho dự án Khu du lịch hồ Tuyên Lâm nhằm phục vụ cho công tác bồi thường, tái định cư và đầu tư hạ tầng. Ngoài ra, đối với các dự án khu du lịch lớn thuộc diện nhà nước thu hồi đất, tỉnh đã làm việc với các nhà đầu tư ứng trước tiền bồi thường và được trừ dần vào tiền thuê đất, giao đất mà nhà đầu tư phải nộp.

Để gắn trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, từ năm 2005 tỉnh Lâm Đồng quy định việc các nhà đầu tư phải

nộp tiền bảo lãnh dự án theo tỉ lệ vốn đăng ký đầu tư, cụ thể là: khi có văn bản đồng ý chủ trương cho lập dự án đầu tư thì nhà đầu tư phải nộp 0,1% trên tổng mức vốn đăng ký và khi có văn bản thỏa thuận dự án đầu tư nhà đầu tư phải nộp tổng cộng 1% trên tổng mức vốn đầu tư theo thỏa thuận (kể cả 0,1% đã nộp); số tiền này nhà đầu tư được nhận lại (kể cả gốc và lãi tiền gửi theo quy định) khi nhà đầu tư đã triển khai thực hiện đầu tư dự án từ 20-50% tổng mức đầu tư; trường hợp nhà đầu tư vi phạm các quy định về đầu tư bị thu hồi dự án thì không được nhận lại số tiền bảo lãnh thực hiện dự án đã nộp. Trong quá trình thực hiện, xét thấy quy định này cũng chưa đủ sức ràng buộc nhà đầu tư, mặt khác chưa phù hợp với các quy định hiện hành, nên ngày 16/11/2006 UBND tỉnh ban hành văn bản số 7286/UBND-TH hủy bỏ quy định nộp tiền bảo lãnh thực hiện dự án và trả lại tiền bảo lãnh dự án cho các nhà đầu tư đã nộp; thay vào đó quy định cụ thể tiến độ triển khai dự án, nếu nhà đầu tư không triển khai thì tỉnh sẽ thu hồi dự án.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư và định kỳ hàng quý báo cáo tình hình và kiến nghị đề xuất cụ thể đối với từng dự án. Do đó từ đầu năm 2005 đến nay, UBND tỉnh đã thu hồi 73 dự án đầu tư trong đó có 42 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch, do các nhà đầu tư không triển khai đúng tiến độ.

Để chuẩn bị mặt bằng cho triển khai thực hiện các dự án đầu tư nói chung và dự án đầu tư du lịch nói riêng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương để ban hành các văn bản về quy định bồi thường, giải phóng mặt bằng, như: Quyết định số 50/2005/UBND ngày 02/3/2005 quy định về việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 107/2005/QĐ-UBND ngày 18/5/2005, trong đó có quy định về thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ hành chính về công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo cơ chế “một cửa”; Quyết định số 95/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005 quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 25/2006/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 quy định tỷ lệ hỗ trợ thiệt hại về đất nông

nghiệp đối với các hộ nhận khoán đất của các nông, lâm trường; các quyết định về đơn giá xây dựng mới, đơn giá cấu kiện tổng hợp và đơn giá cây trồng để bồi thường nhà cửa, công trình kiến trúc, hoa màu... và một số các văn bản khác trong việc giải quyết các vướng mắc, các kiến nghị của nhân dân, của các ngành các cấp để kịp thời thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Những chính sách về giá bồi thường, hỗ trợ, chính sách tạo việc làm, tái định cư, ổn định cuộc sống đối với các đối tượng bị di dời, giải toả luôn được quan tâm, chú trọng, được áp dụng hợp tình, hợp lý trên cơ sở các quy định của trung ương và tình hình thực tế của địa phương, gắn kết giữa lợi ích của người phải di dời, giải toả và lợi ích chung của xã hội. Vì thế, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thời gian qua đã được thực hiện một cách thuận lợi, đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư về thời gian triển khai thi công các dự án. Những bức xúc, khiếu nại của người dân đã giảm đi đáng kể so với những năm trước đây. Hầu hết các hộ dân đều chấp thuận với mức bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư đã được UBND tỉnh phê duyệt. Chỉ tính trong 2 năm (2005-2006), trên địa bàn tỉnh có 266 dự án đầu tư phải thu hồi đất với tổng diện tích đất thu hồi 4.155 ha, ảnh hưởng tới 13.565 hộ dân với tổng giá trị bồi thường là 755.214 triệu đồng (chủ yếu là các dự án thuộc các lĩnh vực do ngân sách nhà nước đầu tư). Trên cơ sở các quy định của tỉnh; các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch (không thuộc đối tượng nhà nước thu hồi đất, mà nhà đầu tư phải tự thỏa thuận bồi thường) đều xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo hướng này và đến nay đã có 62 dự án với diện tích phải thỏa thuận khoảng 600 ha (chủ yếu là đất nông nghiệp xen kẽ trong đất lâm nghiệp thuộc khu, điểm du lịch), số tiền thỏa thuận bồi thường khoảng 280 tỷ đồng.

Tuy nhiên, hạn chế cơ bản trong điều hành về đầu tư là không kiểm soát được các dự án đầu tư mà nhà đầu tư sang nhượng dự án. Nhiều dự án đầu tư trong thực tế đã chuyển đổi chủ đầu tư, nhưng nhà đầu tư tìm mọi cách để lách luật bằng giải pháp hợp tác liên doanh, thành lập công ty cổ phần (pháp nhân mới) với danh nghĩa là huy động vốn để thực hiện dự án. Về công tác bồi thường giải toả diện tích đất không thuộc đối tượng nhà nước thu hồi đất, thì chính quyền cấp huyện chưa tích cực vào cuộc để hỗ trợ giúp đỡ các nhà đầu tư mà để các nhà đầu tư tự lo, nên

thường gặp khó khăn về giá bồi thường, tiến độ triển khai thực hiện dự án, thậm chí có dự án phải bỏ cuộc.

2.2.3.2. Điều hành về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch

Từ năm 2001, thực hiện chủ trương tập trung cho phát triển du lịch theo công văn số 1095/CP-KHTH ngày 28/11/2000 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng hạ tầng các khu du lịch, hàng năm ngân sách nhà nước đã dành một khoản để hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch của các địa phương. Trên cơ sở đó, hàng năm Nhà nước đã hỗ trợ cho tỉnh Lâm Đồng nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, tổng cộng trong 7 năm (2001-2007) tỉnh Lâm Đồng được trung ương hỗ trợ 122,871 tỷ đồng. Vận dụng chính sách của Nhà nước về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, tỉnh Lâm Đồng bố trí nguồn vốn đối ứng của địa phương để lập quy hoạch chuẩn bị đầu tư, dự án chi tiết, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình hạ tầng du lịch. Được sự hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng du lịch của Tổng cục Du lịch (nay là Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch) và từ ngân sách địa phương, một số công trình giao thông vào các khu, điểm du lịch đã được quan tâm đầu tư phát triển, nguồn vốn này đóng vai trò là nguồn vốn “mồi” góp phần quan trọng vào việc thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến với Lâm Đồng. Để phục vụ phát triển du lịch Đà Lạt cả trung ương và địa phương đã tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng du lịch; tuy nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực này còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, nhưng cũng đã góp phần đáng kể vào chương trình phát triển du lịch của tỉnh. Việc thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch bằng ngân sách trong thời gian qua đã làm thay đổi diện mạo của ngành du lịch. Nguồn vốn trên đã có tác động tích cực tới việc đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng của các khu, điểm du lịch và dân sinh, góp phần tăng cường thu hút đầu tư và khả năng đón khách du lịch.

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng du lịch của trung ương và địa phương nêu trên, tỉnh Lâm Đồng còn được Nhà nước đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho nhiều dự án công trình kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn mang tầm cỡ quốc gia có tác động mạnh mẽ đến phát triển du lịch của tỉnh, như: cải tạo nâng cấp sân bay Liên Khương trở thành sân bay quốc tế, đường tỉnh lộ 723 Đà Lạt - Khánh Hòa, quốc lộ 28 nối Lâm Đồng với tỉnh Đắk Nông và tỉnh Bình Thuận, đường Trường Sơn Đông nối

Đà Lạt với tỉnh Quảng Nam dài 671 km, đường cao tốc đoạn Liên Khương - Prenn...; các thủy điện lớn quốc gia như thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi, thủy điện Đại Ninh và thủy điện Đồng Nai 3&4, các công trình thủy lợi, dự án Bauxite-Nhôm.

Việc đầu tư hạ tầng du lịch và các dự án công trình kinh tế - kỹ thuật của những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch Lâm Đồng phát triển trong hiện tại và tương lai sẽ phát triển một cách bền vững. Cụ thể các dự án về giao thông, như: sân bay Liên Khương đã mở được tuyến bay Đà Lạt - Hà Nội, tuyến này mở ra đã thu hút được nguồn khách của Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là sau khi trở thành sân bay quốc tế sẽ đón được khá lớn lượng khách trực tiếp từ các nước có đường bay trực tiếp; đường 723 Đà Lạt - Khánh Hòa tuyến đường này đã rút ngắn cự ly từ Đà Lạt đến Nha Trang so với tuyến đường cũ gần 90 km đã trở thành tam giác du lịch Đà Lạt - Nha Trang - thành phố Hồ Chí Minh, tuyến quốc lộ 28 hoặc tuyến thủy điện Đại Ninh đã rút ngắn cự ly từ Đà Lạt đi Phan Thiết (Bình Thuận) so với tuyến đường cũ khoảng 120 km tạo thành tam giác du lịch Đà Lạt - Phan Thiết - thành phố Hồ Chí Minh... Lòng hồ của các công trình thủy điện, thủy lợi đã trở thành các khu, điểm du lịch hấp dẫn trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch còn có những hạn chế sau:

- Nhiều công trình đầu tư còn kéo dài, không hoàn thành đúng tiến độ đầu tư. Nguyên nhân chủ yếu là do: nguồn vốn trung ương hỗ trợ được cân đối hàng năm ít nhưng địa phương bố trí nhiều công trình, năng lực của đơn vị thi công có những hạn chế nhất định, công tác giải tỏa mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

- Đầu tư còn dàn trải, nhiều dự án triển khai cùng lúc nhưng không cân đối đủ vốn; còn cơ chế xin cho, chưa tập trung vào những dự án trọng điểm có tác động tích cực đến phát triển du lịch của các khu, điểm du lịch quan trọng.

2.2.3.3. Điều hành phát triển sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có

Sản phẩm du lịch của tỉnh đã từng bước được đa dạng hoá, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh. Các địa phương trong tỉnh đã đẩy mạnh việc khai thác tiềm năng và thế mạnh về tài nguyên du lịch trong đó nổi trội là tài nguyên tự

nhiên để xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với loại hình du lịch sinh thái bên cạnh việc bảo tồn và phục hồi các lễ hội truyền thống, tổ chức nhiều hoạt động du lịch văn hoá với nhiều chủ đề độc đáo, hấp dẫn. Nhiều sản phẩm du lịch mới được xây dựng đưa vào khai thác như các tuyến du lịch sinh thái, du lịch văn hoá dân tộc ít người với chủ đề khảo cứu đồng quê, du lịch trang trại, nhà vườn. Một số sản phẩm du lịch có giá trị độc đáo với vai trò liên vùng, liên khu vực như tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên”, tuyến du lịch “Con đường di sản miền Trung”, tuyến du lịch “Theo dấu chân bác sĩ Yersin”... được nghiên cứu phát triển để tăng sức thu hút khách du lịch, thúc đẩy sự hấp dẫn của du lịch Lâm Đồng trong khu vực và trên cả nước. Một số chương trình du lịch đã tạo nên các sản phẩm du lịch độc đáo thu hút khách du lịch như tour trắng mật, tour du lịch văn hoá, tour du lịch lễ hội... Đầu năm 2003, Công ty Du lịch Lâm Đồng đầu tư và đưa hệ thống cáp treo có chiều dài 2.300 m (từ đồi Rôbin đến Thiền viện Trúc Lâm) vào hoạt động; đến đầu năm 2006 đưa hệ thống máng trượt (xe trượt ống) tại thác Đatanla vào hoạt động đã trở thành một trong những hoạt động thu hút khách du lịch tại Đà Lạt.

Cùng với việc phát triển các sản phẩm du lịch mới, một số khu, điểm du lịch như thác Prenn, khu du lịch Langbiang, Thung lũng Tình Yêu, thác Đamb’ri, khu du lịch rừng Madaguôi, khu du lịch Đồi Mộng Mơ ... thường xuyên được đầu tư nâng cấp tạo thêm nhiều sản phẩm mới hấp dẫn, mang đậm nét văn hóa truyền thống và văn hóa dân tộc Tây Nguyên. Chất lượng môi trường tại các khu điểm du lịch ngày nay đã được cải thiện hơn, điều kiện trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chất lượng các dịch vụ phục vụ khách ngày được nâng cao, trong đó các yếu tố văn hoá đã được chú trọng hơn trong cơ cấu các sản phẩm du lịch.

Có thể nhận thấy, việc phát triển các loại hình du lịch là phù hợp với định hướng quy hoạch. Tuy nhiên, loại hình và sản phẩm du lịch thời gian qua vẫn chưa tương xứng so với tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh, chính vì vậy du lịch Lâm Đồng chưa thật sự thu hút khách du lịch quốc tế cũng như khách trong nước và thời gian lưu lại của khách chưa đạt mức như một số trung tâm du lịch lớn của Việt Nam.

2.2.3.4. Điều hành xúc tiến, mở rộng thị trường, liên kết phát triển du lịch

Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các ngành, doanh nghiệp tăng cường công tác quảng bá, nâng cao năng lực hoạt động, xây dựng thương hiệu hình ảnh sản phẩm về du lịch. Bên cạnh việc phê duyệt chương trình, lộ trình hoạt động xúc tiến du lịch từng năm và từng giai đoạn thì tỉnh cũng ban hành các quy định, chính sách về thu hút du khách, quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh con người, địa danh Lâm Đồng bằng nhiều hình thức.

Trong suốt thời gian từ năm 2003 đến nay, năm nào tỉnh Lâm Đồng, thành phố Đà Lạt cũng tổ chức lễ hội, như: Kỷ niệm 110 năm Đà Lạt hình thành và phát triển (tháng 11/2003), Lễ hội Hoa Đà Lạt (12/2004), Festival Hoa 2005 (12/2005), Festival Hoa 2007 (12/2007) và sau đó cứ 2 năm tổ chức một lần, Lễ hội văn hóa Trà (12/2006). Thông qua các lễ hội, Đà Lạt - Lâm Đồng đã thực hiện được bước tiến dài trong công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch, thương mại và đầu tư kể cả trong nước và thế giới; các chương trình này đã góp phần quan trọng trong việc giới thiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng với bạn bè trong nước và quốc tế, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư phát triển kinh tế du lịch.

Cho đến nay, ngoài việc thu thập thông tin, tài liệu về du lịch, thương mại và đầu tư của tỉnh để cung cấp cho các cá nhân, đơn vị và các cơ quan thông tấn báo chí. Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch tiếp đón các đoàn khách đến khảo sát chương trình tour du lịch nội Đà Lạt - Lâm Đồng với các nước trong khu vực như Thái Lan, Singapore, nối tour du lịch với các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên...

- Đã thành lập Trung tâm xúc tiến Du lịch Thương mại và Đầu tư trực thuộc Sở Du lịch và Thương mại, mở Chi nhánh xúc tiến tại thành phố Hồ Chí Minh (2005) và tại Hà Nội (tháng 6/2007). Hiện nay tỉnh đang tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc thành lập Văn phòng đại diện tại Singapore và Nhật Bản.

- Đã thường xuyên cung cấp thông tin, hình ảnh về du lịch Lâm Đồng cho các bộ, ngành trong nước để tiến hành quảng bá, giới thiệu, cung cấp thông tin tổng quan của địa phương nói riêng và Việt Nam nói chung đến các nước trên thế giới thông qua chương trình hành động quốc gia về du lịch, chương trình xúc tiến nước ngoài của Cục xúc tiến Du lịch. Phối hợp với các tờ báo lớn của trung ương để đăng tải

thông tin về du lịch và sự kiện của địa phương, xây dựng các chuyên trang về du lịch; duy trì việc cung cấp, giới thiệu thông tin đến các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và du khách, nhà đầu tư... thông qua các ấn phẩm: Đà Lạt Traveler, bản tin phục vụ lãnh đạo và doanh nghiệp, cẩm nang xúc tiến du lịch, bản đồ du lịch, sách hướng dẫn du lịch, truyền thuyết danh lam thắng cảnh...

- Đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo: Mô hình tổ chức du lịch sự kiện (MICE), đặc biệt là hội nghị - hội thảo tại địa phương bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy cơ sở vật chất và nguồn nhân lực phục vụ cho loại hình du lịch này còn thiếu; nhưng từ năm 2005 đến nay, các cơ quan trung ương, các tổng công ty đã tổ chức tại Đà Lạt được nhiều tour du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, hội nghị khách hàng mang tính quốc gia, quốc tế. Trong năm 2005, tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với Tổng cục Du lịch tổ chức thành công 2 hội thảo lớn, đó là: Hội nghị phiên họp lần thứ nhất Ủy ban hợp tác du lịch Việt Nam - Nhật Bản và Hội thảo cấp cao ASEAN về du lịch Hoa. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo “Xây dựng thương hiệu” nhằm giúp các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh từng bước tạo dựng được hình ảnh và thương hiệu riêng, quảng bá chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp trên thị trường du lịch. Lâm Đồng đã cùng với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên tổ chức hội nghị hợp tác du lịch các tỉnh Tây Nguyên và thành lập câu lạc bộ du lịch Tây Nguyên; năm 2005 được sự hỗ trợ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận đã tham gia thực hiện chương trình liên kết kinh tế vùng về phát triển du lịch, thu hút đầu tư và phát triển nguồn nhân lực du lịch.

- Đã tổ chức hội chợ, sự kiện: Trong khuôn khổ các lễ hội, hàng năm đều bố trí chương trình Hội chợ triển lãm Du lịch - Thương mại thu hút nhiều doanh nghiệp trong cả nước tham gia các gian hàng nhằm quảng bá hình ảnh, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường.

- Đã tổ chức hợp tác, liên kết phát triển du lịch: Lâm Đồng đã tiến hành các chương trình liên kết du lịch với các địa phương như: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Đồng Nai; liên kết tam giác phát triển du lịch Lâm Đồng - Bình Thuận - Thành phố Hồ Chí Minh. Chương trình liên kết phát

triển du lịch được tập trung vào 4 nội dung chính: Liên kết trong lĩnh vực xúc tiến, quảng bá, tuyên truyền; Hợp tác, liên kết phát triển các sản phẩm du lịch; Liên kết hợp tác trong kêu gọi đầu tư; Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực.

- Xúc tiến, giới thiệu tiềm năng du lịch và cơ hội đầu tư của tỉnh tại các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Lào, Campuchia, Pháp, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản thông qua các đoàn công tác của lãnh đạo tỉnh, các đoàn doanh nghiệp địa phương theo các phương thức trao đổi trực tiếp, giới thiệu hình ảnh Lâm Đồng.

- Đã tổ chức 2 cuộc thi báo chí viết về du lịch Lâm Đồng, thông qua các cuộc thi đã chọn ra được nhiều bài viết có chất lượng, có nhiều ý tưởng sáng tạo, đóng góp cho tỉnh nhiều chính sách và giải pháp để phát triển du lịch.

Về kinh phí cho hoạt động xúc tiến, trong 4 năm (2004-2007) kể từ khi Trung tâm xúc tiến Du lịch Thương mại và Đầu tư đi vào hoạt động, ngân sách tỉnh đã cấp kinh phí cho công tác xúc tiến 5,897 tỷ đồng (không kể các nguồn khác ngoài ngân sách và kinh phí các dự án). Phần kinh phí này được chia cho đồng thời 4 hoạt động xúc tiến gồm: xúc tiến du lịch, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và hoạt động thông tin tuyên truyền.

Tuy đã có nhiều nỗ lực, làm được nhiều việc trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch Lâm Đồng trong thời gian qua. Nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, kết quả đem lại chưa nhiều, chưa có nhiều hình thức quảng bá để khách hiểu biết, có ấn tượng với Đà Lạt - Lâm Đồng đặc biệt là khách quốc tế. Những hạn chế trong công tác quảng bá, xúc tiến thể hiện:

- Hoạt động xúc tiến du lịch đặc biệt là các chương trình xúc tiến tại nước ngoài như tham gia hội chợ, sự kiện và thuê kênh truyền hình tốn kém kinh phí rất lớn, ngân sách tỉnh không đủ khả năng thực hiện. Việc mở văn phòng đại diện tại các nước tuy được xác định là việc làm cần thiết và hiệu quả xong do kinh phí cao nên đến nay vẫn chưa triển khai được.

- Nhận thức, quan điểm về công tác quảng bá, xúc tiến của lãnh đạo các cấp, các ngành còn có những vấn đề chưa phù hợp với xu thế phát triển mới; coi trọng việc xúc tiến, quảng bá là tổ chức các đoàn đi tham quan học tập kinh nghiệm nước ngoài, chưa chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu của địa phương mình bằng nhiều hình thức khác ít tốn kinh phí nhưng hiệu quả hơn. Là một tỉnh nghèo, nguồn

thu ngân sách không đủ chi, nhưng trong các dự án, chương trình nói chung hầu hết đều có nội dung tổ chức đoàn đi tham quan, học tập nước ngoài, do đó không còn kinh phí dành cho các chương trình quảng bá, xúc tiến khác.

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa coi việc cùng với các cơ quan QLNN thực hiện quảng bá, xúc tiến là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình. Do đó chưa đầu tư đúng mức cho công tác tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm cũng như việc đầu tư xây dựng sản phẩm mới. Theo điều tra sơ bộ đa phần kinh phí cho hoạt động quảng cáo, tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm của các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh chỉ chiếm tỉ lệ dưới 1% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khả năng của bộ máy làm công tác xúc tiến thiếu tính chuyên nghiệp, chưa có kế hoạch xúc tiến bài bản kể cả về thị trường, sản phẩm và đối tượng.

2.2.3.5. Điều hành sắp xếp các DNNN và hệ thống doanh nghiệp du lịch

*** Sắp xếp hệ thống DNNN về du lịch**

Trước năm 1998 tỉnh Lâm Đồng có duy nhất một DNNN về du lịch là Công ty Du lịch Lâm Đồng, một doanh nghiệp đoàn thể là Công ty Dịch vụ Du lịch Thanh niên Đà Lạt do Thành đoàn Đà Lạt quản lý; năm 1999 tách Công ty Du lịch Lâm Đồng ra thành 2 doanh nghiệp là Công ty Du lịch Lâm Đồng và Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt; năm 2001 thành lập Công ty Dịch vụ Du lịch Xuân Hương là doanh nghiệp kinh tế Đảng do Tỉnh ủy quản lý; năm 2004 sáp nhập Công ty Du lịch Lâm Đồng vào Công ty Dịch vụ Du lịch Xuân Hương và đổi tên là Công ty Du lịch Lâm Đồng. Từ năm 1998 đến nay đã cổ phần hóa DNNN một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp như: Khách sạn Bảo Lộc là đơn vị trực thuộc Công ty Du lịch Lâm Đồng được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Du lịch Bảo Lộc vào tháng 3/1998, Khách sạn Ngọc Lan là đơn vị trực thuộc Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Du lịch Ngọc Lan vào năm 2000, Công ty Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (doanh nghiệp tách ra từ Công ty Du lịch Lâm Đồng năm 1999) được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt và chính thức hoạt động 01/7/2005, Công ty Dịch vụ Du lịch Thanh niên Đà Lạt (chuyển sang DNNN trước khi cổ phần hóa) đã thực hiện xong các thủ tục và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/10/2007.

Mục đích của việc sắp xếp, đổi mới hoạt động của các DNNN là nhằm khẳng định những lợi thế của doanh nghiệp, lợi ích của việc cổ phần hoá và những ưu thế của mô hình công ty cổ phần so với mô hình tổ chức, quản lý các DNNN hiện tại; để các doanh nghiệp năng động, tự quyết định phương án phát triển sản xuất kinh doanh, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư, lợi ích của người lao động gắn bó chặt chẽ với lợi ích của doanh nghiệp. Thế nhưng riêng đối với việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch của tỉnh Lâm Đồng đã không đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, cụ thể là:

- Việc sắp xếp lại các doanh nghiệp của tỉnh trong thực tế chưa vì mục tiêu phát triển kinh doanh đưa các DNNN về du lịch thực sự đóng vai trò dẫn dắt hệ thống doanh nghiệp du lịch phát triển. Trong khi xu hướng phát triển các DNNN thành các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế lớn để có đủ sức mạnh cạnh tranh, thì tỉnh Lâm Đồng lại tách Công ty Du lịch Lâm Đồng thành 2 doanh nghiệp, chia tách con người, tài sản; lý do tách các doanh nghiệp rất đơn giản là khi đó nội bộ lãnh đạo Công ty Du lịch Lâm Đồng có vấn đề, lẽ ra phải giải quyết bằng cách sắp xếp lại nhân sự, củng cố lại bộ máy nhưng lại tách thành 2 doanh nghiệp. Việc nhập Công ty Du lịch Lâm Đồng (DNNN) vào Công ty Dịch vụ Du lịch Xuân Hương (doanh nghiệp đảng, đoàn thể) để trở thành DNNN và mang chính tên Công ty Du lịch Lâm Đồng, việc sắp xếp này qua thực tế hoạt động không đem lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về thực hiện cổ phần hóa DNNN, như trên đã nêu đến nay đã cổ phần hóa được 2 bộ phận trực thuộc doanh nghiệp và 2 doanh nghiệp trong đó 3 công ty đã đi vào hoạt động, kết quả hoạt động sau cổ phần hóa được thể hiện:

+ Công ty cổ phần Du lịch Bảo Lộc là doanh nghiệp du lịch của tỉnh được cổ phần hóa đầu tiên, vốn điều lệ 4,3 tỷ đồng trong đó cổ phần vốn nhà nước chiếm 23%, nhưng thực tế qua nhiều lần bán cổ phần, đến nay vốn điều lệ của doanh nghiệp chỉ còn 1,5 tỷ đồng trong đó vốn nhà nước là 894 triệu đồng, chiếm 59,6% vốn điều lệ thực có; từ khi hoạt động cổ phần đến nay, doanh nghiệp hoạt động thua lỗ kéo dài, một mặt do thua lỗ nên không bán được cổ phần nên không huy động

được vốn để đầu tư phát triển, mặt khác vẫn do nhà nước chi phối về mặt nhân sự.

+ Công ty cổ phần Du lịch Ngọc Lan có vốn điều lệ 3,5 tỷ đồng trong đó cổ phần vốn nhà nước chiếm 30% và năm 2002 đã bán hết số cổ phần này, đến nay hầu như phần vốn tại doanh nghiệp đều tập trung vào một chủ, và doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng lại một khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao trên nền khách sạn cũ và đã đưa vào hoạt động trong tháng 6/2007.

+ Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt, giá trị thực tế của doanh nghiệp 47 tỷ đồng (chỉ tính giá trị tài sản, không tính giá trị đất) trong đó nợ phải trả 36 tỷ, vốn nhà nước 11 tỷ. Vốn điều lệ của doanh nghiệp là 11 tỷ đồng, cơ cấu vốn: Nhà nước giữ cổ phần chi phối chiếm 51%, cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp chiếm 46,37%, cổ phần bán đấu giá chiếm 2,63%. Vấn đề ở đây là doanh nghiệp có 22 cơ sở kinh doanh và toàn bộ các cơ sở đều nằm ở vị trí đắc địa, trong đó: 13 khách sạn-nhà hàng (được xếp hạng từ 1-3 sao), 4 khu du lịch trong đó có 2 khu du lịch là di tích thắng cảnh cấp quốc gia, 1 thương xá, 1 xí nghiệp vận chuyển du lịch (69 đầu xe), 1 xí nghiệp dịch vụ xây dựng, 1 trung tâm lễ hành và hướng dẫn du lịch. Kết quả hoạt động năm 2006 lỗ 1,4 tỷ đồng. Hiện tại dư luận báo chí phản ánh rất nhiều về tình hình cổ phần hóa của doanh nghiệp này, vì tài sản của nhà nước quá lớn nhưng lại rơi vào tay tư nhân làm thất thoát hàng trăm tỷ đồng của Nhà nước, và UBND tỉnh phải thành lập đoàn thanh tra để thanh tra về quá trình tiến hành các thủ tục cổ phần hóa.

+ Công ty Dịch vụ Du lịch thanh niên Đà Lạt (doanh nghiệp quản lý và kinh doanh Khu du lịch Thung lũng Tình Yêu), giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp 12,2 tỷ (trong đó giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp 6.226 triệu đồng; giá trị quyền sử dụng đất kinh doanh phi nông nghiệp đối với phần diện tích đất xây dựng văn phòng, nhà làm việc và diện tích xây dựng khu vui chơi giải trí là 6.872 m² doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách tỉnh sau cổ phần hoá 5.562 triệu đồng; phần diện tích còn lại và diện tích rừng cảnh quan thực hiện thuê đất theo qui định). Vốn điều lệ khi chuyển thành công ty cổ phần 12 tỷ đồng, cơ cấu vốn: cổ phần vốn nhà nước tại công ty chiếm 40%, cổ phần bán ưu đãi cho người lao động chiếm 3,48%, cổ phần bán ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược chiếm 12%, cổ phần

bán đấu giá 534.200 cổ phần chiếm 44,52%. Kết quả bán đấu giá cổ phần vào ngày 19/5/2007 gồm 4 nhà đầu tư đấu giá trúng 534.200 cổ phần thành tiền 43,2586 tỷ đồng (bình quân 80.978 đồng/cổ phần, giá sàn 13.000 đồng cổ phần); 3 nhà đầu tư đã nộp tiền mua cổ phần đấu giá trúng 424.200 cổ phần thành tiền 32,5786 tỷ đồng (bình quân 78.654 đồng/cổ phần); tiền đặt cọc thu được do nhà đầu tư đấu giá trúng nhưng từ chối mua (120.000 cổ phần, giá 89.000 đồng/cổ phần) là 156 triệu đồng. Như vậy việc tổ chức bán đấu giá cổ phần đã đem lại giá trị thật của doanh nghiệp rất lớn, chỉ tính việc bán đấu giá 35,4% cổ phần của doanh nghiệp đã thu được 32,57 tỷ đồng, nếu giả sử bán đấu giá 100% cổ phần theo giá bình quân trúng thầu thì giá trị thực của doanh nghiệp sẽ là 94,385 tỷ đồng. Đây là nội dung mà các cơ quan QLNN cần xem xét để so sánh việc cổ phần hóa Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt thì tài sản nhà nước bị thất thoát trong định giá tài sản doanh nghiệp.

* Tổ chức quản lý hệ thống cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch

Đến cuối năm 2007 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 2.300 doanh nghiệp có giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực (2.173 doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, 24 DNNN, 103 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), trong đó có 563 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch. Đóng góp ngân sách của hệ thống doanh nghiệp ngoài quốc doanh là phần thu quan trọng của ngân sách tỉnh, ví dụ năm 2007 thu thuế của hệ thống doanh nghiệp này được 587,3 tỷ đồng tăng 45,6% so với năm 2006 và chiếm tỉ lệ 70,1% (tỉ lệ này của năm 2006 là 60,5%) thuế thu được của toàn bộ hệ thống doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, đồng thời có xu thế ngày càng tăng mạnh. Những vấn đề mà tỉnh quan tâm quản lý đối với hệ thống doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch đó là đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng ngày càng cao theo nhu cầu của du khách; đảm bảo ổn định giá cả trong mùa cao điểm của du lịch hàng năm như các dịp lễ hội, hè, tết; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; đảm bảo môi trường trong khai thác du lịch; đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Những khó khăn trong quản lý hệ thống doanh nghiệp thường gặp đó là:

- Đối với hệ thống doanh nghiệp du lịch và dịch vụ du lịch trong thực tế chưa thống kê được chính xác đóng góp cho ngân sách hàng năm là bao nhiêu, bởi hầu

hết các doanh nghiệp đều đăng ký hoạt động nhiều ngành nghề và loại hình hoạt động nào chủ yếu thì tính doanh thu và thuế chung cho lĩnh vực ngành nghề đó (chưa tách riêng phần thuế cho từng ngành nghề trong cùng một doanh nghiệp), do vậy chưa đánh giá được chính xác mức đóng góp của hệ thống doanh nghiệp này. Theo kết quả suy rộng điều tra cá thể 01/10/2006 của Cục Thống kê thì trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hiện có 5.295 cơ sở kinh doanh khách sạn-nhà hàng (trong đó có 244 doanh nghiệp) trong đó có 2.614 cơ sở có đăng ký kinh doanh chiếm tỷ lệ 49,37%, có 2.774 cơ sở có nộp thuế VAT chiếm tỷ lệ 52,4% so với tổng số cơ sở. Số cơ sở chưa đăng ký kinh doanh và chưa nộp thuế VAT chiếm tỉ lệ 50,63% và 47,6% như vậy thực tế số cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống không chịu sự quản lý của chính quyền địa phương và các ngành chức năng còn khá lớn. Đây chính là yếu tố tác động rất lớn đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm, trật tự xã hội, thu ngân sách...

- Thực trạng công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động đối với các doanh nghiệp còn những khó khăn nhất định, bởi nhiều doanh nghiệp đăng ký kinh doanh nhưng không mở văn phòng, không có địa chỉ cụ thể (kiểu doanh nghiệp “ma”) nên không nắm được số lượng doanh nghiệp thực hoạt động là bao nhiêu.

2.2.3.6. Điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực

Trên địa bàn tỉnh đã có các cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch như Trường Đại học Đà Lạt có Khoa du lịch đào tạo ngành kinh tế du lịch bậc đại học, Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng có khoa trung cấp du lịch, Trường Kỹ thuật Đà Lạt (nay là Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt) có khoa đào tạo nghề du lịch; tháng 9/2006 Tổng cục Du lịch đã thành lập Trường Trung học nghiệp vụ du lịch Đà Lạt và hiện nay đang chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện giảng dạy và học tập để tuyển sinh từ năm học 2008-2009. Với hệ thống cơ sở đào tạo hiện có, nếu tổ chức quản lý phù hợp sẽ đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch không những của tỉnh Lâm Đồng mà cho cả các tỉnh lân cận trong khu vực.

Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành các quyết định về chính sách hỗ trợ trong công tác đào tạo cán bộ, công chức, công nhân viên trong tỉnh như Quyết định số 29/2000/QĐ-UB ngày 14/02/2000 quy định

tạm thời về trợ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức đi học; Quyết định số 87/2004/QĐ-UB ngày 18/5/2004 về việc hỗ trợ đào tạo nghề do các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo nghề cho lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lâm Đồng.

Bảng 2.10. Nguồn lao động du lịch tỉnh Lâm Đồng

Đơn vị tính: Người

Lao động	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tổng số (1)	9.699	14.393	14.385	15.786	18.201	19.511
Lao động Khách sạn-Nhà hàng (1)	5.421	7.999	7.656	8.374	9.843	10.318
% lao động KS-NH qua đào tạo (2)	18,5	20,5	23,8	26,3	30,7	38,8

Nguồn: (1) Niên giám Thống kê Lâm Đồng năm 2006

(2) Sở Du lịch và Thương mại Lâm Đồng

Về bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch, kể từ năm 2003 đến nay, ngành du lịch Lâm Đồng đã liên kết với Trường nghiệp vụ du lịch Vũng Tàu và các cơ sở đào tạo nghề du lịch tại Đà Lạt tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý du lịch ở cấp huyện, nghiệp vụ quản lý và phục vụ khách sạn-nhà hàng, vận chuyển du lịch... Cụ thể là: mở 3 lớp nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn với số lượng học viên tham gia 223 người; lớp nghiệp vụ nhiếp ảnh cho 180 người; 2 lớp nghiệp vụ vận chuyển khách du lịch cho 11 doanh nghiệp lữ hành - vận chuyển, với 270 người tham gia; lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý du lịch cho 71 cán bộ, công chức làm việc trong ngành du lịch của tỉnh; bồi dưỡng kiến thức quản lý cho 85 cán bộ quản lý các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch... Ngành du lịch đã chuẩn bị tương đối chu đáo về kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; chương trình, nội dung và thời gian tổ chức các lớp học phù hợp với từng loại đối tượng do đó chất lượng các lớp học đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra, trang bị cho học viên nhiều kiến thức bổ ích về kỹ năng, nghiệp vụ, thông qua đó giúp học viên từng bước nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ khách. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã đánh giá rất cao việc tổ chức các lớp học nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp gửi cán bộ, nhân viên đi học để tiếp cận được với phương pháp quản lý mới, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, về phía Nhà nước và doanh nghiệp đều chưa thật sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo nhân lực du lịch dẫn đến chất lượng phục vụ còn

thấp, không thể hiện được tính chuyên nghiệp và hiệu quả thực sự của các sản phẩm du lịch và dịch vụ. Đối với các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ buồng, phòng, lễ tân... trong thời gian qua chỉ mang tính giải pháp tình thế, đối tượng người học hầu hết là làm việc ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa nên hầu như chưa được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ du lịch; nhưng với thời gian tổ chức các lớp học không dài, số lớp học không nhiều do đó việc học viên tiếp thu và áp dụng ngay trong công việc cụ thể của mình tại doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được nhiều người tham gia. Đây là vấn đề mà ngành du lịch cùng Hiệp hội Du lịch Lâm Đồng cần xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình, kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ luân phiên, định kỳ để cho nhiều người được tham gia học và người học cập nhật được kiến thức một cách có hệ thống từ thấp đến cao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nói chung và cho ngành du lịch nói riêng của Lâm Đồng có nhiều cố gắng, nhiều cán bộ, học sinh đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ; công tác cử tuyển đào tạo con em vùng ĐBDTTS, con em gia đình chính sách đã có bước tiến bộ rõ nét. Các chính sách hỗ trợ đào tạo đã được ban hành và thực hiện. Hàng năm có hàng trăm cán bộ, công chức của các cơ quan hành chính, sự nghiệp và cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp được đào tạo các ngành về kinh tế, kỹ thuật, luật, lý luận chính trị.....; mặt khác đã tiếp nhận nhiều sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn cả nước về công tác; các cơ sở đào tạo trong tỉnh hàng năm cũng đào tạo được một đội ngũ lao động nhằm bổ sung, thay thế kịp thời nguồn nhân lực, đáp ứng được phần nào cho yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh.

Song cũng như nhiều địa phương khác không gần các trung tâm đào tạo lớn gặp nhiều khó khăn trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Bởi lẽ, đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan hành chính, sự nghiệp và cán bộ công nhân viên của các doanh nghiệp đang làm việc tại Lâm Đồng hầu hết không có điều kiện để học tập nâng cao trình độ phù hợp với nghề nghiệp đang làm, vì các cơ sở đào tạo tại Lâm Đồng không có nhiều ngành nghề cần học; nhiều ngành phải tập trung học tại thành phố Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội...do vậy không khuyến khích được

cán bộ, công chức tham gia học tập. Những hạn chế trong công tác đào tạo nguồn nhân lực được thể hiện bởi các vấn đề sau:

- Các chế độ, chính sách khuyến khích cho các bộ, công chức đi học tuy đã có đổi mới, song chưa đóng vai trò quan trọng làm đòn bẩy khuyến khích cho người đi học: không khuyến khích cho những người đi học ngoài tỉnh, đặc biệt là các trường hợp phải đi học xa và đối với các ngành học, bậc học phải thi tuyển; mức thưởng (ưu đãi) không có sức thu hút cho cán bộ, công chức của tỉnh tham gia học tập nâng cao trình độ, cũng như cán bộ có trình độ học vấn cao từ các địa phương khác về công tác tại tỉnh Lâm Đồng. Thí dụ như người có bằng thạc sĩ được thưởng 5 triệu đồng, bằng tiến sĩ 10 triệu đồng - Ngoài ra không có bất kỳ khoản ưu đãi nào khác.

- Không có kế hoạch cụ thể về bố trí sử dụng cán bộ sau khi được đào tạo. Trong thực tế xuất hiện vấn đề cán bộ thuộc diện quy hoạch đào tạo, bổ nhiệm vào các chức danh hoặc đang giữ các chức danh chủ chốt thì không có điều kiện đi học, hoặc không dám đi học, hoặc không đủ các tiêu chuẩn để tham gia thi tuyển đầu vào và học ở các bậc học cao hơn; những cán bộ, công chức khác có đủ điều kiện để thi tuyển vào các bậc học cao hơn và mong muốn được đi học để nâng cao trình độ thì không được đi học bởi không thuộc diện quy hoạch.

- Vấn đề cử tuyển cũng là vấn đề cần bàn, trong khi tình trạng đào tạo nguồn nhân lực của Lâm Đồng vừa thừa, vừa thiếu. Việc cử tuyển con em các gia đình chính sách, con em vùng ĐBDTTS trong thời gian qua là hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước, song việc đào tạo và sử dụng lại không gắn với nhau. Hiện nay vẫn còn nhiều sinh viên là con em ĐBDTTS được cử tuyển đi học và tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp từ 4-5 năm nay vẫn chưa được bố trí việc làm. Năm 2005, tỉnh cử tuyển 63 học sinh đi học cao đẳng công nghiệp để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi cho phát triển công nghiệp trong thời gian tới là cần thiết, song điều đáng quan tâm là: *Thứ nhất*, cử tuyển vào trường Cao đẳng bán công công nghệ và quản trị doanh nghiệp; *Thứ hai*, đối tượng cử đi học là học sinh phổ thông thi trượt đại học và cao đẳng, rõ ràng các đối tượng này không phải là đối tượng để thu hút đào tạo nguồn nhân lực, không thuộc diện đối tượng

chính sách nhưng tỉnh lại hỗ trợ kinh phí cho học tập và bố trí công tác sau khi học xong; *Thứ ba*, ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhưng từ trước đến nay chưa cử tuyển đối tượng nào đi học về nghiệp vụ của ngành này.

- Mất cân đối về quy hoạch và cơ cấu ngành nghề đào tạo để phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm chỉ tập trung vào đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng QLNN, các lĩnh vực đào tạo chuyên sâu và đào tạo sau đại học hầu như không có trong kế hoạch. Hầu hết cán bộ, công chức của tỉnh có nhu cầu đi học chuyên môn đều phải xin đi chứ không có trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; mặt khác việc quy hoạch đào tạo cũng chỉ để đạt chuẩn theo quy định.

- Là trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng lớn của cả nước, mang tầm cỡ khu vực và thế giới; Lâm Đồng đã nhiều năm xác định ngành du lịch là ngành kinh tế động lực, nhưng thực chất tỉnh chưa có động thái gì về chuẩn bị nguồn nhân lực cho ngành này. Và nhất là hiện nay tỉnh đang xúc tiến đề án nâng cấp thành phố Đà Lạt trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; khi Đà Lạt trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, thì đương nhiên ngành du lịch sẽ chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu kinh tế của thành phố; nhưng hiện nay công tác chuẩn bị nguồn nhân lực cho lĩnh vực này hầu như còn bỏ ngõ [68].

2.2.3.7. Phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát

- Trong giai đoạn 2001-2007 đã ban hành gần 700 văn bản các loại có liên quan đến chỉ đạo, điều hành về du lịch, trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách; xây dựng các quy hoạch, dự án, đề án của một số khu, điểm du lịch trọng điểm để gọi vốn đầu tư hoặc trực tiếp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; chấn chỉnh và tăng cường quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng du lịch, chỉnh trang đô thị; xây dựng chiến lược tuyên truyền, quảng bá, thông tin du lịch, giới thiệu về du lịch, lịch sử, danh lam thắng cảnh, văn hóa lễ hội; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho du lịch; xây

dựng cơ chế chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư cho du lịch và chiến lược các sản phẩm dịch vụ du lịch; xây dựng đề án về quản lý thuế, giá cả...

- Hàng năm tổ chức các hội nghị gặp gỡ các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài, hội doanh nghiệp trẻ, các doanh nghiệp đầu tư vào Khu du lịch hồ Tuyên Lâm, doanh nghiệp chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực du lịch để thông báo tình hình phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng của tỉnh, các doanh nghiệp tham gia ý kiến và nêu lên những khó khăn, vướng mắc. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh tổng hợp và chỉ đạo các ngành giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; đồng thời chọn lọc ý kiến đóng góp của doanh nghiệp để đưa vào nhiệm vụ, giải pháp quản lý và chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Trong chương trình công tác của UBND tỉnh hàng tháng đều bố trí thời gian làm việc trực tiếp với một số doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp có khó khăn để nắm tình hình hoạt động và chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Kể từ đầu năm 2006, vào ngày cuối cùng của mỗi tháng UBND tỉnh đã phân công chủ tịch và các phó chủ tịch luân phiên tiếp, làm việc với các doanh nghiệp và các nhà đầu tư để nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời giải quyết trực tiếp những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đây là nhiệm vụ thường xuyên mà các cơ quan QLNN phải thực hiện trong quá trình quản lý, điều hành của mình. Những vấn đề có tính chất nghiêm trọng và cần phải thanh tra toàn diện trong lĩnh vực hoạt động nào đó thì UBND tỉnh trực tiếp thành lập đoàn thanh tra; những vấn đề thuộc về chuyên ngành và mang tính cục bộ thì có văn bản chỉ đạo cho cơ quan chuyên môn lập đoàn thanh tra tổ chức thanh tra và báo cáo kết quả với UBND tỉnh. Các nội dung mà UBND tỉnh quan tâm tập trung thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực hoạt động du lịch đó là: công tác cổ phần hóa DNNN về du lịch, thực hiện các chính sách về đất đai, quản lý các danh lam thắng cảnh, bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng hạ tầng, thực hiện các quy định về thuế, giá cả...

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược quy hoạch, kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 của Chính phủ. Khi UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành, địa phương, đơn vị đều giao cho một cơ quan chuyên ngành chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao. Nhìn chung sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện thuộc tỉnh trong thời gian qua đã có những chuyển biến.

- Về tổ chức bộ máy: Sở Du lịch Lâm Đồng được thành lập năm 1993, đến năm 2002 do vai trò QLNN của Sở Thương mại ngày càng thu hẹp do đó Sở Thương mại được sáp nhập vào Sở Du lịch thành Sở Du lịch và Thương mại, trên cơ sở đó sắp xếp lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo yêu cầu nhiệm vụ. Đã thành lập Ban chỉ đạo Phát triển du lịch do một Phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban với thành viên là giám đốc các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương trong tỉnh; Ban chỉ đạo Phát triển du lịch tỉnh đã phát huy vai trò trong việc quản lý phát triển du lịch tỉnh đúng hướng và cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Hiệp hội Du lịch tỉnh Lâm Đồng được thành lập tháng 8/2000; Hiệp hội đã thu hút được nhiều thành viên thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động du lịch và chia làm 4 chi hội: chi hội khách sạn, chi hội lữ hành vận chuyển, chi hội danh lam thắng cảnh, chi hội tại thị xã Bảo Lộc. Những hoạt động bước đầu của Hiệp hội như tổ chức các cuộc hội thảo về nâng cao tính tự chủ trong cạnh tranh của các doanh nghiệp, những kinh nghiệm trong tổ chức quản lý và phát triển của các doanh nghiệp tiêu biểu, tham gia và hoạt động từng bước có hiệu quả; Hiệp hội đã làm cầu nối giữa các cơ quan QLNN và doanh nghiệp, đồng thời giúp cho công tác QLNN về du lịch chấn chỉnh các hoạt động về du lịch như: tình trạng tranh giành khách, cạnh tranh về giá, trôn khách, lậu thuế của các cơ sở lưu trú, tình hình trật tự tại các điểm tham quan thắng cảnh. Thành lập các ban quản lý du lịch để quản lý, thực hiện các thủ tục và xúc tiến đầu tư Khu du lịch hồ Tuyên Lâm và Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng theo cơ chế "một chủ quản lý, nhiều nhà đầu tư"; thành lập Trung tâm xúc tiến Du lịch - Thương mại và Đầu tư trực thuộc Sở Du lịch và Thương mại.

Song những hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát:

- Các ngành kinh tế tổng hợp khả năng tham mưu còn hạn chế; sự phối kết hợp giữa các ngành, địa phương, đơn vị chưa thực sự chặt chẽ. Hiện nay, khi giải quyết các công việc có tính liên ngành, thì cơ quan được giao chủ trì không chủ động liên hệ với các cơ quan liên quan; do vậy, hầu như toàn bộ các lĩnh vực công việc UBND tỉnh đều phải có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp. Mặt khác tính thống nhất trong quản lý thuộc lĩnh vực ngành giữa các cơ quan chuyên môn chưa cao; ví dụ cùng một nội dung nhưng mỗi cơ quan hướng dẫn một cách khác nhau, do đó các doanh nghiệp phải "chạy" nhiều cửa làm tốn kém thời gian, công sức và chi phí. Không có kế hoạch cụ thể về công tác kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp từ đầu năm, thiếu sự phối kết hợp; ví dụ ngành thuế thì thanh, kiểm tra về chấp hành quy định nộp thuế, ngành lao động thì kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động và thực hiện các chính sách đối với người lao động... làm cho doanh nghiệp bị chi phối, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Các cấp chính quyền địa phương như cấp xã, huyện một số nơi cũng tiến hành kiểm tra doanh nghiệp sai quy định. Việc những nhiễu, gây khó khăn phiền hà cho doanh nghiệp của các cơ quan QLNN cũng là vấn đề mà các nhà quản lý cần phải quan tâm có biện pháp chấn chỉnh.

- Công tác quản lý còn nảy sinh nhiều bất cập, nhiều nơi còn bị buông lỏng, thiếu sự quản lý thống nhất, đồng bộ và còn có sự chồng chéo giữa quản lý ngành và quản lý lãnh thổ giữa các ngành, các cấp. Nhiều vấn đề còn lẫn lộn, chưa phân định rõ giữa QLNN với quản lý kinh doanh. Việc cải tiến các thủ tục hành chính còn chậm, nhiều cửa, nhiều cấp, gây phiền hà cho doanh nghiệp, nhất là trong việc thành lập doanh nghiệp, cấp giấy phép kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà trọ và vận chuyển khách du lịch, các thủ tục xin xác lập quyền sử dụng nhà, đất, mặt nước và cảnh quan, các thủ tục xin giấy phép tham quan một số thôn buôn vùng ĐBDTTS...

2.3. Đánh giá chung thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Ở từng nội dung của chương 2, luận án đã phân tích thực trạng và rút ra những nhận xét có tính chất đánh giá. Trong phần này, luận án tổng hợp hệ thống hoá những nhận xét trên.

2.3.1. Về những kết quả đạt được trong công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Về những thành công của công tác QLNN về du lịch. Nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa VIII ngày 21/9/2006 đã nhận định: “Công tác QLNN trên lĩnh vực du lịch được tăng cường, nhiều đề án quy hoạch được triển khai thực hiện, việc bảo tồn những giá trị văn hóa của ĐBDTTS nhằm phục vụ du lịch được quan tâm; cơ chế chính sách thu hút đầu tư được cải thiện”. Những kết quả được khái quát như sau:

- Trong những năm qua, cùng với đà phát triển KT-XH của tỉnh, kinh tế du lịch đã có bước chuyển biến tiến bộ, thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực này; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ngày càng được tăng cường, đặc biệt là ở thành phố Đà Lạt, qua đó đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách. Khôi phục và phát triển giá trị về văn hoá của các dân tộc trong tỉnh.

- Lượng khách, thu nhập và GDP du lịch tăng hàng năm góp phần làm tăng tỉ trọng dịch vụ trong tổng thu nhập của tỉnh, tạo tiền đề đưa du lịch từng bước thực sự trở thành ngành kinh tế động lực theo đúng mục tiêu đã được xác định.

- Đã thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch đem lại hiệu quả nhất định về kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; thị trường du lịch ngày càng được mở rộng, sản phẩm du lịch đang dần được đa dạng hoá và nâng cao chất lượng. Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng vùng và cả tỉnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Góp phần tăng nhanh thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thể hiện là năm 2000 thu ngân sách 406 tỷ đồng, năm 2005 thu ngân sách 1.167 tỷ đồng, năm 2007 là 1.849 tỷ đồng và Lâm Đồng chính thức gia nhập câu lạc bộ thu ngân sách “một nghìn tỷ” năm 2005.

- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đang từng bước được xây dựng đồng bộ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng các chỉ tiêu phát triển du lịch và góp phần tạo nên diện mạo mới của tỉnh.

- Bộ máy tổ chức quản lý đã từng bước được kiện toàn, hệ thống cơ chế chính sách phát triển du lịch được hình thành và ngày càng hoàn thiện tạo môi trường thuận lợi cho công tác quản lý phát triển du lịch.

- Đã tạo lập được những căn cứ quan trọng để các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tiến hành lập quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, quy hoạch chung và thực hiện các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn.

- Trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ du lịch đã được cải thiện, ngành du lịch Lâm Đồng đã thực sự khẳng định vị trí, vai trò quan trọng đối với du lịch miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế của QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua

2.3.2.1. Những tồn tại, hạn chế trong công tác định hướng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua

- Căn cứ để xây dựng chiến lược còn chưa đầy đủ và chuẩn xác. Cụ thể là, còn thiếu vắng các cuộc điều tra, nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế; các tài liệu phân tích đối thủ cạnh tranh... Các tài liệu đánh giá lợi thế phát triển chưa cụ thể, danh mục đầu tư trải rộng, các dự báo, các tiêu chuẩn định mức tính toán chưa thật sát với điều kiện cụ thể của Lâm Đồng, chưa lường hết được các biến động và những khó khăn sẽ nảy sinh.

- Phương pháp xây dựng chủ yếu là dự báo, cân đối. Các lựa chọn mang nhiều yếu tố chủ quan, thiếu các phương pháp khoa học hỗ trợ.

- Xác định nhiều hướng phát triển sản phẩm du lịch, điểm du lịch, cụm du lịch. Nhưng chưa nhận thức đầy đủ hướng nào chính, hướng nào phụ, “trục” phát triển cơ bản của du lịch Đà Lạt, Lâm Đồng một cách rõ ràng.

- Chưa chú ý đến việc giúp các doanh nghiệp kinh doanh du lịch xây dựng chiến lược phát triển, gắn chiến lược doanh nghiệp với chiến lược của tỉnh.

2.3.2.2. Những tồn tại, hạn chế trong nhiệm vụ tạo lập môi trường, khuôn khổ pháp lý cho phát triển du lịch ở địa phương

Có mấy vấn đề cần quan tâm đó là:

- Cần có thái độ rõ ràng hơn với sự tham gia phát triển du lịch của các thành

phần kinh tế, nhất là các hộ gia đình, các trang trại nhỏ. Thể hiện ở chính sách ưu đãi theo địa bàn, và ngành nghề du lịch cần phát triển (Thí dụ đầu tư cho du lịch sinh thái, cho phát triển vui chơi giải trí...); thể hiện trong bố trí quy hoạch và cấp phép xây dựng, cũng như quản lý chất lượng phục vụ, kiểm tra việc thi hành nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Du lịch là ngành kinh tế có khả năng phát triển rất hiệu quả ở Việt Nam, đặc biệt là các vùng ven biển và vùng núi cao. Tuy nhiên các chính sách ưu đãi của Nhà nước chưa thể hiện rõ: các khu du lịch quy mô lớn chưa được hưởng quy chế quản lý của khu công nghiệp, cơ chế bồi thường giải phóng mặt bằng, cơ chế nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quy định xây dựng khu tái định cư; chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp không khác gì các ngành kinh doanh khác. Quy định ưu đãi địa bàn lại tính theo cấp huyện, trong khi nhiều xã khó khăn lại không được hưởng ưu đãi. Phát triển du lịch ở Lâm Đồng không thể không liên quan đến đất rừng và nghề rừng. Các chính sách liên quan cần cụ thể, rõ ràng hơn.

- Lâm Đồng là một địa phương đã phát triển du lịch nhiều năm, lại trải qua quá nhiều sự thay đổi của lịch sử và tàn phá của chiến tranh và thời gian. Trong chiến lược phát triển và các chính sách kinh tế việc khuyến khích đầu tư mới theo quy hoạch là đúng. Tuy nhiên, hệ thống các chính sách, biện pháp, cũng như quy hoạch chưa quan tâm đúng đến đầu tư khôi phục, chỉnh trang, mở rộng các cơ sở, các điểm hiện có theo quan điểm hệ thống với chất lượng cao.

- Vốn đầu tư là yếu tố quan trọng để phát triển du lịch. Lâm Đồng nói riêng và chính phủ nói chung cho cả nước có thể sử dụng cơ chế quản lý vốn ngân sách theo hướng thị trường được không, và nếu sử dụng cơ chế thị trường thì mở đến đâu và quy định cụ thể như thế nào đang là câu hỏi cần trả lời.

- Tiến độ đầu tư chậm chạp, do những nguyên nhân quan trọng là: *Thứ nhất*, do giải phóng mặt bằng khó khăn; cơ chế thỏa thuận bồi thường, không có sự can thiệp của Nhà nước có nhiều điểm bất hợp lý, cản trở sự phát triển, phải được xem lại, đặc biệt là với vùng cao, đất lâm nghiệp có rừng. *Thứ hai*, do nhà đầu tư không thực sự có đủ năng lực tài chính để triển khai thực hiện dự án; trong bối cảnh những năm vừa qua, cũng như trong vài năm tới việc các doanh

nghiệp xin dự án sau đó mới tìm giải pháp huy động vốn bằng cách liên doanh, liên kết là vấn đề phổ biến, thậm chí một số doanh nghiệp bỏ ra một ít chi phí để chạy dự án và sau đó tìm mối sang nhượng để kiếm chênh lệch. Thứ ba, thủ tục hành chính trong đầu tư còn quá nhiều khâu, thời gian hoàn thành toàn bộ các thủ tục một dự án để có thể triển khai đầu tư xây dựng được phải mất ít nhất 1 năm (đối với nhà đầu tư thực sự có thiện chí).

2.3.2.3. Những tồn tại hạn chế trong công tác tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

- Trong điều hành các hoạt động đầu tư, xây dựng tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều biện pháp tốt, nhưng tiến độ thực hiện các dự án vẫn chậm. Lý do chủ yếu là tỉnh không chủ động nguồn vốn; công tác giải phóng mặt bằng khó khăn; tiến độ quy hoạch chi tiết chậm và đôi khi do các thủ tục hành chính thiếu ăn khớp, hoặc sự thiếu nhiệt tình của chính quyền cấp huyện, cấp xã.

- Trong nhiệm vụ phát triển sản phẩm du lịch Lâm Đồng đã xây dựng được nhiều sản phẩm mới, nhưng quy mô, chất lượng chưa tương xứng với tiềm năng; các sản phẩm đã có lại chưa được đầu tư xứng đáng nên chất lượng chưa cao.

- Du lịch Lâm Đồng đã có nhiều hình thức quảng bá được dư luận hoan nghênh. Tuy nhiên hiệu quả không như mong muốn. Các hình thức còn mang tính quảng bá hình ảnh, chưa có được mô hình gắn kết giữa Lâm Đồng với các doanh nghiệp, giữa khách trong nước và nước ngoài. Chưa có biện pháp để các doanh nghiệp du lịch nhỏ và vừa ở Lâm Đồng quan tâm đến công tác này.

- Chưa hoàn thành tốt công tác cổ phần hóa doanh nghiệp du lịch nhà nước, việc quản lý các cơ sở du lịch nhỏ còn chưa chặt chẽ, đầy đủ.

- Phương thức điều hành chủ yếu là mở hội nghị, ra văn bản điều hành, kiểm tra, kiểm soát định kỳ hay đột xuất. Hoạt động điều hành chưa đều tay, tính nhất quán chưa cao, sự phân công, phối hợp chưa rõ nên tập trung về UBND tỉnh một khối lượng công việc cụ thể rất lớn.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua

Có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài

này tác giả nghĩ cần chú ý đến những vấn đề sau:

Một là, nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò du lịch là ngành kinh tế động lực trong sự phát triển KT-XH của Lâm Đồng chưa sâu sắc, còn mang tính bảo thủ, chưa chuyển hóa thành các hoạt động cụ thể trong phát triển du lịch của địa phương.

Hai là, hiểu biết về du lịch và QLNN về du lịch còn hạn chế. Du lịch Đà Lạt có lịch sử nhiều năm, nhưng là kinh tế du lịch quy mô nhỏ, bao cấp và thụ động. Khi phát triển kinh tế du lịch có quy mô lớn, trong điều kiện thị trường du lịch phát triển mạnh mẽ trong nước và quốc tế, nội dung các hoạt động phát triển kinh tế du lịch, phương thức tổ chức hoạt động kinh doanh; nội dung, phương thức QLNN đã thay đổi chẳng những về quy mô, mà cả tính chất. Trong điều kiện mới, hiểu biết của chúng ta trở nên hạn hẹp, lúng túng trong các hoạt động kinh doanh, cũng như QLNN về du lịch.

Ba là, chúng ta đã xác định chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch dài hạn giai đoạn 1996-2010. Tuy nhiên qua hơn 10 năm thực thi, quy hoạch trên bộc lộ nhiều yếu kém. Nhìn từ phía QLNN thì khuyết điểm lớn nhất là du lịch Lâm Đồng về cơ bản vẫn mang nặng tính thụ động, chờ khách đến, chưa chủ động vươn ra thị trường, gấn bó với thị trường.

Bốn là, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn thụ động, về cơ bản chưa có chiến lược kinh doanh gấn bó với chiến lược phát triển ngành của tỉnh.

Năm là, nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch còn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Tóm lại, trong chương 2 này, tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng về QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 2001-2007, tức là giai đoạn ngành du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Lâm Đồng nói riêng có bước phát triển, các cơ chế, chính sách QLNN về kinh tế nói chung và về du lịch nói riêng cũng bắt đầu có những thay đổi mang tính đột phá cho sự phát triển. Cụ thể những nội dung đã giải quyết đó là:

- Giới thiệu khái quát về môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan đến QLNN về du lịch và phát triển ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng. Đánh giá chung những

lợi thế và các hạn chế có tác động đến QLNN về du lịch và phát triển ngành du lịch.

- Phân tích thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung các nội dung:

+ Phân tích thực trạng QLNN về định hướng phát triển du lịch bao gồm: Những nội dung chủ yếu của chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 1996-2010; nhận xét đánh giá thực hiện chiến lược phát triển du lịch.

+ Tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch bao gồm: xây dựng và thực hiện chính sách thu hút đầu tư; chính sách đất đai; chính sách tài chính, tín dụng, giá cả đối với phát triển du lịch; chính sách quản lý tài nguyên và chất lượng du lịch.

+ Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch bao gồm: điều hành về đầu tư du lịch; điều hành xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch; điều hành phát triển sản phẩm du lịch; điều hành về xúc tiến, mở rộng thị trường và liên kết phát triển du lịch; điều hành sắp xếp các DNNN và hệ thống doanh nghiệp du lịch; điều hành hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát.

- Đánh giá chung thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong đó nêu lên những kết quả đạt được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân của những hạn chế.

Qua đó rút ra nhận xét như sau:

Qua phân tích, đánh giá thực trạng ngành du lịch Lâm Đồng đã thực sự không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, dần từng bước đã nâng khả năng hoạt động để thực sự trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước và khu vực. Sự lớn mạnh này, có nhiều nhân tố tác động trực tiếp, gián tiếp, nhưng trong đó nhân tố tác động mạnh mẽ là sự nỗ lực vươn lên, khai thác được nguồn nội lực của địa phương và của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, điều này được khẳng định trên một số chỉ tiêu chủ yếu như đã phân tích. Nhiều sản phẩm và loại hình du lịch mới được đưa vào khai thác kinh doanh. Công tác QLNN về du lịch của tỉnh trong giai đoạn này đã có những đề án quy hoạch cụ thể, các nghị quyết, kế hoạch chuyên đề về quản lý

và phát triển du lịch địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng còn bộc lộ nhiều yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế so sánh, chưa thực hiện được vai trò sứ mệnh để Đà Lạt trở thành trung tâm du lịch của cả nước và khu vực. Thiếu chiến lược nuôi dưỡng và phát triển các tài nguyên có ảnh hưởng trực tiếp cho hoạt động và phát triển du lịch một cách hiệu quả; định hướng phát triển du lịch chưa có phân kỳ chọn điểm, lĩnh vực làm đột phá để vươn lên thực sự trở thành ngành kinh tế động lực.

Do vậy việc nghiên cứu đánh giá thực trạng QLNN về du lịch, tìm ra những mặt mạnh, những tồn tại, nguyên nhân hạn chế trong giai đoạn đã qua. Từ đó làm cơ sở cho nghiên cứu để tìm ra những phương hướng, giải pháp hoàn thiện công tác QLNN về du lịch của tỉnh Lâm Đồng, nhằm đưa du lịch Lâm Đồng thực sự trở thành ngành kinh tế động lực và để Đà Lạt trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước trong thời gian tới là nội dung chính mà tác giả luận án đề cập.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Dự báo phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nằm trong định hướng phát triển KT-XH của tỉnh; do đó định hướng phát triển du lịch phải gắn liền với mục tiêu phát triển KT-XH, có như vậy thì phát triển du lịch mới đáp ứng được nhu cầu phát triển các ngành kinh tế khác của tỉnh. Việc đưa ra các chỉ tiêu dự báo phát triển du lịch đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 nhằm mục đích đạt được mục tiêu phát triển KT-XH và để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng.

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020

3.1.1.1. Bối cảnh tác động đến QLNN về kinh tế tỉnh Lâm Đồng

a) Chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

Những thành công trong hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước đã tạo ra tiền đề chính trị và xã hội, vật chất tinh thần, cũng như tích lũy thêm được kinh nghiệm quản lý điều hành vi mô và vĩ mô. Qua thời gian triển khai và từng bước hoàn thiện, đến nay đường lối đổi mới đã được xác lập phù hợp với quy mô khách quan và thực tế đời sống KT-XH của đất nước. Tiến hành đổi mới kinh tế đang đi dần vào quỹ đạo, nền kinh tế ổn định và phát triển. Tất cả những điều đó đang tạo thêm niềm tin để tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa đường lối đổi mới kinh tế với mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh”.

Kết quả của đường lối đổi mới là đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, ổn định chính trị - xã hội, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Đến nay thể và lực của đất nước ta có được sự biến đổi về chất, nước ta đã thoát ra cuộc khủng hoảng kinh tế và tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Nhà nước ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng sản xuất trong nước có hiệu quả, tranh thủ vốn công nghệ và thị trường nước ngoài để tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

b) Xu thế phát triển các vùng trong nước tác động đến Lâm Đồng

Công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu rất to lớn, nền kinh tế vĩ mô ổn định, cơ chế kinh tế ngày càng phù hợp và từng bước tích lũy được lực lượng để phát triển. Tại Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng trong công cuộc đổi mới cũng đã đi được những bước đi vững chắc và đang tiếp tục phát triển.

Cùng với các vùng trọng điểm, các vùng miền núi, vùng khó khăn và vùng nông thôn đồng bằng sẽ được quan tâm phát triển. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX đã ghi rõ: Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về KT-XH và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Có chiến lược và quy hoạch xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới thành vùng kinh tế động lực. Phát triển nhanh theo hướng thâm canh là chính đối với các cây công nghiệp gắn với thị trường xuất khẩu (cà phê, cao su, chè, bông...), chăn nuôi đại gia súc, trồng và bảo vệ rừng, cây dược liệu, cây đặc sản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển thủy điện lớn và vừa, các hồ chứa nước cho thủy lợi, khai thác và chế biến quặng bauxite. Phát triển công nghiệp giấy. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục và đường ngang nối xuống vùng Duyên hải... [16, tr186].

Để cụ thể hóa phát triển vùng Tây Nguyên, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001-2005 và những giải pháp cơ bản phát triển KT-XH vùng Tây Nguyên (bao gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng; nay thêm tỉnh Đắk Nông tách ra từ tỉnh Đắk Lắk). Những mục tiêu phát triển chủ yếu đến năm 2005 là: "Tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2 lần so với năm 2000, tăng bình quân khoảng 9%/năm, trong đó công nghiệp tăng 16%, nông - lâm nghiệp tăng 7%, dịch vụ tăng 12%; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa, chuyên môn hóa có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao,

tăng dần tỉ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng, ngành dịch vụ, giảm dần tỉ trọng của ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP đảm bảo tỉ trọng của các ngành trên là 22-25-53". Thời kỳ 2006-2010, đạt tốc độ tăng trưởng 7,4%; đến năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt 8,6 triệu đồng, ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 44,7%, ngành công nghiệp - xây dựng 26,6%, ngành dịch vụ chiếm 28,7% trong cơ cấu kinh tế. Thời kỳ 2011-2020, tăng trưởng đạt tốc độ 7,3%; GDP bình quân đầu người đạt 9,4 triệu đồng [52].

Lâm Đồng là tỉnh nằm ở phía nam Tây Nguyên và ở phía bắc vùng Đông Nam Bộ, giáp tây nam vùng Duyên hải miền Trung nên chịu sự chi phối chung của chiến lược phát triển kinh tế trong vùng. Sự tác động của vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên đối với Lâm Đồng vừa có tính chất hỗ trợ vừa có tính chất cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực.

Bảng 3.1. Dự báo tăng trưởng và cơ cấu kinh tế cả nước và vùng Tây Nguyên đến năm 2020

Chỉ tiêu		Tăng trưởng GDP (%)			Cơ cấu GDP (%)		
		2001-2005	2006-2010	2011-2020	2005	2010	2020
I	Cả nước	7,5	7,5	7,0	100,0	100,0	100,0
1	Công nghiệp-Xây dựng	9,61	8,8	8,53	52,5	47,0	53,8
2	Nông-lâm-thủy sản	4,0	4,4	2,5	24,8	18,0	11,6
3	Dịch vụ	7,36	7,7	6,93	22,7	35,0	34,6
II	Vùng Tây Nguyên	8,26	7,4	7,3	100,0	100,0	100,0
1	Công nghiệp-Xây dựng	11,15	12,1	10,0	25,6	26,6	33,5
2	Nông-lâm-thủy sản	5,93	6,9	3,9	44,1	44,7	31,8
3	Dịch vụ	11,38	4,8	6,8	30,3	28,7	34,7

Nguồn: Dự báo của nhóm chuyên gia Viện Chiến lược phát triển 2004

3.1.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

Theo quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đã xác định về quan điểm, mục tiêu và chỉ tiêu phát triển với các nội dung sau:

a) Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội

- Khai thác tối đa có hiệu quả nguồn nội lực và bằng mọi cách thu hút các nguồn ngoại lực đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện, nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng lãnh thổ của tỉnh; bảo đảm cho nền kinh tế bứt phá nhanh, hội nhập và cạnh tranh có hiệu quả.

Đến năm 2020, Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển kinh tế bền vững, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, an ninh.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng công nghiệp và dịch vụ. Tập trung phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Ưu tiên phát triển du lịch và dịch vụ, công nghiệp sử dụng nguyên liệu địa phương và mở rộng công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu từ bên ngoài tỉnh.

- Đầu tư có trọng điểm vào một số địa bàn động lực như xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố trực thuộc trung ương với các chức năng: là trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng của cả nước và quốc tế, là một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị, là trung tâm giáo dục và đào tạo đa ngành lớn của cả nước, là đô thị sinh thái và đô thị bảo tồn di sản kiến trúc, là trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Thị xã Bảo Lộc thành trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm, khoáng sản của tỉnh và trở thành thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng mới. Các đô thị, vùng sản xuất hàng hóa dọc quốc lộ 20 gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; dọc quốc lộ 27, 28, 55 gắn với các tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Phát huy yếu tố nguồn lực con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ các tỉnh, thành phố phát triển trong nước và nước ngoài. Tăng cường đào tạo đội ngũ công chức, công nhân và lao động kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia giỏi về công nghệ và quản lý, đội ngũ các doanh nhân.

- Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, không chế tiến tới giảm bớt sự chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa đô thị và nông thôn. Bên cạnh tập trung đầu tư có trọng điểm ở các vùng động lực, quan tâm hỗ trợ vùng nông thôn miền núi, vùng ĐBĐTTTS trên cơ sở giải quyết tương đối tốt yếu tố hạ tầng và các chính sách xã hội.

- Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Trên cơ sở phát triển kinh tế gắn với quy hoạch bảo vệ môi trường. Quan điểm này phải được xuyên suốt trong

việc xác định các định hướng ngành, trong xây dựng các dự án cũng như thiết kế, xây dựng bất kỳ một công trình nào trên địa bàn tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh chính trị, kinh tế cụ thể trên từng địa bàn đô thị, nông thôn và vùng ĐBDTTS, tạo thành sức mạnh tổng hợp xây dựng và bảo vệ lãnh thổ tỉnh. Phát triển kinh tế đi liền với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, trước hết là ở cơ sở, phải thực sự gắn bó với dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên từng địa bàn, xem đây là nền tảng chủ yếu để phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên lãnh thổ tỉnh.

b) Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

* Mục tiêu phát triển KT-XH đến năm 2020:

- Đẩy nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của cả nước; tốc độ tăng GDP bình quân khoảng 13-14% cho thời kỳ 2006-2010 và khoảng 13% cho thời kỳ 2011-2020.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng ngành dịch vụ, công nghiệp và giảm dần ngành nông nghiệp để đến năm 2020 cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ là: dịch vụ 44%, công nghiệp - xây dựng 31%, nông - lâm nghiệp 25%.

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 600 triệu USD.

- Tăng nhanh đầu tư toàn xã hội, thu hút các nguồn vốn đầu tư, tạo nên sự đột phá, tăng tốc về kinh tế, giải quyết tốt tích lũy và tiêu dùng, đến năm 2015 tự cân đối được thu chi.

- Giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,5%, hạn chế tăng cơ học để đến năm 2020 quy mô dân số đạt khoảng 1,62-1,65 triệu dân. Nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, đến năm 2015 giải quyết cơ bản hộ nghèo. Hoàn thành công tác định canh, định cư, ổn định và nâng cao đời sống cho ĐBDTTS và vùng kinh tế mới.

- Đẩy mạnh hoạt động các chương trình quốc gia về văn hóa, y tế, nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện tốt xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao.

- Phần đầu tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 30%. Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 5%, tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn trên 85%.

* Chỉ tiêu kinh tế-xã hội cụ thể giai đoạn 2006-2010:

Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khoá VIII nhiệm kỳ 2006-2010, với chủ đề: “Đoàn kết, đổi mới, đột phá, tăng tốc đưa tỉnh Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng chậm phát triển”. Để thực hiện được mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra những chỉ tiêu phát triển KT-XH giai đoạn 2006-2010 là:

- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 13-14%.
- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 15,5-16,5 triệu đồng.
- Đến năm 2010, tỷ trọng nông nghiệp chiếm 36-38%, dịch vụ 36-38%, công nghiệp - xây dựng 26% trong GDP.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2006-2010 tăng 3,2-3,3 lần so với thời kỳ 2001-2005; trong đó đầu tư cho dịch vụ 26-27%, xây dựng kết cấu hạ tầng 26-27%, công nghiệp - xây dựng 25-26%, nông - lâm - thuỷ 20-21%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 900-950 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 14-16%.

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 15-16%; trong đó huy động thuế và phí vào ngân sách đạt 12-13% so với GDP.

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2007.

- Tạo việc làm mới hàng năm cho 24.000-25.000 lao động.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,5-0,6‰.

3.1.2. Dự báo phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020

3.1.2.1. Quan điểm, phương hướng phát triển du lịch

Để phát triển ngành du lịch phù hợp với đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, với chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, của khu vực miền Trung -Tây Nguyên, với định hướng phát triển KT-XH của tỉnh Lâm Đồng và để ngành du lịch Lâm Đồng thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh kể từ sau năm 2020, quan điểm phát triển ngành du lịch tập trung vào 5 nội dung sau:

- Phát triển du lịch theo hướng sinh thái, văn hoá để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực của tỉnh.

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm song song với việc nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm để tạo ra bước đột phá.

- Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện về du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó chú trọng khai thác nguồn khách nội địa và lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược phát triển lâu dài.

- Phát triển du lịch phải đảm bảo tính tổng hợp liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao với vai trò du lịch là động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành kinh tế khác.

- Phát triển du lịch một cách bền vững trên cơ sở gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo.

Ngành Du Lịch tỉnh Lâm Đồng đã được sự quan tâm của các cơ quan trung ương và sự nhìn nhận đúng đắn của các cấp lãnh đạo tỉnh trong xu thế hội nhập và phát triển lâu dài. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khoá VIII (2006-2010), tiếp tục khẳng định phát triển ngành du lịch để trở thành ngành kinh tế động lực; phương hướng phát triển cơ bản là:

- Huy động các nguồn lực trong nước và tranh thủ đầu tư nước ngoài để phát triển toàn diện ngành du lịch; chú trọng các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị - hội thảo. Đầu tư tôn tạo, nâng cấp các khu du lịch, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử; phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ du lịch, đặc biệt là các hoạt động văn hoá của các dân tộc nhằm đa dạng hoá sản phẩm, tạo ưu thế cạnh tranh của du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt.

- Tiếp tục huy động tổng hợp mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong tỉnh, tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển làm bật dậy tiềm năng du lịch Lâm Đồng, đưa du lịch Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà. Phát triển du lịch - dịch vụ du lịch phải đảm bảo tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao với vai trò du lịch - dịch vụ du lịch là động lực để thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển và ngược lại.

- Xây dựng môi trường du lịch, bao gồm cả môi trường cảnh quan thiên nhiên, môi trường kinh doanh du lịch, dịch vụ và văn minh đô thị. Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị - hội thảo của cả nước và quốc tế.

- Tăng cường đầu tư có trọng điểm và đồng bộ về xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng du lịch, tôn tạo danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hoá ở các khu du lịch, coi đây là yếu tố quyết định của sự phát triển du lịch. Tạo môi trường thông thoáng thuận lợi trong kinh doanh dịch vụ, có cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, các khu vui chơi giải trí đồng thời bảo đảm sự quản lý chặt chẽ thống nhất phát triển theo quy hoạch.

- Phát triển du lịch phải gắn với giữ gìn và phát huy truyền thống địa phương, bản sắc văn hoá dân tộc, nhân phẩm con người Việt Nam, nâng cao trình độ dân trí, lòng yêu quê hương, đất nước, chống các tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên.

- Tăng cường QLNN về du lịch, đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

- Phát triển du lịch phải kết hợp chặt chẽ với củng cố và tăng cường an ninh quốc phòng.

3.1.2.2. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch

Việc nghiên cứu dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch chủ yếu đến năm 2020 là căn cứ vào thực trạng phát triển du lịch trong giai đoạn 2001-2007, định hướng phát triển KT-XH của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, những cơ hội và thách thức hiện nay cũng như trong giai đoạn tới đối với ngành du lịch.

a) Những yếu tố thuận lợi cơ bản tác động đến phát triển du lịch

- Tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc về nhiều mặt: khoa học kỹ thuật và công nghệ có những bước nhảy vọt chưa từng thấy; kinh tế tri thức bước đầu tham gia vào phát triển lực lượng sản xuất; hoà bình, hợp tác và phát triển là một xu thế lớn đang được đông đảo các nước, các dân tộc hưởng ứng tích cực. Trong bối cảnh đó, nhu cầu về du lịch tăng mạnh, du lịch thế giới phát triển với xu thế chuyển dần sang khu vực Đông Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á (theo dự báo của tổ chức Du lịch thế giới, khu vực Đông Nam Á đến năm 2020 sẽ đón khoảng 125 triệu lượt khách quốc tế, mức tăng trưởng bình quân lượng khách quốc tế đến khu vực giai đoạn đến năm 2010 là 6%/năm).

- Tình hình phát triển du lịch trong nước những năm qua, nhất là trong giai đoạn 2001-2007, ngành du lịch đã có nhiều biện pháp đồng bộ, kịp thời, phát huy tinh thần năng động sáng tạo, đưa ngành vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của kế hoạch năm. Công tác QLNN trong lĩnh vực du lịch được tăng cường. Hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh hơn những năm trước, thông qua các hoạt động hợp tác song phương và đa phương. Việt Nam đã tranh thủ khai thác thêm nguồn ngoại lực cho sự phát triển, nhất là khi Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO và tổ chức thành công Hội nghị APEC Việt Nam 2006. Việt Nam nằm trong vùng phát triển kinh tế được đánh giá vào loại năng động nhất thế giới. Nền kinh tế không ngừng phát triển, GDP bình quân hàng năm tăng ở tốc độ cao; cơ chế kinh tế đang chuyển đổi nhanh sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN; kết cấu hạ tầng ngày càng được đầu tư phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; nhận thức về ngành du lịch thay đổi theo hướng tích cực; nhu cầu du lịch tăng nhanh. Ngành du lịch Việt Nam ý thức hơn về chuyên nghiệp hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Mục tiêu tổng quát của Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2006-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 121/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 là góp phần thúc đẩy phát triển du lịch Việt Nam, phấn đấu từ năm 2010 Việt Nam trở thành một trong các quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực. Hệ thống pháp luật đang từng bước được hoàn thiện, được hệ thống và cụ thể hóa mà điển hình là sự ra đời của Luật Du Lịch năm 2005 đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển du lịch. Việt Nam có chế độ chính trị ổn định, an ninh bảo đảm; đất nước, con người Việt Nam mến khách; là điểm đến an toàn; thân thiện đối với khách du lịch quốc tế và Việt Nam được xem là một điểm đến mới và rất an toàn trong khu vực Đông Nam Á và châu Á nói chung.

- QLNN về phát triển du lịch của tỉnh Lâm Đồng trong những năm qua đã có nhiều biến chuyển sâu sắc; nhận thức của các cấp, các ngành về phát triển kinh tế du lịch là một yêu cầu tất yếu khách quan với những lợi thế của Lâm Đồng. Về quy hoạch tổng thể, quy hoạch chung phát triển du lịch đã cơ bản hoàn thành; các khu, điểm du

lịch lớn đang được triển khai đầu tư để đưa vào khai thác kinh doanh trước và sau năm 2010 sẽ tạo điều kiện cho Lâm Đồng có nhiều loại hình du lịch mới, với quy mô lớn hơn và thu hút nhiều khách du lịch trong đó đặc biệt là khách quốc tế. Tỉnh Lâm Đồng đã ký kết hợp tác toàn diện phát triển KT-XH trong đó chủ lực là phát triển du lịch với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, tỉnh Đồng Nai; ký kết hợp tác liên kết tam giác phát triển du lịch tỉnh Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Hồ Chí Minh đây là 3 địa phương có những thế mạnh riêng, nhưng chưa phát huy hết tiềm năng, sự kiện này sẽ mở ra nhiều chương trình mới về du lịch cho các địa phương; ký kết hợp tác liên kết phát triển du lịch vùng núi và vùng biển giữa tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Lâm Đồng tiếp giáp vùng kinh tế năng động và thuộc khu vực Tây Nguyên, nhờ đó có điều kiện để thu hút vốn đầu tư từ khu vực miền Đông Nam Bộ và hưởng được các chính sách đầu tư đặc thù của Nhà nước đối với vùng Tây Nguyên.

Những yếu tố nêu trên là điều kiện thuận lợi để Lâm Đồng có cơ hội phát triển mạnh về kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, nếu công tác QLNN thực hiện đúng chức năng và biết tận dụng, khai thác những cơ hội này.

b) Những khó khăn thách thức cơ bản

- Doanh nghiệp du lịch Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt ngay trên “sân nhà”, với các đối thủ mạnh, có nghề, trên một sân chơi chung, sòng phẳng, không có bảo hộ. Trước đây chủ yếu ta cạnh tranh với nhau, hạ giá hoặc dùng chiêu “độc” để tranh giành khách. Nay phải cạnh tranh bằng chất lượng, bằng độ chuyên nghiệp, chắc chắn ưu, nhược điểm sẽ lộ rõ. Theo Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam Phạm Từ: “Có thể một nửa hãng lữ hành Việt Nam sẽ bị rơi rụng, nhưng sẽ có nhiều hãng liên kết, hợp tác lại với nhau hình thành những tập đoàn lớn”. Hàng trăm dự án du lịch nhỏ đã được cấp phép, nhưng vẫn còn nằm trên giấy (do chưa đủ năng lực tài chính hay chưa thực có thiện chí đầu tư) sẽ phải xem xét lại khả năng liên doanh liên kết. Tất nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài cũng có bất lợi của họ khi thi đấu trên “sân khách”. Và các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ tìm cách phát huy lợi thế “sân nhà”. Nhưng sự cạnh tranh học hỏi lẫn nhau, là yếu tố giúp du lịch Việt Nam nâng cao tính chuyên nghiệp.

- Du lịch Lâm Đồng dựa nhiều vào môi trường tự nhiên, nhưng tài nguyên, môi trường tự nhiên bị xuống cấp do những bất cập trong quản lý, bảo vệ và khai thác của những năm trước. Hệ thống cơ sở hạ tầng nhất là giao thông, chất lượng cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao, trật tự trong hoạt động du lịch - dịch vụ du lịch chưa được đảm bảo đã làm mất lòng tin của du khách.

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được cho nhu cầu phát triển du lịch, đây là vấn đề không thể giải quyết trong một sớm một chiều, mà là cả một quá trình lâu dài đòi hỏi phải có kế hoạch dài hạn về chuẩn bị nguồn nhân lực.

- Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng cho phát triển du lịch rất lớn, nhưng nguồn ngân sách của tỉnh chưa tự cân đối được thu - chi mà hàng năm phải dựa vào ngân sách trung ương cân đối và các nguồn hỗ trợ khác khoảng từ 40-50% so với tổng chi ngân sách địa phương.

Những khó khăn, thử thách trên phần nhiều thuộc nhân tố chủ quan nên có thể khắc phục được. So với các tỉnh, thành phố lân cận thì du lịch Lâm Đồng vẫn có những tiềm năng và tiềm lực để trở thành trung tâm lớn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Bảng 3.2. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020

T T	Chỉ tiêu phát triển	ĐVT	TH 2006 (1)	TH 2007 (1)	Dự báo phát triển (2)		
					2010	2015	2020
1	Tổng lượng khách <i>Trong đó:</i>	Ngàn lượt	1.800	2.350	3.000	4.500	6.000
	- Khách quốc tế	Ngàn lượt	120	140	200	700	1.300
	- Khách nội địa	Ngàn lượt	1.680	1.873	2.800	3.800	4.700
2	Ngày lưu trú						
	- Khách quốc tế	Ngày	2,3	2,3	3	3,5	4
	- Khách nội địa	Ngày	2,1	2,2	2,8	3,3	3,7
3	Doanh thu du lịch	Triệu USD	51,97	73,66	185,7	361,5	656,7
4	Giá trị GDP du lịch	Triệu USD			126,3	234,9	420,3
5	Tốc độ tăng trưởng GDP du lịch	%			14,7	13,2	12,3
6	Vốn đầu tư du lịch	Triệu USD	35	52	188,3	304,3	463,3
7	Cơ sở lưu trú	Phòng	10.000	12.500	15.200	23.700	34.700
8	Lao động du lịch	Người	19.511	22.500	59.280	113.760	187.380
	- Lao động trực tiếp	Người	10.318	11.800	19.760	37.920	62.420
	- Lao động gián tiếp ngoài xã hội	Người	9.193	10.700	39.520	75.840	124.920

Nguồn: (2) - Dự báo của Viện NCPT Du lịch và định hướng PTDL tỉnh Lâm Đồng

(1) - Sở DL&TM, Sở KH&ĐT, Cục Thống kê Lâm Đồng

Cơ sở dự báo: Các chỉ tiêu dự báo dựa trên cơ sở số liệu dự báo của Viện

Nghiên cứu Phát triển Du lịch trong dự thảo điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1996-2010 và định hướng đến năm 2020 (tháng 10/2005); phương hướng phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng. Một số chỉ tiêu được dự báo như:

- Chỉ tiêu khách du lịch

Trong những năm tới đây, du lịch Lâm Đồng vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng các khu du lịch lớn, do vậy các yếu tố đột biến ít xảy ra. Nhưng thực tế lượng khách quốc tế đến Lâm Đồng trong giai đoạn vừa qua là rất thấp so với lượng khách quốc tế đến Việt Nam; do vậy trong tương lai lượng khách đến Lâm Đồng sẽ tăng mạnh, dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân khách quốc tế đến Lâm Đồng trong giai đoạn 2006-2010 là 14%/năm. Giai đoạn 2011-2015, các dự án xây dựng các khu du lịch đã dần hoàn thiện và đi vào hoạt động ổn định sẽ thu hút nhiều hơn khách du lịch quốc tế đến Lâm Đồng, do vậy dự kiến giai đoạn này tốc độ tăng trưởng trung bình đạt khoảng 28%/năm; và giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 13%/năm.

Đà Lạt đã trở thành một trung tâm du lịch nghỉ dưỡng núi rất lý tưởng thu hút thị trường khách du lịch nội địa từ các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hoà, Nha Trang, Đà Nẵng, Hà Nội... Với những thuận lợi đó, khách du lịch nội địa đến Lâm Đồng ngày một nhiều với mức tăng trưởng khá cao (19,35%/năm giai đoạn 2001-2007); tuy nhiên, theo quy luật, tốc độ tăng trưởng này sẽ giảm dần từ nay đến năm 2020 khi giá trị tuyệt đối ngày càng tăng lên rất lớn. Dự kiến giai đoạn 2006-2010, trung bình mỗi năm sẽ tăng khoảng 13-14%; giai đoạn 2011-2015 là 6-7%/năm; và giai đoạn 2016-2020 là 4-5%/năm.

Hiện nay, khách du lịch đến Lâm Đồng chủ yếu tập trung ở khu vực Đà Lạt và vùng phụ cận, chiếm khoảng 90% tuy nhiên trong định hướng phát triển về mặt không gian còn có hai cụm du lịch khác là Bảo Lộc và Cát Tiên hai cụm du lịch này mặc dù có tiềm năng, nhưng chưa phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, đặc biệt là cụm Cát Tiên, trong thời gian gần đây khu du lịch sinh thái rừng Madaguôli (thuộc cụm Bảo Lộc và phụ cận) đang được đầu tư phát triển, do vậy đã

thu hút được khá đông du lịch nội địa. Trong tương lai, để giảm áp lực lên tài nguyên và môi trường ở cụm Đà Lạt và phụ cận, việc đầu tư phát triển đồng bộ hai cụm du lịch Bảo Lộc và Cát Tiên là rất quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên cụm du lịch Đà Lạt và vùng phụ cận trong thời gian tới vẫn là cụm du lịch chính, thu hút phần lớn khách du lịch đến Lâm Đồng.

- Doanh thu du lịch: Doanh thu từ du lịch của một địa phương bao gồm tất cả các khoản thu mà do khách du lịch chi trả ở địa phương đó như: doanh thu từ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, mua sắm và các dịch vụ khác như: bưu điện, ngân hàng, y tế, bảo hiểm, dịch vụ vui chơi giải trí v.v. Việc tính toán doanh thu từ du lịch của một địa phương được căn cứ vào các chỉ tiêu chủ yếu như số lượt khách, ngày lưu trú trung bình, mức chi tiêu trung bình trong một ngày của một khách.

- Về ngày lưu trú: Hiện nay, ở Lâm Đồng đang đầu tư xây dựng nhiều khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng có chất lượng cao, chắc chắn sẽ tạo ra nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, có chất lượng, sẽ hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước, sẽ kéo dài thời gian lưu trú của họ (đặc biệt là đối với khách du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh). Cụ thể vào năm 2005 đạt 2,2 ngày đối với khách quốc tế và 2 ngày đối với khách nội địa, đến năm 2010 các chỉ tiêu tương ứng là 3 ngày và 2,8 ngày; năm 2015 là 3,5 ngày và 3,3 ngày; đến năm 2020 là 4,0 ngày và 3,7 ngày.

- Về mức chi tiêu của khách du lịch đến Lâm Đồng năm 2005 trung bình mỗi ngày một khách quốc tế chi tiêu khoảng 79 USD, khách nội địa khoảng 496.000 đồng. Trong những năm tới, với sự phát triển các sản phẩm du lịch đặc sắc, có chất lượng chắc chắn mức chi tiêu của khách sẽ tăng lên.

- Nhu cầu về khách sạn: Việc nghiên cứu tính toán và điều chỉnh dự báo nhu cầu khách sạn trong những năm tới có ý nghĩa rất quan trọng đối với du lịch Lâm Đồng việc dự báo nhu cầu về khách sạn được căn cứ vào tổng số khách, số ngày lưu trú trung bình của khách, công suất sử dụng trung bình.

- Nhu cầu về lao động trong du lịch: Hiện nay, chỉ tiêu về số lao động bình quân/1 phòng khách sạn ở Lâm Đồng rất thấp (chỉ đạt 0,6 lao động/1 phòng khách sạn). Chỉ tiêu này có ảnh hưởng đến chất lượng các dịch vụ du lịch; đối với cả nước, hiện nay chỉ tiêu lao động bình quân cho một phòng khách sạn cao cấp đạt

trung bình 1,5-1,6 lao động trực tiếp và 1 lao động trực tiếp tương ứng với 2,2 lao động gián tiếp ngoài xã hội. Do đó, trong thời gian đến để đảm bảo chất lượng phục vụ thì lao động trực tiếp sẽ tăng nhanh.

3.2. Phương hướng hoàn thiện Quản lý Nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới

Có nhiều vấn đề cần bàn khi nghiên cứu phương hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới. Tuy nhiên với khuôn khổ có hạn, trong mục 3.2 này tác giả sẽ tập trung một số nội dung hoàn thiện QLNN về: Định hướng phát triển; tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho phát triển; hoàn thiện công tác điều hành, kiểm tra, kiểm soát phát triển du lịch trên địa bàn. Các đề xuất của tác giả sẽ tuân thủ một chủ đề chung xuyên suốt là: Sớm khắc phục tình trạng thụ động tạo mọi điều kiện để du lịch Lâm Đồng chủ động phát triển theo các nguyên tắc thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và hội nhập quốc tế.

Theo đó, tác giả sẽ đề xuất các hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới qua các nội dung sau:

- Quan tâm xây dựng chiến lược thị trường cho phát triển du lịch của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách theo các nguyên tắc thị trường, trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò động lực và các đặc điểm phát triển của ngành kinh tế du lịch trong điều kiện một tỉnh miền núi.

- Hoàn thiện các biện pháp điều hành trên một số công tác, đặc biệt là xúc tiến du lịch hướng tới mục tiêu: Du lịch Lâm Đồng chủ động phát triển theo hướng thị trường và hội nhập quốc tế.

3.2.1. Quan tâm xây dựng chiến lược thị trường cho phát triển du lịch của Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

Như chúng ta đã biết tỉnh Lâm Đồng có chủ trương điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Theo tác giả trong quá trình này cần tập trung nghiên cứu nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lâm Đồng hiện hành.

Theo Quyết định 762/QĐ-UB ngày 11/7/1996 “Quy hoạch tổng thể phát triển du

lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1996-2010” được phê duyệt. Trải qua hơn 10 năm thực hiện, du lịch Lâm Đồng đã có sự phát triển đáng kể (thí dụ: sản phẩm lưu trú tăng 2 lần trong giai đoạn 2001-2005); nhưng du lịch Lâm Đồng vẫn mang nặng tính thụ động, chờ khách đến, chưa thực sự chủ động tổ chức khai thác các nguồn khách đến Lâm Đồng, chưa có các tour du lịch do các doanh nghiệp Lâm Đồng tổ chức đi các vùng lân cận hoặc vươn tới các vùng khác nhau trong nước, hoặc quốc tế.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 1996-2010, được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch phong phú do thiên nhiên ban tặng cho. Đây là một cơ sở, một căn cứ quan trọng nhưng chưa đủ. Tình hình hiện nay đã khác trước nhiều. Thị trường du lịch đã phát triển, nước ta đang chủ động hội nhập thị trường quốc tế, cạnh tranh đang diễn ra gay gắt. Tình hình trên đòi hỏi chiến lược và quy hoạch phát triển thị trường du lịch phải bổ sung các căn cứ thị trường, phát triển theo hướng thị trường yêu cầu. Do đó, cùng với việc điều tra, khảo sát chuẩn xác hoá các tài liệu cơ bản về tài nguyên du lịch, phải xây dựng cho được: “Chiến lược khai thác và mở rộng thị trường du lịch”.

Chiến lược thị trường sẽ xác định:

- *Một là*, thị trường mục tiêu, thị trường tiềm năng của du lịch Lâm Đồng.
- *Hai là*, danh mục sản phẩm thị trường (không phải dừng lại ở sản phẩm mà phải cụ thể là tổ hợp sản phẩm - thị trường). Mỗi một đoạn thị trường mục tiêu có nhu cầu về sản phẩm tương ứng. Trong chiến lược thị trường du lịch tỉnh Lâm Đồng cần làm rõ các tổ hợp sản phẩm - thị trường tương ứng đó.
- *Ba là*, mô hình tăng trưởng của mỗi một tổ hợp sản phẩm - thị trường. Thường có các mô hình chiến lược sau: i) Khai thác sâu thị trường (sản phẩm hiện tại - thị trường hiện tại); ii) Phát triển sản phẩm mới (sản phẩm mới - thị trường hiện tại, tạo sức thu hút du khách, tăng sức cạnh tranh); iii) Phát triển thị trường mới (sản phẩm hiện có - thị trường mới, đây là bước phát triển tất yếu, khi các sản phẩm hiện tại có chất lượng và năng lực cạnh tranh cao); iv) Đa dạng hoá (sản phẩm mới - thị trường mới, đây là bước phát triển mạo hiểm, nhưng tất yếu phải có sự đổi mới).
- *Bốn là*, định vị hướng phát triển của các đơn vị chiến lược (SBU, cũng có thể hiểu một loại tổ hợp sản phẩm - thị trường); định vị doanh nghiệp sản phẩm gắn với chiến lược phát triển chung của tỉnh (hướng phát triển của địa phương được thể hiện

ở các chính sách, biện pháp thúc đẩy hay hạn chế phát triển từng sản phẩm, từng loại hình, từng hoạt động ...)

3.2.1.1. Lựa chọn thị trường mục tiêu

Để xác định thị trường mục tiêu Lâm Đồng cần tiến hành các công việc sau:

- Tổ chức nghiên cứu thị trường, tức là thực hiện một quá trình tổ chức thông tin bao gồm: thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin nhằm hỗ trợ và hoàn thiện việc ra quyết định.

Việc thu thập thông tin có thể tiến hành qua mọi nguồn, từ các tín hiệu thứ cấp, các báo cáo thị trường của các tổ chức du lịch, các nhà cung cấp, đặc biệt tình có thể tổ chức các điều tra, khảo sát quy mô, thu thập thông tin qua các phiếu hỏi khách hàng v.v. Qua thu thập thông tin có thể dự báo được số lượng khách, thị phần, doanh thu của mỗi loại sản phẩm cho từng khu vực thị trường. Nghiên cứu khách hàng về những đặc điểm kinh tế, xã hội, thái độ, mong muốn và nhu cầu của họ làm cơ sở cho việc phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu. Nghiên cứu về sản phẩm và giá cả những sản phẩm du lịch mới để đo lường mức độ quan tâm của khách hàng đối với sản phẩm đó, cũng như những yêu cầu, mong muốn, kỳ vọng của họ đối với sản phẩm đó và độ co giãn của nhu cầu với mức giá của sản phẩm này.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thị trường phải xác định cho được thị trường mục tiêu chủ yếu của mình. Muốn vậy phải phân đoạn thị trường theo các tiêu thức, phù hợp với mục đích Marketing (Một đoạn thị trường mục tiêu theo Kotler phải thoả mãn 4 tiêu chuẩn cơ bản: riêng biệt, đo lường được, có tiềm năng, phù hợp - Hay có thể hình dung đoạn thị trường được chọn có nhu cầu và đặc điểm mà Lâm Đồng có thể thoả mãn được với hệ thống sản phẩm của mình). Lâu nay thường đánh giá tầm quan trọng của một thị trường nào đó (trong nước hay quốc tế) bằng % lượng du khách so với tổng lượng du khách đến Lâm Đồng. Thí dụ theo số liệu điều tra thống kê năm 2005 du khách từ thành phố Hồ Chí Minh chiếm 60,5% lượng du khách nội địa đến Lâm Đồng. Con số này là một tiêu chí đánh giá ảo tầm quan trọng của thị trường du lịch thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đó là con số đã thực hiện. Làm chiến lược thị trường phải dự đoán được du khách sẽ đến trong kế hoạch tới, thì với một tiêu chí như trên là chưa đủ.

Tác giả kiến nghị Lâm Đồng phải xác định một hệ thống tiêu chí để có thể điều

tra dự đoán và xếp hạng các thị trường theo thứ tự: quan trọng, chưa quan trọng, không quan trọng hoặc thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng cho một kỳ kế hoạch.

Các chỉ tiêu định tính có thể là:

	Tên chỉ tiêu	Trọng số
1	Cơ cấu đặc điểm dân cư	6
2	Sự ổn định chính trị, xã hội	6
3	Các tác động kinh tế - xã hội đến nhu cầu du lịch	12
4	Thời gian nhàn rỗi	6
5	Hiểu biết về Lâm Đồng	10
6	Sự khác biệt, tương đồng tâm lý giữa Lâm Đồng với các thị trường	12
7	Khả năng đáp ứng nghiên cứu của Lâm Đồng	13
8	Nhu cầu thị trường phù hợp với định hướng phát triển du lịch của Lâm Đồng.	20
9	Các yếu tố tâm lý, lịch sử, văn hoá có tác động du lịch Lâm Đồng	15
	Tổng cộng	100

Các chỉ tiêu định lượng có thể là:

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
1	GDP/đầu người	12
2	Số người đi du lịch/năm	11
3	Khả năng chi trả	15
4	% chiếm trong tổng lượng khách đến Lâm Đồng của thị trường này	15
5	Tốc độ tăng trưởng của lượng khách đến Lâm Đồng của thị trường này	10
6	Thu nhập của Lâm Đồng từ khách của thị trường này.	15
7	Thị phần tương đối so sánh với các vùng khác cạnh tranh	10
8	Tần suất quay lại Lâm Đồng	12
	Tổng cộng	100

Nếu điều tra được các chỉ tiêu này ở các thị trường đang xem xét và làm đúng thì việc đánh giá phân loại thị trường sẽ chuẩn xác hơn. Qua đó lựa chọn các chiến lược tăng trưởng cho từng thị trường sẽ phù hợp, có hiệu quả hơn.

Hiện tại, trong thị trường du lịch nội địa, thì thị trường thành phố Hồ Chí Minh là quan trọng nhất (năm 2005 chiếm tới 60,5% tổng lượng khách nội địa đến Lâm Đồng).

Đối với thị trường này các chiến lược thích hợp là sử dụng mô hình tăng trưởng khai thác sâu, và phát triển sản phẩm mới. Có thể triển khai theo cả 3 hướng:

- i) Liên kết với các doanh nghiệp lữ hành ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, miền Tây Nam Bộ nhận khách và nối chuyến;
- ii) Liên kết với các đại lý, hoặc tự tổ chức các đại lý ở thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp khai thác các nguồn khách;
- iii) Có chính sách khuyến khích (thu hút đầu tư, ưu đãi giá cả...) để thu hút lượng khách không đi theo tour đến Lâm Đồng.

Trong thị trường Nam Bộ, cần quan tâm đến thị trường các tỉnh Đông Nam Bộ (hiện lượng du khách đến Lâm Đồng mới chiếm 9% tổng lượng du khách nội địa). Các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương là thị trường có nhiều tiềm năng lớn, lại gần và thuận tiện cho khách nghỉ cuối tuần đến Lâm Đồng. Cần thực hiện các biện pháp Marketing mạnh mẽ để mở rộng thị trường này.

Các tỉnh Nam Trung Bộ như Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận đang phát triển du lịch biển rất mạnh, lượng khách tăng đột biến. Đây là thị trường nổi tuyến du lịch biển với du lịch cao nguyên, núi cao rất có tiềm năng. Nhất là khi khoảng cách đường bộ giữa các tỉnh Duyên hải miền Trung với Lâm Đồng đã được rút ngắn.

Lâm Đồng cũng là điểm đến hấp dẫn du khách quốc tế khi họ đến Việt Nam.

Những năm gần đây thị trường du khách quốc tế đến Việt Nam có những đặc điểm cần quan tâm:

- Tổng lượng du khách liên tục tăng: Năm 2000 là 2.140.100 lượt khách; năm 2005 là 3.467.757 lượt khách bằng 170% năm 2000.

- Mục đích đi du lịch: Du lịch tham quan nghỉ dưỡng chiếm tỉ lệ lớn nhất (57%), du lịch công vụ tăng từ 398.000 lượt người năm 2000 lên 521.660 lượt người năm 2004, du lịch thăm thân càng tăng từ 370.000 lượt người năm 2000 lên 505.327 lượt người năm 2005. Có tình hình trên là do quan hệ kinh tế, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng lên.

- Du khách quốc tế đến Việt Nam 58% bằng đường hàng không, đến bằng đường bộ tăng lên nhưng chậm, đến bằng đường biển bị giảm sút.

- Cơ cấu thị trường theo khu vực có biến động: khu vực Bắc Á chiếm trên 50% lượng khách đến và xu hướng tăng mạnh từ năm 2000 đến 2005, trong đó lượng du

khách Trung quốc, Đài Loan đến Việt Nam tăng nhanh; thị trường ASEAN chiếm khoảng 11,3% và cũng có xu hướng tăng mạnh, lượng khách từ Thái Lan (2005/2004 bằng 156,7%), tiếp đến là Singapore 52,5%, và Malaysia 37,8%; đáng chú ý là lượng khách du lịch từ Campuchia tăng đột biến 105%. Thị trường châu Âu chiếm 12% lượng du khách quốc tế vào Việt Nam, nhiều nhất là Pháp có 104.025 lượt người năm 2004, năm 2005 tăng lên 126.402 lượt người bằng 121,5% năm 2004; Anh năm 2005 có 80.884 lượt người; Đức năm 2005 có 64.448 lượt người.

Thị trường Bắc Mỹ có tỉ lệ tăng trưởng tốt, 2005/2004 bằng 122%. Tuy nhiên số tăng chủ yếu là do người Việt sống ở Mỹ về thăm quê hương Việt Nam.

Từ tình hình đó, tác giả thấy cần chú ý mấy điểm khi xây dựng chiến lược tăng trưởng đối với các thị trường quốc tế:

- Du khách quốc tế đến Lâm Đồng là một bộ phận của khách quốc tế đến Việt Nam. Cho nên cần rất chú ý đến tình hình, xu thế diễn biến thị trường khách quốc tế đến Việt Nam. Trong đó, quan tâm các biện pháp thu hút khách quốc tế khu vực Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc); khu vực ASEAN nhất là khách Thái Lan, Campuchia đến Việt Nam bằng đường bộ.

- Tỉ lệ khách quốc tế đến Lâm Đồng so với khách quốc tế đến Việt Nam còn quá nhỏ (chỉ khoảng 3%) trong đó du khách Pháp đến Lâm Đồng là nhiều nhất, cũng chỉ bằng 15% lượng du khách Pháp đến Việt Nam. Các con số cho thấy còn quá nhiều khách quốc tế đến Việt Nam mà không tới Lâm Đồng. Từ đó tác giả cho rằng Lâm Đồng cần sớm giải quyết vấn đề này theo hai hướng sau:

Một là, phải liên kết với các doanh nghiệp lữ hành ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng là các đầu cầu nhận khách quốc tế ở Việt Nam, có chính sách để có nhiều tour đến Lâm Đồng. Một điều lưu ý là 84% khách Pháp đến Việt Nam qua Hà Nội. Vì vậy cần tổ chức liên kết kinh tế và du lịch Lâm Đồng - Hà Nội chặt chẽ hơn.

Hai là, Lâm Đồng phải phấn đấu vươn lên tự tổ chức khai thác thị trường khách quốc tế.

3.2.1.2. Xác định vị thế cạnh tranh của các sản phẩm du lịch và hướng chiến lược tăng trưởng thích hợp

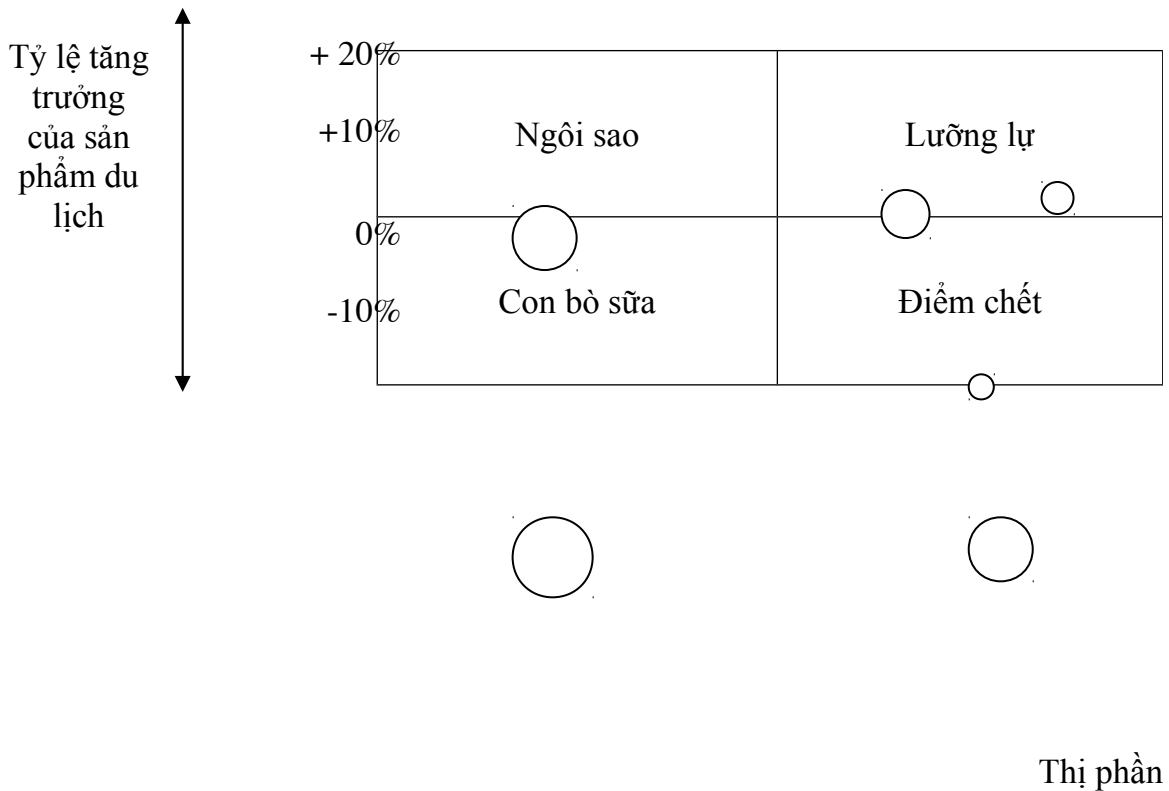
Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lâm Đồng 1996-2010 - trong mục 4.5 và 4.6. “Định hướng phát triển các loại hình du lịch” và “Định hướng sự đa dạng hoá các sản phẩm du lịch” đã nêu các loại sản phẩm du lịch: Du lịch nghỉ dưỡng; Du lịch sinh thái; Du lịch tham quan danh lam, thắng cảnh; Du lịch thể thao; Du lịch vui chơi giải trí; Du lịch hội nghị, hội thảo... Tuy nhiên chưa xác định rõ vị trí của các sản phẩm trong hệ toạ độ vị trí cạnh tranh và sức hấp dẫn. Do đó, việc lựa chọn chiến lược tăng trưởng cho mỗi một sản phẩm cũng chưa được xác định.

Tác giả kiến nghị trong lần điều chỉnh bổ sung này Lâm Đồng cần có các biện pháp khoa học thu thập các thông tin cần thiết; sử dụng các phương pháp thích hợp để xác định rõ vị trí cạnh tranh của các sản phẩm và lựa chọn chiến lược phù hợp với từng sản phẩm.

Đơn giản nhất là sử dụng ma trận BCG. Ma trận được thiết lập bởi hai biến số. Trục ngang thể hiện thị phần tương đối của mỗi sản phẩm du lịch (coi như một đơn vị chiến lược SBU) được xác định từ 0 đến 10. Trục dọc là tỉ lệ phát triển (lấy doanh thu là chỉ tiêu định lượng tính toán tỉ lệ phát triển) của mỗi sản phẩm du lịch (coi như SBU); thường cho từ -10% → 0% → +20%.

Những dữ liệu về doanh thu của từng sản phẩm, thị phần (đo bằng tỉ lệ doanh thu từ sản phẩm du lịch đang nghiên cứu trên tổng doanh thu du lịch của Lâm Đồng); tỉ lệ phát triển (thể hiện sự hấp dẫn của sản phẩm, khả năng phát triển của nó - cách tính đã nói ở trên) là những chỉ tiêu thường được thống kê thường xuyên. Tuy nhiên, thống kê chi tiết cho từng sản phẩm du lịch thì chỉ có thể có số liệu qua một cuộc điều tra được chỉ đạo chặt chẽ và khoa học.

Dựa vào các dữ liệu qua điều tra kể trên có thể xác định được các vị trí của đường SBU nằm ở ô nào trong 4 ô của ma trận và ứng với nó là các hướng chiến lược phù hợp cho từng sản phẩm và do đó toàn bộ danh mục sản phẩm. Nếu có thể tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát tốt hơn, có nhiều thông tin hơn việc xác định vị trí cạnh tranh và chiến lược thị trường phù hợp cho từng sản phẩm du lịch, thị trường có thể sử dụng các phương pháp phân tích ma trận A.O Little, hoặc ma trận Mc. Kinsey và kết hợp với các phương pháp phân tích khác để xác định vị thế cạnh tranh và lựa chọn chiến lược tăng trưởng phù hợp.



Hnh 3.1. Sơ đồ ma trận BCG

<p><u>Ngôi sao:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng sinh lời lớn - Lượng doanh thu cân bằng - Rủi ro trung bình 	<p><u>Lương lự:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh lời kém - Rủi ro lớn - Nhu cầu đầu tư lớn 	<p>Giữ vị trí cạnh tranh chi phối</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư lớn để vươn lên chi phối - Hoặc từ bỏ
<p><u>Con bò sữa:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh lời lớn - Không có nhu cầu vốn - Rủi ro ít 	<p><u>Điểm chết:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sinh lời - Không đầu tư - Rủi ro trung bình 	<p>Sinh lời phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không đầu tư dọn dẹp - Từ bỏ

Hình 3.2. Sơ đồ các hớng chiến lược có thể la chọn cho danh mục sản phẩm du lịch

Khi nghiên cứu xác định vị thế cạnh tranh và lựa chọn chiến lược tăng trưởng thích hợp cho các sản phẩm - thị trường của du lịch Lâm Đồng, cần chú ý vấn đề: Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lâm Đồng giai đoạn 1996-2010 có nêu lên một loạt sản

phẩm mới cho du lịch Lâm Đồng. Tuy nhiên qua hơn 10 năm triển khai thực hiện quy hoạch ta thấy: i) Không thể coi các sản phẩm du lịch một cách tách rời nhau; ii) Không thể đánh giá tầm quan trọng của các sản phẩm du lịch theo cách cào bằng.

Thực tế cho thấy trong danh mục 6 sản phẩm du lịch của Lâm Đồng thì sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, tham quan là quan trọng nhất, là sản phẩm “khung”, là chỗ dựa cho các sản phẩm khác phát triển. Việc thiết kế và triển khai các sản phẩm mới phải bám chắc vào sản phẩm “khung” trên cơ sở tìm lý do, nội dung phục vụ hỗ trợ sản phẩm khung nâng cao chất lượng và phát triển. Có thể theo các hướng: i) Tạo lý do đến Đà Lạt nghỉ dưỡng. Thí dụ: công vụ, hội nghị, hội thảo... ii) Tạo các hoạt động làm cho kỳ nghỉ dưỡng sinh động hơn, vui vẻ hơn, có ý nghĩa hơn. Thí dụ: các trò chơi, thể thao, tìm hiểu tập quán, văn hoá Tây Nguyên... iii) Có các hoạt động trực tiếp nâng cao chất lượng nghỉ dưỡng. Thí dụ: chữa bệnh, hướng dẫn chữa bệnh bằng nhiều phương pháp; cung cấp thuốc chữa bệnh ...

Do đó, trong chiến lược phát triển nói chung và chiến lược sản phẩm thị trường nói riêng phải tập trung cho phát triển sản phẩm nghỉ dưỡng kèm theo ý nghĩa nhu cầu nghỉ dưỡng là một chuỗi nhu cầu gắn kết, phục vụ lẫn nhau.

3.2.1.3. Gắn chiến lược phát triển của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch với chiến lược phát triển du lịch của tỉnh

Sự phát triển của ngành kinh tế du lịch Lâm Đồng được xây nên từ các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch (lớn, nhỏ, v.v.). Việc thực hiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch Lâm Đồng thành công, hay không thành công phần quan trọng cũng chịu ảnh hưởng của sự phát triển của các doanh nghiệp du lịch.

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm tinh công bố chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 1996-2010 hầu hết các doanh nghiệp chưa có chiến lược phát triển; sự phát triển của từng doanh nghiệp trên thực tế có phù hợp với chiến lược chung hay không cũng chưa hề bao giờ được xem xét.

Vì vậy, tác giả kiến nghị cùng với việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, cần kiên quyết thúc đẩy và hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch xây dựng chiến lược phát triển của mình. Nhiệm vụ của các cơ quan QLNN là kiểm tra, rà soát và hướng dẫn các

doanh nghiệp du lịch xây dựng chiến lược kinh doanh đã phù hợp với chiến lược của tỉnh chưa, từ đó khai thác cơ hội và thích ứng kịp thời với khung khổ chung.

Theo tác giả quá trình này bao gồm các nội dung sau:

Một là, đánh giá danh mục đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.

Hai là, xem xét việc xác định mục tiêu của doanh nghiệp.

Ba là, xác định lại lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung và phương pháp xem xét cụ thể, tác giả kiến nghị như sau:

a) Đi sâu vào vấn đề: đánh giá danh mục đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp du lịch

Các chính sách của Nhà nước, các chủ trương biện pháp của tỉnh có thể tác động tích cực, hay tiêu cực, trực tiếp hay gián tiếp đến danh mục đầu tư theo loại hình kinh doanh hay sản phẩm du lịch của doanh nghiệp. Điều này phụ thuộc vào các lĩnh vực kinh doanh hoặc sản phẩm kinh doanh có phù hợp hay không phù hợp với chủ trương hỗ trợ, khuyến khích hay không khuyến khích, hỗ trợ của tỉnh.

Ở đây có 4 trường hợp xảy ra, ứng với mỗi trường hợp chúng ta có những kiến nghị (lời khuyên) với các doanh nghiệp phù hợp:

- Trường hợp, các lĩnh vực kinh doanh đang tồn tại ở doanh nghiệp được tỉnh khuyến khích, hỗ trợ (bằng nhiều cách như: qua miễn giảm thuế, tài trợ ngân sách, theo hướng bảo hộ, thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích hợp tác ...).

Để có lời khuyên chuẩn xác đối với các doanh nghiệp ta lập một ma trận gồm 2 trục: trục tung thể hiện các biện pháp của tỉnh theo 2 hướng xoá bỏ cạnh tranh hay tăng cường cạnh tranh; trục hoành thể hiện sức mạnh tương đối của doanh nghiệp du lịch (từ yếu đến mạnh).

Các biện pháp khuyến khích hỗ trợ của tỉnh



Xoá bỏ cạnh tranh

(2) Đầu tư có chọn lọc	(1) Đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện thời
(3) Thu hoạch kết quả Xoá, bỏ	

Tăng c-
 ờng cạnh
 tranh

Yếu

Mạnh

Sức mạnh tương đối của doanh nghiệp du lịch

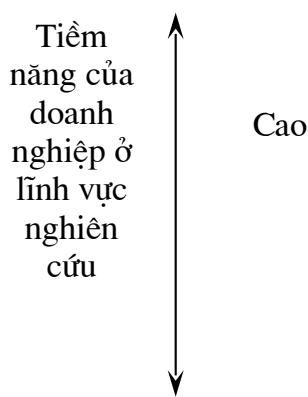
Ở ô (1) năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (các lĩnh vực hiện hữu) cao lại phù hợp với chủ trương của tỉnh. Do đó doanh nghiệp có thể đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện thời.

Ở ô (2) năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (các lĩnh vực hiện hữu) vào loại yếu. Các lĩnh vực kinh doanh này chính phủ hỗ trợ hạn chế cạnh tranh. Tỉnh nên ủng hộ và kiến nghị doanh nghiệp đầu tư có chọn lọc theo hướng ngành trung tâm. Có thể triển khai theo 2 chiều: một là, chuyên môn hoá theo một loại sản phẩm nào đó với đoạn thị trường có khả năng sinh lời; hai là, chọn chuyên môn hoá công nghệ nhằm khác biệt hoá sản phẩm hay nhắm tới chi phí thấp.

Ở ô (3) năng lực kinh doanh của doanh nghiệp (các lĩnh vực hiện hữu) vào loại yếu, lại vào lĩnh vực tỉnh chủ trương thúc đẩy cạnh tranh. Tỉnh nên định hướng doanh nghiệp nên thu hoạch kết quả, đầu tư theo hướng kinh doanh mới hơn, trong các lĩnh vực có tiềm năng hơn, hấp dẫn hơn.

- Trường hợp, các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu không được tỉnh hỗ trợ (không hỗ trợ ở đây được hiểu là không có các chính sách hỗ trợ đặc biệt, hoặc giảm dần sự hỗ trợ).

Để dễ dàng quan sát và có định hướng với doanh nghiệp ta lập một ma trận: trục tung thể hiện tiềm năng của doanh nghiệp trong kinh doanh lĩnh vực hiện hữu (theo 2 mức cao - thấp); trục hoành thể hiện sức mạnh tương đối của doanh nghiệp.



(2) Đầu tư có chọn lọc	(1) Đầu tư mở rộng
(3) Gặt hái kết quả/ xoá bỏ Tìm hướng kinh doanh khác	

Thấp

Yếu

Mạnh

Sức mạnh tương đối của doanh nghiệp du lịch

Ở ô (1) các lĩnh vực mà xếp vào ô này là có tiềm năng cao và có thể mạnh. Tỉnh nên định hướng cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng.

Ở ô (2) các lĩnh vực kinh doanh xếp vào ô này có tiềm năng cao nhưng sức mạnh yếu. Tỉnh nên định hướng cho doanh nghiệp đầu tư có chọn lọc.

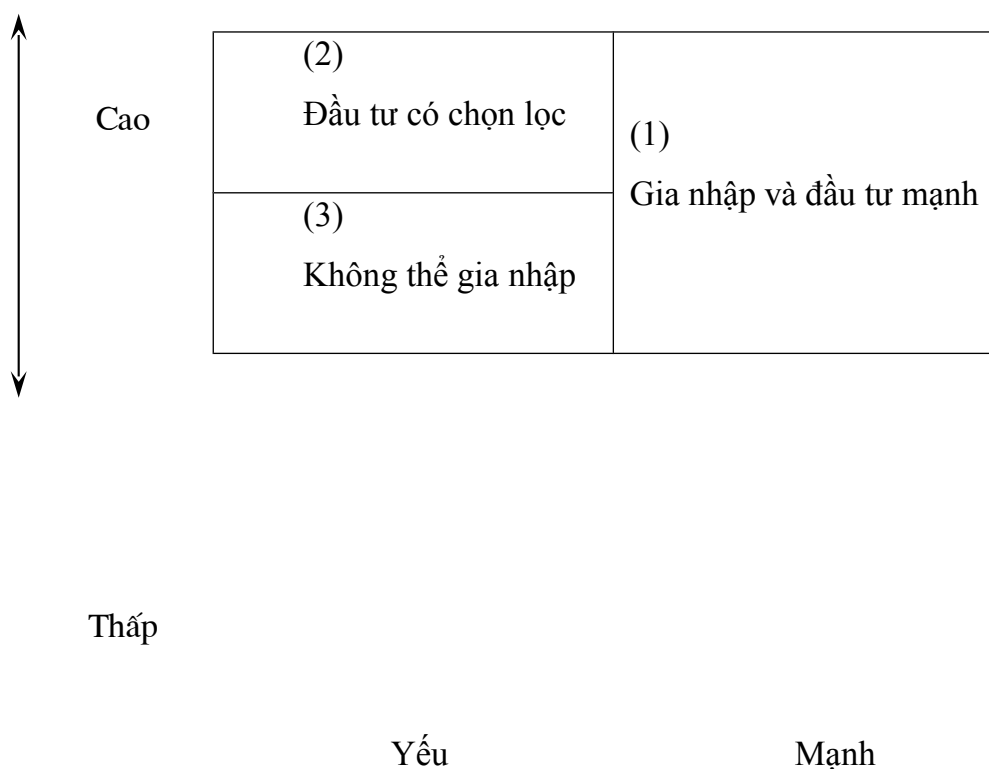
Ở ô (3) tiềm năng của doanh nghiệp thấp, Nhà nước lại cũng không khuyến khích. Vì thế tỉnh nên định hướng cho doanh nghiệp tìm một hướng phát triển khác hấp dẫn hơn.

- Trường hợp, muốn khuyến khích các doanh nghiệp du lịch gia nhập vào các lĩnh vực kinh doanh mà chiến lược chung của tỉnh muốn phát triển và đã hoặc sẽ có chính sách, biện pháp hỗ trợ phát triển.

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp du lịch chịu ảnh hưởng trực tiếp của 2 yếu tố: sự hỗ trợ, ủng hộ của chính quyền cao hay thấp, và sự phù hợp của chiến lược với năng lực hiện tại của doanh nghiệp (tất nhiên là đối chiếu với lĩnh vực, hướng kinh doanh mà chính quyền địa phương muốn phát triển).

Để có những ý kiến xác đáng tham mưu cho doanh nghiệp, thuyết phục các

doanh nghiệp vào quỹ đạo chiến lược của tỉnh, ta hình thành một ma trận, trong đó chiều trục tung biểu thị sự ủng hộ, hỗ trợ của tỉnh ở các mức cao hay thấp, chiều trục hoành biểu thị năng lực hiện tại của doanh nghiệp mạnh hay yếu nếu theo hướng quỹ đạo của quy hoạch.



Năng lực hiện tại của doanh nghiệp (nếu đi theo hướng kinh doanh phù hợp với quy hoạch chung)

Ở ô (1) năng lực hiện tại của doanh nghiệp du lịch (cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng quan hệ, ...) phù hợp với hướng của chiến lược chung thì tham mưu cho doanh nghiệp gia nhập hướng kinh doanh phù hợp với hướng của chiến lược chung, mạnh dạn đầu tư.

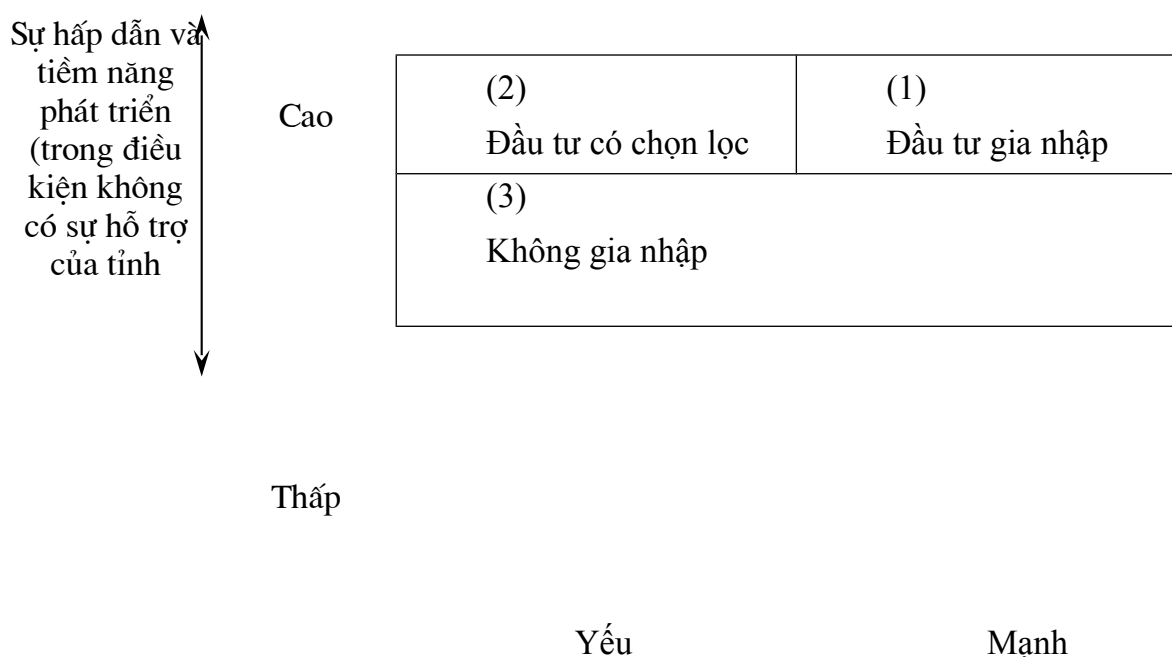
Ở ô (2) mặc dù tỉnh hỗ trợ mạnh, nhưng năng lực hiện tại của doanh nghiệp du lịch lại yếu (cơ sở vật chất chưa phù hợp, trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý thấp, chưa có kinh nghiệm trên hướng kinh doanh này ...) thì doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ đầu tư chọn lọc từng bước có giới hạn (có 3 hướng lựa chọn: chọn loại sản phẩm, chọn thị trường hoặc chọn công nghệ thích hợp với doanh nghiệp).

Ở ô thứ (3) sự hỗ trợ của tỉnh với lĩnh vực kinh doanh này không cao, năng lực kinh doanh hiện tại theo hướng kinh doanh này cũng thấp. Trong trường hợp này thì

nên ủng hộ doanh nghiệp không tham gia vào lĩnh vực kinh doanh này.

Trường hợp, khi làm chiến lược phát triển của doanh nghiệp, doanh nghiệp muốn phát triển một lĩnh vực kinh doanh mà tỉnh không có chủ trương hỗ trợ.

Quyết định tham gia hoặc không tham gia vào một lĩnh vực kinh doanh nào đó của doanh nghiệp du lịch phụ thuộc vào 2 yếu tố: sự hấp dẫn hay là khả năng phát triển của lĩnh vực đó, và năng lực hiện tại của doanh nghiệp có phù hợp (thấp, hay cao) đối với lĩnh vực định tham gia kinh doanh.



Sự phù hợp của nghiên cứu hiện tại với lĩnh vực kinh doanh đó.

Ở ô (1) nếu lĩnh vực hoặc loại sản phẩm du lịch có sức hấp dẫn cao, tiềm năng lớn, lại có sự phù hợp với năng lực hiện tại của doanh nghiệp thì có thể định hướng cho doanh nghiệp theo đuổi chủ trương đầu tư phát triển, trước hết là các sản phẩm trung tâm, những yếu tố, năng lực trung tâm cơ bản nhất.

Ở ô (2) nếu lĩnh vực, loại sản phẩm du lịch có sức hấp dẫn cao, nhưng ít phù hợp với năng lực hiện tại của doanh nghiệp thì định hướng cho doanh nghiệp theo đuổi chủ trương đầu tư có chọn lọc.

Ở cả ô (1) đầu tư mạnh, và ô (2) đầu tư có chọn lọc đều phải quan tâm đến bước đi hợp lý trong đầu tư. Đặc biệt chú ý mối quan hệ “lấy ngắn nuôi dài”, “sớm đưa vào sử dụng”.

Ở ô (3) nếu lĩnh vực kinh doanh hoặc sản phẩm du lịch này ít hấp dẫn, tiềm năng thấp thì nên khuyến khích doanh nghiệp không gia nhập vào lĩnh vực đó.

b) Đi sâu vào vấn đề giúp doanh nghiệp xem xét và xác định lại mục tiêu của doanh nghiệp

Trong quá trình giúp các doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển vấn đề xác định mục tiêu của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng.

Mục tiêu phát triển của doanh nghiệp du lịch là một hệ thống gồm nhiều mục tiêu cụ thể, có thứ bậc (thí dụ: mục tiêu của cả doanh nghiệp, mục tiêu của từng đơn vị chiến lược SBU; bản thân một mục tiêu cụ thể lại có thể có các chi tiết cạnh nhánh, liên quan ...). Vì vậy trong xem xét, xác định luôn lưu tâm các doanh nghiệp cần phải đảm bảo yêu cầu: thứ bậc; định lượng; thực tế; mục tiêu cạnh, nhánh; mục tiêu cho từng thời gian; mục tiêu của các đơn vị ... phải nhất quán với mục tiêu chung của doanh nghiệp, cũng như mục tiêu chung của địa phương.

Thông thường mục tiêu trung tâm của các doanh nghiệp du lịch là lượng khách đến (thời gian lưu lại) gắn với nó chính là mục tiêu thị phần (% so với tổng số, hay thị phần % so với đối thủ mạnh nhất); tiếp đến là doanh thu và hiệu quả hoạt động, gắn với nó là chi tiêu mức chi bình quân một ngày của khách ...

Trên cơ sở hệ thống mục tiêu được xác định, xây dựng các biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra.

c) Đi sâu vào vấn đề giúp doanh nghiệp xác định lại lĩnh vực kinh doanh

Sau khi xem xét Danh mục các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp hiện đang theo đuổi, căn cứ vào các yếu tố sau đây để đánh giá:

- Hướng kinh doanh nào được Nhà nước hỗ trợ hay không hỗ trợ.
- Tính hấp dẫn của lĩnh vực kinh doanh hiện có.
- Năng lực hiện có và tiềm năng của doanh nghiệp.
- Vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp so với các đối thủ cạnh tranh.

Trên cơ sở đánh giá có thể tính toán để xác định lại các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường có thể có các hướng sau:

- Duy trì kinh doanh lĩnh vực kinh doanh trọng tâm của doanh nghiệp, tăng cường chuỗi giá trị hiện có của doanh nghiệp.

Trên hướng này có thể hướng dẫn doanh nghiệp triển khai trong từng trường hợp cụ thể: Nếu hiện tại lĩnh vực kinh doanh trung tâm của doanh nghiệp là lĩnh

vực hấp dẫn có vị thế cạnh tranh mạnh thì tiếp tục duy trì phát triển lĩnh vực kinh doanh đó. (Thí dụ kinh doanh lưu trú đang phát đạt thì tiếp tục mở rộng đầu tư cơ sở vật chất, phát triển kinh doanh lưu trú). Vấn đề cần quan tâm là chất lượng dịch vụ, giá cả và các hoạt động marketing tương ứng.

- Mở rộng các hoạt động hỗ trợ và liên quan để tăng thêm độ hấp dẫn và vị thế cạnh tranh. Hướng này có thể vận dụng cho các doanh nghiệp theo đuổi các lĩnh vực có tính hấp dẫn cao (hoặc vừa) nhưng năng lực hiện thời lại chỉ ở mức trung bình (hoặc yếu). Thí dụ các doanh nghiệp có khách sạn kinh doanh lưu trú mở thêm vận chuyển đưa đón khách, hướng dẫn tham quan, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cũng tương tự các doanh nghiệp lữ hành đầu tư khách sạn, các khu nghỉ dưỡng ... Nhiều trường hợp các doanh nghiệp không đầu tư mới mà mua lại các khách sạn, nhà nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí hoặc 2 doanh nghiệp sáp nhập qua con đường cổ phần hoá hay còn gọi là đa dạng hoá theo kiểu “BạcH TUỘC”.

3.2.1.4. Phát triển kinh doanh lữ hành

Hiện tại du lịch Lâm Đồng mang nặng tính bị động, chờ khách đến. Để chuyển sang thế chủ động Lâm Đồng phải phát triển kinh doanh lữ hành, xây dựng các doanh nghiệp có năng lực tổ chức các tour. Hiện tại trên địa bàn Lâm Đồng có 19 công ty, chi nhánh du lịch lữ hành và vận chuyển khách; trong đó chỉ có Công ty Du lịch Lâm Đồng và Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt mở các chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng. Như chúng ta đã biết, du lịch Lâm Đồng chưa chủ động trong nguồn khách của mình. Để chuyển từ thế “bị động” sang thế “chủ động” về nguồn khách, việc tạo được thị trường “gợi khách” và thị trường “đón khách” là vấn đề mà du lịch Lâm Đồng cần làm và cần đặc biệt quan tâm.

Về phía bản thân các doanh nghiệp lữ hành cần phải khắc phục bằng được tính thụ động chờ khách đến và đưa đi các tour, tuyến trong tỉnh như hiện nay, mà phải vươn ra thị trường bên ngoài theo đúng tính chất của doanh nghiệp lữ hành. Theo như đã nêu ở phần lựa chọn thị trường mục tiêu (3.2.1.1), các doanh nghiệp cần phải liên kết với các công ty, đại lý lữ hành tại các trung tâm du lịch lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Nha Trang, Đà Nẵng... hoặc mở chi nhánh tại các trung tâm này để trực tiếp khai thác nguồn khách. Đồng thời với việc khai thác nguồn khách là việc nối tour từ Lâm Đồng đi các địa phương

khác (không chỉ dừng lại ở Lâm Đồng). Trong thời gian tới (sau khi sân bay Liên Khương đưa vào khai thác đường bay quốc tế, quy mô, tần suất hoạt động tăng lên) các tuyến bay trực tiếp từ một số nước đến Lâm Đồng thì lượng khách quốc tế và lượng khách ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ trực tiếp đến Lâm Đồng sẽ tăng lên, lúc này Lâm Đồng sẽ trở thành thị trường “đón khách” và “gởi khách”. Tức là, Lâm Đồng điểm đến đầu tiên của du khách, nhiệm vụ của các doanh nghiệp là đón và phục khách, đồng thời đưa khách đến các điểm khác cho đến khi kết thúc cuộc hành trình của họ.

Do đó, việc phát triển kinh doanh lữ hành sẽ đồng nghĩa với việc khai thác nguồn khách ngày càng tăng, doanh thu và đóng góp cho ngân sách của ngành du lịch (chính của doanh nghiệp lữ hành) sẽ tăng theo (đó chính là doanh thu và thuế từ dịch vụ vận chuyển của thị trường gửi khách từ Lâm Đồng đi các địa phương khác và từ bán tour). Để các doanh nghiệp phát triển kinh doanh lữ hành, về phía tỉnh Lâm Đồng khuyến khích cho các doanh nghiệp tại Lâm Đồng mở rộng loại hình du lịch này (có thể hỗ trợ cả về cơ chế, chính sách lẫn về kinh phí...) để các doanh nghiệp du lịch có điều kiện mở thêm ngành nghề (tốt nhất là phát triển doanh nghiệp lữ hành chuyên nghiệp để chuyên sâu về chuyên môn); đồng thời phối hợp tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả chương trình hợp tác toàn diện về KT-XH và hợp tác về du lịch với các địa phương theo nội dung đã ký kết trong thời gian qua, cùng với đó là mở rộng phạm vi ký kết hợp tác nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lữ hành của Lâm Đồng vươn ra thị trường bên ngoài.

3.2.2. Hướng hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển du lịch

Việc hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển du lịch hướng tới các yêu cầu sau:

- Đối với Lâm Đồng ngành du lịch là ngành mũi nhọn, phát triển du lịch là động lực để thúc đẩy phát triển toàn bộ kinh tế địa phương. Do đó, cần có sự tập trung đầu tư các nguồn lực, những ưu ái nhất định về cơ chế, tạo điều kiện cho du lịch phát triển. Đặc biệt là các chính sách thu hút vốn đầu tư; quy chế phát triển các khu vực du lịch tập trung.

- Lâm Đồng là tỉnh miền núi thuộc khu vực Tây Nguyên, có nhiều khó khăn. Đầu tư phát triển du lịch Lâm Đồng có ý nghĩa kinh tế, đồng thời có ý nghĩa chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng sâu sắc.

- Các chính sách phải xuất phát từ các nguyên tắc thị trường, huy động được sức mạnh của các thành phần kinh tế tham gia vào sự phát triển.

- Các chính sách phải tạo cơ chế khuyến khích phát triển các mô hình liên kết, hợp tác kinh tế giữa Lâm Đồng với các địa phương khác trong cả nước nhất là thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, các tỉnh Nam Trung Bộ, các tỉnh Tây Nguyên.

- Trung ương, cần có chính sách phân cấp quản lý kinh tế - tài chính phù hợp, khuyến khích Lâm Đồng chủ động, tích cực phát triển kinh tế địa phương.

- Lâm Đồng cần có các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ nghỉ dưỡng, tham quan, kinh doanh lưu trú, đồng thời mở rộng danh mục các dịch vụ, sản phẩm du lịch mới tạo sức hấp dẫn mạnh mẽ cho du lịch Lâm Đồng. Đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành vươn lên đưa du lịch Lâm Đồng sang thế chủ động gắn với thị trường cả nước và quốc tế.

Sau đây là hướng hoàn thiện cho một số chính sách cụ thể.

3.2.2.1. Về chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư

Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, tại mục B Phụ lục I Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì lĩnh vực du lịch được ưu đãi "Đầu tư xây dựng khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí", tại Phụ lục II Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư thì tỉnh Lâm Đồng có 10 huyện thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và thị xã Bảo Lộc thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH hội khó khăn. Nhưng trong thực tế vẫn có những bất hợp lý như:

- Về lĩnh vực ưu đãi đầu tư đối với du lịch như quy định hiện hành thì chỉ có các doanh nghiệp lớn mới có khả năng đầu tư, không khuyến khích được các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư phát triển. Do vậy, ngoài chính sách ưu đãi đầu tư theo địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, Nhà nước nên có chính sách ưu đãi ngành nghề đầu tư cho các dự án đầu tư du lịch sinh thái không

kể quy mô, du lịch trang trại... vì trong thực tế các loại hình du lịch này chủ yếu đầu tư ở địa bàn không thuận lợi có như vậy thì mới khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư du lịch để phát triển KT-XH, nâng cao trình độ dân trí, giải quyết việc làm cho nhân dân trong vùng.

- Về địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định thì tính chung cho địa bàn cấp huyện, nhưng trong thực tế một số địa bàn cấp xã không thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hoặc có điều kiện KT-XH khó khăn thì lại khó khăn hơn nhiều so với các xã thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hoặc có điều kiện KT-XH khó khăn. Ví dụ: thành phố Đà Lạt không thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn nhưng xã Tà Nung, xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ thuộc thành phố Đà Lạt là các xã ở vùng ven, giáp ranh với các huyện thuộc địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, có đông ĐBDTTS sinh sống, các điều kiện về hạ tầng còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp. Do vậy, Nhà nước cần có cơ chế cho UBND cấp tỉnh vận dụng ưu đãi đầu tư đối với một số địa bàn cấp xã thực sự khó khăn nhưng không thuộc địa bàn được ưu đãi đầu tư theo quy định để thu hút đầu tư phát triển KT-XH của các xã này.

Trên cơ sở Nghị định số 108/2006/NĐ-CP và các nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan đến chính sách thu hút đầu tư của Nhà nước; tỉnh Lâm Đồng sớm nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, để thay thế cho Quyết định số 209/2005/QĐ-UBND ngày 11/11/2005 Quy định về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Quy định cần tập trung vào các nội dung chính như:

- Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện các trình tự, thủ tục, thời gian đăng ký đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, ... áp dụng cụ thể trong điều kiện của tỉnh Lâm Đồng.

- Ngoài cơ chế, chính sách chung của Nhà nước, căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương thì tỉnh Lâm Đồng vận dụng thêm những gì, những gì không áp dụng được, quy định chi tiết những nội dung cho từng lĩnh vực đầu tư. Ví dụ trong

lĩnh vực du lịch thì hạn mức đất cho từng dự án bao nhiêu phải căn cứ vào loại hình du lịch, vốn đầu tư; loại hình du lịch, quy mô, địa bàn nào cần khuyến khích đầu tư và không khuyến khích đầu tư.

- Cơ chế, chính sách đầu tư trong lĩnh vực du lịch cần lưu ý không đặt nặng vấn đề thu hút các dự án đầu tư mới, mà cần đặc biệt quan tâm đến việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án đã có. Triển khai ngay những dự án đã có, đặc biệt quan tâm các dự án để phát triển loại hình du lịch: du lịch kết hợp khám chữa bệnh, điều dưỡng; du lịch gắn với giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học; du lịch gắn với trung tâm huấn luyện thể thao; du lịch tham quan, sinh thái gắn với thể thao mạo hiểm, chinh phục thiên nhiên... Ưu tiên các dự án đầu tư phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, ẩm thực của du khách về đêm và mùa mưa để khắc phục tính thời vụ về du lịch của Lâm Đồng nói chung và Đà Lạt nói riêng.

- Khai thác các tuyến du lịch có nhiều tiềm năng như: “Con đường di sản miền Trung”, “Con đường xanh Tây Nguyên, “Đường Hồ Chí Minh huyền thoại và trở về chiến trường xưa” gắn du lịch Đà Lạt với các tỉnh Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ và khu vực Duyên hải miền Trung.

- Thực hiện chương trình liên kết phát triển du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên, liên kết với các địa phương để hình thành các tam giác phát triển du lịch Đà Lạt - thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; Đà Lạt - Phan Thiết - thành phố Hồ Chí Minh... nhằm tạo ra liên kết vùng du lịch ở phía Nam và nối tour du lịch khai thác thị trường ở các tỉnh phía Bắc. Xây dựng và thực hiện chương trình liên kết với các hãng du lịch lữ hành quốc tế, từng bước hình thành các tour du lịch quốc tế Thái Lan - Lào - Campuchia theo đường bộ qua cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum) đến Đà Lạt.

3.2.2.2. Về chính sách tài chính - tín dụng, giá cả

Theo Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì còn có những vấn đề cần nghiên cứu như sau:

- Hầu hết các khách sạn, các khu resort, khu biệt thự, các khu nghỉ dưỡng cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế thì các chủ đầu tư đều phải đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cao cấp, mà hiện tại có nhiều loại thiết bị sản xuất trong nước không đáp ứng được, nên phải nhập từ nước ngoài. Do vậy cần có chính sách miễn thuế nhập khẩu các trang thiết bị chuyên dùng cho các đối tượng đầu tư nêu trên.

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp, do chính sách ưu đãi đầu tư về lĩnh vực du lịch nói chung không thuộc ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư; mặt khác hầu hết các dự án đầu tư du lịch có quy mô lớn (nằm ngoài khu du lịch) thuộc địa bàn thành phố Đà Lạt mà Đà Lạt không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn (Nghị định số 108/2006/NĐ-CP). Do vậy các doanh nghiệp có dự án đầu tư du lịch trên địa bàn Đà Lạt đều phải chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức tối đa là 28%.

- Theo quy định hiện hành, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch không là đối tượng được vay tín dụng ưu đãi của Quỹ Hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng phát triển), trong khi đó việc xây dựng các cơ sở kinh doanh lưu trú đặc biệt là các khách sạn cao cấp, khu nghỉ dưỡng cao cấp đòi hỏi phải có nguồn vốn tương đối lớn, thời gian khấu hao dài, vì vậy nếu không được vay vốn ưu đãi thì lợi nhuận sẽ rất thấp vì còn phải trả một phần không nhỏ cho lãi suất ngân hàng. Do đó việc có chính sách ưu đãi vốn vay cho các dự án đầu tư du lịch là hết sức cần thiết.

Tỉnh Lâm Đồng cần thiết phải thành lập Quỹ khuyến khích phát triển du lịch của tỉnh, quỹ này có thể hình thành từ các nguồn: Hàng năm cân đối từ ngân sách tỉnh có thể là 1% GDP của ngành du lịch, quy định đóng góp theo tỉ lệ doanh thu du lịch của các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch, kêu gọi nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Hình thành được nguồn quỹ này sẽ giải quyết được các vấn đề cơ bản như: giúp cho các doanh nghiệp du lịch nhỏ và vừa dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo cán bộ quản lý và nhân viên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm, thương hiệu du lịch tạo điều kiện cho thu hút khách du lịch.

Về nguồn vốn và phân bổ vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2002:

- Về quyền huy động vốn trong nước của cấp tỉnh (trong đó có Lâm Đồng). Theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, thì cấp tỉnh có quyền quyết định mức huy động vốn trong nước. Đây là sự trao quyền rất mạnh dạn của trung ương đối với cấp tỉnh. Tuy nhiên để đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, Luật Ngân sách nhà nước đặt ra các điều kiện: chỉ được huy động cho đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi ngân sách tỉnh bảo đảm, thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch 5 năm đã được HĐND tỉnh quyết định; về mặt tài chính phải cân đối ngân sách tỉnh hàng năm để chủ động trả hết nợ khi đến hạn, với mức dư nợ từ nguồn vốn huy động không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách tỉnh (khoản III, điều 8 Luật Ngân sách nhà nước năm 2002). Các quy định trên đã hạn chế chủ động mà địa phương nhất là các tỉnh có nguồn thu ngân sách lớn, lại có tiềm lực kinh tế. Đối với Lâm Đồng đề nghị cho phép đưa mức dư nợ lên 70%.

- Trong xây dựng cơ bản có hiện tượng các công trình ngừng thi công trong quý I hàng năm để chờ quyết định phân bổ vốn. Có nhiều nguyên nhân. Đối với Lâm Đồng đề nghị các quyết định phân bổ vốn cho niên hạn 5 năm (hiện nay là hàng năm). Muốn vậy, phải chuyển từ phê chuẩn ngân sách hàng năm, sang phê chuẩn cho 5 năm.

3.2.2.3. Về chính sách đất đai

- Nhà nước nên có biện pháp can thiệp như sau: Trường hợp nhà đầu tư đã thoả thuận bồi thường, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đạt từ 70% số hộ, tương ứng từ 60% diện tích đất của dự án, diện tích còn lại không thoả thuận được thì Nhà nước sẽ thu hồi đất để giao cho nhà đầu tư và tổ chức bồi thường theo quy định; tạo điều kiện để dự án được triển khai. Giá đất tính bồi thường tương đương với giá đất cùng loại đã thoả thuận với các hộ trong vùng dự án.

- Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, đối với các dự án đầu tư nước ngoài thì nhà nước thực hiện thu hồi đất, bồi thường, giải tỏa và kinh phí bồi thường do ngân sách nhà nước chi trả; trong khi đó đối với khu vực đầu tư trong nước chỉ có một số trường hợp Nhà nước thu hồi đất và quyết định việc bồi thường, hỗ trợ còn lại thì nhà đầu tư phải thoả thuận nhận chuyển nhượng hoặc

thỏa thuận bồi thường dẫn đến không công bằng giữa các nhà đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài thì được nộp tiền thuê đất một lần cho suốt thời gian thuê đất, nhưng nhà đầu tư trong nước thì chỉ được nộp tiền thuê đất hàng năm đây chính là điều bất hợp lý và cũng thể hiện sự thiếu công bằng, mặt khác không tạo điều kiện cho ngân sách địa phương có nguồn thu từ thuê đất để đầu tư hạ tầng.

- Theo quy định của Luật Đất đai thì nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm xây dựng khu tái định cư cho các hộ bị giải tỏa để triển khai dự án của mình: vấn đề này rất khó khăn khi phải tìm quỹ đất tái định cư, thủ tục về đầu tư xây dựng (đặc biệt đối với các nhà đầu tư triển khai dự án lần đầu). Vấn đề này nên giải quyết theo hướng Nhà nước đầu tư xây dựng các khu tái định cư chung cho các dự án, nhà đầu tư trả kinh phí tính theo số lượng tái định cư (bằng số tiền đầu tư hạ tầng cho một hộ tại khu chung cư hoặc lô đất tái định cư).

- Khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất chuyên dùng để kinh doanh du lịch (đất nông nghiệp của doanh nghiệp), thuế chuyển mục đích sử dụng đất là 100% giá trị đất gây khó khăn về tài chính cho doanh nghiệp khi phải nộp tiền sử dụng đất một lần. Cần xây dựng chính sách để khuyến khích nhà đầu tư khi chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng dự án như: giảm mức thuế suất khi chuyển mục đích sử dụng đất, cho phép các doanh nghiệp được trả tiền sử dụng đất thành nhiều đợt trong năm (để giảm bớt áp lực về vốn trong giai đoạn xây dựng cơ bản).

- Hầu hết các dự án du lịch hiện nay đều thực hiện dưới tán rừng, mà nguồn gốc đất thuộc đất lâm nghiệp, một số diện tích bị người dân lấn chiếm trái phép để sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở (không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nhưng khó khăn nhất đối với chủ dự án là việc thỏa thuận bồi thường, vì người dân đòi giá rất cao thường là tăng gấp 5-10 lần so với giá quy định (nhiều vị trí nếu như không có dự án thì thực tế sẽ không có nhu cầu giao dịch mua bán), đây cũng là một trong những lý do mà nhiều nhà đầu tư phải bỏ cuộc hoặc không triển khai dự án đúng tiến độ. Để giải quyết vấn đề này, tỉnh Lâm Đồng cần có quy định bắt buộc: bất cứ dự án nào đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, đã được thuê đất

thuộc địa bàn nào thì chính quyền cấp huyện, xã tại địa bàn đó phải vào cuộc cùng với nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đối với những trường hợp lấn chiếm đất trái phép thì chỉ nên hỗ trợ công khai phá, chứ không bồi thường như những trường hợp khác.

3.2.2.4. Chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường và yếu tố xã hội trong du lịch

Việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường cảnh quan, môi trường hoạt động du lịch là vấn đề sống còn của sự phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng nói chung và các khu, điểm du lịch, doanh nghiệp hoạt động du lịch nói riêng. Thế mạnh về loại hình du lịch của Lâm Đồng là du lịch nghỉ dưỡng núi, nhưng nếu như rừng bị tàn phá thì liệu có còn thế mạnh hay không; nếu Đà Lạt và vùng phụ cận không còn rừng thông thì có còn khí hậu trong lành như hiện nay và liệu còn ai đến Đà Lạt để du lịch. Việc quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch đóng vai trò quyết định trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường. Để thực tốt công tác này đòi hỏi về phía QLNN phải quản lý các công trình xây dựng, đặc biệt là các dự án du lịch dưới tán rừng phải được giám sát chặt chẽ và phân bố hợp lý về mật độ xây dựng, tầng cao công trình, hạn chế tối đa việc chặt hạ cây rừng để xây dựng công trình. Đồng thời với sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch là yếu tố hết sức quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên, vệ sinh môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội... Do vậy, cơ quan QLNN các cấp (nhất là các cấp chính quyền địa phương sở tại), các doanh nghiệp du lịch phải phối hợp chặt chẽ để giải quyết tốt các vấn đề về việc làm, cải thiện đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của người dân địa phương; trong điều kiện hiện nay các khu, điểm du lịch khi các doanh nghiệp đầu tư đều phải thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên hầu như người dân mất đất sản xuất, không có việc làm. Vì vậy, các cơ quan QLNN địa phương nơi sở tại phải phối hợp cùng doanh nghiệp thực hiện công tác đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, tiếp nhận họ vào làm việc tại các khu, điểm du lịch. Giải quyết tốt vấn đề tạo việc làm và đem lại lợi ích cho người dân địa phương, người dân sẽ có trách nhiệm cùng với doanh nghiệp và chính quyền địa phương bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội nhân văn, tôn tạo và phát triển nhằm bảo đảm môi trường

du lịch xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, lành mạnh và văn minh để tạo sự hấp dẫn du lịch.

3.2.3. Tổ chức điều hành và kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

Trong những năm qua việc chỉ đạo, điều hành quản lý ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng đã có những chuyển biến tích cực nên ngành du lịch đã thực sự chuyển biến. Song những vấn đề đặt ra cho công tác điều hành trong thời gian tới đó là: Ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thật cụ thể về trình tự thủ tục, thời gian giải quyết những vấn đề có liên quan đối với doanh nghiệp du lịch. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc triển khai thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch và có biện pháp bổ sung, điều chỉnh nội dung cũng như giải pháp kịp thời để phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Sắp xếp lại bộ máy cho phù hợp, tinh gọn nhằm tránh sự chồng chéo và kém hiệu lực như hiện nay, nhất là ngành du lịch và các ngành kinh tế tổng hợp; tổ chức quản lý hệ thống doanh nghiệp du lịch.

3.2.3.1. Tổ chức bộ máy và nhân sự cho phát triển du lịch

a) Tổ chức bộ máy và nhân sự của các cơ quan quản lý nhà nước

Trên cơ sở Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tỉnh cần khẩn trương sắp xếp và ổn định tổ chức bộ máy của ngành du lịch theo hướng tinh, gọn, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch. Bộ máy của Sở Du lịch và Thương mại hiện nay được tách thành 2 bộ phận, bộ phận quản lý về du lịch nhập vào Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, bộ phận quản lý về thương mại nhập vào Sở Công Thương. Vấn đề cần quan tâm là việc sắp xếp tổ chức bộ máy gắn liền với sắp xếp nhân sự, khắc phục cơ bản những hạn chế, yếu kém về bộ máy và cán bộ của ngành du lịch trong thời gian qua để đảm bảo được tính kế thừa, QLNN về du lịch không bị gián đoạn và phát huy được vai trò của ngành du lịch trong giai đoạn tới.

Đồng thời với việc chuyển bộ phận QLNN về du lịch sang Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, cần thành lập mới Trung tâm xúc tiến Du lịch - Thương mại và Đầu tư trực thuộc UBND tỉnh, là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về

thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trung tâm này được thành lập trên cơ sở tổ chức bộ máy, nhân sự của Trung tâm xúc tiến Du lịch - Thương mại và Đầu tư thuộc Sở Du lịch và Thương mại và Trung tâm xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư hiện nay. Trung tâm xúc tiến Du lịch - Thương mại và Đầu tư trực thuộc UBND tỉnh sẽ khắc phục được những hạn chế về công tác quảng bá, xúc tiến và đầu tư trong thời gian qua, như:

- Về tư cách pháp nhân là một đơn vị trực thuộc UBND tỉnh sẽ có điều kiện quan hệ, giao dịch làm việc với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh và ngoài tỉnh. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo trực tiếp và thực hiện được ý đồ của mình về công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá; tạo điều kiện cho đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao mà không phải qua một cấp trung gian nào khác.

- Làm đầu mối tổ chức xúc tiến, quảng bá, thu hút đầu tư trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực khác. Làm dịch vụ tư vấn hướng dẫn và giúp các nhà đầu tư, các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư từ khâu lập dự án, cấp giấy chứng nhận đầu tư, kiểm kê rừng, thuê đất, thuê rừng, giấy phép xây dựng, bồi thường giải tỏa... Vì trong thực tế các nhà đầu tư tại Lâm Đồng chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài tỉnh và nước ngoài, mặt khác họ không nắm vững các quy định nên thường phải đi lại nhiều lần mất rất nhiều thời gian và chi phí, thậm chí một số doanh nghiệp bị "cò" lừa dự án. Thực hiện được như vậy sẽ giúp cho các doanh nghiệp hoàn thành nhanh các thủ tục và sớm triển khai đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ.

Đối với các ngành kinh tế tổng hợp khác, đặc biệt là Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu cho tỉnh về định hướng phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, thu hút đầu tư, giải quyết các thủ tục hồ sơ đăng ký đầu tư, thẩm tra dự án đầu tư của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, giám sát quy hoạch và thực hiện quy hoạch về du lịch trên địa bàn tỉnh. Tổ chức bộ máy và nhân sự ở ngành này mặc dù đã qua nhiều lần sắp xếp, đổi mới, song so với yêu cầu phát triển vẫn còn nhiều điều bất cập, chông chéo, kém hiệu quả; đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng thật sự về tổ chức bộ máy và nhân sự thì mới cải thiện tình hình một cách tốt hơn. Về vấn đề này có nhiều lý do, song cơ bản đó là chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành này quá lớn, chẳng hạn: Về tổ chức xây dựng chính sách và thực

hiện các thủ tục đầu tư, kiểm tra, kiểm soát tình hình triển khai thực hiện các lĩnh vực nói chung và lĩnh vực phát triển du lịch nói riêng đều giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan để làm đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh là hợp lý. Song tất cả các dự án, các chính sách đầu tư... đều tập trung cho một ngành tạo nên sự quá tải trong công việc nhưng năng lực của tổ chức không tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, tạo nên sự độc quyền trong QLNN (hoặc lũng đoạn về chính sách) và từ đó không tránh khỏi sự nhũng nhịu, tiêu cực, gây khó khăn cho doanh nghiệp, cho nhà đầu tư, cho địa phương, đồng thời thiếu chuyên sâu về chuyên môn trong lĩnh vực chuyên ngành; mặt khác tạo cho các cơ quan chuyên ngành tham gia với tư cách là thành viên, không có quyền quyết định nên có lúc chỉ tham gia chiếu lệ, kém chất lượng và không chịu trách nhiệm chính.

Để khắc phục tình trạng này, về các chính sách thu hút đầu tư, các dự án đầu tư theo từng lĩnh vực cần giao cho các cơ quan chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan trong đó bắt buộc phải có ngành kế hoạch (vì ngành này chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình báo cáo, đề xuất với UBND). Ví dụ, trong lĩnh vực du lịch thì các chính sách và các dự án liên quan về du lịch phải do ngành du lịch chịu trách nhiệm chính trong việc làm tham mưu đề xuất; như vậy mới tạo điều kiện cho ngành du lịch thực hiện được quy hoạch phát triển du lịch và các chính về thu hút, ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực du lịch.

Về công tác cán bộ phải cần có quy hoạch khoa học và thực hiện quy hoạch một cách đồng bộ, đồng thời với quy hoạch là khâu đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy trình. Có như vậy thì mới chọn và bổ nhiệm được những cán bộ thực sự có năng lực để bổ sung cho bộ máy quản lý các cấp.

b) Tổ chức quản lý hệ thống doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch

Trên địa bàn tỉnh còn duy nhất Công ty Du lịch Lâm Đồng là DNNN hoạt động trong lĩnh vực du lịch, doanh nghiệp này đang triển khai các thủ tục chuẩn bị cổ phần hóa. Theo phương án cổ phần hóa tính đến 31/12/2006 tổng nguồn vốn hiện có 85,5 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả 59 tỷ, vốn chủ sở hữu 26,5 tỷ; dự kiến vốn điều lệ của công ty cổ phần 58,5 tỷ đồng và được cơ cấu: cổ phần nhà nước nắm giữ 45%, cổ phần bán ra 55%. Để tránh tình trạng không định giá đúng giá trị tài sản nhà nước như các doanh nghiệp cổ phần trước đây, điều cần lưu ý khi phê duyệt phương án cổ phần hóa là: định

giá trị doanh nghiệp phải căn cứ vào lợi thế mặt bằng kinh doanh và thương hiệu của các cơ sở kinh doanh hiện có, Nhà nước chỉ nên giữ cổ phần tối đa là 30% mà không nên giữ cổ phần chi phối, phần còn lại tổ chức bán đấu giá cổ phần vì thông qua đấu giá mới xác định chính xác giá trị thực của doanh nghiệp theo thị trường.

Các DNNN sau cổ phần hóa mà còn phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, sau một thời gian hoạt động nên tổ chức bán đấu giá cổ phần để huy động vốn đầu tư phát triển, và từng bước đổi với những doanh nghiệp xét thấy Nhà nước không cần giữ vốn tại doanh nghiệp thì bán đấu giá hết cổ phần. Bởi lĩnh vực kinh doanh du lịch là lĩnh vực rất nhạy cảm, đòi hỏi phải thường xuyên đổi mới về quản lý, sản phẩm, thị trường... nếu còn vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp thì Nhà nước còn can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp (nhất là mặt nhân sự) làm cho doanh nghiệp cổ phần hoạt động kém hiệu quả.

Công tác QLNN đối với các doanh nghiệp du lịch thuộc các thành phần kinh tế, cần tập trung các nội dung sau:

- Hiệp hội Du lịch phải thực sự là cầu nối giữa các cơ sở kinh doanh với các cơ quan QLNN. Vấn đề này trước hết đòi hỏi Hiệp hội Du lịch phải đủ mạnh về bộ máy, nhân sự; chủ tịch và các phó chủ tịch Hiệp hội phải có tiếng nói chung thực sự là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền lợi chính đáng và nghĩa vụ của hội viên. Do vậy, việc chọn người làm chủ tịch Hiệp hội phải là người có năng lực, uy tín, có điều kiện để hoàn thành tốt chức trách được giao (nếu là người của cơ quan QLNN thì phải đảm đương một chức vụ quan trọng trong bộ máy, am hiểu và nhiệt tình vì sự nghiệp phát triển du lịch; nếu là người của doanh nghiệp thì phải là doanh nghiệp lớn, hoạt động kinh doanh có hiệu quả trong nhiều năm liên tục, nhiệt tình với công tác của Hiệp hội và coi việc phát triển của Hiệp hội quan trọng như việc phát triển chính doanh nghiệp mình, có uy tín với các cơ quan QLNN, có khả năng vận động và tập hợp được hội viên). Thực hiện được nội dung này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch phát triển, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp, các cơ sở sẽ tự giám sát lẫn nhau về chất lượng dịch vụ và đảm bảo sự bình đẳng về thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

- Chính quyền cấp huyện và cấp xã rà soát, thống kê toàn bộ các cơ sở kinh doanh trên địa bàn cấp mình, trên cơ sở đó phân loại cụ thể loại hình kinh doanh và tổ chức quản lý chặt chẽ theo quy định. Lưu ý việc quản lý đăng ký kinh doanh các loại hình dịch vụ phải thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; tức là cơ sở kinh doanh nào phù hợp với loại hình nào theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể... thì khuyến khích, hướng dẫn các cơ sở đăng ký kinh doanh theo loại hình đó. Các cơ sở lưu trú ngoài các loại hình đã đăng ký kinh doanh như doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể; cần quản lý chặt chẽ loại hình nhà nghỉ của các hộ gia đình chỉ tổ chức đón khách trong mùa du lịch cao điểm để các cơ sở này thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

- Các cơ quan chuyên môn có liên quan đến quản lý về du lịch thuộc tỉnh, trong đó đặc biệt là ngành Du lịch, Kế hoạch, Thuế hướng dẫn cụ thể các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh về các thủ tục đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, kê khai thuế... Bên cạnh đó cùng với UBND cấp huyện rà soát toàn bộ các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch tiến hành kê khai, đăng ký thành lập tổ chức kinh doanh tương xứng với quy mô, mô hình hoạt động của từng cơ sở để quản lý chặt chẽ hơn.

- Tổ chức định kỳ hàng năm các cuộc hội nghị doanh nghiệp chuyên ngành du lịch, dịch vụ du lịch theo từng loại hình du lịch, quy mô hoạt động doanh nghiệp, theo khu vực (có thể tổ chức theo cụm và theo địa bàn có tập trung nhiều cơ sở kinh doanh du lịch). Thông qua các hội nghị mang tính hội thảo này để nghe các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh du lịch đóng góp ý kiến về những bất cập trong quản lý, đề xuất những biện pháp hoặc tham gia cho công tác quy hoạch phát triển du lịch hoặc lấy ý kiến về một định hướng phát triển du lịch nào đó. Vì doanh nghiệp là người trực tiếp thực hiện định hướng phát triển, quy hoạch và các chính sách về phát triển du lịch. Thực hiện tốt công tác này sẽ giúp cho các cơ quan QLNN về du lịch đề ra những chính sách, định hướng, kế hoạch, quy hoạch, giải pháp phát triển và quản lý du lịch ngày một hoàn thiện hơn.

3.2.3.2. Điều hành thực hiện quy hoạch

Khẩn trương rà soát đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển

du lịch Lâm Đồng giai đoạn 1996-2007 trên cơ sở đó xây dựng và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch cho giai đoạn 2008-2020. Xây dựng quy hoạch phải mang tính đột phá trên cơ sở quan điểm phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực sau năm 2010; dự báo các yếu tố thuận lợi cũng như khó khăn có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến phát triển du lịch của tỉnh; dự báo các chỉ tiêu phải dựa trên cơ sở khoa học và mang tính thực tiễn, khắc phục bằng được tính chủ quan duy ý chí, đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành chức năng và địa phương triển khai thực hiện quy hoạch; định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện quy hoạch, trong đó phải làm rõ tiến độ thực hiện các chỉ tiêu theo dự báo, tìm ra nguyên nhân đạt và chưa đạt, làm rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tổ chức chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện quy hoạch. Sau khi có quy hoạch tổng thể cần tổ chức quy hoạch chung các cụm, khu, điểm có tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn trên địa bàn toàn tỉnh, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và thông tin để hỗ trợ các nhà đầu tư. Việc quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch thì Nhà nước chỉ định hướng các tiêu chí, loại hình theo quy hoạch chung, phần còn lại để nhà đầu tư tự quy hoạch; thực hiện việc này thì nhà đầu tư sẽ quy hoạch theo ý tưởng đầu tư và phù hợp với loại hình kinh doanh của họ, đồng thời Nhà nước sẽ không phải tốn kinh phí để quy hoạch chi tiết.

Quy hoạch khôi phục và phát triển các làng nghề du lịch truyền thống, tiêu biểu. Sắp xếp lại hệ thống bán hàng lưu niệm tại các khu, điểm du lịch, hình thành các khu phố, trung tâm bán hàng đặc sản, lưu niệm theo các tour du lịch. Xây dựng một số làng văn hóa du lịch kiểu mẫu trong vùng ĐBDTTS như Prók, Đangiorit, B'ơn, Đasar, Măngling, Đarahoa,... nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, phục vụ khách du lịch, góp phần giảm nghèo, nâng cao đời sống của ĐBDTTS. Trong quy hoạch và tổ chức làng nghề cần lưu ý các yếu tố:

- Việc phát triển du lịch làng nghề cần tổ chức hướng dẫn cho du khách được trực tiếp tham quan, tham gia vào quá trình sản xuất và thưởng thức hoặc mua sản phẩm do tự tay họ làm, sẽ tăng độ hấp dẫn du khách. Đây là kinh nghiệm thành công của một số tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển làng nghề du lịch là mục tiêu

lớn của du lịch Lâm Đồng, bởi du lịch làng nghề là một trong những phong cách du lịch mang đậm tính riêng biệt của từng địa phương. Đây chính là du lịch dựa trên những nét văn hóa đặc trưng riêng của nghề truyền thống của một vùng đất. Du lịch làng nghề chính là loại hình du lịch bền vững, nó khiến du khách không chỉ tới tiêu tiền, mua sản phẩm mà còn làm họ hiểu con người, hiểu về văn hóa của chúng ta. Du lịch làng nghề không những thu hút du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài, phát triển du lịch mà còn bảo tồn và phát huy được vốn truyền thống.

- Nếu không sớm hình thành các làng nghề theo đúng nghĩa thì nguy cơ sẽ mất đi các cá nhân ưu tú, những nghệ nhân trong nghề. Ở các buôn làng, lớp người già dẹt giới đã và đang thưa dần, lớp người trẻ lại không thiết tha với nghề dẹt cổ truyền. Hay trong nghề chạm tranh bút lửa, nhiều người đang bỏ nghề và có lẽ việc không còn ai làm nghề này cũng chỉ là một sớm một chiều. Khi quy hoạch, đầu tư được các làng nghề, sản phẩm của họ bán được, người thợ thủ công sẽ chú tâm vào nâng cao tay nghề, khi đó việc duy trì truyền thống sẽ mang lại lợi ích kinh tế, nghề cổ truyền sẽ có điều kiện được duy trì bền vững.

Quy hoạch khu trung tâm Hòa Bình - thành phố Đà Lạt và đầu tư tiểu công viên và các công trình công cộng trên cơ sở giải tỏa toàn bộ rạp chiếu phim 3 tháng 4, các hộ kinh doanh sát với bến xe nội tỉnh cũ, để xây dựng khu phố đi bộ gắn kết với không gian thương mại và văn hóa, bao gồm: không gian thả bộ, không gian diễn ra các hoạt động văn hóa nghệ thuật chính, không gian hoạt động thương mại chủ yếu và không gian thư giãn.

Quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn nữa việc xây dựng các công trình, nhà ở của nhân dân theo hướng đảm bảo các quy định về mật độ, tầng cao, thẩm mỹ, tránh phá vỡ cảnh quan kiến trúc. Chính trang khu trung tâm thành phố Đà Lạt; thực hiện tốt công tác bảo tồn, trùng tu và phát triển kiến trúc đặc thù của Đà Lạt. Khuyến khích xây dựng các công trình có kiến trúc đặc thù của ĐBDTTS, gắn với việc khai thác tài nguyên nhân văn, tô đậm bản sắc văn hóa của ĐBDTTS địa phương để tạo ra điểm tham quan hấp dẫn cho khách du lịch.

3.2.3.3. Thực hiện đầu tư phát triển hạ tầng du lịch

Từ năm 2001 đến nay nhà nước cân đối một nguồn vốn nhất định để hỗ trợ

cho các địa phương đầu tư hạ tầng du lịch, nguồn vốn này đã tạo điều kiện cho các địa phương nói chung và Lâm Đồng nói riêng đầu tư xây dựng các tuyến giao thông vào các khu, điểm du lịch để phát triển du lịch và là nguồn vốn "môi" giúp cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các hạng mục, công trình kinh doanh du lịch. Nhưng thực chất nguồn vốn trung ương cân đối là quá ít nhưng lại được phân bổ quá dàn trải, đầu tư không theo trọng tâm, trọng điểm để phát triển du lịch. Thí dụ như năm 2005 Tổng cục Du lịch cân đối 550 tỷ đồng cho 58 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó Lâm Đồng đã được xác định là một trong những trung tâm du lịch của cả nước nhưng cũng chỉ được hỗ trợ 15 tỷ đồng. Vì vậy các địa phương không đủ điều kiện để đầu tư dứt điểm từng công trình, mà công trình phải đầu tư kéo dài trong nhiều năm không phát huy được hiệu quả vốn đầu tư của những năm đầu. Do đó, việc Nhà nước tiếp tục cân đối hỗ trợ nguồn vốn đầu tư hạ tầng du lịch cho các địa phương là rất cần thiết nhưng cần nghiên cứu việc bố trí vốn cho phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch của từng địa phương, tức là không nhất thiết phải cân đối cho tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà nên đầu tư có trọng điểm. Về phía tỉnh Lâm Đồng, hàng năm cần cân đối một lượng vốn nhất định từ ngân sách tỉnh (nhiều hay ít phụ thuộc vào nhu cầu đầu tư và khả năng của ngân sách) để cùng với nguồn vốn hỗ trợ của trung ương bố trí cho các công trình hạ tầng du lịch. Nhưng về nguyên tắc phải bố trí vốn phù hợp với từng hạng mục và thực hiện theo thứ tự ưu tiên (không đầu tư nhiều hạng mục cùng một lúc nếu như khả năng nguồn vốn không đáp ứng được) để đầu tư dứt điểm trong một thời gian ngắn nhằm phát huy ngay được hiệu quả đầu tư.

3.2.3.4. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch

Tỉnh Lâm Đồng phối hợp với các doanh nghiệp trong tỉnh có thế mạnh trên các lĩnh vực nói chung và du lịch nói riêng tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch - thương mại và đầu tư tại một số địa phương trong nước cũng như nước ngoài để quảng bá, xúc tiến trên các lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, của doanh nghiệp như rau, hoa, trà, cà phê, về du lịch và xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực. Đối với các địa phương trong nước, ngoài thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội nên mở các văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh

Khánh Hòa. Phối hợp với các Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài để mở văn phòng đại diện tại các nước có tiềm năng đi du lịch đến Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng, tiêu thụ nông sản phẩm của Lâm Đồng như: Singapore, Nhật Bản... Để đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến cần thực hiện các nội dung:

- Về kinh phí hoạt động, hàng năm ngân sách địa phương bố trí một khoản chi nhất định và từ nguồn quỹ khuyến khích phát triển du lịch, công nghiệp để phục vụ cho công tác quảng bá, xúc tiến; phần còn lại (phần chủ yếu) huy động đóng góp từ nguồn chi quảng cáo, tiếp thị của các doanh nghiệp du lịch và các doanh nghiệp có sản phẩm tiêu thụ.

- Xác định rõ trách nhiệm, vai trò, nhiệm vụ giữa các cơ quan xúc tiến của Nhà nước, Hiệp hội Du lịch và doanh nghiệp: Nhà nước chỉ hỗ trợ công tác quảng bá xúc tiến hình ảnh chung của du lịch địa phương như một điểm đến trên cơ sở lựa chọn những sản phẩm đặc trưng, có nét riêng biệt, tiêu biểu để làm hình ảnh tuyên truyền, quảng bá chung. Các doanh nghiệp phải chủ động xây dựng kế hoạch marketing, quảng cáo sản phẩm riêng của mình để thể hiện tính riêng biệt và cạnh tranh, mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển.

- Cần mở rộng hơn nữa phạm vi cũng như đa dạng hoá hình thức để xúc tiến du lịch đạt hiệu quả cao hơn như:

- + Tích cực tham gia các hội chợ triển lãm lớn, sự kiện du lịch tại nước ngoài để học hỏi và tranh thủ giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch địa phương.

- + Xây dựng slogan và biểu tượng du lịch địa phương để quảng bá, giới thiệu trên kênh truyền hình của một số quốc gia được xác định là thị trường trọng điểm.

- + Duy trì và không ngừng mở rộng quy mô việc tổ chức các sự kiện du lịch, sự kiện văn hoá mang tầm quốc gia và địa phương dần tạo thành thương hiệu và nét đặc trưng riêng của địa phương.

- + Xây dựng và triển khai các đề án về xúc tiến du lịch quốc gia và địa phương, trong đó đặc biệt coi trọng việc xác định thị trường để có kế hoạch xúc tiến hiệu quả, đáp ứng nhu cầu, sở thích.

- Chú trọng việc nghiên cứu và triển khai công tác xã hội hoá hoạt động xúc tiến du lịch để mang lại hiệu quả cao nhất. Trong đó đặc biệt chú trọng đến đối tượng khách du lịch, đây chính là lực lượng cộng tác viên xúc tiến hiệu quả và nhanh chóng nhất thông qua việc thoả mãn nhu cầu của du khách, môi trường du

lịch thân thiện để họ tuyên truyền, giới thiệu cho du lịch Lâm Đồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh và phát huy việc liên kết, phát triển du lịch thông qua việc nối kết tour tuyến với các địa phương và vùng du lịch để tạo ra những tuyến du lịch hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

3.2.3.5. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh là một nhiệm vụ mà các cơ quan QLNN liên quan đều phải thực hiện theo chức năng, quyền hạn của mình. Thực hiện tốt công tác thanh kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động du lịch trên địa bàn sẽ giúp cho công tác QLNN của các cấp, ngành có biện pháp chỉ đạo, điều hành, giải quyết các vấn đề được kịp thời. Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch, ở đây không phải khi có dấu hiệu vi phạm các quy định mới tiến hành kiểm tra, mà coi đây là công việc thường xuyên mà các cơ quan QLNN phải làm. Kiểm tra, kiểm soát một mặt phát hiện những sai phạm để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục; mặt khác cũng phát hiện được những tổ chức, cá nhân có nhiều cách làm hay, hoạt động có hiệu quả để khen thưởng kịp thời và nhân rộng nhân tố mới. Do vậy, cần khắc phục bằng được quan niệm những vấn đề có dấu hiệu vi phạm mới tổ chức thanh, kiểm tra. Công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch trong thời gian tới nên tập trung vào các vấn đề chính như sau:

- Về nội dung: Kiểm tra việc thực hiện các chính sách, các quy định của Nhà nước, của tỉnh có liên quan đến hoạt động du lịch. Kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch. Kiểm tra tính thực thi trong việc xây dựng, ban hành và phối hợp tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch của tỉnh.

- Về đối tượng: Kiểm tra các cơ quan QLNN liên quan đến hoạt động du lịch (các sở, ngành, UBND cấp huyện, xã); các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch.

- Về kế hoạch: Cùng với kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm, cơ quan QLNN các cấp có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể.

3.3. Biện pháp bảo đảm thực hiện phương hướng hoàn thiện Quản lý nhà nước về du lịch tỉnh Lâm Đồng

Tiềm năng du lịch Lâm Đồng rất lớn nhưng nhiều năm qua ngành này vẫn chưa phát huy được khả năng của mình. Những vấn đề chưa làm được có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan nhưng trong đó việc chưa phát huy được nguồn

lực từ nội lực là vấn đề cần quan tâm trong thời gian đến. Để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Lâm Đồng kể từ năm 2010 trở đi; công tác QLNN về du lịch tỉnh Lâm Đồng cần tập trung thực hiện một số nhóm giải pháp mang tính định hướng như sau:

3.3.1. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch

Du lịch Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng chỉ thực sự lớn mạnh, cạnh tranh được với các quốc gia và các địa phương có ngành du lịch tiên tiến trong khu vực và thế giới khi chúng ta có trong tay nguồn nhân lực mạnh cả về lượng và chất, cũng như xây dựng, học hỏi, áp dụng hoàn chỉnh các quy trình quản lý tiên tiến.

Theo dự báo tại bảng 3.2 thì nhu cầu lao động của ngành du lịch đến năm 2010 là 59.280 người trong đó lao động trực tiếp 19.760 người, theo đó tương ứng cho các loại lao động của năm 2015 là 113.760 người và 37.920 người, năm 2020 là 187.380 người và 62.420 người. Theo số liệu thống kê thì năm 2006 lao động làm việc trong ngành du lịch là 19.511 người, trong đó có 10.318 lao động trực tiếp và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo là 38,8%. Như vậy nhu cầu lao động cho ngành du lịch của những năm tới là rất lớn, để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch thì chất lượng lao động phải được nâng lên; do đó dự kiến lao động ngành du lịch qua đào tạo đến năm 2010 đạt tỉ lệ 45%, đến năm 2015 đạt 60% và đến năm 2020 đạt 80%.

Một thực tế mà Lâm Đồng cũng như nhiều địa phương khác ở xa các trung tâm lớn là thiếu trầm trọng về đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn giỏi. Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là không có đội ngũ cán bộ giỏi mà vấn đề là việc làm, thu nhập của đội ngũ cán bộ đó, chính sách "chiêu hiền nạp sĩ" như thế nào cho phù hợp. Nhiều năm qua, số sinh viên là con em của Lâm Đồng đi học tại các trường ở thành phố Hồ Chí Minh, hầu hết không trở về Lâm Đồng; không những thế đội ngũ cán bộ hiện có của Lâm Đồng, nếu gọi là "đu lông, đu cánh" cũng tìm cách để đi khỏi Lâm Đồng, bởi Lâm Đồng chưa phải là vùng "đất lành chim đậu", mọi cơ chế, chính sách còn trói buộc lẫn nhau. Để Lâm Đồng thu hút, chuẩn bị nguồn nhân lực cho thời gian đến, đặc biệt là sử dụng đội ngũ quản lý và chuyên môn có tầm nhìn chiến lược cho phát triển KT-XH nói chung và ngành du lịch nói riêng của tỉnh, thì phải có quan điểm nhận thức, tầm nhìn một cách khách quan, toàn diện hơn nhằm có những cơ chế, chính sách phù hợp để một mặt vừa đào tạo và giữ chân được đội

ngũ cán bộ là con em của Lâm Đồng, vừa thu hút được cán bộ quản lý, chuyên môn giỏi từ các nơi khác về với Lâm Đồng; cần thiết phải:

3.3.1.1. Về đào tạo cán bộ, công chức QLNN, cán bộ quản lý doanh nghiệp

- Ngoài chính sách hiện hành của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói riêng về đào tạo nguồn nhân lực nói chung, tỉnh Lâm Đồng cần thiết phải xem xét sửa đổi bổ sung các chính sách đào tạo, bồi dưỡng đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mà không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chính sách phải trên cơ sở khuyến khích người đi học đúng ngành nghề theo công việc đang làm và đào tạo chuyên sâu, đào tạo ở các bậc học cao; cấp uỷ và chính quyền các cấp cần có quan điểm và nhận thức đúng khi cử cán bộ đi học ở các bậc học cao, đồng thời cần xác định rõ đội ngũ cán bộ này chính là lực lượng dự bị tạo nguồn cán bộ quản lý các cấp của tỉnh.

- Công tác đào tạo phải gắn với nhu cầu sử dụng, đòi hỏi phải có quy hoạch đào tạo thật sát với nhu cầu sử dụng; việc cử chọn cán bộ, công chức đi học phải đúng đối tượng, tránh tình trạng những người không làm được việc thì cứ đi học, người làm được việc thì không thể tách công việc để đi học.

- Thu hút và tạo nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực có chất lượng cao còn thiếu kể cả đội ngũ cán bộ QLNN, quản lý kinh doanh và kỹ thuật đối với ngành du lịch. Để tạo nguồn nhân lực về lĩnh vực du lịch nói riêng và các ngành khác nói chung nên tập trung vào các lĩnh vực sau:

+ Hàng năm sử dụng nguồn kinh phí nhất định từ ngân sách địa phương để hỗ trợ cho các em học sinh thi đậu vào các trường đại học với số điểm cao, nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn (tài trợ trong suốt thời gian học tập); gia đình và sinh viên sẽ cam kết học tập đạt kết quả tốt và sau khi học xong về nhận công tác tại tỉnh.

+ Bố trí công việc hợp lý cho đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, có trình độ học vấn cao; có chính sách tạo việc làm ổn định và phụ cấp ngoài chính sách tiền lương hợp lý cho những cán bộ này, tránh tình trạng người có năng lực thực sự đóng góp nhiều cho sự phát triển cũng hưởng thu nhập như người không có năng lực trong công tác (thậm chí thu nhập ít hơn).

+ Cử đi đào tạo chính quy, đối với những cán bộ trẻ thực sự có năng lực, có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu. Thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo gắn liền

với sử dụng, bổ nhiệm cán bộ [68].

3.3.1.2. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Du lịch Lâm Đồng đang trên đà phát triển mạnh khi chúng ta có những lợi thế so sánh so với các địa phương khác. Thế nhưng, nhìn tổng quan, hiệu quả từ ngành du lịch mang lại chưa tương xứng với tiềm năng. Một trong những nguyên nhân chính khi chất lượng sản phẩm du lịch của chúng ta còn thấp, chưa đồng bộ, đội ngũ nhân lực còn yếu và thiếu, chưa ứng dụng kịp thời những quy trình quản lý bắt kịp trình độ phát triển của thế giới. Vấn đề này càng quan trọng hơn khi Việt Nam đã là thành viên tổ chức WTO, khi những doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh quyết liệt của các thương hiệu toàn cầu vừa giàu có về tiềm lực vừa có công nghệ quản lý, điều hành, phục vụ tiên tiến. Vì vậy đảm bảo cân đối giữa phát triển kinh tế với phát triển nguồn nhân lực; coi phát triển nguồn nhân lực là một điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch; do đó tỉnh cần quan tâm phát triển các cơ sở dạy nghề để tạo ra lực lượng lao động có trình độ, có kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá ngành du lịch.

Hiện trên địa bàn tỉnh có các cơ sở đào tạo du lịch và nghề du lịch, đó là:

- Trường Đại học Đà Lạt trong những năm gần đây đã đào tạo thêm ngành du lịch bậc đại học, hàng năm chỉ tiêu tuyển sinh khoảng 80-100 sinh viên.
- Trường Trung học nghiệp vụ du lịch được Tổng Cục du lịch thành lập tháng 9/2006, hiện nay đang đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và chuẩn bị các điều kiện dạy và học để tuyển sinh trong năm học 2008-2009.
- Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng thành lập năm 1999, trong những năm gần đây chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm 750 học sinh, trong đó chuyên ngành du lịch với quy mô đào tạo 250 học sinh.
- Trường Kỹ thuật Đà Lạt, thành lập từ năm 2000 (từ tháng 7/2007 là Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt) là một trong 15 trường trọng điểm của cả nước về đào tạo nghề thuộc dự án Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề của Ngân hàng châu Á. Trong các ngành nghề đào tạo có nghề kỹ thuật phục vụ khách sạn với thời gian đào tạo 18 tháng đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và 24 tháng đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; đào tạo nghiệp vụ bán thời gian đào tạo 1,5 tháng, nghiệp vụ bùong thời gian đào tạo 1,5 tháng, kỹ thuật pha chế cocktail (Bartender)

thời gian đào tạo 1 tuần, anh vẫn đàm thoại dành cho lái xe phục vụ khách du lịch thời gian đào tạo 2 tháng.

Nhìn chung các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch hiện có trên địa bàn tỉnh có khả năng đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề cho đội ngũ lao động trong ngành du lịch của tỉnh và các địa phương lân cận như các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh Nam Trung Bộ. Các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn rất thuận lợi cho những người đã có kinh nghiệm làm việc nhưng chưa qua đào tạo có điều kiện học tập giúp họ có nhiều cơ hội tham gia lao động trong các doanh nghiệp. Song hạn chế của các cơ sở đào tạo là đội ngũ giáo viên chưa tiếp cận được với công nghệ du lịch hiện đại của thế giới.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch của Saigontourits [43] [44], công tác đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch Lâm Đồng cần tập trung vào những yêu cầu sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục nâng cao tầm nhận thức sự quan trọng, cấp thiết của chất lượng sản phẩm du lịch, công tác đào tạo nguồn nhân lực, áp dụng các quy trình quản lý nhất là trong giai đoạn du lịch Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh. Công tác này đòi hỏi phải có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của ngành du lịch, các cơ sở đào tạo, Hiệp hội Du lịch, doanh nghiệp du lịch.

Thứ hai, cần có sự thống kê các hình thức đào tạo tại chỗ đã và đang được áp dụng tại các doanh nghiệp nhằm đưa ra những đánh giá chính xác, khoa học về hiệu quả của từng hình thức, kịp thời bổ sung, cập nhật những hình thức và kiến thức mới trong quá trình đào tạo tại chỗ.

Thứ ba, trong công tác đào tạo tại chỗ, bên cạnh nỗ lực tự thân của các doanh nghiệp, cần có sự quan tâm hỗ trợ nhiều hơn nữa của các cơ quan QLNN, của Hiệp hội Du lịch trong công tác đào tạo, tái đào tạo. Đặc biệt là các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp du lịch tại Lâm Đồng liên kết với Saigontourits trong việc tư vấn, giảng dạy, chuyên giao công nghệ điều hành, quản lý hiện đại.

Thứ tư, các cơ sở đào tạo và dạy nghề cần phối hợp với ngành du lịch và các cơ sở kinh doanh để nắm bắt nhu cầu và lĩnh vực đào tạo, ứng dụng công nghệ chuyên ngành để chuẩn bị giáo trình sát nhu cầu thực tế và phù hợp trình độ phát

triển của du lịch thế giới.

Thứ năm, trong công tác đào tạo tại chỗ bên cạnh các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cần chú trọng đến việc trang bị trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý, kinh doanh, quảng bá nhằm giảm chi phí, nâng cao tính tiện dụng, đạt đến hiệu quả cao nhất.

Thứ sáu, về đào tạo và giải quyết việc làm trước hết phải ưu tiên bảo đảm cho dân cư trong độ tuổi lao động tại các vùng bị thu hồi đất của các dự án nói chung và du lịch nói riêng có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với độ tuổi, trình độ, công việc họ đang làm. Để giải quyết vấn đề này, hàng năm UBND cấp huyện và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thống kê toàn bộ lực lượng lao động trong vùng bị giải tỏa thu hồi đất trên địa bàn huyện, tỉnh và xây dựng kế hoạch đào tạo nghề trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí đào tạo. Kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho đối tượng này được tính vào kinh phí bồi thường của dự án và ngân sách tỉnh cân đối. Về giải quyết việc làm, tất cả các doanh nghiệp đầu tư đều phải cam kết sử dụng đội ngũ lao động tại địa phương, trong đó đặc biệt ưu tiên cho đối tượng bị thu hồi đất phục vụ cho dự án của chính doanh nghiệp.

3.3.2. Khai thác nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch

Theo như dự báo vốn đầu tư tại bảng 3.2 thì nhu cầu vốn đầu tư cho giai đoạn 2006-2020 là 3.749 triệu USD, có nghĩa là trong 13 năm kể từ năm 2008-2020 cần khoảng 3.670 triệu USD (không tính vốn đã đầu tư 2 năm 2006-2007) cho đầu tư phát triển du lịch (kể cả đầu tư hạ tầng và cơ sở kinh doanh); trong đó giai đoạn 2008-2010 khoảng 430 triệu, giai đoạn 2011-2016 khoảng 1.260 triệu, giai đoạn 2016-2020 khoảng 1.980 triệu. Đây là con số khá lớn đối với một địa phương chưa tự cân đối được ngân sách như tỉnh Lâm Đồng hiện nay, nhưng để kinh tế du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực kể từ sau năm 2020 thì đây là mấu chốt để đột phá, tăng tốc đòi hỏi công tác QLNN phải năng động và có nhiều phương án cân đối vốn đầu tư để phát triển.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 151 dự án đầu tư phát triển du lịch với

tổng vốn đăng ký 43.856 tỷ đồng. Lượng vốn do các doanh nghiệp trong nước đăng ký đầu tư mà chủ yếu là ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thực chất khoảng 60% nguồn vốn này có nguồn gốc nước ngoài (do các doanh nghiệp nước ngoài hoặc Việt kiều đầu tư thông qua các doanh nghiệp trong nước), do vậy lượng vốn đầu tư vào Lâm Đồng theo đăng ký là có tính khả thi cao. Nhưng vấn đề cần giải quyết nguồn vốn này có thật sự đầu tư vào Lâm Đồng hay không thì chúng ta cần xem xét các yếu tố sau đây:

- Từ đầu năm 2003 đến cuối năm 2007 trong số 151 dự án đầu tư thì hiện chỉ có 17 dự án đã đầu tư đưa vào khai thác kinh doanh nhưng với quy mô nhỏ (đầu tư khoảng 600 tỷ đồng/753 tỷ đồng theo đăng ký), 19 dự án đang triển khai đầu tư và đi vào hoạt động trước năm 2010 với vốn đăng ký khoảng 947 tỷ đồng. Phần lớn các dự án còn lại đầu tư với quy mô lớn nhưng hiện tại đang triển khai các thủ tục đầu tư, hoặc do năng lực tài chính của chủ đầu tư còn hạn chế, hoặc chủ đầu tư chiếm giữ dự án để chờ cơ hội. Nếu tính chung về dự án đầu tư trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện nhỏ và vừa, dịch vụ, xã hội mà nhà đầu tư đăng ký đầu tư trực tiếp (không tính các dự án đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách hoặc của các tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty của Nhà nước), thì tỉnh Lâm Đồng hiện có 399 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 73.000 tỷ đồng; trong đó có 233 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư khoảng 34.739 tỷ đồng. Như vậy tỉ trọng vốn đăng ký đầu tư vào lĩnh vực du lịch chiếm khoảng 60% tổng vốn đăng ký đầu tư vào tất cả các lĩnh vực, điều này có nghĩa các nhà đầu tư rất quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại Lâm Đồng và đồng nghĩa với việc chính sách phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực là hoàn toàn phù hợp. Mặt khác nguồn vốn các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào các lĩnh vực khác ngoài du lịch như công nghiệp, nông nghiệp, thủy điện, xã hội chiếm 40% tổng vốn đăng ký xét về mặt tổng thể cũng là một phần đầu tư gián tiếp cho du lịch.

- Để thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp kinh doanh của các doanh nghiệp đăng ký và đầu tư vào lĩnh vực du lịch, Nhà nước phải đầu tư một khoản ngân sách tương đối lớn để bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất và đầu tư hạ tầng đến chân hàng rào dự án các khu du lịch lớn.

Như vậy nguồn vốn đầu tư trực tiếp cho phát triển du lịch từ nay đến năm

2020 là rất lớn, nếu thực hiện đầu tư đúng như đăng ký thì đáp ứng được nhu cầu vốn theo dự báo để đầu tư tạo bước tăng tốc, đột phá phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng từ sau năm 2010 trở đi. Tuy nhiên, nguồn vốn này chỉ dựa trên cơ sở đăng ký đầu tư của các chủ đầu tư, còn việc đầu tư nhanh hay chậm và đầu tư bao nhiêu vốn sẽ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Làn sóng đầu tư của các nhà đầu tư vào Lâm Đồng sôi động hay không, nghĩa là hiệu ứng dây chuyền doanh nghiệp này đầu tư sẽ kéo theo doanh nghiệp khác đầu tư để tạo thành thị trường và đa dạng các sản phẩm với quy mô lớn để thu hút du khách. Các khu du lịch lớn được đầu tư sẽ kéo theo các dự án vệ tinh ở vùng phụ cận sẽ đầu tư theo; đặc biệt là khu du lịch tổng hợp Đan Kia - Suối Vàng, khu du lịch hồ Tuyên Lâm các dự án này khởi động sẽ tạo được niềm tin về thị trường khách, về quy mô và sản phẩm du lịch của Lâm Đồng, kể cả về cơ chế, chính sách để các nhà đầu tư khác yên tâm đầu tư.

- Chính sách, cơ chế của Nhà nước nói chung và Lâm Đồng nói riêng có thuận lợi, có khuyến khích, có thông thoáng hay không. Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trong dự án có tiến hành được thuận lợi hay không.

- Cơ sở hạ tầng trong đó đặc biệt là hệ thống giao thông của tỉnh Lâm Đồng và liên vùng có được đầu tư nhanh, đáp ứng được nhu cầu phát triển không. Đây chính là vấn đề mà các nhà đầu tư lo ngại khi quyết định đầu tư nhanh hay chậm, mà trong đó dự án tuyến giao thông huyết mạch là quốc lộ 20 (đường cao tốc) nối thành phố Hồ Chí Minh với Đà Lạt được triển khai đầu tư nhanh hay chậm.

Để giải quyết những yếu tố trên tạo thuận lợi để các nhà đầu tư tập trung nguồn lực đầu tư nhanh và sớm đưa dự án vào khai thác kinh doanh từng phần hoặc toàn bộ dự án, tác giả đề nghị tỉnh Lâm Đồng thực hiện các vấn đề sau:

- Phối hợp với tỉnh Đồng Nai tích cực tìm kiếm các đối tác có tiềm lực để sớm đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (từ quốc lộ 1A nối với thành phố Hồ Chí Minh qua địa phận tỉnh Đồng Nai đến sân bay Liên Khương - Đà Lạt có chiều dài 189 km, theo dự án tiền khả thi giai đoạn I đầu tư 4 làn xe với tổng vốn đầu tư khoảng 8.000 tỷ đồng) theo phương thức đầu tư BOT (đoạn Liên

Khương Đà Lạt có chiều dài 30 km đang đầu tư). Phối hợp với tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Bình Thuận làm việc với Bộ Giao thông Vận tải và các bộ, ngành liên quan để nâng cấp tỉnh lộ 723 Đà Lạt - Nha Trang có chiều dài 144 km và đường thủy điện Đại Ninh nối Đà Lạt - Phan Thiết có chiều dài khoảng 170 km thành quốc lộ, đồng thời xin chủ trương cho phép đầu tư giai đoạn II các tuyến đường này từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ hoặc theo phương thức BOT. Vì chính các tuyến giao thông này được coi là một trong những điều kiện quyết định lượng khách đến Lâm Đồng nhiều hay ít.

- Kiểm tra rà soát lại toàn bộ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó đơn đốc và buộc doanh nghiệp phải triển khai đầu tư dự án đúng tiến độ theo giấy chứng nhận đầu tư. Đối với những dự án mà nhà đầu tư không đủ năng lực tài chính để đầu tư, hoặc "ghim" dự án để chờ cơ hội, hoặc sang nhượng dự án thì kiên quyết thu hồi dự án để kêu gọi nhà đầu tư khác.

- Đối với dự án các khu du lịch lớn cần thiết phải thực hiện nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng đặc biệt là hạ tầng giao thông trong khu du lịch để chủ đầu tư vận chuyển vật tư xây dựng các hạng mục, công trình phục vụ cho kinh doanh. Đối với những dự án nằm ngoài các khu du lịch lớn không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất và chi trả bồi thường thì UBND cấp huyện phải là cơ quan chủ trì cùng với nhà đầu tư thực hiện công tác bồi thường, giải tỏa, hỗ trợ tái định cư (kinh phí do nhà đầu tư chi trả); nếu để nhà đầu tư tự thỏa thuận bồi thường với chủ sử dụng đất mà chính quyền địa phương không vào cuộc thì việc giải tỏa sẽ bị ách tắc, dự án sẽ không triển khai được.

- Về nguồn vốn phục vụ cho công tác bồi thường trong các khu du lịch thuộc diện nhà nước thu hồi đất, vận động các nhà đầu tư ứng trước kinh phí để bồi thường và được trừ dần vào tiền thuê đất hoặc tiền sử dụng đất mà nhà đầu tư phải nộp. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng du lịch sử dụng từ nguồn vốn vay ngân hàng thương mại, vay nguồn ngân sách nhà nước, nguồn cân đối hàng năm từ ngân sách trung ương cho đầu tư hạ tầng du lịch, nguồn cân đối ngân sách địa phương hàng năm cho kế hoạch xây dựng cơ bản. Khuyến khích các nhà đầu tư trong nước thực hiện phương

thức giao quyền sử dụng đất chuyên dùng có thời hạn 50 năm và nộp tiền sử dụng đất một lần để có nguồn trả tiền vay hoặc đầu tư hạ tầng. Mặt khác để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng du lịch, cần quy hoạch quỹ đất nhất định ở một số khu vực thuận lợi (trong hoặc ngoài khu du lịch) để bán đấu giá giao quyền sử dụng đất [69].

3.3.3. Cải cách thủ tục hành chính để phát triển du lịch

Hoàn chỉnh các quy định thật cụ thể về trình tự giải quyết thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương; tuy UBND tỉnh đã có Quyết định số 107/2005/QĐ-UB ngày 18/5/2005 về việc ban hành Quy định về thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” tại UBND tỉnh Lâm Đồng nhưng trong thực tế thì các doanh nghiệp vẫn phải chạy nhiều cửa và kéo dài thời gian, vì bộ phận “một cửa” thực chất chỉ đóng vai trò văn thư (giao và nhận hồ sơ theo thời gian quy định), không giải quyết được những vướng mắc cho tổ chức, cá nhân vì không có chức năng này. Để thu hút được đầu tư, giải quyết nhanh các thủ tục, tỉnh cần thành lập đơn vị tư vấn về đầu tư trực thuộc UBND tỉnh (như đã nêu ở mục 3.2.3.1 về tổ chức bộ máy).

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng cần phải nghiên cứu sửa đổi Quy chế làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý. Tỉnh ủy không nên can thiệp quá sâu vào công việc cụ thể của UBND tỉnh, mà chỉ lãnh đạo bằng định hướng, bằng nghị quyết và định kỳ kiểm điểm, đánh giá cụ thể về kết quả triển khai tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của nghị quyết theo định hướng.

Giảm thiểu các cuộc họp xét thấy không cần thiết, UBND tỉnh và UBND cấp huyện tăng cường làm việc trực tiếp với các ngành, địa phương để nắm bắt và giải quyết công việc kịp thời. Những biện pháp giảm họp là nâng cao năng lực và tính quyết đoán của cán bộ lãnh đạo các cấp, các cơ quan được giao chuẩn bị nội dung cuộc họp phải thật chu đáo, tài liệu cuộc họp phải được gửi trước cho những thành viên dự họp nghiên cứu trước thì mới có ý kiến tham gia chất lượng.

3.3.4. Xã hội hóa một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch

Từ năm 2003 đến nay, năm nào tỉnh Lâm Đồng cũng tổ chức các lễ hội, mục

đích của tổ chức lễ hội là tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu về các thế mạnh của Lâm Đồng nhằm thu hút khách du lịch đến với Đà Lạt - Lâm Đồng nói chung và tiêu thụ các sản phẩm có thế mạnh nói riêng; trong đó các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch - dịch vụ du lịch là người được hưởng lợi nhiều nhất. Do vậy, việc tổ chức các lễ hội trong thời gian đến cần phải vận động và quy định các doanh nghiệp được hưởng lợi trực tiếp hay gián tiếp này đóng góp kinh phí, mức đóng góp tùy theo quy mô kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện được vấn đề này sẽ giảm tải cho ngân sách tỉnh và hiệu quả sẽ cao hơn, đồng thời doanh nghiệp cũng thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình hơn, mặt khác doanh nghiệp thực hiện được công tác quảng cáo nâng cao thương hiệu của mình.

An ninh, trật tự an toàn cho du khách, tạo điểm đến an toàn, thân thiện mến khách là vấn đề hết sức quan trọng. Nhà nước cần quản lý chặt chẽ các cơ sở lưu trú, dịch vụ, các điểm tham quan để tránh nạn cờ bạc, ép giá, bắt chẹt làm cho du khách mất thiện cảm. Đối với doanh nghiệp phải xác định trách nhiệm của mình đối với toàn cục, không vì lợi ích trước mắt mà quên đi lợi ích lâu dài và lợi ích toàn cục; từ đó có thái độ đúng đắn trong quản lý các hoạt động, góp phần cùng với các cơ quan QLNN của tỉnh phát triển nhanh ngành du lịch.

Ngoài việc hoạt động kinh doanh các dịch vụ thuần túy, các doanh nghiệp cần phối hợp với các cơ quan QLNN liên quan tổ chức nhiều loại hình du lịch, nhiều lễ hội văn hóa mang đậm nét truyền thống của các dân tộc gắn với quá trình hình thành và phát triển, các truyền thuyết của ĐBDTTS gốc Tây Nguyên. Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí phù hợp để thu hút khách, kéo dài thời gian lưu trú.

Tổ chức các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch (lựa chọn các doanh nghiệp có thế mạnh) thành hiệp hội mạnh có tính gắn kết cao. Trên cơ sở đó tỉnh sẽ có một số cơ chế, chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả để làm nòng cốt, làm “đầu tàu” kéo các doanh nghiệp khác và cả hệ thống doanh nghiệp phát triển.

3.4. Kiến nghị với chính phủ và các bộ, ngành

Để tỉnh Lâm Đồng xứng đáng là một trong những khu vực du lịch lớn và là

một trong 12 đô thị du lịch của cả nước hiện nay, đồng thời thực hiện được định hướng và mục tiêu phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh. Trong khuôn khổ luận án này, tác giả kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan những nội dung sau:

- Về phía nhà nước Trung ương cần nghiên cứu một số chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tế; vì theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì các dự án nhóm B trở xuống nhà đầu tư phải thỏa thuận với các hộ dân để bồi thường, giải phóng mặt bằng là rất khó thực hiện. Do đó, hầu hết các dự án đầu tư nói chung và dự án về du lịch nói riêng đều triển khai rất chậm do vướng về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời tại điểm c điều 3 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: “Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thì không phải trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư; trường hợp đã chi trả thì được trừ dần vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp”. Theo quy định này thì thể hiện sự không công bằng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài; mặt khác chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư nước ngoài thì ngân sách địa phương phải chi trả là không hợp lý và không cân đối được.

- Tỉnh Lâm Đồng nói riêng và các tỉnh vùng Tây Nguyên nói chung được xác định là địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn, là vùng có nhiều ĐBDTTS sinh sống, trình độ dân trí thấp, là vùng kinh tế chậm phát triển, xa các trung tâm kinh tế lớn, giao thông không thuận lợi, là vùng có tiềm ẩn bất ổn về quốc phòng, an ninh. Do vậy, để vùng Tây Nguyên phát triển kịp với các khu vực khác, đề nghị Nhà nước có cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư riêng cho vùng Tây Nguyên, nếu theo như Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, áp dụng chung cho cả nước thì đối với vùng Tây Nguyên nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng sẽ khó thu hút được đầu tư các lĩnh vực, trong đó có du lịch.

- Việt Nam Airlines giúp tỉnh để sớm hoàn thiện việc cải tạo nâng cấp sân bay Liên Khương thành sân bay quốc tế; đồng thời có kế hoạch hợp tác với một số nước

như Singapore, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc... mở đường bay thẳng trực tiếp từ các nước này đến Đà Lạt. Mặt khác mở rộng tuyến bay nội địa từ Đà Lạt đi Đà Nẵng hoặc Huế và ngược lại; đồng thời tăng tần suất bay và cải thiện chất lượng bay cho các tuyến bay hiện có, nhất là tăng chuyến bay tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt từ 2 chuyến/ngày hiện nay lên 3-4 chuyến/ngày.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, như nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ, ngành trước khi ban hành (dự thảo) cần phải có tính nhất quán cao của các cơ quan liên quan, tránh tình trạng mạnh bộ, ngành nào thì bộ, ngành đó làm; do vậy nhiều văn bản của cơ quan này mâu thuẫn, không thống nhất với văn bản của cơ quan khác, hướng dẫn thiếu cụ thể, mang tính chung chung làm cho các địa phương khó triển khai thực hiện. Sau khi Luật được công bố, các bộ, ngành liên quan cần ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành ngay để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Trong những năm vừa qua việc ban hành các văn bản dưới luật không kịp thời và thiếu đồng bộ; thí dụ như Luật Du lịch được Quốc hội thông qua tháng 6/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 nhưng đến 01/6/2007 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 92/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành.

- Ngành du lịch Việt Nam là ngành kinh tế còn non trẻ so với các ngành kinh tế khác, nên về cơ chế, chính sách phát triển ngành này còn nhiều vấn đề hạn chế so với ngành kinh tế khác. Để tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển, Nhà nước nên áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư vào các khu, điểm du lịch lớn đã được quy hoạch như cơ chế đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

- Để tạo điều kiện cho tỉnh Lâm Đồng thu hút được nhiều khách du lịch quốc tế nhằm tăng nhanh nguồn thu và từng bước cân đối được thu - chi, tạo nguồn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng, đầu tư cho vùng nông thôn và vùng ĐBDTTS. Đề nghị các bộ, ngành chức năng tham mưu với Thủ tướng Chính phủ đưa Đà Lạt - Lâm Đồng vào quy hoạch dịch vụ casino và cho phép tỉnh Lâm Đồng được lập đề án mở kinh doanh dịch vụ casino tại thành phố Đà Lạt (nội dung này UBND tỉnh Lâm Đồng đã có tờ trình số 510/TTr-UBND ngày 22/01/2007 và công văn số 97-CV/BCĐTN ngày 28/12/2006 của Ban Chỉ đạo Tây

Nguyên, công văn số 21/BTL-TC ngày 08/01/2007 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cùng thống nhất đề nghị).

Tóm lại, chương 3 nêu rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương hướng hoàn thiện và biện pháp chủ yếu để phát triển du lịch Lâm Đồng trở thành ngành kinh tế động lực. Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam, định hướng phát triển KT-XH nói chung và du lịch nói riêng của tỉnh Lâm Đồng; tác giả đã đưa ra một số nội dung chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể đã giải quyết những nội dung sau:

- Dự báo phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2010 bao gồm: định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; dự báo phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020.

- Phương hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới, trong đó tập trung giải quyết 3 vấn đề cơ bản: Quan tâm xây dựng chiến lược cho phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2010; Hướng hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật; Tổ chức điều hành phát triển du lịch.

- Biện pháp bảo đảm thực hiện phương hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên tỉnh Lâm Đồng. Trong nội dung này tác giả tập trung vào 4 vấn đề là: Chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch; Giải quyết vốn đầu tư cho phát triển du lịch; Cải cách thủ tục hành chính để phát triển du lịch; Xã hội hoá một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch.

- Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương về hoàn thiện một số chính sách, tạo cơ chế nhằm giúp cho Lâm Đồng có điều kiện phát triển du lịch.

KẾT LUẬN

Trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động; trong giai đoạn tới lại tiếp tục có những biến động, những thay đổi đó vừa là cơ hội vừa là thách thức cho nền kinh tế Việt

Nam nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Quan hệ và hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng được mở rộng, nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên WTO càng khẳng định vai trò, vị trí của nước ta trên trường quốc tế. Đặc điểm của nước ta là duy trì nền kinh tế kế hoạch hóa theo cơ chế quan liêu bao cấp quá lâu, nền kinh tế mở cửa được Đảng ta khởi xướng tuy đã hơn 20 năm, nhưng thực sự nền kinh tế thị trường của chúng ta cũng chỉ mới ở bước đầu. Để thực sự bước vào sân chơi lớn, chúng ta phải biết rõ đâu là thuận lợi, đâu là khó khăn cần phải đối mặt, có như vậy thì mới khắc phục được những nhược điểm, hạn chế do cơ chế cũ để lại mà trong đó đặc biệt là quan điểm, nhận thức, tư duy, trình độ quản lý theo cơ chế thị trường còn nhiều hạn chế, hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ, ... đây chính là những vấn đề mà công tác QLNN phải trân trọng tìm ra hướng đi phù hợp cho nền kinh tế của đất nước.

Đối với tỉnh Lâm Đồng là một tỉnh miền núi, xa các trung tâm lớn, hệ thống vận tải chủ yếu là bằng đường bộ, điểm xuất phát thấp. Do vậy để nền kinh tế phát triển được trước hết phải chọn được hướng đi đúng và tổ chức thực hiện bằng được theo hướng đã chọn. Du lịch tỉnh Lâm Đồng đã được chọn là ngành kinh tế động lực và đã có nhiều giải pháp để thực hiện, nhưng để cho du lịch thực sự là ngành kinh tế động lực thì còn nhiều vấn đề mà công tác QLNN cần phải làm. Nhiệm vụ của tác giả luận án là nghiên cứu tìm ra được những giải pháp thích hợp.

* Luận án đã nghiên cứu những nội dung sau:

Chương 1, luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận QLNN về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh. Chương này có 3 nội dung cơ bản mà tác giả tập trung đề cập, đó là:

- Du lịch, thị trường du lịch và phát triển du lịch: Du lịch là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp đa ngành và đã xuất hiện lâu đời ở nhiều nước trên thế giới; nhưng trong thực tế các khái niệm, định nghĩa về du lịch là khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu các khái niệm, định nghĩa về du lịch từ trước đến nay và thực tiễn của du lịch Việt Nam; tác giả luận án cho rằng định nghĩa về du lịch của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) là phù hợp và mang tính tổng quát cao của hoạt động du lịch. Thị trường du lịch là một bộ phận của thị trường

chung, do vậy thị trường du lịch cũng thực hiện đầy đủ quy luật các quy luật về cung - cầu, cạnh tranh...

- QLNN về du lịch trên địa bàn, tỉnh thành phố: QLNN về du lịch không thoát ly khỏi QLNN về kinh tế nói chung, vì du lịch cũng là một ngành kinh tế như bao ngành kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân. Do đó luận án nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý thuyết của QLNN về kinh tế, QLNN về kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN; từ đó tập trung nghiên cứu QLNN về phát triển kinh tế địa phương để làm cơ sở cho việc nghiên cứu những nội dung QLNN về du lịch ở tỉnh, thành phố.

- Kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực của một số tỉnh, thành phố như tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hoà, tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Trong khuôn khổ luận án, tác giả nghiên cứu kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực như: Định hướng phát triển ngành du lịch ở địa phương; Tạo lập khuôn khổ pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch ở địa phương; Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động ngành du lịch ở địa phương.

Chương 2, tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng về QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 2001-2007. Cụ thể những nội dung đã giải quyết đó là:

- Giới thiệu khái quát về môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan đến QLNN về du lịch và phát triển ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng.

- Phân tích thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung các nội dung: Phân tích thực trạng QLNN về định hướng phát triển du lịch; Tạo lập môi trường pháp luật thuận lợi cho sự phát triển của ngành du lịch; Tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch.

- Đánh giá chung thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong đó nêu lên những kết quả đạt được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân của những hạn chế.

Chương 3, nêu rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương hướng hoàn thiện QLNN và biện pháp chủ yếu để phát triển du lịch Lâm Đồng. Cụ thể đã giải quyết những nội dung sau:

- Dự báo phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến

năm 2010 bao gồm: định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020; dự báo phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020.

- Phương hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới, trong đó tập trung giải quyết 3 vấn đề cơ bản: Quan tâm xây dựng chiến lược cho phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Hướng hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật; Tổ chức điều hành phát triển du lịch.

- Biện pháp bảo đảm thực hiện phương hướng hoàn thiện QLNN về du lịch trên tỉnh Lâm Đồng. Trong nội dung này tác giả tập trung vào 4 vấn đề là: Chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch; Khai thác nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch; Cải cách thủ tục hành chính để phát triển du lịch; Xã hội hoá một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch.

- Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương về hoàn thiện một số chính sách, tạo cơ chế nhằm giúp cho Lâm Đồng có điều kiện phát triển du lịch.

* Luận án đã góp phần giải quyết các vấn đề sau:

- Hệ thống hoá lý luận du lịch, thị trường du lịch và phát triển du lịch địa phương. Trên cơ sở hệ thống lý thuyết QLNN về kinh tế và QLNN về phát triển kinh tế địa phương, nghiên cứu hệ thống nội dung QLNN về du lịch ở cấp tỉnh.

- Trên cơ sở tình hình thực tế, số liệu, kết quả thực hiện của ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng. Tác giả đã tổng hợp, phân tích, đánh giá đúng tình hình thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 2001-2007.

- Dự báo một số chỉ tiêu phát triển chủ yếu về phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020. Trên cơ sở thực trạng và yêu cầu phát triển của ngành du lịch trong thời gian tới; đề ra phương hướng, biện pháp hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới. Trong đó tập trung chủ yếu vào những nội dung QLNN về du lịch mà tỉnh Lâm Đồng còn nhiều hạn chế, tồn tại trong thời gian qua.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Tấn Vinh, Du lịch Lâm Đồng Thực trạng và giải pháp phát triển, Tạp chí *Kinh tế và Dự báo*, số 372 tháng 4/2004, tr 33-34.
2. Nguyễn Tấn Vinh, Giải pháp phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Lâm Đồng, Tạp chí *Kinh tế và Phát triển*, số 107 tháng 5/2006, tr 28-30.
3. Nguyễn Tấn Vinh, Giải pháp khai thác nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng, Tạp chí *Kinh tế và Dự báo*, số 415 tháng 11/2007, tr 45-46 và 24.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Vũ Đình Bách, Ngô Đình Giao (1996), *Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế - bảo đảm sự tăng trưởng kinh tế bền vững*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo Tây Nguyên (2006), *Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010*.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2006), *Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO*, Nhiều tác giả, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Mai Văn Bru, Đoàn Thị Thu Hà (1999), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế* (tái bản), Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. Mai Văn Bru, Phan Kim Chiến (2001), *Quản lý Nhà nước về kinh tế*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. Michael M. Coltman (1991), *Tiếp thị du lịch*, nhóm dịch giả: Lê Anh Minh, Huỳnh Văn Thanh, Trần Đình Hải, Lý Việt Dũng, Trương Cung Nghĩa, CMIE group, INC và Trung tâm dịch vụ đầu tư và ứng dụng khoa học kinh tế, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
8. Cục Thống kê Lâm Đồng (2000), *Niên giám Thống kê Lâm Đồng 1995-1999*, Lâm Đồng.
9. Cục Thống kê Lâm Đồng (2001-2007), *Niên giám Thống kê Lâm Đồng 2000-2006*, Lâm Đồng.
10. Chính phủ (2006), *Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 22/9/2006, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2007), *Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 01/6/2007, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch*, Hà Nội.
12. Trịnh Xuân Dũng (1989), *Một số vấn đề về tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam*, Luận án PTS Khoa học kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
13. Dự án quốc gia VIE/95/050 (1999), *Quy hoạch chiến lược hợp nhất và kế hoạch đầu tư đa ngành*.

14. Dự án quốc gia VIE97/016 (2001), *Các vấn đề pháp lý và thể chế về chính sách cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh*.
15. Trần Minh Đạo (chủ biên) (2006), *Giáo trình Marketing căn bản* (tái bản lần 1), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết TW 3 khóa IX, Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 14-NQ/TW ngày 18/3/2002, Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 18/3/2002, Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010*.
21. Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001-2005)*, Lâm Đồng.
22. Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005-2010)*, Lâm Đồng.
23. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (chủ biên) (2004), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
24. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (1995), *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.
25. Nguyễn Hồng Giáp (2002), *Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
26. Đỗ Thanh Hoa (2006), *Nghiên cứu đề xuất đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch Việt Nam tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm*, Đề tài cấp Bộ (Tổng cục Du lịch).
27. Lưu Bích Hồ (2001), "Một số vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010)", Tạp chí *Cộng sản*, (8), Hà Nội.
28. Hoàng Văn Hoan (2002), *Hoàn thiện QLNN về lao động trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

29. Nguyễn Khoa Khôi, Đồng Thị Thanh Phương (2007), *Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
30. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội.
31. Robert Lanque (1993), *Kinh tế học du lịch*, người dịch Phạm Ngọc Uyển và Bùi Ngọc Chương, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
32. Trần Văn Mậu (2001), *Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
33. Đồng Ngọc Minh, Vương Đình Lôi (chủ biên) (2000), *Kinh tế Du lịch và Du lịch học*, Nguyễn Xuân Quý dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
34. Trần Nhạn (1996), *Du lịch và Kinh doanh du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
35. Michael. E. Porter (1996), *Chiến lược cạnh tranh*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.
36. Quốc hội (2003), *Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2005), *Luật Du lịch số 44/2005/QH11*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2005), *Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005*, Hà Nội.
39. Quốc hội (2005), *Luật Đầu tư ngày 29/11/2005*, Hà Nội.
40. Bùi Tiến Quý (2000), *Phát triển và quản lý nhà nước về kinh tế dịch vụ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
41. Lương Xuân Quý (2006), *Quản lý Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Trần Đức Thanh (1999), *Nhập môn Khoa học du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
43. Nguyễn Hữu Thọ (2007), *Công tác đào tạo tại chỗ*, Bài tham luận tại Hội nghị do Hiệp hội Du lịch Việt Nam tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

44. Nguyễn Hữu Thọ (2007), *Đào tạo nguồn nhân lực và áp dụng các quy trình quản lý góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch*, Bài tham luận tại hội thảo Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để tăng sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế tổ chức tại Hà Nội.
45. Nguyễn Hữu Thọ (2007), *Saigontourist Hội nhập WTO*, Bài trả lời phỏng vấn Đài Truyền hình Việt Nam.
46. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2002), *Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 13/5/2002 về chương trình hành động thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ III Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*.
47. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2001), *Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 20/11/2001 về phát triển kinh tế du lịch thời kỳ 2001 - 2005 và định hướng đến năm 2010*.
48. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2002), *Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 11/4/2002 về một số chính sách, cơ chế thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Lâm Đồng*.
49. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2006), *Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 21/9/2006 về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ du lịch giai đoạn 2006 - 2010*.
50. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2006), *Nghị quyết số 07-NQ/TU về đổi mới môi trường đầu tư để thu hút đầu tư giai đoạn 2006 - 2010 của tỉnh Lâm Đồng*.
51. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001, Định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001-2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên*.
52. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định số 97/2002/QĐ-TTg ngày 22/7/2002, phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam 2001 - 2010*.
53. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định 194/2005/QĐ-TTg ngày 01/8/2005, Phê duyệt Đề án phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch miền Trung - Tây Nguyên*.
54. Đỗ Hoàn Toàn, Mai Văn Bru (2001), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội*.

55. Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Tuấn Cảnh, Lê Thông, Phạm Xuân Hậu, Nguyễn Kim Hồng (1999), *Địa lý du lịch*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
56. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1999), *Pháp lệnh Du lịch ngày 08/02/1999*, Hà Nội.
57. UBND tỉnh Lâm Đồng (2002), *Chỉ thị số 10/2002/CT-UB ngày 16/5/2002, Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý*.
58. UBND tỉnh Lâm Đồng (1996), *Quyết định số 762/QĐ-UB ngày 11/7/1996, Phê duyệt đề án tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1996 - 2010*.
59. UBND tỉnh Lâm Đồng (2000), *Quyết định số 209/2000/QĐ-UB ngày 14/02/2000, Ban hành quy định tạm thời về trợ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức đi học*.
60. UBND tỉnh Lâm Đồng (2005), *Quyết định số 93/2005/QĐ-UB ngày 5/5/2005, Ban hành quy chế quản lý rừng phòng hộ môi trường cảnh quan thành phố Đà Lạt*.
61. UBND tỉnh Lâm Đồng (2005), *Quyết định số 814/QĐ-UB ngày 13/4/2005, Phê duyệt đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020*.
62. UBND tỉnh Lâm Đồng (2005), *Quyết định số 107/2005/QĐ-UB ngày 18/5/2005, Ban hành Quy định về thủ tục hành chính và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại UBND tỉnh Lâm Đồng*.
63. UBND tỉnh Lâm Đồng (2005), *Quyết định số 133/2005/QĐ-UB ngày 04/7/2005, Ban hành Đề án đổi mới quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010*.
64. UBND tỉnh Lâm Đồng (2005), *Quyết định số 209/2005/QĐ-UB, Ban hành Quy định về cơ chế chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*.
65. UBND tỉnh Lâm Đồng (2000-2007), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm*.
66. Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch (2005), *Dự thảo điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1996-2004 và định hướng đến năm 2020*.
67. Nguyễn Tấn Vinh (2004), "Du lịch Lâm Đồng: Thực trạng và giải pháp phát triển", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (372), trang 33-34.

68. Nguyễn Tấn Vinh (2006), "Giải pháp phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Lâm Đồng", Tạp chí *Kinh tế và Phát triển*, (107), trang 28-30.
69. Nguyễn Tấn Vinh (2007), "Giải pháp khai thác nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng", Tạp chí *Kinh tế và Dự báo*, (415), trang 45-46 và 24.
70. Ngô Doãn Vịnh (2002), *Bàn về phát triển kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Trần Quốc Vượng (1995), "Du lịch là gì? Nhất thiết phải có và đang có ngành du lịch học", Tạp chí *Việt Nam và Đông Nam Á ngày nay*, (8), trang 36.

B. TIẾNG NƯỚC NGOÀI

1. Robert W. McIntosh, Charles R. Goelder, JB. Brent Ritchie (1995), *Tourism, Principles, Practices, Philosophies*, Seventh Edition, John Wiley. New York.
2. Philip Kotler (1997), *The Marketing of National*.
3. David P. Norton (2004), *Strategy Maps*.

C. TRANG WEB

1. Ngô Minh Chính (2006), *Tổng quan về Du lịch Bình Thuận*,
<http://binhthuantourism.com.vn>.
2. Ngô Minh Chính (2006), *Phát triển Du lịch Bình Thuận tiềm năng và triển vọng*,
<http://binhthuantourism@yahoo.com>
3. Phải tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch địa phương (2006), Báo Bình Thuận. <http://binhthuantourism@yahoo.com>

DANH MỤC PHỤ LỤC

- Phụ lục 1* Danh mục khách sạn được xếp hạng 1-5 sao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 2* Danh sách các khu, điểm du lịch đang khai thác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 3* Danh mục khu, điểm có tiềm năng du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 4* Danh mục các dự án đầu tư du lịch-dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 5* Một số chỉ tiêu tổng hợp về kinh tế-xã hội tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 6* Cơ cấu sử dụng đất thời kỳ 1990-2005 của tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 7* Tổng hợp các yếu tố khí hậu nhiệt độ và lượng mưa
- Phụ lục 8* Trữ lượng rừng tỉnh Lâm Đồng
- Phụ lục 9* Các khái niệm liên quan đến du lịch

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC KHÁCH SẠN ĐƯỢC XẾP HẠNG 1-5 SAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Đến tháng 12/2007)

TT	Tên khách sạn	địa chỉ	Số phòng	Số giường	Hạng	Năm xếp hạng
1	PALACE	12 Trần Phú, Đà Lạt	43	50	5*	1997
2	NOVOTEL	07 Trần Phú, Đà Lạt	140	212	4*	1999
3	Golf III	04 Nguyễn Thị Minh Khai, Đà Lạt	78	174	4*	2005
4	Hoàng Anh Đà Lạt	02 Nguyễn Du, Đà Lạt	122	210	4*	2007
5	Blue Moon	04 Phan Bội Châu, Đà Lạt	86	145	4*	
6	Ana Mandara Villas	Lê Lai, Đà Lạt	60	100	4*	
7	Ngọc Lan	42 Nguyễn Chí Thanh	96	154	4*	
8	Sammy	01 Lê Hồng Phong, Đà Lạt	105	187	4*	
9	Sài Gòn - Đà Lạt	83 đường 3/2, Đà Lạt	114	205	4*	
10	Vietsoyptero	07 Hùng Vương, Đà Lạt	72	121	3*	2007
11	Cẩm Đô	84 Phan Đình Phùng, Đà Lạt	54	104	3*	2005
12	GOLF I	11 Đinh Tiên Hoàng, Đà Lạt	40	72	2*	2007
13	GOLF II	114 Đường 3/2, Đà Lạt	37	69	2*	2007
14	Anh Đào	50-52 Khu Hòa Bình, Đà Lạt	27	44	2*	1995
15	Thị Thảo	29 B Phan Bội Châu, Đà Lạt	33	58	2*	2007
16	Bích Châu	44/8 Hai Bà Trưng, Đà Lạt	23	32	2*	2007
17	Duy Tân	83 Đường 3/2, Đà Lạt	31	54	2*	1995
18	Dulich Bảo Lộc	795 Trần Phú, Bảo Lộc	15	27	2*	2007
19	Hàng Không	40 Hồ Tùng Mậu, Đà Lạt	37	77	2*	2007
20	Hải Sơn	01 Nguyễn Thị Minh Khai, Đà Lạt	55	108	2*	1996
21	Hương Trà	07 Nguyễn Thái Học, Đà Lạt	22	40	2*	2004
22	HP	05 Lê Hồng Phong, Đà Lạt	25	35	2*	2001
23	Trầm Hương	84 Nguyễn Văn Trỗi, Đà Lạt	21	41	2*	2005
24	Minh Tâm	29A Khe Xanh, Đà Lạt	20	44	2*	2007
25	Đại Lợi	3A Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	39	67	2*	2001
26	LaVy	3B Lữ Gia, Đà Lạt	37	76	2*	1995
27	Seri Bank	05 Đường 28/3, Bảo Lộc	55	100	2*	1997
28	KDL Đamb'ri	46-48 Lê Thị Pha, Bảo Lộc	10	20	2*	2001
29	Trung Cang	4A Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	27	45	2*	2003
30	PX	71 Trương Công Định, Đà Lạt	29	53	2*	2005
31	Cụm biệt thự Nguyễn Viết Xuân	02 Nguyễn Viết Xuân, Đà Lạt	38	65	2*	2006
32	Thảo My	29 Hai Bà Trưng, Đà Lạt	24	42	2*	2004
33	Ánh Dương	4 Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	32	69	2*	2007
34	Red Sun	14C Hà Huy Tập, Đà Lạt	35	45	2*	2007
35	Hoa Tulip	26 đường 3/2, Đà Lạt	20	24	2*	2007
36	Thúy Trân	4F Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	20	40	2*	2007
37	Đêm Vàng	6/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Đà Lạt	20	40	2*	2007
38	Hùng Phong	14H Hà Huy Tập, Đà Lạt	45	85	2*	2007
39	Du lịch Công đoàn	01 Yersin, Đà Lạt	45	90	2*	2007
40	Đồng Nai	A17-A18 Phù Đổng Thiên Vương, ĐL	30	55	2*	2007
41	Á Đông	83 Nguyễn Văn Trỗi, Đà Lạt	44	80	1*	1998
42	Bình Yên	7/8 Hải Thượng, Đà Lạt	10	21	1*	2003
43	Bông Hồng	73 Đường 3/2, Đà Lạt	35	70	1*	2002

44	Châu Âu	76 Nguyễn Chí Thanh, Đà Lạt	15	27	1*	1998
45	Duy Phương	03 Bà Triệu, Đà Lạt	17	22	1*	2004
46	Hải Duyên	Lô B4 Đường 3/2, Đà Lạt	18	32	1*	2005
47	Hải Trân	8 Hà Huy Tập, Đà Lạt	28	54	1*	2004
48	Hồng Vân	45B Đinh Tiên Hoàng, Đà Lạt	30	64	1*	1995
49	Hoàng Uyên	Lô B5 B6 Đường 3/2, Đà Lạt	24	50	1*	2005
50	Hương Dương 1	Lô B1 Hải Thượng, Đà Lạt	14	26	1*	2002
51	Hương Dương 2	Lô A6-7 Hải Thượng, Đà Lạt	40	72	1*	2002
52	Khải Hòa	611 Liên Nghĩa, Đức Trọng	28	53	1*	2002
53	Lâm Sơn	5 Hải Thượng, Đà Lạt	15	30	1*	2001
54	Lý La	18A Nguyễn Chí Thanh, Đà Lạt	12	20	1*	1998
55	Mái Nhà Hồng	7/8 Hải Thượng, Đà Lạt	20	46	1*	2002
56	Minh Nhung	04 Phạm Ngũ Lão, Bảo Lộc	12	24	1*	2007
57	Minh Yên	62 B Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	27	42	1*	2004
58	N/hàng Nhà nước	3 Bà Triệu, Đà Lạt	31	60	1*	1996
59	Nguyên Vũ	482 QL 20, Đức Trọng	12	18	1*	2004
60	Đại Dương	130 Phan Đình Phùng, Đà Lạt	23	40	1*	2003
61	Đài Liên	B9 Đường 3/2, Đà Lạt	16	23	1*	2006
62	Phước Đức	04 Khu Hòa Bình, Đà Lạt	42	88	1*	1998
63	SaLa	4 Hoàng Diệu, Đà Lạt	18	36	1*	2005
64	Tân Thanh	17 Lê Đại Hành, Đà Lạt	45	75	1*	2003
65	Thanh Thế	118 Phan Đình Phùng, Đà Lạt	25	47	1*	2001
66	Thành An	5 Hà Huy Tập, Đà Lạt	12	34	1*	2000
67	Tri Kỳ II	1C Hà Huy Tập, Đà Lạt	28	48	1*	2005
68	Thanh Bình	12 Nguyễn Thị Minh Khai	34	60	1*	2000
69	Thuận Lâm	20 Nguyễn Du, Đà Lạt	25	22	1*	2007
70	Hồng Lan	07 Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	22	48	1*	2007
71	Mai Anh	2B1 Lê Thánh Tôn, Đà Lạt	18	23	1*	2007
72	An Thủy	5I Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	33	61	1*	2007
73	Mỹ Cảnh Thành	129 QL 20, Liên Nghĩa, Đức Trọng	10	20	1*	2007
74	Đường Sắt	01 Quang Trung, Đà Lạt	25	45	1*	2007
75	Lan Hương Cát	27 Hùng Vương, Đà Lạt	15	19	1*	2007
76	Hồng Hải	4X Bùi Thị Xuân, Đà Lạt	21	38	1*	2007
77	Bảo Ngọc	5B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Đà Lạt	25	48	1*	2007
78	Anh Khoa	5E La Sơn Phu Tử, Đà Lạt	25	44	1*	2007
	Tổng cộng		2.756	4.929		

Nguồn: Sở Du lịch và Thương mại Lâm Đồng

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH ĐANG KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

TT	TÊN ĐIỂM KHAI THÁC DU LỊCH	địa điểm	GHI CHÚ
1	Khu du lịch thác Đatanla	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
2	Khu du lịch hồ Tuyền Lâm	Phường 3 - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
3	Khu du lịch thác Prenn	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
4	Điểm tham quan biệt thự Hằng Nga	Huỳnh Thúc Kháng - TP Đà Lạt	
5	Điểm tham quan vườn hoa Minh Tâm	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
6	Làng dân tộc Đạrahua	Núi Voi - TP Đà Lạt	
7	Khu du lịch Đồi Mộng Mơ (hồ Rồng)	Mai anh Đào - TP Đà Lạt	
8	Khu du lịch Thung lũng Tình yêu	Mai anh Đào - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
9	Phân viện Sinh học	Xô Viết Nghệ Tĩnh - TP Đà Lạt	
10	Khu di tích Dinh III	Triệu Việt Vương - TP Đà Lạt	
11	Cụm du lịch, vui chơi giải trí Cáp treo	Đông Đa - TP Đà Lạt	
12	Khu du lịch Thác Hang Cọp	Xã Xuân Thọ - TP Đà Lạt	
13	Vườn sinh thái Lan Ngọc	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	
14	Khu du lịch hồ Than Thở	Hồ Xuân Hương - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
15	Khu du lịch thác Cam Ly	Hoàng Văn Thụ - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
16	Khu di tích lăng Nguyễn Hữu Hào	Hoàng Văn Thụ - TP Đà Lạt	
17	Khu vui chơi giải trí Đà Lạt	Nguyễn Thái Học - TP Đà Lạt	
18	Công viên hoa Đà Lạt	Bà Huyện Thanh Quan - TP Đà Lạt	
19	Chùa Tàu (Chùa Thiên Vương Cổ Sát)	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
20	Chùa sư nữ Linh Phong	Hoàng Hoa Thám - TP Đà Lạt	
21	Khu danh lam thắng cảnh hồ Xuân Hương	Phường 1 - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
22	Nhà nghỉ du lịch Công đoàn	Yersin - TP Đà Lạt	
23	Cung Thiếu Nhi	Trần Phú - TP Đà Lạt	
24	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	Yersin - TP Đà Lạt	Di tích kiến trúc
25	Nhà thờ Chánh Tòa (nhà thờ con Gà)	Trần Phú - TP Đà Lạt	
26	Nhà thờ Mai Anh (Domaine de Marie)	Ngô Quyền - TP Đà Lạt	
27	Khách sạn PALACE	Trần Phú - TP Đà Lạt	
28	Chùa Linh Sơn	Nguyễn Văn Trỗi - TP Đà Lạt	
29	Nhà thờ Đức Bà Lâm Viên	Huyện Trần Công Chứa - Đà Lạt	
30	Chùa Minh nguyệt	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
31	Chùa Linh Phước	Tự Phước - TP Đà Lạt	
32	Sân golf Đà Lạt Palace (đồi Cù)	Trần Nhân Tông - TP Đà Lạt	
33	Khu nghỉ mát Anna Mandara villas Đà Lạt	Lê Lai - TP Đà Lạt	
34	Ga xe lửa Đà Lạt	Nguyễn Trãi - TP Đà Lạt	Di tích kiến trúc
35	Bảo tàng Lâm Đồng	Hùng Vương - TP Đà Lạt	
36	Chợ Đà Lạt	Nguyễn Thị Minh Khai - TP Đà Lạt	
37	Nhà thờ Cam Ly	Cam Ly - TP Đà Lạt	
38	Công viên Yersin	Yersin - TP Đà Lạt	
39	Khu biệt thự Hoàng Anh - Gia Lai	Nguyễn Du - TP Đà Lạt	
40	Khu du lịch Langbiang	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	Di tích DLTC
41	Khu du lịch thác Bảo Đại - Tàhine	Xã Tàhine - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
42	Khu du lịch thác Gougah	Xã Phú Hội - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
43	Khu du lịch thác Pongour	Xã Tân Thành - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
44	Làng Gà K'Long	Xã Hiệp An - Huyện Đức Trọng	
45	Làng chùa Đại Ninh	Xã Ninh Gia - Huyện Đức Trọng	
46	Khu du lịch thác Đamb'ri	Xã Đambri - Thị xã Bảo Lộc	
47	Khu du lịch Thác Bobla	Xã Liên Đàm - Huyện Di Linh	
48	Vườn Quốc gia Cát Tiên (Việt Nam đang	Huyện Cát Tiên - tỉnh Lâm Đồng và	

	đề nghị UNESCO công nhận Di sản thiên nhiên thế giới)	một phần thuộc tỉnh Đồng Nai	
49	Khu di chỉ khảo cổ Cát Tiên và di tích CM	Huyện Cát Tiên	Di tích khảo cổ
50	Khu du lịch Rừng Mađaguôi	Thị trấn Mađaguôi - Đạ Huoai	

Nguồn: Sở Du lịch và Thương mại Lâm Đồng

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC KHU, ĐIỂM CÓ TIỀM NĂNG DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

STT	TÊN ĐIỂM KHAI THÁC DU LỊCH	ĐỊA ĐIỂM	GHI CHÚ
1	Khu du lịch thác Đatanla	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
2	Khu du lịch hồ Tuyền Lâm	Phường 3 - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
3	Khu du lịch thác Prenn	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
4	Điểm tham quan biệt thự Hằng Nga	Huỳnh Thúc Kháng - TP Đà Lạt	
5	Công viên Bà Huyện Thanh Quan	Bà Huyện Thanh Quan - TP Đà Lạt	
6	Điểm tham quan vườn hoa Minh Tâm	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
7	Làng dân tộc Đaraha	Núi Voi - TP Đà Lạt	
8	Khu du lịch Đồi Mộng Mơ (hồ Rồng)	Mai anh Đào - TP Đà Lạt	
9	Khu du lịch Thung lũng Tình yêu	Mai anh Đào - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
10	Phân viện Sinh học	Xô Viết Nghệ Tĩnh - TP Đà Lạt	
11	Điểm du lịch sinh thái Vạn Thành	Vạn Thành - TP Đà Lạt	
12	Khu di tích Dinh III	Triệu Việt Vương - TP Đà Lạt	
13	Cụm du lịch, vui chơi giải trí Cáp treo	Đông Đa - TP Đà Lạt	
14	Khu du lịch Thác Hang Cọp	Xã Xuân Thọ - TP Đà Lạt	
15	Vườn sinh thái Lan Ngọc	Đèo Prenn - TP Đà Lạt	
16	Khu du lịch hồ Than Thờ	Hồ Xuân Hương - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
17	Khu du lịch đồi Thống Nhất	Mai anh Đào - TP Đà Lạt	
18	Khu du lịch thác Cam Ly	Hoàng Văn Thụ - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
19	Khu di tích lăng Nguyễn Hữu Hào	Hoàng Văn Thụ - TP Đà Lạt	
20	Cụm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Mimosza	Mimosa - TP Đà Lạt	
21	Khu du lịch nghỉ dưỡng Nam Hồ	Hùng Vương - TP Đà Lạt	
22	Điểm du lịch sinh thái Hồ Tiên	Xã Xuân Trường - TP Đà Lạt	
23	Khu vui chơi giải trí Đà Lạt	Nguyễn Thái Học - TP Đà Lạt	
24	Công viên hoa Đà Lạt	Bà Huyện Thanh Quan - TP Đà Lạt	
25	Khu du lịch Thung Lũng Hồng	Khởi Nghĩa Bắc Sơn - TP Đà Lạt	
26	Chùa Tàu (Chùa Thiên Vương Cổ Sát)	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
27	Dinh I	Trần Quang Diệu - TP Đà Lạt	
28	Hồ Chiến Thắng	Vòng Lâm Viên - TP Đà Lạt	
29	Chùa sư nữ Linh Phong	Hoàng Hoa Thám - TP Đà Lạt	
30	Hồ Tà Nung	Xã Tà Nung - TP Đà Lạt	
31	Khu danh lam thắng cảnh hồ Xuân Hương	Phường 1 - TP Đà Lạt	Di tích DLTC
32	Nhà nghỉ du lịch Công đoàn	Yersin - TP Đà Lạt	
33	Cung Thiếu Nhi	Trần Phú - TP Đà Lạt	
34	Thác Bông Giang	Xã Tà Nung - TP Đà Lạt	
35	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	Yersin - TP Đà Lạt	Di tích kiến trúc
36	Nhà thờ Chánh Tòa (nhà thờ con Gà)	Trần Phú - TP Đà Lạt	
37	Nhà Thờ Mai Anh (Domaine de Marie)	Ngô Quyền - TP Đà Lạt	
38	Khách sạn PALACE	Trần Phú - TP Đà Lạt	
39	Chùa Linh Sơn	Nguyễn Văn Trỗi - TP Đà Lạt	
40	Thác Phụng Sơn	Xã Tà Nung - TP Đà Lạt	
41	Nhà thờ Đức Bà Lâm Viên	Huyền Trân Công Chúa - Đà Lạt	
42	Chùa Minh nguyệt	Khe Sanh - TP Đà Lạt	
43	Dinh II	Trần Hưng Đạo - TP Đà Lạt	
44	Chùa Linh Phước	Tự Phước - TP Đà Lạt	
45	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Pensée	Đường 3 tháng 4 - TP Đà Lạt	
46	Hồ Thủy điện Cam Ly	Vạn Thành - TP Đà Lạt	
47	Sân golf Đà Lạt Palace (đồi Cù)	Trần Nhân Tông - TP Đà Lạt	
48	Khu du lịch thác Vọng	Xã Tà Nung - TP Đà Lạt	
49	Khu nghỉ mát Anna Mandara villas Đà Lạt	Lê Lai - TP Đà Lạt	

50	Cụm du lịch sinh thái đèo D'ran	Đèo Đran - TP Đà Lạt	
51	Ga xe lửa Đà Lạt	Nguyễn Trãi - TP Đà Lạt	Di tích kiến trúc
52	Bảo tàng Lâm Đồng	Hùng Vương - TP Đà Lạt	
53	Chợ Đà Lạt	Nguyễn Thị Minh Khai - TP Đà Lạt	
54	Trường Đại học Đà Lạt	Phù Đổng Thiên Vương - Đà Lạt	
55	Nhà thờ Cam Ly	Cam Ly - TP Đà Lạt	
56	Công viên Yersin	Yersin - TP Đà Lạt	
57	Nhà máy chè, đồi chè Cầu Đất	Xã Xuân Trường - TP Đà Lạt	
58	Khu du lịch sinh thái Thiên Thanh	Phường 7 - TP Đà Lạt	
59	Khu du lịch Cam Ly - Măng Lìng	Phường 7 - TP Đà Lạt	
60	Khu biệt thự Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo - TP Đà Lạt	
61	Khu biệt thự Hoàng Anh - Gia Lai	Nguyễn Du - TP Đà Lạt	
62	Khu biệt thự Cô Giang	Cô Giang - TP Đà Lạt	
63	Thác 7 tầng Đất Làng (Cầu Đất)	Xã Xuân Trường - TP Đà Lạt	
64	Thác 7 tầng Darsar	Xã Đa Sar - Huyện Lạc Dương	
65	Buôn văn hoá dân tộc K'ho	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	
66	Cụm du lịch hồ thủy điện Đa Nhim Thượng	Xã Đa Sar - Huyện Lạc Dương	
67	Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà	Huyện Lạc Dương	
68	Khu du lịch Langbiang	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	Di tích DLTC
69	Khu du lịch quốc gia Đankia - Suối Vàng	Huyện Lạc Dương	
70	Cụm du lịch hồ thủy điện Đa Khai	Huyện Lạc Dương	
71	Cụm du lịch sinh thái hồ thủy điện Đa Dâng, Đa Cho Mo	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	
72	Thác 9 tầng	Xã Đưng k'nó - Huyện Lạc Dương	
73	Buôn Bnơ C	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	
74	Khu văn hóa lễ hội Đền Hùng	Xã Lát - Huyện Lạc Dương	
75	Cụm du lịch hồ thủy điện Đong Trang	Xã Đưng k'nó - Huyện Lạc Dương	
76	Cụm du lịch thủy điện Đồng Nai Thượng	Xã Đưng k'nó - Huyện Lạc Dương	
77	Hồ Đa Nhim	Thị trấn Đran - Huyện Đơn Dương	
78	Thác Thiên Thai & rừng cảnh quan đèo Ngoạn Mục	Thị trấn Đran - Huyện Đơn Dương	
79	Hồ Đa Ròn	Xã Đa Ròn - Huyện Đơn Dương	
80	Làng dân tộc Próch (dân tộc Chu ru)	Xã Próch - Huyện Đơn Dương	
81	Thác Đa Me	Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng	
82	Hồ Nam Sơn	Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng	
83	Khu du lịch thác Bảo Đại - Tàhine	Xã Tàhin - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
84	Khu du lịch thác Gougah	Xã Phú Hội - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
85	Mỏ nước khoáng nóng Préh	Xã Phú Hội - Huyện Đức Trọng	
86	Khu du lịch thác Pongour	Xã Tân Thành - Huyện Đức Trọng	Di tích DLTC
87	Làng Gà K'Long	Xã Hiệp An - Huyện Đức Trọng	
88	Hồ thủy điện Đại Ninh	Huyện Đức Trọng	
89	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Daplo	Xã Hiệp An - Huyện Đức Trọng	
90	Thác Liên Khương	Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng	Di tích DLTC
91	Làng chùa Đại Ninh	Xã Ninh Gia - Huyện Đức Trọng	
92	Du lịch sinh thái Núi Voi, rừng Gia Lâm	Xã Hiệp An - Huyện Đức Trọng	
93	Hồ Lê Thứ	Xã Hiệp An - Huyện Đức Trọng	
94	Khu du lịch thác Đamb'ri	Xã Đambri - Thị xã Bảo Lộc	
95	Khu du lịch hồ Nam Phương 1 và 2	Thị xã Bảo Lộc	
96	Cụm du lịch thác 7 tầng Bảo Lộc	Thị xã Bảo Lộc	
97	Cụm du lịch sinh thái rừng đèo Bảo Lộc	Thị xã Bảo Lộc	
98	Suối Đá Bàn	Phường Blao - Thị xã Bảo Lộc	
99	Hồ Đồng Nai	Thị xã Bảo Lộc	
100	Thác 7 tầng Tà Ngào	Huyện Bảo Lâm	
101	Hồ Tân Rai - Lộc Thắng	Thị trấn Lộc Thắng - Bảo Lâm	
102	Khu DLST, di tích cách mạng Lộc Bắc	Xã Lộc Bảo - Huyện Bảo Lâm	
103	Thác 3 cầu, khu vườn hộ Lộc Phú	Xã Lộc Phú - Huyện Bảo Lâm	

104	Đồi cù Lộc Tân	Xã Lộc Tân - Huyện Bảo Lâm	
105	KDL sinh thái rừng Lộc Lâm	Xã Lộc Lâm - Huyện Bảo Lâm	
106	Suối khoáng nóng 1	Xã Đa Long - Huyện Đam Rông	
107	Suối khoáng nóng 2	Xã Đa Long - Huyện Đam Rông	
108	Suối nước Mát (Suối Bướm)	Xã Rô Men - Huyện Đam Rông	
109	Rừng Bằng Lăng	Xã Rô Men - Huyện Đam Rông	
110	Thác Phi Liêng	Xã Phi Liêng - Huyện Đam Rông	
111	Thác Tình Tang	Xã Đa Tông - Huyện Đam Rông	
112	Khu du lịch Thác Voi	Thị trấn Nam Ban - Huyện Lâm Hà	Di tích DLTC
113	Khu du lịch sinh thái thác Bò Giăng	Thị trấn Nam Ban - Huyện Lâm Hà	
114	Hồ thủy điện, thủy lợi Đa Cho Mo 1	Xã Phi Tô - Huyện Lâm Hà	
115	Hồ thủy điện, thủy lợi Đa Dâng	Xã Tân Văn - Huyện Lâm Hà	
116	Thác 7 tầng	Xã Đông Anh - Huyện Lâm Hà	
117	Thác Liêng Trê Nha	Xã Tân Thanh - Huyện Lâm Hà	
118	Thác Sar Đaung	Xã Đa Đòn - Huyện Lâm Hà	
119	Đài Liệt sĩ, trung tâm văn hóa huyện	Thị trấn Đình Văn - Huyện Lâm Hà	
120	Khu du lịch Thác Bobla	Xã Liên Đàm - Huyện Di Linh	
121	Khu du lịch Thác Liliang	Xã Gung Ré - Huyện Di Linh	
122	Thác Khói	Xã Tân Nghĩa - Huyện Di Linh	
123	Thác Phú Xuân	Xã Gia Hiệp - Huyện Di Linh	
124	Hồ Ka La	Xã Bảo Thuận - Huyện Di Linh	
125	Hồ thủy điện Đồng Nai 4	Xã Đình Trang Thượng - Di Linh	
126	Hồ Tây Di Linh	Thị trấn Di Linh - Huyện Di Linh	
127	Thác Tul	Xã Gia Bắc - Huyện Di Linh	
128	Núi Brăk Gàn	Xã Bảo Thuận - Huyện Di Linh	
129	Làng văn hóa, nhà truyền thống dân tộc Tây Nguyên	Xã Gung Ré - Huyện Di Linh	
130	Vườn Quốc gia Cát Tiên (Việt Nam đang đề nghị UNESCO công nhận Di sản thiên nhiên thế giới)	Huyện Cát Tiên - tỉnh Lâm Đồng và một phần thuộc tỉnh Đồng Nai	
131	Khu di chỉ khảo cổ Cát Tiên và di tích CM	Huyện Cát Tiên	Di tích khảo cổ
132	Thác 9 tầng	Xã Đồng Nai Thượng - Cát Tiên	
133	Hồ Đăk Lô, hồ Đa Xị	Xã Tiên Hoàng - Huyện Cát Tiên	
134	Làng dân tộc buôn Go	Thị trấn Đồng Nai - Cát Tiên	
135	Khu du lịch Rừng Madagui	Thị trấn Madagui - Đa Huoai	
136	Hồ cảnh quan trung tâm thị trấn Madagoui	Thị trấn Madagui - Đa Huoai	
137	Thác Lumu, núi Lumu	Xã Đamb'ri - Huyện Đa Huoai	
138	KDL sinh thái nghỉ dưỡng Suối Vàng	Chân đèo Chuối - Huyện Đa Huoai	
139	Suối Lạnh	Xã Đamb'ri - Huyện Đa Huoai	
140	Thác 9 tầng	Thị trấn Madagui - Đa Huoai	
141	Khu lòng chảo đèo Bảo Lộc	Đèo Bảo Lộc - Huyện Đa Huoai	
142	Đồi đá Lưu Bá	Xã Hà Lâm - Huyện Đa Huoai	
143	Thác Kiêng	Xã Phước Lộc - Huyện Đa Huoai	
144	Khu Đá bàn 2	Huyện Đa Huoai	
145	Hồ Đa Li ông	Thị trấn Madagui - Đa Huoai	
146	Hồ Đa Têh	Xã Mỹ Đức - Huyện Đa Têh	Di tích DLTC
147	Hồ Đa Hàm	Xã An Nhơn - Huyện Đa Têh	
148	Thác Triệu Hải	Xã Triệu Hải - Huyện Đa Têh	
149	Thác Đa Kla	Xã Triệu Hải - Huyện Đa Têh	
150	Thác Xuân Đài	Xã Triệu Hải - Huyện Đa Têh	

Nguồn: Sở Du lịch và Thương mại Lâm Đồng

PHỤ LỤC 4**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ DU LỊCH - DỊCH VỤ DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Từ 01/01/2003 - 31/12/2007)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Nhà đầu tư	Vốn (tỷ đồng)	Diện tích (ha)	GHI CHÚ
1	KDL Thác Voi	Huyện Lâm Hà	Cty CP DL Thác Voi Lâm Đồng	105	67,267	
2	KDL sinh thái nghỉ dưỡng thác Đa Sar	Huyện Lạc Dương	Cty TNHH Hoài Nam - Hà Nội	155	150	
3	KDL nghỉ dưỡng Nam Hồ	Phường 11 - Đà Lạt	Cty CP DL Nam Hồ TP Hồ Chí Minh	48	15,31	
4	Khu nghỉ dưỡng, du lịch dịch vụ hồ Lộc Thắng	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	C. ty TNHH A.C.M -TPHCM	1.000	638	
5	Khu công viên kết hợp vui chơi giải trí	Đường Bà Huyện Thanh Quan - Đà Lạt	Cty cổ phần Vốn Thái Thịnh-HCM	840	9,66	
6	Khu điều dưỡng sinh thái Suối Vàng - Đa Huoai	Thị trấn Madagui - Huyện Đa Huoai	Cty TNHH Kim Hiên TP Hồ Chí Minh	152	80,27	
7	Dự án xây dựng khách sạn 4 sao	1 Lê Hồng Phong - Phường 4 - Đà Lạt	Công ty Vương Miện - Lâm Đồng	100	0,55	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
8	KDL nghỉ dưỡng sinh thái rừng	Khoảnh 306, 307, 308 tiểu khu 147 Phường 7 - Đà Lạt	Cty DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất TP Hồ Chí Minh	182	172	
9	Tổ hợp DV TM VP - KS	57, 59 Hùng Vương - Đà Lạt	Cty Xăng dầu Lâm Đồng	105	1,7	Liên doanh với DN Vũng Tàu
10	Khu nghỉ dưỡng và huấn luyện ngựa đua Đa Huoai	Xã Đa Oai - Huyện Đa Huoai	Cty TNHH TM-XD Hồng Lam Madagui Lâm Đồng	198	335,86	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
11	KDL Huyền Thoại	Phường 10 - Đà Lạt	DNTN Tân Thanh Lâm Đồng	4,6	0,82	
12	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đa Thiện	Phía bắc hồ Chiến Thắng - Đà Lạt	Cty CP hỗ trợ Nhân đạo-VH-GD Hà Nội	56,5	6,3	
13	KDL sinh thái mỏ nước khoáng thôn Pre'h	Huyện Đức Trọng	Cty CP Quốc An Lâm Đồng	150	233	
14	KDL sinh thái thác Bảo Đại - Đức Trọng	Tà In - Huyện Đức Trọng	Cty TNHH Phương Vinh-Lâm Đồng	3	119,5	
15	Vườn du lịch sinh vật cảnh	Thị trấn Liên Nghĩa - Huyện Đức Trọng	DNTN Liên Khang Lâm Đồng	3,5	4,6	
16	KDL Mê Cung	TK 156 - Phường 10 - Đà Lạt	DNTN A&M Lâm Đồng	46,5	16	
17	KDL hoa Pense'e	Phường 3 - Đà Lạt	DNTN Lâm Phần Lâm Đồng	23	13,28	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
18	KS 4 sao Sài Gòn - Đà Lạt	KS Duy Tân - Đà Lạt	Cty CP Sài Gòn-Đà Lạt	181	0,8332	Liên doanh Sài Gòn Tourist

19	KDL sinh thái kết hợp nghiên cứu khoa học thác 7 tầng Tà Ngào	Xã Lộc Thành - H. Bảo Lâm & Xã Đa Ploa - H. Đa Huoai	ĐHDL Hồng Bàng TP Hồ Chí Minh	16	238	
20	Khu nghỉ mát Anna Mandara Villas Đà Lạt	Phường 5 - Đà Lạt	Cty CP phát triển DL Tân An-Khánh Hòa	80	6,9372	
21	Khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh - Đà Lạt	Khu biệt thự Nguyễn Du - Phó Đức Chính - Đà Lạt	XN tư doanh Hoàng Anh - Gia Lai	100	45,55	
22	Khu biệt thự du lịch An Viên	Đồi Tân Bình, phường 3, Đà Lạt	Cty TNHH T&D-TP Hồ Chí Minh	16	1,0291	
23	Đầu tư XD trung tâm thương mại	135-137 Phan Đình Phùng - Đà Lạt	Cty Xây lắp I TP Hồ Chí Minh	43,7	1.824 m ²	
24	Đầu tư nhà hàng ăn Trung Hoa	Thanh Thủy - Đà Lạt	Cty CP Cát Tường - Đà Lạt	10		Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
25	Đầu tư trung tâm dịch vụ quốc tế Yersin	Khu vực đồi Tây Đức - Đà Lạt	Cty Sài Gòn COOPMAX TP Hồ Chí Minh	50	1,257	
26	Đầu tư trung tâm thương mại	37 Trần Hưng Đạo	Cty Dệt Phong Phú TP Hồ Chí Minh	113	4.795 m ²	
27	Đầu tư trung tâm thương mại	Phường 2 - TX. Bảo Lộc	Cty Hà Lê Đức Phát TP Hồ Chí Minh	15	1.500 m ²	
28	Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái	Khu vực thủy điện Đa Khai - Lạc Dương	Tổng công ty xây dựng CTGT 4 Nghệ An	30		
29	KDL an dưỡng sinh thái Thiên Thanh - Đà Lạt	Phường 7 - Đà Lạt	Cty Thiên Thanh Lâm Đồng	18	4,9	
30	Đầu tư trung tâm thương mại Phan Chu Trinh	Phường 9 - Đà Lạt	Cty dệt Phong Phú TP Hồ Chí Minh	87,4	0,7977	
31	Khu du lịch Hồ Than Thở	Đà Lạt	Cty TNHH Thủy Dương-Lâm Đồng	30	38	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
32	DL nghỉ dưỡng, môi trường Dalarou	Liên Hiệp - Đức Trọng	DNTN Nguyễn Thành Lợi-Lâm Đồng	200	68	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
33	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Giao hưởng xanh	1/3 Lâm Sinh - Phường 5 - Đà Lạt	Cty Giao Hưởng Xanh-Lâm Đồng	17	1,5448	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
34	Khu du lịch R'chai Hoa Viên	Đồi R'chai - Xã Phú Hội - Đức Trọng	Cty TNHH Hoàn Mỹ TP Hồ Chí Minh	16	16,737	
35	Đầu tư du lịch nghỉ dưỡng	Phường 3 - Đà Lạt	Cty TNHH Trần Biên Đồng Nai	12,7	1,365	
36	Đầu tư SX nông nghiệp, bon sai, khu du lịch	Thôn K' Long - Hiệp An - Đức Trọng	DNTN Trần Lê Gia Trang-Lâm Đồng	25,8	10,21	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
37	Đầu tư hệ thống máng trượt ống tại KDL Datanla - Đà Lạt	Đà Lạt	Cty DL Lâm Đồng	17		
38	Xây dựng khu biệt thự DL Đà Lạt Green	Phường 3 - Đà Lạt	Cty cổ phần Sóng Việt-HCM	19,5	0,5561	
39	Đầu tư xây dựng khu điều dưỡng Phật Giáo	Đường Mimosa - Phường 3 - Đà Lạt	Ban trị sự Tinh hội Phật giáo Lâm Đồng	30	4,0291	

40	Cụm biệt thự đường Mimosa - Đà Lạt	Đà Lạt	Cty KD & PT Nhà Lâm Đồng	20		
41	Khu du lịch sinh thái rừng Đồi (Hồ) Đức Mẹ	TK 147 - Phường 7 - Đà Lạt	Cty TNHH Công Minh TP Hồ Chí Minh	100	35	
42	Khu vui chơi giải trí	TT. Madagui - Đạ Huoai	Cty cổ phần Trúc Phương-HCM	2,4	2,3154	
43	Đầu tư tôn tạo, nâng cấp 13 biệt thự cổ	Trần Hưng Đạo Tp. Đà Lạt	Cty CP CADASA TP Hồ Chí Minh	31	5,95	
44	KDL sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng Suối Bạc	KP 8 - TT ĐạMB'ri - H. Đạ Huoai	Cty CP Trúc Phương TP Hồ Chí Minh	80	100	
45	DL sinh thái và nghỉ dưỡng Tâm Anh	Phường 7, Đà Lạt	Cty Tâm Anh TP Hồ Chí Minh	100	58	
46	DL Sinh thái nghỉ dưỡng Thủy Hoàng Nguyễn	Đạ Sar – Lạc Dương	Cty Thủy Hoàng Nguyễn TP Hồ Chí Minh	114	112	
47	DL nghỉ dưỡng dưới tán rừng	Phường 12, Đà Lạt	DNTN Cát Minh Lâm Đồng	30	20,7	
48	Khu du lịch Thác Hang Cọp	Xuân Thọ - Đà Lạt	Cty CP Ân Việt Lâm Đồng	80	174	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
49	KDL sinh thái biệt thự Hồng Hưng - Đà Lạt	Thôn Định An - Xã Hiệp An - Đức Trọng	DNTN Hồng Hưng Lâm Đồng	199	31.580 m ²	
50	Dự án Văn phòng cho thuê và Dịch vụ thương mại Ngọc Phương	193/1 Phan Đình Phùng - P.2 - Đà Lạt	DNTN Lâm Phần Lâm Đồng	21	610,3 m ²	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
51	KDL sinh thái, nghỉ dưỡng Tam Hà	Đường Mimosa - Phường 10 - Đà Lạt	Cty TNHH Tam Hà Lâm Đồng	48	35	
52	Khu liên hợp du lịch sinh thái-nghỉ dưỡng-sân Golf	TK 144 - Phường 8 - Đà Lạt	Cty Golf Long Thành Đồng Nai	450	580,3	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
53	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và du lịch	Huyện Bảo Lâm	Cty CP DL & TM Than Việt Nam	25		
54	KDL nghỉ dưỡng, làng biệt thự Vườn Hồng	62 Đống Đa - Đà Lạt	Cty CP Minh Trung TP Hồ Chí Minh	115	5,79	
55	Đầu tư Khu biệt thự cao cấp Đại Phúc	Số 12/6 Khởi Nghĩa Bắc Sơn, phường 10, Đà Lạt	DNTN Đại Phúc Lâm Đồng	23,7	5.199 m ²	
56	Khu du lịch nghỉ dưỡng và spa sinh thái Đặng Thân	Đường Đặng Thái Thân - Đà Lạt	Cty TNHH Vĩnh Xuân-Lâm Đồng	18	4,8	
57	Khu biệt thự cao cấp và du lịch sinh thái Cam Ly	Khu Vạn Thành - P5 - Đà Lạt	Cty CP SAVIMEX TP Hồ Chí Minh	263	35	
58	Đầu tư Khu liên hợp Khách sạn-Trung tâm TM	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - P1 - Đà Lạt	Cty CP Du lịch Delta Lâm Đồng	200	3377 m ²	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh và Khánh Hòa
59	Đầu tư xây dựng khách sạn Đà Lạt Plaza	9 Lê Đại Hành P3 - Đà Lạt	Cty CP DV DL Đà Lạt	32	718 m ²	
60	Khu du lịch sinh thái cao cấp	Thôn R'Chai - Xã Phú Hội - Đức Trọng	Cty TNHH Võ Hà Lê TP Hồ Chí Minh	56	22	
61	Khu nghỉ mát Hoàng Triều Đà Lạt	17 Khởi Nghĩa Bắc Sơn - P10 - Đà Lạt	Cty TNHH Khu nghỉ mát biển Hoàng Triều Bình Thuận	12,8	1.890 m ²	

62	KDL sinh thái Cam Ly - Măng Ling	Đà Lạt	Cty Cam Ly- Măng Ling- Lâm Đồng	800	320	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
63	KDL nghỉ dưỡng, khách sạn 5 sao	Đầu đèo Prenn - Đà Lạt	Cty CP ĐĐT & DL Sài Gòn – Lâm Đồng	271	15	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
64	Trung tâm thương mại và dịch vụ B'Lao Xanh	P. Lộc Sơn - Bảo Lộc	Cty Sài Gòn Phát triển TP Hồ Chí Minh	47,5	3,9	
65	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và nuôi trồng thủy sản	KV xung quanh lòng hồ công trình thủy điện Đồng Nai II - Huyện Di Linh	Cty Trung Nam-TP Hồ Chí Minh	30		
66	Khu biệt thự du lịch Bắc Sơn	15, 19, 21 Khởi Nghĩa Bắc Sơn - P10 - Đà Lạt	Cty Gia Phúc Thịnh TP Hồ Chí Minh	33	2	
67	Điểm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Hoa Sơn - Resort	Lô B khoảng 506 - Phường 5 - Đà Lạt	DNTN Vạn Thành Lâm Đồng	25	38,7	
68	Trung tâm thương mại và dịch vụ nhà hàng	Xã Lộc An, huyện Bảo Lâm	Công ty TNHH Tâm Châu-Lâm Đồng	25,7	2,54	
69	Khu du lịch sinh thái rừng	Khu nông nghiệp công nghệ cao huyện Lạc Dương	C. ty cổ phần Đệ Tam-TP Hồ Chí Minh	30	35,67	
70	Khu nghỉ dưỡng cao cấp DESCON - Đà Lạt	Phường 10 - Đà Lạt	Công ty DESCON TP Hồ Chí Minh	183	92	
71	Khu biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái An Tâm - Đà Lạt	Phường 10 - Đà Lạt	Công ty TNHH An Tâm- TP Hồ Chí Minh	192	96	
72	Sản xuất nông lâm kết hợp du lịch dưới tán rừng	Xã Xuân Trường - Đà Lạt	Công ty Minh Phương TP Hồ Chí Minh	40	75	
73	Biệt thự nghỉ dưỡng dành cho người khuyết tật	Phường 10 - Đà Lạt	Ông Nguyễn Quốc Thái-TP Hồ Chí Minh	13	1.827 m ²	
74	Sân golf 36 lỗ, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng cao cấp	Xã Đasar, huyện Lạc Dương	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín- TP Hồ Chí Minh	3.440	300	
75	Khu thể thao, bơi lội, giải trí	Phường 8 - Đà Lạt	DNTN Bình Phương Lâm Đồng	15	15.388 m ²	
76	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Cảnh Viên	Phường 12 - Đà Lạt	Công ty cổ phần Đại Cảnh Viên TP Hồ Chí Minh	100	52,3	
77	Trồng cây ăn trái, hoa, trại hè và du lịch sinh thái dưới tán rừng	Xã Phú Hội - Đức Trọng	Công ty TNHH Bảo Vân-Lâm Đồng	90	120	Liên doanh với Việt kiều Canada
78	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đồi Xanh	Phường 3 - Đà Lạt	DNTN Lê Thùy Đồng Nai	63	31	
79	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí hồ Prenn	Phường 10 - Đà Lạt	Công ty Công ích Quận 8 và 3 doanh nghiệp khác tại TP Hồ Chí Minh	160	74	
80	Khu Công viên văn hóa Đà Lạt	Phường 1&2 - Đà Lạt	Ngân hàng ĐTP Việt Nam và 2 doanh nghiệp khác tại TP Hồ Chí Minh	1.445	20	
81	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trồng hoa	Phường 12 - Đà Lạt	Công ty Triều Phong TP Hồ Chí Minh	71	37	

82	Khu biệt thự nghỉ dưỡng Mimosa	Phường 3 - Đà Lạt	Công ty DANATOL TP Hồ Chí Minh	150	72	
83	Khu du lịch sinh thái Cù Lao Chàm	Xã Lát, huyện Lạc Dương	Công ty Cù Lao Chàm-Quảng Nam	200	150	
84	Khu du lịch Hiệp Lực	Phường 8 - Đà Lạt	DNTN Hiệp Lực Lâm Đồng	32	18,8	
85	Trung tâm Văn hoá Thể thao	Phường 7, TP Đà Lạt	Cty cổ phần Vốn Thái Thịnh-HCM	1.200	85	
86	Khu du lịch sinh thái, kết hợp nghỉ dưỡng, hồ bơi nước nóng Đạ Tông	Xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	Công ty TNHH Tiên Lợi-Lâm Đồng	30	100	
87	Làng du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Tri Việt-Đà Lạt	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP Tri Việt Đà Lạt	188	17	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
88	Khu điều dưỡng-nghỉ dưỡng quốc tế	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH BV Hồng Đức-TP Hồ Chí Minh	130	35,8	
89	Khu Resort, khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 4 sao	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP Lạc Nam Lâm Đồng	119,5	8,8	
90	Khu du lịch phục vụ giáo dục	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty LOBANA	24	8	
91	Khu nghỉ dưỡng - Làng nghệ sỹ Đào Nguyên	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Đào Nguyên-Lâm Đồng	60	11,6	Chủ đầu tư Việt kiều Mỹ
92	Khu du lịch Làng Bình An Village	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Làng Bình An TP Hồ Chí Minh	40	7,6	
93	Khu DL Tín Nghĩa	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Tín Nghĩa Đồng Nai	57,6	5	
94	KDL sinh thái - Nghỉ dưỡng cao cấp Rạch Dừa	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Rạch Dừa TP Hồ Chí Minh	30	5	
95	Dự án " Đồi Hoa "	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Bảo Trang Viên TP Hồ Chí Minh	150	35	
96	Cụm vui chơi giải trí dã ngoại dưới cáp treo	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Đầu tư & Du lịch Sài Gòn Lâm Đồng	700	150	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
97	Khu nghỉ dưỡng, an dưỡng cao cấp quốc tế	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Đất Thủ Đô-TP Hồ Chí Minh	65	15	
98	Khu vui chơi giải trí, sân Golf	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Cấp và VLVT Đồng Nai	2.250	267	
99	Kỳ quan thế giới và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP ĐT & XD CT HACO-Hà Nội	200	57,59	
100	Đầu tư XD Công viên hoa - Kỳ quan thế giới và nghỉ dưỡng sinh thái	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP XHK XD Hà Anh-Hà Nội	200	54,27	
101	Làng du lịch nghỉ dưỡng sinh thái rừng - phim trường ngoại cảnh	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP vận tải D.N.A TP Hồ Chí Minh	100	26,634	
102	Khu nghỉ dưỡng - Hội nghị - Hội thảo Khách sạn	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Công ty TNHH Thủ đô Đất Việt TP Hồ Chí Minh	92	17	
103	Khu nghỉ dưỡng Highland Resort	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Thiên Nhân-TP Hồ Chí Minh	180	30	
104	Khu trung tâm giải trí-DL-HN cao cấp	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Lan Anh TP Hồ Chí Minh	302	70	

105	DL sinh thái K'Lan	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Tiến Lợi Lâm Đồng	104	50,4	
106	Vườn hoa lan kết hợp tham quan Thanh Quang	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Thanh Quang-Lâm Đồng	10	2,8	
107	Khu Thanh Nhựt Resort - Spa	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Thanh Nhựt TP Hồ Chí Minh	50,5	9,5	
108	Khu Resort 5 sao tiêu chuẩn quốc tế	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Mai Co Bình Dương	124	13,41	
109	XD Khách sạn 3 - 4 sao, khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Đầu tư Gia Tuệ-Hà Nội	400	165,5	
110	KD du lịch phục vụ giáo dục và đào tạo	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH APU TP Hồ Chí Minh	100	39,5	
111	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Đà Lạt Star	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP Sao Đà Lạt Lâm Đồng	75	13	Chủ đầu tư TP Hồ Chí Minh
112	Khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty CP Đầu tư Gia Tuệ-Hà Nội	150	55,37	
113	Đầu tư mở rộng điểm du lịch dã ngoại Đá Tiên	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty Phương Nam Lâm Đồng	12	12	
114	Mở rộng điểm du lịch dã ngoại, sinh thái Nam Qua	Khu DL hồ Tuyền Lâm	DNTN Nam Qua Lâm Đồng	5	5	
115	Vườn Tình yêu và Hòa bình	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Công ty An Bình An TP Hồ Chí Minh	35	14,6	
116	Khu văn hoá dân tộc Tây Nguyên	Khu DL hồ Tuyền Lâm	DNTN Trương Nguyên Lâm Đồng	20	5	
	Vườn chim - Vườn thực vật	Khu DL hồ Tuyền Lâm	Cty TNHH Khâm Long	30	240,6	
117	Khu du lịch Thung Lũng Hồng	Đan Kia - Suối Vàng Huyện Lạc Dương	Công ty cấp nước Lâm Đồng	44	175	
118	Vận chuyên lữ hành	Phường 8 - Đà Lạt	Liên doanh Công ty Phương Trang Đà Lạt và Cty Daewoo Hàn Quốc	48		
119	Xây dựng và kinh doanh sân golf	Xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	Liên doanh Công ty Công nghệ TPHCM và các DN Hàn Quốc	280		
120	Khu du lịch hồ thủy điện Đại Ninh	Huyện Đức Trọng	Liên doanh Công ty Vạn Phúc TP Hồ Chí Minh với Hàn Quốc	8.000	5.000	
121	Nâng cấp nhà hàng, khách sạn	Phường 1 - Đà Lạt	Công ty TNHH Holiday Hotel-Pháp	9		
122	Khu nghỉ dưỡng và du lịch dã ngoại Toàn Lộc	Phường 10, Đà Lạt	Cty cổ phần Toàn Lộc-TPHCM	184	91	
123	KDL nghỉ dưỡng Dinh I	Dinh I - Đà Lạt	Cty TNHH AGIM Hàn Quốc	800		
124	KDL và sân golf	Hồ Đa Ròn - Huyện Đơn Dương	Cty Acteam International Corporation Ma Cao-Trung Quốc	290	936,7	
125	Khách sạn nghỉ dưỡng Hợp Minh	Đường Cù Chính Lan - Đà Lạt	Cty TNHH Hợp Minh-TPHCM	9,6		

126	Khu du lịch đô thị mới Tây Hồ	Thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	Công ty cổ phần Bội Lê-L.Đông	300	170	Nhà đầu tư TPHCM
127	Khu du lịch sinh thái thác Đakala	Xã Triệu Hải, huyện Đạ Tẻh	Công ty TNHH Lâm Thành	9,7		
128	Liên doanh dự án Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà	Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà - Lạc Dương	Ông Pierre Morere Pháp	4.800	70.000	
129	Khu biệt thự du lịch Bắc Sơn	Đường Khởi Nghĩa Bắc Sơn-Đà Lạt	Cty TNHH Tí Nị - TPHCM	60,3	3,6	
130	Khu DL sinh thái rừng hồ Đa Nhim	Hồ thủy điện Đơn Dương	Cty cổ phần Hương Sen TP Hồ Chí Minh	4.800	3.000	Hợp tác với nước ngoài
131	Khu biệt thự du lịch nghỉ dưỡng Đà Lạt Paradise	Phường 3 - Đà Lạt	Cty Thái Bình Dương TP Hồ Chí Minh	200	80	Hợp tác với nước ngoài
132	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ cao cấp	Phường 3 - Đà Lạt	Cty Phương Nam Việt TP Hồ Chí Minh	80	42	Hợp tác với nước ngoài
133	Bệnh viện Hoàn Mỹ	Phường 10 - Đà Lạt	Cty cổ phần BVĐK Hoàn Mỹ	156,4		Chủ đầu tư TPHCM
134	Du lịch sinh thái và trồng cây thảo dược	Phường 12 - Đà Lạt	Cty TNHH Trà Ngọc Duy-L.Đông	84		
135	Khu du lịch sinh thái và nuôi cá nước lạnh	Xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương	Cty 7/5 Lâm Đồng	48		
136	Du lịch sinh thái	Xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương	Cty cổ phần Viễn thông Đà Lạt	40		
137	Du lịch sinh thái, trồng hoa xuất khẩu	Xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương	Cty Võ Hà Lê - TPHCM	50	360	
138	Khu biệt thự du lịch cao cấp	Nguyễn Tử Lực, phường 8, Đà Lạt	DNTN Cựu Kim Sơn-TPHCM	18		
139	Khu du lịch rừng Madaguôi	Xã Phước Lộc, huyện Đạ Huoai	Cty CP Du lịch Sài Gòn-Madaguôi	100		Chủ đầu tư TPHCM
140	Du lịch sinh thái Bạch Cúc	Xã Lát, huyện Lạc Dương	Cty Rừng Hoa Bạch Cúc-L.Đông	10,5		
141	Khu dịch vụ đường cao tốc	Xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	Cty 7/5 Bộ Quốc Phòng	100		
142	Khu du lịch văn hoá nghệ thuật	Khởi Nghĩa Bắc Sơn Đà Lạt	Cty cổ phần Vila Mỹ Thuật	11		
143	Khu du lịch nghỉ dưỡng Thanh Hạnh	Phường 12, Đà Lạt	Cty TNHH Thanh Hạnh	72		
144	Du lịch nghỉ dưỡng Núi Hoa	Phường 10, Đà Lạt	Cty TNHH Núi Hoa	21		
145	Khu du lịch nghỉ dưỡng Vương Miện	Phường 3, Đà Lạt	Cty TNHH Nhơn Thành-Đ.Nai	193,7		Chủ đầu tư TPHCM
146	Siêu thị kinh doanh tổng hợp	Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng	Cty TNHH Bình Dương	20		
147	Khu du lịch nghỉ dưỡng rừng, trồng cây đặc sản	Xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương	Cty cổ phần ĐTL	212		
148	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái Chia Khoá Vàng	Xã Đạ Nhim, Đạ Sar, huyện Lạc Dương	Cty TNHH Chia Khoá Vàng	720		
149	Khu du lịch nghỉ dưỡng đồi Thống Nhất	Phường 8, Đà Lạt	Cty cổ phần Địa ốc Dũng Anh	800	100	

150	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái Vĩnh Tiên	Phường 5, Đà Lạt	Cty TNHH Vĩnh Tiên-Lâm Đồng	220	135	
151	Trung tâm phúc lợi xã hội, văn hoá tâm linh	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	Cty cổ phần Liên Hoa	54	100	
	Tổng cộng			43.856,1		

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng

PHỤ LỤC 5
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH LÂM ĐỒNG

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	% BQ
1	Giá trị sản xuất (Giá SS 94)	Tr. đồng	7.359.533	8.00.775	6.968.492	8.785.852	10.333.815	12.177.568	14.297.162	16.162.999	11,89
2	Tổng sản phẩm (Giá SS 94)	Tr. đồng	3.560.488	3.912.989	3.477.453	4.317.854	5.025.545	6.069.626	7.172.444	8.189.421	12,64
3	Tổng sản phẩm (Giá TT)	Tr. đồng	2.931.568	3.127.119	3.672.695	4.362.302	5.527.055	7.362.145	9.330.682	11.644.166	21,78
4	Cơ cấu kinh tế (Giá TT)	%	100	100	100	100	100	100	100	100	
	- Nông-Lâm-Thủy sản	%	46,69	44,64	47,83	49,45	50,92	49,75	50,18	49,9	
	- Công nghiệp-Xây dựng	%	20,48	20,90	18,55	17,47	17,03	19,49	19,48	19,4	
	- Dịch vụ	%	32,83	34,46	33,62	33,08	32,05	30,76	30,35	30,7	
5	Thu NSNN trên địa bàn	Tr. đồng	405.906	415.177	503.750	644.586	941.795	1.167.346	1.453.470	1.849.148	24,18
6	Chi ngân sách địa phương	Tr. đồng	725.156	890.761	1.051.578	1.295.559	1.614.508	2.295.646	2.988.130	3.336.540	24,36
7	Dân số trung bình	Người	1.035.719	1.068.304	1.095.010	1.120.090	1.138.650	1.160.996	1.183.802	1.207.087	2,21
8	Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người		515.661	537.259	560.585	585.107	609.663	633.263		
9	Cơ sở kinh doanh Khách sạn-Nhà hàng-DL Lữ hành	Cơ sở	3.370	3.537	3.743	4.204	4.532	4.841	5.633		
10	Doanh thu KS-NH-DLLH	Tr. đồng	391.321	312.800	449.529	478.425	608.795	561.396	699.870	948.527	13,48
11	Tổng sản phẩm khách sạn - nhà hàng (Giá thực tế)	Tr. đồng	109.034	126.560	114.439	171.141	213.385	240.484	297.509	417.352	21,14

Nguồn: Cục Thống kê Lâm Đồng

PHỤ LỤC 6

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 1990 - 2005 TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐVT: DT ha, tỷ lệ %

Hạng mục	Các năm				So sánh		
	1990	1995	2000	2005	95/90	2000/95	05/2000
Tổng DT tự nhiên	1017.260	976.478	976.478	976.478	-40.782		
I. Đất nông nghiệp	81.818	184.190	240.903	277.504	102.372	56.713	36.601
Tỷ lệ so với DTTN	8,04	18,90	24,67	28,42			
Trong đó:							
- Cây hàng năm	42.665	72.479	63.432	76.434	29.814	-9.047	13.092
- Cây lâu năm	37.906	107.050	175.947	201.070	69.144	68.897	25.123
II. Đất LN có rừng	579.359	554.960	617.815	607.280	-27.399	65.855	-10.535
Tỷ lệ so với DTTN	56,95	56,63	63,27	62,19			
1. Rừng tự nhiên	568.059	536.447	587.297	557.857	-31.612	50.850	-29.440
2. Rừng trồng	11.300	15.513	30.516	49.423	4.213	15.003	18.907
III. Đất chuyên dùng	9.052	14.520	21.171	15.381	5.468	6.651	-5.790
Tỷ lệ so với DTTN	0,89	1,49	2,17	1,57			
IV. Đất ở	6.576	6.789	6.336	6.832	213	-453	496
Tỷ lệ so với DTTN	0,65	0,70	0,65	0,7			
V. Đất chưa SD	340.455	216.019	90.254	34.808	-124.436	-125.766	-55.446
Tỷ lệ so với DTTN	33,47	22,28	9,24	3,56			

Nguồn: Kết quả kiểm kê đất đai năm 2005 tỉnh Lâm Đồng

PHỤ LỤC 7

TỔNG HỢP CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm						
			2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
1	Nhiệt độ trung bình								
	- Trạm Đà Lạt	^o C	17,9	17,9	18,1	18,0	17,8	18,0	18,3
	- Trạm Liên Khương	^o C	21,2	21,2	21,2	21,2	21,2	21,5	21,7
	- Trạm Bảo Lộc	^o C	21,5	21,5	22,2	22,0	21,9	22,1	22,2
2	Lượng mưa trung bình								
	- Trạm Đà Lạt	mm	2.356	1.412	1.803	1.619	1.654	1.817	1.710
	- Trạm Liên Khương	mm	1.942	1.571	1.155	1.696	1.327	1.638	1.679
	- Trạm Bảo Lộc	mm	5.190	3.259	3.143	3.730	3.218	2.899	3.317

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Lâm Đồng

PHỤ LỤC 8

TRỮ LƯỢNG RỪNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Hạng mục	Đơn vị	Các năm			So sánh	
		1992	1999	2005	99/92	05/99
I. Diện tích rừng	Ha	574.476	618.534	607.280	44.058	-11.254
1. Rừng tự nhiên	Ha	568.059	591.208	557.857	23.149	-33.351
1.1 Rừng gỗ	Ha	394.158	355.357	344.020	-38.801	-11.337
1.2 Rừng tre nứa	Ha	94.758	80.446	66.544	-14.312	-13.902
1.3 Rừng hỗn giao (lá kim - lá rộng)	Ha	38.793	37.601	37.602	-1.192	1
1.4 Rừng hỗn giao (gỗ - tre - nứa)	Ha	40.350	117.804	109.691	77.454	-8.113
2. Rừng trồng	Ha	6.417	27.326	49.423	20.909	22.097
II. Trữ lượng						
1. Tổng trữ lượng gỗ	1000m ³	50.432	61.112	62.063	10.680	951
2. Tổng trữ lượng tre, nứa	1000cây	544.412	663.568	606.065	119.147	-57.503
3. Trữ lượng rừng gỗ	m ³ /ha	111,30	138,16	142,14	26,86	3,98
4. Trữ lượng rừng tre, nứa	Cây/ha	5.745,38	4.152,86	4.362	-1.592,5	209,14
5. Trữ lượng rừng hỗn giao						
- Gỗ	m ³ /ha	55,66	46,92	37,3	-8,74	-9,62
- Tre nứa	Cây/ha	3348,03	2.796,43	2.879	-551,59	82,57
6. Trữ lượng TB rừng toàn tỉnh						
- Gỗ	m ³ /ha	87,79	98,80	122,64	11,01	23,84
- Tre nứa	Cây/ha	947,68	1.072,81	1.123	125,12	50,19

Nguồn: Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2006-2010

PHỤ LỤC 9

CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN DU LỊCH

Theo Luật Du lịch số 44/2005/QH11, năm 2005 thì một số khái niệm về du lịch được thể hiện như sau:

1. Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến. Khách du lịch gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế.

- Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch.

2. Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch. Tài nguyên du lịch gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đang được khai thác và chưa được khai thác.

- Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

- Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch có thể thuộc sở hữu nhà nước hoặc sở hữu của tổ chức, cá nhân.

3. Đô thị du lịch là đô thị có lợi thế phát triển du lịch và du lịch có vai trò quan trọng trong hoạt động của đô thị. Đô thị du lịch có đủ các điều kiện: có tài nguyên

du lịch hấp dẫn trong ranh giới đô thị hoặc trong ranh giới đô thị và khu vực liền kề; có cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch; có cơ cấu lao động phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch; ngành du lịch có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế, đạt tỷ lệ thu nhập từ du lịch trên tổng thu nhập của các ngành dịch vụ theo quy định của Chính phủ.

4. Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên du lịch tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

- Khu du lịch quốc gia là khu du lịch có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút lượng khách du lịch cao; có diện tích tối thiểu một nghìn héc ta, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ du lịch phù hợp với cảnh quan, môi trường của khu du lịch; trường hợp đặc biệt mà diện tích nhỏ hơn thì cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương trình thủ tướng chính phủ xem xét, quyết định; có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch đồng bộ, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một triệu lượt khách du lịch một năm, trong đó có cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của khu du lịch.

- Khu du lịch địa phương là khu du lịch có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng thu hút khách du lịch; có diện tích tối thiểu hai trăm héc ta, trong đó có diện tích cần thiết để xây dựng các công trình, cơ sở dịch vụ du lịch; có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch cần thiết phù hợp với đặc điểm của địa phương, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách du lịch một năm.

5. Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch.

- Điểm du lịch quốc gia là điểm du lịch có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn đối với nhu cầu tham quan của khách du lịch; có kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch cần thiết, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất một trăm nghìn lượt khách tham quan một năm.

- Điểm du lịch địa phương là điểm du lịch có tài nguyên du lịch hấp dẫn đối với nhu cầu tham quan của khách du lịch; có kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch cần thiết, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất mười nghìn lượt khách tham quan một năm.

6. Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

- Tuyến du lịch quốc gia là tuyến du lịch có đủ các điều kiện về nối các khu du lịch, điểm du lịch, trong đó có khu du lịch, điểm du lịch quốc gia, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, kết nối với các cửa khẩu quốc tế; và có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

- Tuyến du lịch địa phương là tuyến du lịch là tuyến du lịch có đủ các điều kiện về nối các khu du lịch, điểm du lịch trong phạm vi địa phương; và có biện pháp bảo vệ cảnh quan, môi trường và cơ sở dịch vụ phục vụ khách du lịch dọc theo tuyến.

7. Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch.

8. Kinh doanh du lịch là kinh doanh dịch vụ, bao gồm các ngành, nghề: Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh lưu trú du lịch; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch; Kinh doanh dịch vụ du lịch khác.

- Kinh doanh lữ hành là việc xây dựng, bán và tổ chức thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình du lịch cho khách du lịch. Lữ hành bao gồm lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế.

- Cơ sở lưu trú du lịch là cơ sở cho thuê buồng, giường và cung cấp các dịch vụ khác phục vụ khách lưu trú, trong đó khách sạn là cơ sở lưu trú du lịch chủ yếu. Cơ sở lưu trú du lịch bao gồm: Khách sạn; Làng du lịch; Biệt thự du lịch; Căn hộ du lịch; Bãi cắm trại du lịch; Nhà nghỉ du lịch; Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê; Các cơ sở lưu trú du lịch khác.

- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch là việc cung cấp dịch vụ vận chuyển cho khách du lịch theo tuyến du lịch, theo chương trình du lịch và tại các khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch.

- Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch bao gồm đầu tư bảo tồn, nâng cấp tài nguyên du lịch đã có; đưa các tài nguyên du lịch tiềm năng vào khai thác; phát triển khu du lịch, điểm du lịch mới; kinh doanh xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch.

- Dịch vụ du lịch là việc cung cấp các dịch vụ về lữ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và những dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

9. Chương trình du lịch là lịch trình, các dịch vụ và giá bán chương trình được định trước cho chuyến đi của khách du lịch từ nơi xuất phát đến điểm kết thúc chuyến đi.

10. Xúc tiến du lịch là hoạt động tuyên truyền, quảng bá, vận động nhằm tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội phát triển du lịch. Nội dung chủ yếu của hoạt động xúc tiến du lịch chủ yếu:

- Tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi về đất nước, con người Việt Nam, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, di tích cách mạng, di sản văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người, bản sắc văn hoá dân tộc cho nhân dân trong nước và cộng đồng quốc tế.

- Nâng cao nhận thức xã hội về du lịch, tạo môi trường du lịch văn minh, lành mạnh, an toàn, phát huy truyền thống mến khách của dân tộc.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển các đô thị du lịch, khu du lịch, điểm du lịch đa dạng, độc đáo, có chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc trong cả nước, từng vùng và từng địa phương; phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch.

- Nghiên cứu thị trường du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp với thị hiếu khách du lịch; tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm du lịch.